VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

XUÂN GIÁP TUẤT

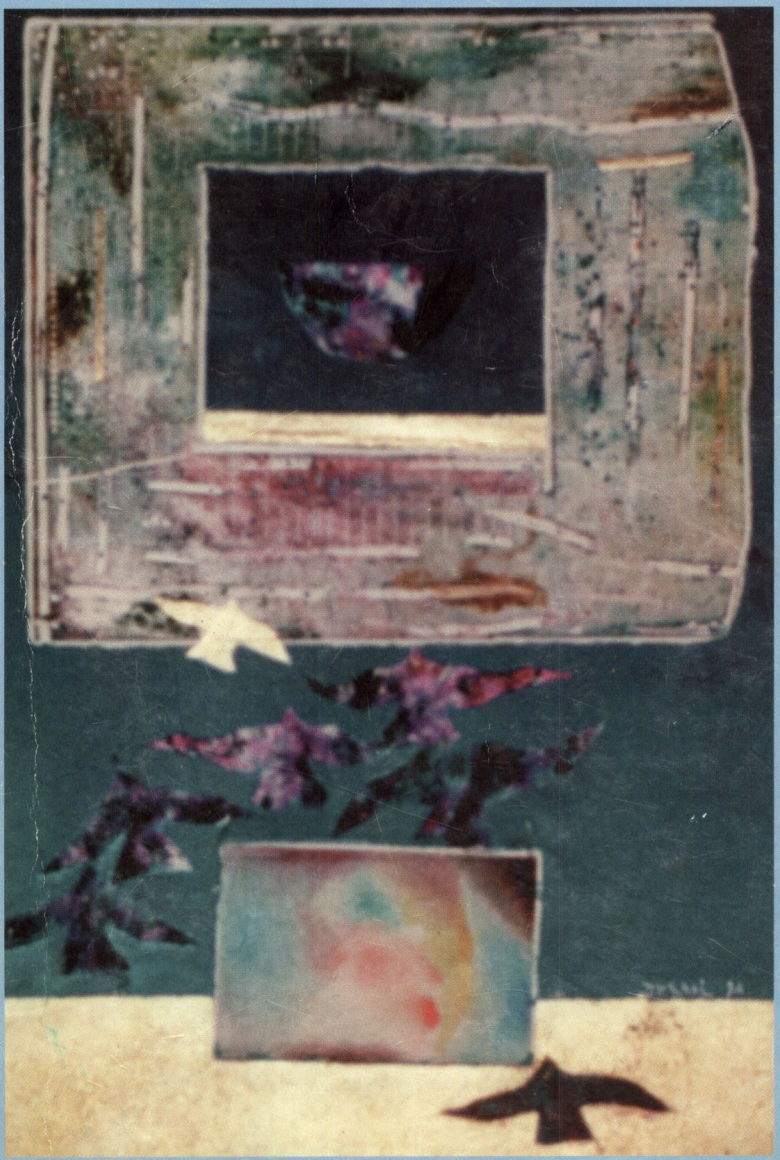

SỐ 93 & 94 THÁNG GIÊNG & THÁNG 2, 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Tạp chí Văn Học, những nhà văn, nhà thơ đóng góp bài vở và họa sĩ trình bày bìa số Xuân Giáp Tuất 1994 xin chân thành chúc mừng quý độc giả, thân hữu và thân chủ quảng cáo một năm mới an lành và tốt đẹp

- TẠ QUỐC TUẤN - VÕ PHIẾN - TRẦN HỮU THỤC - NGUYÊN SA - ĐỊNH NGUYÊN - TRẦN MỘNG TÚ - PHAN NI TẤN (N.D.) - LUÂN HOÁN - HOÀNG LIÊN - CAO XUÂN HUY - NGUYỄN CHÍ KHAM - TRIỆU CHÂU - NGUYÊN SƠN - THÁI TUẤN - KHẾ IÊM - CAO XUÂN TỨ - BÙI BÍCH HÀ - QUỲNH GIAO - LÊ THỊ HUỆ - ĐINH PHỤNG TIẾN - DUY LAM - TRẦN DOÃN NHO - THƯỜNG QUÁN - PHẠM CHI LAN - CHÂN PHƯƠNG - HỒ PHỔ LẠI - HOÀNG XUÂN SƠN - NGỰ THUYẾT - NGUYỄN NGUYÊN PHƯƠNG - SONG THAO - TRẦN HỒNG CHÂU - NGUYỄN MINH ĐỨC - TRÚC CHI - HUỲNH LIỄU NGẠN - TRƯƠNG ANH THỤY - MAI KIM NGỌC -

Tạ Quốc Tuấn	xuân xa nhà... thi ca việt nam	3
Võ Phiến	*bé bổ địch*	15
Trần Hữu Thục	xuân tình trong đường thi	16
Nguyên Sa	*mùa xuân*	26
Định Nguyên	*vong quốc hành*	27
Trần Mộng Tú	thư viết đêm giao thừa	29
Phan Ni Tấn (N.D.)	*para elisa*	34
Luân Hoán	*mời em lên ngựa*	36
Hoàng Liên	một ngày cuối năm	37
Cao Xuân Huy	vải bao cát	45
Nguyễn Chí Kham	*trắc ẩn*	50
Triệu Châu	hoa vì ta nở	51
Nguyên Sơn	*mùa xuân nối dài sợi gọi*	66
Thái Tuấn	một nhà sưu tập tranh	67
Khế Iêm	cái gốc của thơ	70
Cao Xuân Tứ	*xuân*	72
Bùi Bích Hà	những cái thùng giấy	73
Khế Iêm	*chốn khác*	77
Quỳnh Giao	baccara	78
Lê Thị Huệ	*những viên kẹo,...*	87
Đinh Phụng Tiến	chuyến tầu quê hương	88
Duy Lam	*ai về?*	104
Trần Doãn Nho	cái giá của mùa xuân	107
Nguyễn Chí Kham	ga lữ thứ	122
Thường Quán	*mùa xuân*	136
Phạm Chi Lan	*tiếng động lá*	137
Chân Phương	*sinh nhật của tôi và gió*	138
Hồ Phổ Lại	bóng ngả, đêm về	140
Hoàng Xuân Sơn	*cơ chi mùa đông - đường dừng*	*156*
Ngự Thuyết	chợ	158
Nguyễn Nguyên Phương	*kỷ niệm*	171
Song Thao	đong đưa cuộc tình	172
Trần Hồng Châu	*florida*	186
Nguyễn Minh Đức	đi đêm	188
Trúc Chi	*phú xuân thành hoài cảm*	196
Huỳnh Liễu Ngạn	*phải chi em là mộng*	199
Trương Anh Thụy	bên trong thơ du tử lê	201
Mai Kim Ngọc	chị em	205
Nguyên Khai	tranh bìa	

TẠ QUỐC TUẤN

xuân xa nhà với người tha hương trong thi ca việt nam

Mỗi độ Xuân về người người nao nức mừng đón Xuân vì hy vọng là năm mới sẽ đem lại cho họ những đổi thay khiến cho cuộc đời sẽ khá hơn, đáng sống hơn. Đối với họ, mùa Xuân thật đáng yêu, thật vui vẻ, thật tươi đẹp. Tuy nhiên, cũng có một số người nghĩ rằng mùa Xuân chỉ đem lại cho họ nhiều đau thương, nhiều buồn tủi, nhiều nhớ nhung. Họ là những người

Trời nước mênh mông sầu viễn xứ,
Lòng nghe chua xót mộng trùng dương...
Đêm nay Xuân đến ngoài khơi thẳm,
Sông nước thêm ngùi kiếp gió sương.
Hà liên tử Nguyễn Ngọc Biên (Xuân trên sóng nước)

Đó là những người vì một hoàn cảnh, một tình thế nào đó đã phải xa nhà, lìa quê hương, như cánh nhạn lạc đàn, nổi trôi một đời phù vân, sống tá túc nơi đất khách quê người, dù chỉ là trong một thời gian ngắn ngủi hay trong một kiếp vô định.

Ba mươi năm giấc mộng vàng,
Nhạn chưa một phút lìa đàn xa nơi.
Bây giờ một kiếp nổi trôi,
Thôi thì thôi cũng một đời phù vân.
Linh Linh Ngọc (Gửi về cha mẹ)

Họ là những người mà Thanh Chu Tiểu muội gọi là "Do Thái da vàng" (Nắng Xuân buồn). Đối với họ, Xuân ly hương là Xuân đau buồn, Xuân nhớ thương, không có gì là vui cả.

Xuân đến đem vui khắp mọi người,
Riêng ta đâu thấy cảnh Xuân tươi.
Ly hương xác tàn, hồn đâu sống,
Chan hòa lệ nhớ sầu đầy vơi.
Hiền Chi (Xuân ly hương)

Sống ở quê người không phải là không có Xuân, không có Tết. Nhất là từ năm 1975 trở đi, số người Việt Nam ra sống ở ngoại quốc có tới hàng triệu, việc đón Xuân mừng Tết được tổ chức hàng năm

theo truyền thống ở bất cứ nơi nào có đông người Việt. Tuy nhiên, việc đón mừng Xuân ở ngoại quốc vẫn chẳng ra thế nào, dù được tổ chức hết sức linh đình, bởi vì mỗi lần Xuân về họ lại thấy thiếu đi những người thân yêu, những ngôi nhà ấm cúng, những cảnh tượng quen thuộc, những vẻ đẹp của quê hương xứ sở mà họ không thể tìm thấy được ở những nơi khác.

Tha hương Tết nhất thấy lạnh lùng!
Nhớ nhà, nhớ nước mối tình chung.
Ai vui sum họp, ta xa cách!
Tết đến thêm buồn, hận nấu nung.
Nguyễn Đình Hải (Tết tha hương)

Vì thế mà ngay cả đến những người đã tu luyện đến mức không còn luyến tiếc hay say mê sự đời trần thế, đã gạt bỏ mọi tục lụy, nhưng khi Xuân tới họ cũng không thoát khỏi cảnh

Nước mắt ly hương đã ngập tràn,
Âu lo, thương nhớ, quyện tim gan.
T.T. Thích Tâm Châu

nói chi là những con người phàm tục khác, làm sao có thể kìm hãm cảm xúc của mình mỗi độ Xuân về

Xuân đến chợt muốn khóc,
Quê người càng bơ vơ.
Thêm một lần lỗi hẹn,
Nhìn xuân đi thẫn thờ.
Hồ Mộng Thiệp (Và Xuân lại đến)

*

Xuân về gợi trong lòng người tha hương một nỗi nhớ nhà mạnh mẽ không cách nào dẹp được.

Trên không nửa mảnh trăng cài,
Rừng xa sương đã phủ dài bóng cây.
Đêm thanh chim lạc gọi bầy,
Cuối năm lòng lại khôn khuây nỗi nhà.
Cao Tiêu (Đêm thanh)

Họ bị một biên giới nghiệt ngã ngăn cách

Biên giới trời ơi sao nghiệt ngã
Hồ Dinh (Xem em như đã chết lâu rồi)

trong khi

Mênh mông cố quốc xa vời,

Càng trông càng bặt, càng vời càng xa.
Linh Linh Ngọc (Gửi về cha mẹ)

Người tha hương không sao không nhớ tới những người thân yêu, ruột thịt, còn ở lại quê nhà mà có thể họ sẽ không bao giờ còn gặp lại được nữa, hoặc nếu có thì cũng chẳng biết khi nào.

Những người được thương nhớ đầu tiên là cha mẹ

Quặn đau lòng nhạn xót xa,
Thương cha, nhớ mẹ, nỗi nhà ngổn ngang.
Linh Linh Ngọc (Gửi về cha mẹ)

Chỉ một hình ảnh cỏn con, đơn sơ, cũng đủ làm cho người tha hương nhớ đến cha mẹ ngay.

Nhìn dưa hấu xứ người con chợt nhớ,
Tết năm xưa làm lễ rước ông bà.
Trước bàn thờ mẹ lâm râm khấn vái,
Cầu tổ tiên phù hộ cho quê ta.
Hải Bằng Nguyễn Hải Thọ (Tết không về)

Hình ảnh nào đẹp trong những ngày Xuân làm cho người tha hương nhớ tới nhiều cho bằng cảnh

Mẹ ngồi bên bếp lửa,
Tóc bạc, bánh chưng xanh.
Cha ngồi bên hương án,
Mai nở vàng trên cành.
Trần Mộng Tú (Xuân)

Thế mà vì hoàn cảnh éo le, người con đã bắt buộc phải lìa cha rời mẹ, một mình sống lang thang nơi đồng đất nước người, để mỗi khi Xuân về thì cha mẹ ở lại

Đón tết năm nay chắc hẳn là,
Thiếu ta tất cả chừng vô nghĩa,
Thương đứa con khờ Mẹ xót xa.
Cha ngồi độc ẩm chén trà tươi,
Héo hắt chờ con biếng tiếng cười.
Gật gù với bóng hằn bên vách,
Chập chờn như thể dáng ma trơi.
Phi Điểu (Chào xuân)

Họ nhớ thương cha mẹ nhất là khi các đấng tuổi đã cao, cần có sự hiện diện bên cạnh của người con, nếu không để có người nương tựa thì cũng để sưởi ấm được tấm lòng. Thế mà đứa con lại đi đi mãi

vào chốn xa xăm mù tắp, không biết lúc nào hay có bao giờ trở lại, hay không khéo lại phải chết trong cô quạnh, không được nhìn lại đứa con vào giây phút cuối cùng của cuộc đời.

Thương mẹ cha tuổi hạc,
Cố sống chờ tin con.
Hay vì Xuân không đến,
Đã chết trong héo hon.
Trần Mộng Tú (Xuân)

Mẹ là người cưu mang nuôi nấng đứa con tha hương khi nó còn nhỏ, dã cho nó một đời sống và cả một linh hồn. Mẹ là người khi đứa con xa nhà thì lo âu. Mẹ chỉ mong sao cho đứa con được mạnh chân khỏe tay, được làm ăn khá giả, được sống an toàn nơi xứ lạ, và nhất là mong con không bao giờ quên nhà, quên họ. Nếu đứa con sống ở ngoại quốc thì mẹ mong con không bao giờ quên nước, quên quê hương xứ sở, quên nguồn gốc của mình. Linh hồn mẹ như luôn luôn theo dõi đứa con, nhất là mỗi khi Xuân về, dịp mọi người dù buôn Nam bán Bắc, dù ở chốn rừng sâu hay ngoài biển cả, cũng kéo về đoàn tụ với gia đình. Thế nhưng người mẹ có đứa con lưu lạc bên kia biên giới nhớ lời con hứa rán chờ con về, nhưng ngày tháng trôi qua chỉ thấy người con biền biệt mà thôi. Thật là:

Tội cho mẹ đời già nua thất thểu,
Thôn xóm buồn, hiu quạnh sống bơ vơ.
Nhớ lời con, nên Xuân đến lại chờ,
Nay đã bốn lần Xuân thêm tan vỡ.
Hạ Uy Di (Thơ Xuân viết gửi vợ hiền)

Nhất là khi người mẹ đã mất đi tất cả, mất chồng, mất con, nay chỉ còn lại người con út nhưng nó lại ở xa

Tội nghiệp Mẹ già đời quạnh quẽ,
Đói nghèo năm tháng sống bơ vơ.
Hai con đã chết nơi tù ngục,
Thằng Út hắt hiu kiếp ở nhờ.
Hồ Dinh (Xem em như đã chết lâu rồi)

Vì thế khi Xuân về, đứa con xa nhà lòng bao giờ cũng hướng về mẹ trước nhất. Vốn biết rằng mỗi mùa Xuân tới mẹ mình sẽ lại già thêm một tuổi, lại tiến thêm một bước nữa trên đường về xum họp với tổ tiên, nên người con tha hương, dù bao nhiêu tuổi rồi cũng vậy, tự nhiên đâm ra thắc mắc

Lòng mẹ nồng thơm mùi lúa mới,
Đón mùa Xuân đẹp ý quê hương.
Đón mùa Xuân đẹp tình nhân loại,
Hay đã sầu dâng sóng đại dương?

Mắt mẹ còn xanh vùng biển cả,
Cho mùa Xuân rạng rỡ trăng sao,
Cho mùa Xuân ngọt lời chim hát,
Hay đã mù sương lệ nghẹn ngào?

Tóc mẹ còn nguyên giòng suối biếc,
Ngợp mùa Xuân nắng thấm reo vui,
Ngợp mùa Xuân bướm mầu khiêu vũ,
Hay đã là mây trắng ngậm ngùi?
Minh Viên (Thơ Xuân gửi mẹ)

vì biết rằng

Mẹ tôi xa, mòn mỏi đời năm tháng
Vũ Mai Vinh (Thêm một lần Xuân viễn xứ)

Người con tha hương vẫn nhớ lời mẹ dặn phải nhớ về thăm nhà khi Tết đến

Con nhớ mãi lời mẹ thường căn dặn
Dẫu đi xa khi Tết nhớ về nhà.
Hải Bằng Nguyễn Hải Thọ (Tết không về)

và đã hứa là sẽ giữ lời căn dặn ấy, nhưng không bao giờ thực hiện được

Ngày đi Em hứa về thăm Mẹ,
Nay đã bao Xuân vẫn xứ người.
Hồ Dinh (Xem em như đã chết lâu rồi)

Người con ly hương không thể thực hiện ý đó được là vì muôn vàn cách trở hay vì nhiều lý do khác

Con không về mẹ ơi vì cách trở,
Vì đôi bờ giới tuyến vẫn trùng khơi,
Vì quê hương còn tang tóc ngập trời,
Vui sao được nên con đành bất hiếu.
Hạ Uy Di (Thơ Xuân viết gửi vợ hiền)

dù biết như vậy là

Bỏ mẹ già mãi mãi đơn côi.
Hồ Dinh (Xem em như đã chết lâu rồi)

Mỗi Tết đến chắc mẹ tôi buồn lắm,
Mải ngóng trông mà chẳng thấy con dâu.
Hải Bằng Nguyễn Hải Thọ (Tết không về)

Do đó người con tha hương chỉ còn biết tiếp tục hứa, hứa mãi.

Năm rồi lại hứa thêm năm tới.
... ...
Chỉ tội Mẹ già mòn mỏi đợi,
Con về, nhưng biết đến xuân nào?
Hồ Dinh (Xem em như đã chết lâu rồi)

Xa nhà, xa cha mẹ, người con ly hương rất đau buồn mỗi lúc Xuân sang.

Bây giờ những nước cùng mây,
Những sông cùng núi bao vây chập chùng.
Dõi nhìn bằng lệ rưng rưng,
Càng nhìn càng thấy muôn trùng mà thôi.
Đau lòng, con khóc tả tơi,
Ai xua chim én khỏi trời mùa Xuân.
Linh Linh Ngọc (Gửi về cha mẹ)

Họ cảm thấy đã đánh mất tất cả những hoa bướm, những mộng mơ của một cuộc đời bên gia đình đầm ấm

Mùa đông rét mướt hồn con trẻ,
Thôi hết rồi hoa bướm, mộng mơ.
Minh Viên (Thơ Xuân gửi mẹ)

để chỉ còn thấy họ như là

Con như cánh nhạn lạc đàn,
Kêu sương mỏi cánh, tuôn hàng lệ rơi.
Linh Linh Ngọc (Gửi về cha mẹ)

hay chỉ là

Con vẫn là thuyền hoang lạc bến,
Chim mùa Xuân vỗ cánh bay xa.
Bướm mùa Xuân hững hờ không đến,
Và gió mùa Xuân lạnh buốt da.
Minh Viên (Thơ Xuân gửi mẹ)

sống đời lang thang vô định, một cuộc đời héo tàn vì thiếu tình thương của mẹ cha

Thiếu mẹ, đời con như lá úa,
Minh Viên (Thơ Xuân gửi mẹ)

không còn thấy chi hứng thú ở đời.

Con vẫn âm thầm thương nhớ mẹ,
Hồn thơ không soi nắng thêu hoa.
Hồn thơ đã ngập tràn băng tuyết,
Và mất mùa đông lắm gió mưa.
Minh Viên (Thơ Xuân gửi mẹ)

Họ không còn biết chi đến thời gian qua lại nữa, đến nỗi mùa Xuân đến mà vẫn chẳng hay

Xuân về, con ngỡ Xuân chưa sang.
Xuân về, Xuân của riêng thiên hạ,
Con mất Xuân rồi, đâu biết Xuân!
Minh Viên (Thơ Xuân gửi mẹ)

vì lẽ cuộc sống nhờ nơi đất khách quê người có chi mà mừng vui để đón Xuân sang.

Bây giờ không còn nữa,
Ta thân cát bụi lầm.
Buồn, vui đời tầm gửi,
Còn mơ gì đến Xuân.
Trần Mộng Tú (Xuân)

Vì thế phần lớn người con ly hương chỉ còn cách cầu Trời khấn Phật cho có ngày được gặp lại mẹ cha để có thể phụng dưỡng đền ơn đáp nghĩa.

Hôm nay là buổi đầu Xuân,
Chứa chan tin nhạn muôn phần nhớ thương,
Thắp nhang khấn vọng Nam phương,
Lạy đầu, xin gửi quê hương diêu tàn.
Lạy sau, nước mắt hai hàng,
Cúi xin Tiên tổ thương đàn cháu con.
Cho ngày núi lại về non,
Cho chim về tổ, cho con về nhà.
Cho con thấy lại mẹ già,
Tóc sương điểm trắng phôi pha tuổi đời,
Cho con thấy lại nụ cười,
Bên ly rượu đắng của người cha yêu.
Để con sớm sớm, chiều chiều,
Đáp đền nghĩa nặng ơn siêu cao dày.
Linh Linh Ngọc (Gửi về cha mẹ)

Nếu chẳng may cha mẹ đã qui tiên nơi quê nhà khi người con tha hương chưa kịp về thăm cha mẹ, lúc đó sự thương nhớ của người

con tha hương càng não nề, càng chua xót, vì người con sẽ vĩnh viễn không bao giờ còn gặp lại người cha, người mẹ nữa. Chúng ta hãy lắng nghe Trần Mộng Tú diễn tả nỗi thảm sầu của người con tha hương mất người thân yêu nhất của mình khi Xuân về.

Bố ạ, quê người Xuân buồn lắm,
Quê người, không Bố Xuân buồn hơn.
Con nhìn nắng mới mà con nhớ,
Nắng cũ năm nào trên quê hương.

Quê hương giờ thì xa xăm quá,
Bố giờ yên nghỉ trên đồi cao.
Trăm đóa hồng rơi trên mộ Bố,
Cánh hoa giọt lệ buồn như nhau.

Bố ơi! Xuân về con cứ khóc,
Vì không ai xẻ được gánh sầu.
Chim én bay ngang mặc chim én,
Hoa đào nở đỏ mặc hoa đào.

Mất Bố là con mất tất cả,
Nâng ly chỉ nhạt làn môi khô.
Con muốn đập tan bình rượu cũ,
Tìm xem bóng Bố đã về chưa?

Bố chẳng bao giờ trở về nữa,
Và con cứ khóc mỗi lần Xuân.
Bố ơi công Bố cao hơn núi,
Mà lệ con rơi chỉ có ngần!
Trần Mộng Tú (Xuân không Bố)

*

Người tha hương không phải chỉ có nhớ thương cha mẹ thôi, mà còn thương nhớ cả đến người vợ của mình nữa, nếu người ấy đã lập gia đình và vì tình thế bắt buộc người vợ phải ở lại nhà không đi theo được. Nỗi đau buồn khi mùa Xuân tới càng gia tăng gấp bội.

Nhìn Xuân sang anh lòng buồn tiếc nuối,
Từng Xuân đi anh trở giấc bồi hồi.
Nghe cay đắng qua buồng tim, thở phổi,
Chuyện ân tình ngày tháng cũ buông trôi...!

Hoàng Ngọc Ẩn (Lỡ Xuân này anh nguyện đợi Xuân sau)

Người tha hương không thấy vui chút nào khi Xuân sang Tết đến.

Anh ở đây quê hương người đất lạ,
Ngày tháng buồn trong thương nhớ triền miên.
Xuân Mỹ quốc mưa tuyết bay trắng xóa,
Như đời anh hai tay trắng ưu phiền.

Lê Toản Triều Linh (Nơi đây vẫn nhớ)

chỉ âm thầm qua Tết trong đau thương

Ở bên này anh với Tết âm thầm,
Bằng nước mắt uống trong đêm trừ tịch.

Hạ Uy Di (Thơ Xuân viết gửi vợ hiền)

Tuy biết rằng giữa mình và vợ có không gian ngăn cách

Anh phương này, em ngút ngoài quan ải,
Mấy Xuân rồi vẫn chia cách đôi nơi.

Hoàng Ngọc Ẩn (Lỡ Xuân này anh nguyện đợi Xuân sau)

người chồng tha hương vẫn hy vọng có ngày được gặp lại vợ hiền

Từ xa em, anh vẫn hoài ngóng đợi,
Lỡ Xuân này anh nguyện đợi Xuân sau.
Anh không muốn trở thành người vọng phụ,
Để tiếng đời mai mỉa đến muôn sau.

Hoàng Ngọc Ẩn (Lỡ Xuân này anh nguyện đợi Xuân sau)

Trong khi chờ đợi, người chồng tha hương mong vợ còn ở lại thay mình săn sóc cha mẹ già, trông nom nhà cửa.

Tết năm nay nếu em về Phan Thiết,
Xin vui lòng săn sóc mẹ giùm anh.
Bảo các con sửa lại túp lều tranh,
Qua năm tháng chắc giờ đây xiêu vẹo.
... ...
Em thương anh đừng để Mẹ túng thiếu,
Rán tảo tần lo Tết giống mọi năm.

Hạ Uy Di (Thơ Xuân viết gửi vợ hiền)

Tuy nhiên, trường hợp người tha hương không mang theo được vợ con không nhiều so với số những người phải xa người yêu. Do đó thi ca diễn tả tâm tình người tha hương nhớ người yêu nhiều hơn.

Xa người yêu, sống nơi quê người, mỗi độ Xuân về người tha hương càng thấy lòng hiu quạnh, thấy thiếu thốn mọi sự.

Thêm một lần Xuân tôi hiu quạnh,

Chiếu chăn chia sớt chút ngọt bùi,
Em hỡi, chừ xa, xa xôi lắm,
Nội xưa, chiều nắng chết vàng rơi.
Vũ Mai Vinh (Thêm một lần Xuân viễn xứ)

Vạn vật đối với người tha hương xa người yêu chỉ mang một màu thê lương ảm dạm

Thêm một mùa Xuân hoa khôm nở,
Cho tôi ngồi mơ màu nắng thật vàng.
Vũ Mai Vinh (Thêm một lần Xuân viễn xứ)

và không còn dủ khiến cho họ muốn mừng đón Xuân nữa.

Năm nay mưà Xuân tôi không Tết,
Đêm xa nhà, gác trọ vỗ bình yên.
Vũ Mai Vinh (Thêm một lần Xuân viễn-xứ)

Dù không muốn và không còn tâm trí nào mừng đón Xuân sang, cảnh sắc Xuân, dù là Xuân ở nơi quê người, cũng gợi nhớ bao nhiêu hình ảnh thơ mộng, bao kỷ niệm êm đẹp mà người tha hương đã có với người yêu.

Có khi chỉ là hai hàng me bên đường

Con đường cũ hai hàng me đứng lặng,
Gục đầu trong mưa bụi nhớ người đi,
Ngàn xa ấy em có hoài tiếc nhớ,
Chuyện ân tình đường mộc Mạc Đĩnh Chi.
Hoàng Ngọc Ẩn (Lỡ Xuân này anh nguyện dợi Xuân sau)

hay dám lilacs, dám hoa sồi,

Đám lilacs vườn ai màu tím trắng
Hoa sồi vàng vỡ nhụy giống sầu đông.
Nguyễn Lương (Tháng Tư mùa Xuân)

những ngày mưa lất phất, những sáng sương mù đặc biệt của cuối Đông đầu Xuân

Anh còn nhớ những ngày mưa lất phất,
Sáng mù sương bước vội đến trường xa.
Anh đào tím rụng bên đường tơi tả,
Sương mù rơi còn phủ kín phố, nhà.
Nguyễn Lương (Tháng Tư mùa Xuân)

nhất là khi cảnh vật ở nơi đất khách quê người lại có nhiều điểm giống cảnh vật nơi quê nhà

Giờ xa quá thấy mùa Xuân mà nhớ,

Ở quê mình, cũng có gió hiu hiu.
Chiều cuối đông, đi qua đường phố nhỏ,
Hoa nhà ai, bướm cũng lượn dập dìu.
Nguyễn Lương (Tháng Tư mùa Xuân)

Những hình ảnh này mang lại cho người tha hương một nỗi buồn giá buốt.

Thuở vàng son tô trên môi tình ái,
Nụ gai mòn chót buốt giá tim côi.
Hoàng Ngọc Ẩn (Lỡ Xuân này anh nguyện đợi Xuân sau)

và tưởng nhớ lại những giây phút hạnh phúc khi được gần nhau bên quê nhà. Thời gian sao cứ vùn vụt trôi qua.

Mới hôm nào Xuân cũng về đon đả,
Không mưa buồn, nắng chiếu dệt cành hoa.
Em có anh trong tiếng cười ròn rã,
Bao vui mừng trong hạnh phúc hoan ca.
Thu Ngân (Nếu Xuân này vắng anh!)

thế mà bây giờ thì

Rồi từ đó đến nay, bao lâu nhỉ??
Mà bây giờ đã vùn vụt trôi đi.
Xuân lại về trong lòng người cô quạnh,
Mắt lệ mờ vì ướt đẫm viền mi.
Thu Ngân (Nếu Xuân này vắng anh!)

Thiếu người yêu, người tha hương cảm thấy thiếu tất cả

Em thiếu anh, đời em thiếu tất cả,
Thiếu cưng chiều, thiếu từng phút đắm say.
Thiếu ánh mắt nhìn nhau đầy trìu mến,
Thiếu ân tình xiết chặt tay trong tay...
Thu Ngân (Nếu Xuân này vắng anh!)

Cũng có thể là người yêu của người tha hương cũng đã bỏ nước ra đi, nhưng vì hoàn cảnh còn kẹt lại ở một nơi nào đó, chưa được đoàn tụ với người tha hương. Như vậy cảnh xa cách vẫn hãy còn và hai người vẫn phải qua một mùa Xuân cô đơn.

Em ở đó trại di cư Korat
Ôm trái sầu, ngày tháng mỏi mòn qua.
Buồn kiểm điểm những gì đã mất,
Rồi bâng khuâng tiếc quá những ngọc ngà.
Mộng tận tay, bóng tối vẫn ngả dài,
Em ở đó Xuân về trên rừng núi,

Mùa đông qua san ứ nụ môi son.
Mùa xuân nay gió mưa sa tức tủi,
Cho dung-nhan thêm tàn tạ héo hon.
Anh ở đây gửi nhớ thương theo gió,
Lòng ngậm ngùi buốt giá kiếp tha hương.
Niềm cô đơn ngập tràn căn phòng nhỏ,
Tay hoen vàng chấp nối mớ dư hương.
Lê Toản Triều Linh (Nơi đây vẫn nhớ)

Bất lực trước nghịch cảnh, người tha hương không biết làm gì hơn là mong sao Xuân tới sẽ được cùng người yêu trùng phùng

Xuân nay về tạm xa nhau anh nhé!
Hẹn Xuân sau ta lại sẽ trùng phùng.
Trời sắp đặt cho chúng mình tái hợp,
Đời chúng mình rồi cũng hết nhớ nhung.
Thu Ngân (Nếu Xuân này vắng anh!)

Trong khi chờ đợi, người tha hương an ủi người yêu

Thôi anh nhé! Nếu Xuân này xa vắng,
Tạm an vui trong dịp chúa Xuân về.
Nếu mai này nước Việt Nam bình trị,
Anh đưa em thăm lại cảnh Xuân quê!!
Thu Ngân (Nếu Xuân này vắng anh!)

*

Xuân còn đem lại cho người tha hương nhiều nhớ nhung, nhiều sầu khổ, nhiều luyến tiếc khác nữa, không sao kể xiết. Thơ Xuân của người tha hương nhiều vô tận, vì ngày nào con người còn phải sống xa cách những người, những vật thân yêu, những kỷ niệm khó phai mờ, vào những mùa Xuân, những ngày Tết, thì con người sẽ còn phải than lên rằng

Đất khách lạc loài nơi gác trọ,
Hỏi lòng đón Tết có vui không?
Phi-Điểu (Chào Xuân)

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là dù xa nhà, nhớ những người thân yêu, người tha hương buồn sầu nhưng không tuyệt vọng. Họ vẫn tin tưởng sẽ có ngày được quay trở về nhà đoàn tụ với gia đình, với họ hàng, gặp lại những người thân yêu. Do đó các bài thơ tha hương vẫn mang những vẫn hy vọng, dù là hy vọng mong manh.

Tạ Quốc Tuấn

VÕ PHIẾN

bé bồ địch

Ai về Bồ Dịch Giếng Vuông
Để thương để nhớ để buồn cho ai.
(Ca dao)

Ai về Bồ Dịch Giếng Vuông xưa
Có trông thấy ngẩn ngơ em bé?
Trăng tà, nắng xế,
Một mình em lầm lũi, thẩn thơ.

Cách sáu mươi năm tôi nhìn lui vẫn thấy
Dáng hình em tận Bồ Dịch Giếng Vuông
Dáng hình em loáng thoáng qua khói sương
Dáng em trên gò vắng
Chung quanh em xóm làng yên ắng
Quanh em lá tre rụng khô vàng
Con cu cuối vườn, hoa dại trên đồi hoang
Trong bụi rậm cuốc kêu dóng dả
Gió bấc thổi em - te tua mái rạ
Trưa hè nắng em - mép ruộng bờ ao rạc cánh chuồn chuồn..
Dông hạ bốn mùa Bồ Dịch Giếng Vuông
Vẫn em đấy. Mình em lủi thủi
Vật đổi sao dời, em chưa mười tuổi
Một mình em giữa bao nhiêu mồ mả tổ tiên...
Từ xóm xưa, em bé ấu niên
Dảo mắt nghiêng tai hướng về bốn phương mờ mịt
Em có thấy đâu hình ảnh lão già mỏi mệt
Dang loay hoay quờ quạng dọn một chỗ nằm
Nơi lục địa xa xăm.
Tháng 11-1993

Bồ Dịch là tên xóm, nơi tác giả sinh trưởng. Giếng Vuông cách Bồ Dịch non một cây số. Xóm Bồ Dịch có nghề dệt chiếu. Chiếu Bồ Dịch, cũng như nón Gò Găng, là những đặc sản địa phương rất phổ biến ở Bình Định.

TRẦN HỮU THỤC

xuân tình trong đường thi

Trường hu giải la đái
Khiếp kiến thượng không sàng
(H.A.)

Nhà Đường vốn được xem là đỉnh cao trong thi ca Trung quốc. Phong cách rất đa dạng, trường phái thì nhiều, nội dung đề tài rất rộng rãi so với bất kỳ thời nào trước đó. Thi nhân mặc tình chọn lựa phong cách, trường phái, đề tài để sáng tác. Đề tài đủ loại: Ứng chế, Tống biệt, Cung oán, Biên tái, Điền viên, Sơn thủy, Hành lữ, Ký tặng, Hoài cổ, Vịnh vật. Thậm chí, ta còn thấy nhiều bài có khuynh hướng hiện thực xã hội, mô tả cuộc sống khổ cực của nhân dân cũng như châm biếm cảnh quan trường hắc ám, phè phỡn. Số thơ hiện còn lưu giữ rất nhiều: 48,000 bài của hơn 2,300 thi sĩ (1).

Điều đáng nói là với một số lượng thơ và thi nhân như thế, mà thơ Đường lại hầu như rất nghèo nàn về thể loại thơ mô tả cụ thể mối quan hệ trai gái, mô tả cái thú vị trong cuộc sống lứa đôi. Hay nói như kiểu chúng ta hôm nay, Đường thi rất nghèo về thơ tình. Hẳn nhiên, cũng có một số thơ khai thác đề tài tình ái như Cung oán, Biên muộn, Khuê từ... cũng có thể gọi là thơ tình đấy, nhưng ngôn ngữ thì dè dặt, kín đáo, hình ảnh thì sơ sài và thường đi chệch qua những đề tài khác. Trong số lượng thơ dồi dào của một số thi hào, thi bá thời đó như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy, ta hầu như khó có thể tìm thấy một bài thơ tình đúng nghĩa. Ngay cả một đầu đề mang dáng vẻ thơ tình cũng ít oi, huống hồ gì mô tả một cách cụ thể, trắng

trọn hơn quan hệ lứa đôi. Một vài bài của Trương Bí, Triệu Hổ có đề cập đến tình ái thì cũng một cách chung chung, đơn sơ, trừu tượng, phác vài nét sơ sài về nỗi nhớ nhung, mến mộ - thường thì có tính cách tượng trưng hơn là đi sâu vào tình cảm thực sự. Thêm vào đó, còn có một số bài gọi là "tặng nội" (tặng vợ) thì lại chỉ nói lên cái nghĩa phu thê, ca ngợi công lao "thờ chồng nuôi con" của người vợ, hơn là tình vợ chồng.

Ta đọc thử một bài thơ có cái tựa đề rất là "thơ tình" sau đây: "Oán tình" của Lý Bạch:

Mỹ nhân quyển châu liêm
Thâm tọa tần nga mi
Dản kiến lệ ngân thấp
Bất tri tâm hận thùy

Tản Đà dịch:

Người xinh cuốn bức rèm châu
Ngồi im thăm thẳm nhăn chau đôi mày
Chỉ hay giọt lệ vơi đầy
Dố ai biết được lòng này giận ai

Kể ra thì trong cái không khí thi ca đầy cả phong, hoa, tuyết, nguyệt rồi những hoàng hạc lâu, tuyết khách, phong kiều dạ bạc..., thì làm một bài thơ thuần tả tình như thế cũng đã là can đảm. Bài thơ nói lên nỗi giận hờn của một người con gái đối với tình nhân. Và chỉ thế thôi. Hình ảnh duy nhất và đầy cả tính cách tượng trưng là giọt lệ, ngoài ra, không có gì khác.

Một bài khác của Vương Xương Linh có tựa đề "Khuê oán":

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch phong hầu

Tản Đà dịch:

Trẻ trung nàng biết đâu sầu
Buổng xuân trang điểm, lên lầu ngắm gương
Nhác trông vẻ liễu bên đường
"Phong hầu" nghĩ dại xui chàng kiếm chi

Tưởng là nàng nhớ chàng, hóa ra nàng giận mình. Rốt cuộc, bài thơ chỉ nói đến sự tiếc rẻ thời xuân sắc của con người trước thời gian qua mau.

Cũng nàng nhớ chàng, nhưng Lý Bạch đi xa hơn, tình hơn, cụ thể hơn:

...
Dương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thì
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi

Tản Đà dịch:

... Lòng em đau đớn muôn phần
Phải chăng là lúc phu quân nhớ nhà
Gió xuân quen biết chi mà
Cớ chi lọt bức màn là tới ai?

Chàng và nàng trong hai bài trên đây là vợ chồng; còn chàng và nàng là trai gái, ta thấy trong "Thái liên khúc" (khúc hát hái sen), cũng của Lý Bạch, để cập đến một cô gái hái sen và một chàng trai qua đường. Hai câu cuối, như sau:

Tử lưu tê nhập lạc hoa khứ
Kiến thử trì trù không đoạn trường
(Ngựa kêu, lần bước hoa rơi
Đoái trông ai đó, ngậm ngùi tiếc thương)

Thế là cũng tình lắm rồi, cũng "thoát" lắm rồi!

Sao mà sợ thơ tình lắm thế? Thì cũng dễ hiểu thôi. Thi nhân, dù có mộng mơ, có khinh thế ngạo vật, cũng là nho gia. Mà đối với nho gia, thì tình ái không nên đưa vào văn chương, chữ nghĩa. Đó là vùng đất cấm. Nếu có ai làm một bài thơ tình, thì người ta xem đó là một thứ tiêu tiện, không thèm lưu ý đến. Một bậc minh chủ trên thi đàn đời nhà Thanh nhận xét "Bậc vương giả bàu đến phong tục dân gian, nghiên cứu chuyện được mất, chứ chẳng nên nói đến tình ái". Tư tưởng này ảnh hưởng mạnh mẽ đến thi nhân của Sơ Đường, Thịnh Đường, Trung Đường. Đến thời Vãn Đường, ảnh hưởng này giảm bớt. Những thi nhân nổi tiếng của giai đoạn này đều có làm thơ tình như: Lý Thương Ẩn, Ôn Đình Quân, Vi Trang. "Tình yêu quán triệt trong tất cả các bài thơ vô đề và một số bài thơ khác của Lý Thương Ẩn. Ông chủ yếu là một nhà thơ trữ tình" (2). Trong thơ của họ, ta đã thấy khuynh hướng thiên về tình ái nam nữ, hoa cỏ khuê phòng, nhưng thi phong đa phần theo lối "tiểu nhã", nội dung chủ yếu cũng dựa theo thi giáo nho gia, nghĩa là dè dặt, kín đáo, tượng trưng.

Đặc biệt, chỉ có một thi nhân vượt hẳn ra khỏi vòng kềm tỏa của khuôn sáo cũ, mở ra một lối đi cho riêng mình, với một cách làm thơ mới lạ, táo bạo. Đó là Hàn Ốc (hay Hàn Ác) (32). Ông sống cùng thời với các thi nhân trứ danh của thời Vãn Đường như Lý Thương Ẩn, Ôn Đình Quân... Trừ những nhà nghiên cứu ra, những người hâm mộ thơ Đường chẳng mấy ai biết đến ông. Trong "Đường Thi Tam Bách Thủ" (300 bài thơ Đường nổi tiếng), ông được xếp vào những khuôn mặt lớn của thời Vãn Đường. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập đến ông như là một thi nhân của tình yêu - hay nói cho đúng hơn, một thi nhân của tình dục.

Hàn Ác sinh vào khoảng năm 844 và mất khoảng năm 933. Ông tự là Trí Nghiêu, hoặc Trí Quang, tiểu tự là Đông Lang, người quê ở Kinh Triệu, Vạn Niên nay thuộc ngoại ô thị trấn Tây An, tỉnh Thiểm Tây. Lúc mới lên mười, có lần giữa chỗ khách khứa đông đúc, ông làm ngay một bài thơ tiễn khách, khiến mọi người có mặt đều kinh hãi. Do đó mà về sau, Lý Thương Ẩn tặng ông một bài thơ, trong đó có hai câu:

Thập tuế tài thi tẩu mã thành
Sổ phụng thanh ư lão phụng thanh
(Mười tuổi làm thơ nhanh hơn ngựa
Chim phụng non rành rõi hơn phụng già)

Ông viết Hàn Lâm tập (một cuốn) và Hương Liễm tập (ba cuốn), về sau Toàn Đường Thi hợp hai tập lại thành bốn cuốn. Do ở chỗ trong Hương Liễm tập của ông, đa phần mô tả chuyện trai gái nhớ nhung, tương tư - thậm chí mô tả chuyện ái ân, lại thêm cảnh phấn son, lụa là trong chốn phòng the, nên đời sau gọi thi tập của ông là Hương Liễm Thể hay Diễm Thể.

Trước hết, đối tượng làm thơ của ông là người phụ nữ. Thi ca Trung quốc từ Hàn Ác trở về trước chẳng bao giờ tả chính diện người phụ nữ. Trong "Mạch Thượng Tang", Tần La Phu chỉ tả phần bên và cũng chỉ là hư tả, không cho ta cảm nhận hết vẻ đẹp mĩ miều, sống động của người đẹp. Bài "Thạc Nhân" trong thiên Vệ Phong của kinh Thi tập trung mô tả diện mạo và da dẻ bên ngoài, có đi xa hơn thì tả đôi tay và cổ. Hàn Ác mô tả cụ thể hơn:

Uyển bạch bì hồng ngọc manh nha
Điệu cầm trừu tuyến lộ tiêm tà
Bối nhân tế nhiên thùy yên tấn

Hướng kính khinh quân sấn kiểm hà

Tạm dịch:

(Tay trắng, da hồng như búp măng
Sửa đàn, gẩy dây để lộ ngón tay thon nhọn
Quay người lấy tay xoắn tóc rủ xuống cổ
Trước kính, trang điểm mặt diễm kiều)

Ông đã nhìn từ nhiều phía khác nhau để tả phần da thịt nõn nà, mềm mại. Tả cái cổ, ông viết:

Tấn thừa hương cảnh vân già ngẫu
(Tóc buông xuống cổ tụ lại như mây che cái ngó sen)

Tả bộ ngực, ông viết:

Phấn trứ lan hung tuyết áp mai
(Phấn thoa lên ngực như tuyết áp trên hoa mai)

Trong bài "Vịnh dục" (vịnh cảnh tắm), ông mô tả cụ thể khung cảnh và tâm lý của người phụ nữ trong cung cấm:

Tái chỉnh ngư tê long thúy tâm
Giải y tiên giác băng dâm dâm
Giáo di lan chúc tần tu ảnh
Tự thí hương thang cánh phạ thâm
Sơ tựa tẩy hoa nan ức án
Chung ưu ốc tuyết bất thắng nhân
Khởi tri thị nữ liêm hay ngoại
Thừa thủ quân vương kỷ bính kim

Tạm dịch:

(Sửa soạn bới tóc lại cho đàng hoàng
Mới cởi áo cảm thấy hơi lạnh
Dặn bưng đèn đi vì thẹn
Tự thử xem nước tắm vừa chưa
Lúc đầu kỳ cọ nhẹ nhàng
Sau tắm gội thỏa thích
Chẳng biết người hầu đứng ngoài kia
Có chịu khó nài nỉ vua vào ngủ không)

Có thuyết cho là ông tả cảnh Dương Quý Phi đang tắm. Điều đáng lưu ý là, thông qua việc miêu tả thân thể, và các sinh hoạt thường ngày, ông nêu bật được những nét tâm lý đặc thù của người phụ nữ trong một hoàn cảnh đặc thù. Xem thêm bài "Trú tẩm" (ngủ ngày) sau đây:

Phác phấn canh thiêm hương thể hoạt
Giải y duy kiến hạ thường hồng
Phiền khâm sạ xúc băng hồ lãnh
Quyện chẩm từ y bảo kế tông
(Đánh phấn thêm cho thân thể thơm mát
Cởi áo mới thấy quần màu hồng ở dưới
Chạm phải chiếc mền, thấy lạnh như băng
Mệt mỏi tựa búi tóc vào gối)

Ta dễ dàng nhận thấy nhân tố tạo thành hành vi, thái độ của người đàn bà ở đây là do tình cảnh cô đơn, buồn bã trong chốn cung cấm - và rõ ràng hơn nữa là do tình cảm đau khổ và ức chế về tình dục. Hàn Ác chẳng cần đề cập đến nỗi buồn, đến giọt lệ. Ông chỉ mô tả cử chỉ, thái độ. Trong phòng riêng, người đàn bà tắm rửa, trang điểm, cởi áo và... đợi chờ, nhưng ngày lại ngày, chờ mãi, chờ mãi... chẳng thấy ai. Chỉ có lạnh và cô đơn.

Nhiều bài thơ của Hàn Ác phản ảnh tình cảnh nhớ nhung, sầu não, sự vắng lặng, khổ đau và nhất là sự ức chế tình cảm (cũng như tình dục) triền miên của người đàn bà. Các bài như Ngũ canh (nam canh), Khuê tình, Áp hoa lạc (ép hoa rụng), Trì trướng (buồn bã), Kế tông (bới tóc), Ý tự (mối sầu) - tất cả đều tả hoạt động tâm lý của phụ nữ. Tuy Lý Bạch, Vương Xương Linh, Lưu Phương Bình, Trương Trọng Tố, Trần Đào đều có một ít bài về Khuê tình, Khuê tư, Khuê oán đề cập đến tâm trạng đau khổ phiền muộn, nhưng về tính cụ thể, táo bạo thì không bằng Hàn Ác. Như bài "Xuân Khuê":

Nhân uân trướng lý hương
Bạc bạc thụy thời trang
Trường hu giải la đái
Khiếp kiến thượng không sàng
(Trong màn hương thoang thoảng dễ chịu
Ăn mặc sơ sài để ngủ
Cởi thắt lưng quần, than dài một tiếng
(Vì) thấy cái giường không mà kinh hãi)

Một câu như "Trường hu giải la đái" thì thi ca Khuê tình thời Sơ Đường, Thịnh Đường, Trung Đường chẳng hề thấy có. Chỉ đến Vãn Đường, đặc biệt là ở Hàn Ác, ta mới thấy. Phải nói, đó là một sự phát huy thi ca Khuê tình đời Đường đến một mức độ táo bạo không ngờ. Người trước chỉ "hư tả", người sau "thực tả", người trước "súc

thủ" (co tay), người sau "phóng thủ" (phóng tay). Phải thừa nhận, thi ca trước Hàn Ác cũng có đề cập đến sự ức chế, sầu khổ, nhưng phản ảnh tính manh động, khao khát thì hầu như không có. Ở Hàn Ác, những bài thơ như thế rất nhiều.

-- Bách Thiệt não triêu miên
Xuân tâm động cơ bàn
(Chim Bách Thiệt phá giấc ngủ sáng
Khiến động lòng xuân)
-- Kiều nhiêu ý thái bất thắng tu
Nguyện ký lang biên vĩnh tương trừ
(Ý nũng nịu vô cùng xấu hổ
Muốn kề vai chàng mãi mãi không thôi)

Đến đây, tính cách của Hàn Ác trong "Hương Liễm Thể" hiện ra rất rõ: tình trai gái ở đây chứa đầy chất tình dục. Nó không chỉ là nhớ nhung, mơ mộng, sầu thương... vơ vẩn mà chứa đựng một đòi hỏi, một khát khao mãnh liệt hướng về người khác phái. Có phải đây là những phụ nữ bệnh hoạn không? Có thể. Lý do thật dễ hiểu: do những quy định quá khắc nghiệt của lễ giáo nho gia, số phận của phụ nữ dưới thời phong kiến rất đỗi tội nghiệp. Họ không được quyền yêu và bị cư xử như những người nô lệ cho vua chúa, và những người giàu sang, quyền quý. Nói rộng hơn, họ được đàn ông sử dụng như những dụng cụ. Thê rồi thiếp, đàn ông có quyền thay thê, đổi thiếp, sang nhượng đàn bà như những vật đổi chác, mua bán. Đã thế, những nhu cầu sinh lý bình thường cũng không có điều kiện thỏa mãn. Họ bị giam cầm trong chờ đợi và chờ đợi, không được than van, đòi hỏi. Tình trạng sinh lý và tâm lý bị ức chế đến mức tột cùng. Bài "Ngẫu kiến bối diện, thị tịch kiêm mộng" (vô tình thấy phía sau mà đêm về mộng tưởng) là một bài tiêu biểu về trạng thái bị ức chế đó:

Tô ngưng bối giáp ngọc tha kiên
Khinh bạc hồng tiêu phúc bạch liên
Thử dạ phân minh lai nhập mộng
Dương thì trù trướng bất thành miên
Nhãn ba hướng ngã vô đoan diễm
Tâm hỏa nhân quân đặc địa nhiên
Mạc đạo nhập sinh nan tế hội
Tần lâu loan phụng hữu thần tiên

Ý:

(Lưng mịn màng trắng trẻo, vai tựa ngọc
Lụa hồng mỏng mảnh che thân trắng như sen
Đêm nay rõ ràng người đẹp nhập mộng
Còn bây giờ buồn bã không ngủ được
Sóng mắt nhìn đẹp vô cùng
Khiến cho lòng ai phải thèm khát
Chẳng biết có cách gì gần gũi
Để được ân ái cùng nhau)

"Nhãn ba hướng ngã vô nhan diễm" - Sóng mắt của người đàn bà (hẳn là phải cô đơn lắm trong phòng the) gặp đàn ông là liếc mắt đưa tình, đôi mắt rực sáng những khát khao khiến dục vọng trong lòng nổi lên như thiêu như đốt, đêm về mơ mộng không ngủ được.

Do ảnh hưởng của quan niệm về thi giáo phong kiến chính thống, cho nên chỉ trừ một số dân ca dùng thứ ngôn ngữ bình dân để diễn tả sự khoan khoái, sung sướng trong quan hệ tình ái nam nữ, còn thì chẳng ai dám cầm bút làm thơ về chuyện ái ân. Nhưng Hàn Ác, bất chấp thi giáo, dám làm trái lễ nghĩa phong kiến, làm thơ mô tả một cách trần trụi quan hệ sinh lý nam nữ như bài "Ngũ canh" (năm canh) sau đây:

Vãng niên tằng ước Ức Kim sàng
Bán dạ tiềm thân nhập động phòng
Hoài lý bất tri kim điền lạc
Ám trung duy giác tú hài hương
Thử thời dục biệt hồn câu đoạn
Tự hậu, tương phùng nhãn cánh cuồng
Quang cảnh toàn tiêu trù trướng tại
Nhất sinh doanh đắc thị thê lương
(Năm xưa từng hẹn trên giường Ức Kim
Nửa đêm lén đến động phòng
Trong lúc ôm nhau chẳng biết trâm rơi đâu mất
Ở trong bóng tối chỉ cảm thấy mùi dôi hài thêu
Lúc đó, muốn rời nhau nhưng hồn rã rời
Từ đấy hễ gặp nhau là nhìn nhau điên cuồng
Cảnh ấy giờ đây chẳng còn nữa
Chỉ còn nỗi buồn suốt đời)

Một bài thơ Đường như thế, được viết cách đây cả trên ngàn năm, thì quả là hết nói nổi! Hình ảnh mà bài thơ mô tả vừa cụ thể, táo

bạo, nhưng không kém phần thi vị. Bạn có thâm cảm được hết cái ý vị của cái cảnh "bất tri kim điển lạc" và "duy giác tú hài hương" không? Ái ân vụng trộm có cái gì vừa khôi hài, vừa tội nghiệp - mà phải sống qua mới có được những hình ảnh sống động như thế. Nó vừa thực vừa thơ.

Viết đến đây, tôi chợt có ý nghĩ chép thử ra đây một đoạn thơ thuộc loại mới nhất, hiện đại nhất mà tôi tình cờ đọc được của một nữ thi sĩ Việt Nam:

năm mười bảy tuổi
trong đêm đen
lần đầu tiên
khám phá ra thân thể kỳ lạ của người đàn ông
sau nụ cười; giọt nước mắt dâng hiến
là khoảng cách
hun hút dài
thăm thẳm dài
chập chùng dài
...
ơi! Em lạc mất em (4)

Tôi không định so sánh hai bài thơ, vì không cần thiết. Đây chỉ là một sự liên tưởng ngộ nghĩnh (tôi nghĩ thế); đằng nào cũng là thơ, đằng nào cũng là con người!

Trở lại với Hàn Ác.

Hương Liêm Thể của ông - như chúng ta vừa đọc qua một số bài tiêu biểu - với những lời thơ đầy màu sắc, hình ảnh dồi dào, đầy chất "đường thi", nhưng vì đa phần mô tả đồ trang sức của phụ nữ, có khi tả đến những đồ vật bẩn thỉu khác nữa, nội dung thì toàn chuyện tình ái nam nữ, nên văn nhân đời sau thường khinh thị, dè bỉu, phần nhiều cho là "dâm từ". Phương Hồi nhà Nguyên lên án là "bày cho người ta làm điều dâm loạn" (hối dâm chi ngôn), Trầm Đức Tiềm nhà Thanh nghiêm khắc phê bình Hương Liễm Thể chỉ khiến cho con người bỏ đi những tập quán tốt đẹp (khứ phong nhân viễn).

Nhưng những nhà nghiên cứu Đường thi hiện đại đánh giá Hàn Ác từ một nhãn quan khác. Tôn Cẩm An nêu lên mấy nhận xét như sau:

– Thi ca đời Đường tuy có vượt qua được ngôn ngữ cung đình,

nhưng diễn tả tình ái nam nữ thì quá hiếm hoi. Nếu không có Hương Liễm Thể bổ khuyết vào thì cũng là điều thiếu sót.

– Quan hệ tình ái nam nữ là chuyện thông thường, một nhu cầu phổ biến trong sinh hoạt con người, nên được diễn tả rất nhiều trong dân ca. Còn thi nhân thì chẳng ai dám viết. Chỉ có Hàn Ác can dảm chọn lựa đề tài này thì quả là một điều đáng trân trọng.

– Quan niệm thi giáo phong kiến do Khổng Tử đề xuất được văn nhân sĩ phu mọi thời xem như một tín điều, một tiêu chuẩn để định giá một bài thơ. Hợp thì cho là cao, không hợp thì cho là thấp. Chuyện quan hệ nam nữ hoàn toàn bị cấm chỉ. Ngay cả những đại thi nhân như Lý Bạch, Đỗ Phủ cũng chẳng dám sai phạm. Do đó mà các sáng tác của Hàn Ác mang tính cách đả phá sự trói buộc, câu thúc tinh thần thi nhân và chứa đựng khuynh hướng chống phong kiến.

– Từ Vãn Đường, Ngũ Đại trở về sau, từ ngữ thường thiên về tả tình ái nam nữ, hoa cỏ khuê phòng. Để diễn tả cho được hết các hình ảnh, ý tứ trong sinh hoạt tình yêu, tính dục, họ không có cách nào khác hơn là phải sáng tạo thêm từ, thêm ý - và do đó đóng góp phần đẩy mạnh sự phát triển về từ. Thơ của Lý Thương Ẩn, Ôn Đình Quân, Vi Trang cố nhiên đóng một vai trò rất lớn trong việc phát triển đó. Còn Hàn Ác, với Hương Liễm thể - đo đi sâu hơn vào chi tiết, táo bạo hơn trong cách diễn đạt -, về thân phận so với Ôn, Lý là nhỏ, nhưng sự đóng góp có phần trực tiếp hơn.

Hàn Ác rõ ràng là một khuôn mặt độc đáo của Đường thi. Sở dĩ ông không được đề cập nhiều, vì ông đi ngược hẳn và đi vượt qua thời đại, không những chỉ thời đại mình mà còn cả những thời đại về sau. Trên văn đàn chính thống, người ta không đề cập đến, có lẽ vì sợ mất tác phong đứng đắn của nhà nho, nhưng thực tế Hương Liễm Thể cũng được cẩn trọng lưu giữ và truyền tụng. Thơ Hàn Ác đâu có thiếu chất Đường thi. Cái tài hoa ở chỗ ông đã vận dụng từ ngữ một cách tài tình để dập phá vào một lãnh vực được xem như rất khó đưa vào văn chương, nhất là vào thi ca. Phải vừa nói được hết ý, vừa không tầm thường, dung tục. Ta cứ tưởng tượng sự ức chế vừa về tình yêu vừa về tính dục của người phụ nữ trong cung cấm được Hàn Ác diễn tả bằng hình ảnh một tiếng kêu, một cử chỉ và một cái nhìn:

Trường hu giải la đái
Khiếp kiến thượng không sàng
Hết chỗ chê! Tất nhiên, theo tôi nghĩ.

Worcester, MA 11-1993
Trần Hữu Thục

---

(1) Nam Trân, Thơ Đường, Văn Học 90 tháng 10-1993 tr. 4
(2) Nam Trân, Thơ Đường, Văn Học 90 tháng 10-1993 tr. 12
(3) Hàn Ác, để tránh chữ Ác, người ta nói trại là Ốc
(4) Lê Thị Thấm Vân "Bài Học Vỡ Lòng", Hợp Lưu 13 tháng 10-1993, tr. 154
Ghi chú của người viết: *tài liệu về Hàn Ác được lấy từ "Minh Báo Nguyệt San" Hồng Kông, số tháng 8-1991, bài viết của Tôn Cẩm An*

NGUYÊN SA

mùa xuân

Mùa Xuân em mặc áo vàng
Ở trong thơ cổ chim hoàng hạc bay
Em vừa xoay nhẹ vai gầy
Nhìn coi vũ điệu vào đầy giấc mơ
Nhìn coi chỗ cuối bài thơ
Nụ hôn mầu đỏ trời cho rượu đào
Anh nhìn em mới bước vào
Nhìn Xuân, Xuân bẽn lẽn chào đầu năm.

ĐỊNH NGUYÊN

vong quốc hành

Mẹ ở quê nhà buốt ngọn bấc
Em ở quê nhà dắng miếng cơm
Ta, chén Hồ trường say bóng tuyết
Bài Hành vong quốc viết chưa xong

Mồ mẹ nhang đèn đêm cố sự
Em thắp đèn khuya ngóng nỗi buồn
Ta, mảnh tha hương đem vá lại
Ngậm ngùi kim chỉ hề non sông

Khúc Túy hành ca lệch bóng tối
Vọng qua mặt đất đêm ba mươi
Ở giữa cơn say hồn thắt lại
Rượu đắng hay ta vẫn ngậm ngùi?

Này mẹ! Khăn tang đã quấn vội
Này em! Đừng khóc những mùa Xuân
Lãng tử vẫn hề ta lãng tử
Chí lớn ta hề bàn tay không

Dốc ngược bình khô uống nhật nguyệt
Mùa Xuân, thơ, rượu, buồn như nhau
Bứt sợi tóc gầy so với tuyết
Tuyết rồi tan, còn tóc trắng phau

Say ngủ trong thơ gối trời đất
Tưởng đêm trừ tịch mộng bình yên
Đêm hoang trùng điệp như thành quách
Giữa mộng tai còn rộn lửa binh

Tống biệt chén này bạn hữu chết
Oan hồn vây giữa hàng kẽm gai
Vạn bóng ma hoang ngồi chật đất
Mùa Xuân! Mùa Xuân! Hề bi ai!

Chén này rót sẵn đợi pháo nổ
Chờ uống môi xưa vị rất nồng
Mười năm ta tưởng như thiên cổ
Giọt lệ này rơi chén vỡ không?

Rót một ly đầy rượu cúng mẹ
Nhang khói thơm từ cổ tích xưa
Con bỏ quên đời đêm xứ lạ
Mẹ về ở trọ tối thiên thu

Một chén uống giùm bọn bằng hữu
Cúi rạp người quanh những miếng cơm
Ngựa xe, tiền bạc ngươi đều đủ
Có thiếu chăng là chút núi sông

Rượu khô, bình cạn ghế bàn lạnh
Đập chén ra đi đêm ba mươi
Những bước âm dương xô lệch đất
Một cõi càn khôn nức nở cười.
Mùa Xuân 94

TRẦN MỘNG TÚ

thư viết đêm giao thừa

Hương sả, hương cam, hương tóc rối
Có yêu nhau mấy cũng muộn màng
tmt

Anh thân yêu,

Đêm nay là đêm 30, đêm cuối cùng của một năm âm lịch, em tìm lên ngọn đồi ở phía đông thành phố, nơi em cư ngụ, anh còn nhớ ngọn đồi này không? Ngọn đồi mà trên đó có một ngôi trường tiểu học rất cũ, em vẫn kể cho anh nghe ở những lá thư mùa hè ba năm về trước. Em vẫn thường mơ mộng có một ngày nào đó anh đến thăm em, đến thăm thành phố này để em được đưa anh lên đây chỉ cho anh xem những viên gạch đỏ thẫm đó, nó nhắc nhở cho em ngôi trường tiểu học của em ở quê nhà miền Bắc (lúc đó em mới học lớp tư) mà em biết là khó có cơ hội nào được nhìn lại nữa. Vì rất có thể bây giờ cả ngôi trường đó chỉ còn là đống gạch vụn có trộn lẫn một ít mảnh bom, hoặc may mắn hơn, nó vẫn còn những bức tường gãy đổ, chiến tranh và bom đạn chỉ lấy đi cái mái, vách ngăn, bàn ghế, phấn bảng để sân trường trở thành một nơi họp chợ. Thầy giáo và học trò thì vẫn còn và ngày ngày có mặt ở những phiên chợ đó. Thật là may mắn cho những ông thầy và những người học trò suốt đời không phải xa cái sân trường tiểu học!

Đêm nay em trở lại đây không phải là để ngắm nghía những viên gạch luống tuổi trong một đêm vừa lạnh vừa tối như thế này. Em đến để nhìn sang bên kia những rặng núi, tìm xem quê hương chìm khuất ở phương nào. Em cứ nghĩ rằng nếu mình đứng trên một ngọn đồi cao vào một đêm trừ tịch thì mình có cơ hội tìm thấy quê hương

hơn là một đêm của ngày thường. Nghĩ như vậy không biết có ngu ngơ lắm không?

Đêm 30 tết ở quê mình thì thường ví là "đêm tối như tro", ở đây chẳng ai ví tàn tro với bóng đêm cả, vì đèn điện luôn luôn đủ sáng cho cả ba mươi ngày và dư thừa cho cả mười hai tháng.

Đêm cuối đông ở thành phố em ở vẫn còn lạnh lắm, mặc dù tuyết đã tan từ mấy hôm trước, nhưng cỏ trên mặt đất vẫn khô khan và cong cứng vì giá lạnh, khi bước lên vẫn nghe được tiếng cỏ gẫy ròn dưới gót giầy. Em đã mặc áo ấm, đeo găng tay và có cả khăn quàng đầu mà vẫn lạnh. Hay là tại ngọn đồi cao mà em đứng chơ vơ một mình nên không thể nào đủ ấm? Gió thổi không mạnh lắm nhưng trong gió hình như có mang theo những giọt nước, em vuốt tay lên mặt thấy lòng tay ướt như khi em khóc, hay là em đang khóc?

Thành phố dưới kia mờ mờ, tỏ tỏ những ngọn đèn màu vàng, thỉnh thoảng lại có ngọn ánh lên một màu xanh, em ở trên cao ngó xuống thấy cô đơn và hiu quạnh. *Cái cảm giác cô đơn và hiu quạnh này thường xẩy đến cho em vào những ngày cuối năm dương lịch, khi em theo chồng đi dự những bữa tiệc tất niên của sở. Ngay giữa đám tiệc hội tưng bừng, quần là áo lượt, đèn nến sáng trưng, thức ăn không thể nếm hết thì hình ảnh quê hương Việt Nam khốn khó như nằm ngay trên đĩa thức ăn, chỉ đưa miếng ăn lên miệng là thấy, cúi xuống ly rượu cầm trên tay em cũng bắt được đôi mắt đói khát của một em bé da vàng. Và em suốt buổi tiệc đã như một người khách đi lạc, chào hỏi, cười nói như một con búp bê được kéo bằng dây trên sân khấu. Em cô đơn và hiu quạnh ngay cả ở một nơi rất đông người.*

Thật ra thì thành phố này đầm ấm nhà cửa đứng sát vào nhau, dân cư đông đúc, chắc lỗi tại em nhìn ngắm nó với tấm lòng hiu quạnh mà thôi.

Ngọn đồi cũng không cao lắm, thành phố lọt xuống một thung lũng lòng chảo được bao quanh bởi hai ba rặng núi liền nhau mà sườn núi thì thông mọc chi chít nên trong đời sống hằng ngày em vẫn thường có cảm tưởng mình ở trong một cái lồng khổng lồ màu xanh. Đôi lúc cái lồng đó cho em cảm giác yên tâm, ấm áp, được bao bọc, che chở, nhưng lại có rất nhiều lúc cho em cái ý nghĩ cá chậu, chim lồng. Đến bao giờ thì con chim nhỏ trong lồng mới bay

sang được bên kia rặng núi tìm về quê nhà ăn tết hả anh? Nói đến về quê ăn tết thì em lại nhớ đến câu thơ

Tết này chắc hẳn không về được
Em gửi về đây một tấm lòng

nếu chỉ gửi tấm lòng về quê ăn tết thì nghe nó mơ hồ quá phải không anh? Về quê thì phải chân bước về, mang theo cả tấm lòng cả khúc ruột như bao nhiêu người đã về. Về để thấy quê hương mình ở Bắc ở Trung đẹp như thế nào (những nơi mà trước kia mình không có đủ điều kiện để đi tới). Về để thấy một Sài Gòn đổi khác, chỗ thì "cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm", chỗ thì vẫn nước mắt thay canh chan vào bát cơm gạo hẩm.

Ôi! Quê hương nhớ ơi là nhớ!

Thành phố bên dưới kia đã vắng dần xe cộ, có những bóng đèn ở các cửa hiệu đã được tắt bớt đi, cái tĩnh mịch của đêm xuống đã bao trùm cả một vùng thung lũng. Em nhón gót cố nhìn sang bên kia rặng núi, cái chân trời xa thăm thẳm mất hút trong bóng đêm đó có một vài vì sao le lói như những đốm lửa nhỏ. Có phải cứ thẳng xuống từ chỗ ngôi sao bé nhất kia là quê mình phải không anh? Nếu bây giờ anh cũng từ thành phố anh đang ở, anh trèo lên một ngọn đồi nào đó thì hai chúng ta có cùng nhìn thấy chung một vì sao bé nhất đó không? Có cùng nhìn thấy quê hương một đốm lửa nhỏ nhoi xa ngàn trùng đó không?

Em đứng trên đồi nghe đêm thở
Dưới kia thành phố có như không
Dẫy núi trên cao nhòe trong mắt
Quê hương đốm lửa xa ngàn trùng

Anh ơi! Nếu chúng ta không cùng nhìn được quê hương yêu dấu thì chúng ta có nhìn thấy được nhau không? Cả hai anh em mình cùng đứng trên cao lắm mà. Em cất tiếng gọi tên anh, tiếng em vang lên yếu ớt, rồi đặc lại cùng bóng tối, anh chắc chẳng làm sao nghe được, chúng mình ở xa nhau quá! Mỗi chúng ta có một đời sống riêng, một nỗi buồn riêng và một hạnh phúc riêng. Nhưng có phải là chúng ta đã bẻ cho nhau một mảnh hạnh phúc riêng tư đó sao?

Bây giờ sắp giao thừa, đồng hồ trên tay em đã quá mười một giờ đêm, em phải xuống đồi trở về nhà. Từ đây trở về nhà em sẽ đi qua những con đường em vẫn đi lại hằng ngày. Em nhớ rõ góc đường nào thì có cây phong hay thay lá sớm nhất, góc đường nào thì có cây

thông cao nhất, chỗ nào thì có bảng phải ngừng lại, cái ổ gà nhỏ ở gần hãng sản xuất sữa tươi, hàng bạch dương ở hai bên con lộ chính, phía trái đã khuyết đi mất hai cây do trận bão năm ngoái, bụi dâu đen dọc theo hổ dẫn vào ngõ. Nếu không lái xe, đi bộ, thì em có thể nhắm mắt cũng về được đến nhà, em chỉ ngửi mùi hương trong gió là em biết mình đang ở quãng đường nào. Cây thông thì cho mùi tươi, thơm hắc, qua hãng sữa thì có mùi ngọt ngào, hàng bạch dương thì lúc nào cũng như nói thầm những lời êm ái, rẽ vào ngõ nếu không cẩn thận sẽ bị bụi dâu đen (black berry) móc gai vào áo. *Con đường quen thuộc thân thiết đó bỗng trong đêm giao thừa nó vụt thành xa lạ, hình như nó không có liên hệ gì với em cả, em chưa đặt chân lên nó bao giờ, em vẫn là kẻ phương xa vừa ghé tới. Mùi thông, mùi sữa không còn quyến rũ nữa, hàng bạch dương cũng nín thinh không lên tiếng gọi thầm, ngay cả những cái gai của bụi dâu đen cũng dửng dưng không thèm níu áo. Cái cảm giác xa lạ đó đã tạo ra một khoảng trống vô cùng giữa em và cái mảnh đất đã cưu mang em từ mười mấy năm nay, và có thể sẽ cưu mang hết cuộc đời em. Trước sau gì em vẫn chỉ thấy mình vẫn là một người ở trọ, một người xa xứ lưu lạc đến đây.*

Em trở về nhà để cử hành một nghi lễ tẩy trần trước khi giao thừa đến, em gọi là nghi lễ vì em đã cử hành một cách rất trang trọng ngay từ cái tết đầu tiên ở quê người. Để rũ gội những bụi bậm của năm cũ, em gội đầu bằng một nồi nước có nấu vỏ cam, vỏ bưởi, lá sả, lá ngò (mà em đã tích trữ phơi khô từ mùa hè). Anh ơi! Cứ mỗi lần xối gáo nước có hương thơm của ngần ấy thứ lá lên tóc, lên cổ, em lại như ngửi thấy được mùi quê hương trong từng gáo nước và bao giờ cũng thế, em kéo dài cái giây phút tẩm hương trong tóc cho đến giao thừa. Em vừa gội đầu vừa nghĩ đến những kỷ niệm của những ngày cuối năm ở quê nhà.

Em nhớ đến tiếng pháo bố em đốt ở hiên nhà khi người trở về đúng lúc giao thừa để xông đất, tiếng mẹ em mời bố chén nước trà đầu năm, rồi mùi hương, mùi nến, mùi hoa tỏa khắp mấy gian nhà. Em nhớ đến những mầu áo lụa nội hóa em mặc trong mấy ngày tết, nhớ đến những nôn nao của thời con gái mới lớn, dập dìu kẻ đưa người đón đi chợ hoa, chợ tết, đi lễ đầu năm. Mỗi một gáo nước sả nước cam xối lên tóc là một kỷ niệm trở về. Em bây giờ đã hết thời tuổi ngọc, đã đi qua một chặng đường dài của một người con gái sinh ra và trưởng thành

trong một đất nước triền miên chinh chiến. Có những ngọt ngào lý tưởng của yêu đương lãng mạn thì cũng có những mặn đắng của định mệnh. Em đã ôm trong lòng những đóa hồng nhung thơm ngát của tình yêu nhưng cũng đã đưa tay ra để nhận là quốc kỳ vừa được gấp lại trên một chiếc áo quan còn đọng khô mấy giọt nến.

Khi đồng hồ điểm mười hai tiếng thì gáo nước cuối cùng được xối xuống từ đầu đến chân, em như được đứng lại trong mảnh vườn sau của căn nhà mình trên quê cũ, mảnh vườn có trồng cây bưởi, cây cam, có bụi ngò, bụi sả. Hương thơm của cây cỏ trong vườn tỏa ra cùng một lúc làm nước mắt em đầm đìa trên má.

Em quấn tóc ướt trong một cái khăn to, mở chiếc rương gỗ cũ lấy ra chiếc áo dài còn nguyên nếp gấp, áo lụa mang theo từ Việt Nam, mười mấy năm rồi, mặc có hơi chật ở vai, ở ngực nhưng cũng vẫn mặc được, áo thơm nức mùi trầm của gỗ hương (rương cedar chest) làm tăng thêm cái thiêng liêng trang trọng. Em cắm nhang lên bàn thờ bố mẹ, mâm cơm cúng em đã soạn sẵn từ chiều. Mâm cơm cũng có những món tương tự như những món ăn ngày xưa ở quê nhà mẹ em bầy trên bàn thờ ông bà vào ngày tết. Cũng có một đĩa cá thu kho, một đĩa giò lụa, bánh chưng, đĩa thịt gà luộc, bát măng ninh, bát canh miến. Năm nay em còn làm thêm một đĩa bóng xào là món mẹ em thích, em cũng không quên đĩa dưa chua cho bố. Bàn thờ thì em cũng có một lọ hoa huệ, cành đào cắt ở vườn nhà và một giò thủy tiên đang ra hoa. Bố thích hoa vạn thọ nên bao giờ em cũng có một chậu đặt đằng sau ảnh bố.

Đốm nhang cháy đỏ như quầng mắt
Khói có bay về tận cố hương
Vườn người tôi chiết cành xuân thắm
Nhớ quê vết cắt trượt xuống hồn.
(Nguyễn Bính)

Anh thân yêu! Trong giây phút thiêng liêng của đêm trừ tịch này, em để hồn mình lãng đãng theo khói bay nhớ về quê hương ngàn trùng cách biệt và nhớ đến anh - một mảnh hạnh phúc riêng tư mà em trân quý nhất.

Em anh.

Trần Mộng Tú
Cuối năm Quý Dậu

PHAN NI TẤN (N.D.)

para elisa

Anh vẫn nhớ một chút chiều cô tịch
Đường về em anh bước tới thăm nhà
Câu thơ cũ đã phôi pha màu phấn
Mà bài thơ tri ngộ nghĩ chưa ra

Anh làm tượng im cái im của đá
Em khoan thai xuống bếp pha trà
Nghe tiếng hát khẽ như lời hò hẹn
Thoảng hương trà theo tường vách thơm ra

Ngồi giữa em và anh là gùi hoa màu mật ngọt
Cánh muồn vàng hoang dại đứng vươn lên
Anh chợt nhớ loài người trên phố núi
Sống hiền hòa làm sông suối nói yêu em

Xoay trong không gian xanh là nồng nàn âm nhạc
Giai điệu tròn óng ánh bản tình ca
Đánh thức dậy những tấm lòng chân thật
Biết yêu người ngàn kiếp thuở xa xưa

Để tháo cho đời một mối dây đằm thắm
Mà em thương anh em chột thắt trong lòng
Mười ngón tay vụng về trên phím ngọc
Nhạc từng cơn run rẩy bám thinh không

Nhịp vẫn nhảy trong dương cầm vang vọng
Giọt trên nền vụn vỡ chuỗi âm thanh
Cuối biến khúc Elisa thả xuống
Dấu lặng tròn đọng dưới đáy hồn anh

Elisa khúc nhạc chiều năm ấy
Anh vẫn nghe bằng mắt kẻ không nhà
Bằng bàn tay em mềm như thai trẻ lạ
Xòe ra thành tia máu của loài hoa

Anh vẫn nhớ một chút chiều thinh lặng
Qua mùi thơm của gió thoảng hương trà
Đã nhiều năm sau một lời biện biệt
Dòng sông đời dài quá đỗi chia xa.

LUÂN HOÁN

mời em lên ngựa

Cứ ví ta là ngựa
cỡi lên lưng phiêu bồng
ngàn năm còn lãng đãng
hít thở cùng núi sông

Cứ ví ta là ngựa
phóng lên lưng bôn đào
ngàn trùng vây u hiển
lướt ngàn dặm chiêm bao

Cứ ví ta là ngựa
mời em yêu lên đường
ghé thăm tâm tịnh cốc
quần tụ tình yêu thương

Cứ ví ta là ngựa
rong chơi từng chặng đời
nhịp tim phơi phới mở
trăng gió lộng chân trời

Cứ ví ta là ngựa
mời em yêu vung roi
vết đời rơm rớm mật
dựng nổi một nhân tài?

Cứ ví ta là ngựa
một con ngựa giang hồ
yên cương đời đã thắng
Em yêu, ta đi nào!

Bềnh bồng thân trường túc
gió vải hương bạch mao
nhớ mang theo nhúm cỏ
ta ngậm cầm hơi thơ.

Mời em yêu lên ngựa...

HOÀNG LIÊN

một ngày cuối năm

Rời đại lộ Market, Ngọc rẽ vào đường Pine, và đứng lại trong một công viên nhỏ, cạnh ngân hàng Wells Fargo. Đột nhiên, anh hứng lấy một cơn gió mạnh và lạnh buốt, luồn qua mấy ngã đường, bất ngờ ập đến. Anh nhìn về phía trái: trên một tấm bảng màu đen, con số 38 độ F đang nhấp nháy sáng lên. Một cảm giác cũ quay trở về trong cơ thể: mỗi lần bước vào khu tài chánh sang trọng này, ngay cả trong những ngày hè ấm áp, anh chợt cảm thấy lạnh. Anh như bị rơi vào một thung lũng sâu nằm giữa những ngọn núi cao chót vót: những cao ốc hùng vĩ đứng sát nhau dọc hai bên đại lộ, ngăn ánh nắng chiếu vào lòng đường, tạo ra một hành lang dài thiếu ánh sáng thiên nhiên và gió hút vào từ vịnh Cựu Kim Sơn. Ngọc so sánh và nhận thức rằng khu phố giàu có, ngăn nắp, sạch bóng như chùi này không ấm cúng, hấp dẫn bằng xóm gia cư và thương mại Tenderloin nghèo nàn, luộm thuộm và xô bồ của anh. Và cùng với cảm giác lạnh lẽo, một nỗi cô đơn đang thấm dần vào người anh: anh hiểu rằng đó là tâm trạng lẻ loi của những người sống trong những đô thị sầm uất, giữa đám quần chúng vô danh trong đó mỗi cá nhân đều xa lạ đối với kẻ đồng loại.

Đút hai tay vào túi quần, Ngọc đứng thẳng người và lắng nghe. Trong không gian se sắt lạnh, tiếng xe hơi chạy rì rầm không dứt, dội vào các ngôi nhà chọc trời, bị dồn ép lại và được khuếch đại ra, như làm nhạc nền cho những âm thanh phức tạp của cuộc sinh hoạt đang lúc sung mãn. Trên mặt đường nhựa khô cứng, tiếng giày của những người bộ hành vang lên giòn giã. Ăn mặc lịch sự, tay xách cặp da, họ là nhân viên, là khách hàng của những nhà băng, hãng bảo hiểm, cơ quan tài chánh, giao dịch thương mại, hàng không, du lịch, những khách sạn, tiệm buôn lớn tập trung lại trong một khu vực không rộng nhưng được thiết kế hợp với nhu cầu. Đất ở đây đắt như

vàng và vì thiếu bề rộng, nhà kiến trúc phải sử dụng chiều cao. Trước khi dùng phi thuyền để chinh phục vũ trụ, con người, ngay trên mặt đất, đã tranh thủ chiếm đoạt không gian, và cuộc sống bận rộn, gấp rút buộc chúng ta phải chiến đấu cả với thời gian nữa.

Ngọc đảo mắt nhìn quanh. Anh bực bội nhận thấy tầm mắt mình bị hạn chế một cách độc đoán. Anh bị bao vây bởi những ngôi nhà lạnh lùng, cao vút, thẳng tắp, góc cạnh sắc cứng với những tấm kính lớn đen, xanh hoặc xám nhạt long lanh phản chiếu ánh nắng lọt vào giữa công viên. Những cao ốc ba mươi, bốn mươi tầng chen nhau trên một mảnh đất hẹp như đè nặng lên người anh và anh nhận chân thân phận bé nhỏ của mình như khi đứng giữa núi non trùng điệp hay biển cả mênh mông. Chỉ thiếu sự im lặng không bờ bến của vũ trụ đã từng làm cho con người lo sợ...

Như để làm dịu bớt cái cảm giác ảm đạm do những khối sắt thép tạo ra - dù những cao ốc vẫn có những nét hoa mỹ riêng của chúng - thành phố đã trồng khá nhiều cây hai bên đường. Đó là những hàng cây thẳng tắp, xanh tươi quanh năm, được cắt xén cẩn thận và chăm sóc kỹ lưỡng, những kiểu cây mà Lâm Ngữ Đường không thích vì chúng xếp hàng đều đặn, ngay ngắn và chỉnh tề như một đội lính. Xen vào giữa những lùm cây ven đường hay trong công viên, đứng lạc loài những cột đèn cổ kính, sơn đen, trên đỉnh có những cái chao với bốn mặt kính mờ bao quanh bóng điện, những cột đèn quen thuộc của những thành phố cổ bên Âu châu. Chúng như lạc lõng bơ vơ giữa một khung cảnh và một thời điểm không thích hợp... Và cũng để tô điểm cho quang cảnh khô khan này một ít màu sắc tươi thắm, lác đác đó đây vài ngôi nhà lục giác bán nhiều loại hoa sặc sỡ, hàng ngày cống hiến cho các văn phòng, cửa hiệu những hương sắc thiên nhiên.

Ngọc tiếp tục bước đi, rẽ vào đường Davis, rồi California và ngừng lại trước ngân hàng Security Pacific. Anh ngồi xuống một chiếc ghế đá. Mặt ghế bóng loáng điểm những nét vân đen nhánh, cạnh những dãy ngọa tùng trồng trong những hộc gỗ dài, gần mấy cây trường thanh thấp, lá nhỏ xanh đậm như lá ngâu. Trên hàng ghế đối diện, mấy người đứng tuổi, trong những bộ quần áo đắt tiền, ngồi uống cà phê, hút thuốc lá. Một người đàn bà đẫy đà, tóc đen dài, đang chăm chú đọc nhật báo San Francisco Chronicle phát hành vào

buổi sáng và thỉnh thoảng nhìn lên như chờ đợi ai. Bên kia đường, trước mặt nhà băng First Interstate trải dài một địa điểm bán hoa rộng lớn có trồng nhiều cây cao như trong một công viên. Nổi bật trong đám lá xanh, những hàng cúc đại đóa vàng tươi nép mình dưới chân cao ốc, lặng lẽ soi những cánh hoa vào tấm kính lớn màu xanh nhạt của mặt trước ngân hàng. Lòng đường, vỉa hè, những khung sắt thép, cửa kính, xe cộ, cây cỏ và cả con người trong khu vực này đều sạch sẽ, gọn gàng, tươm tất và tiêu biểu cho một nếp sống có trật tự và được tổ chức chặt chẽ.

Nhìn vào đồng hồ tay chỉ 11 giờ 45 phút, Ngọc lẩm bẩm một mình:

– Còn sớm chán.

Anh có việc cần phải thảo luận với một cơ quan quảng cáo ở lầu 15 trong một cao ốc ở đường Market. Cô chủ sự hẹn họp với anh vào đúng 1 giờ trưa hôm nay, 31 tháng Chạp. Anh cố ý rời khỏi nhà khá sớm để có thời giờ dạo chơi quanh khu tài chánh này, nơi mà anh ít khi đặt chân tới. Cư ngụ tại góc đường Eddy và Leavenworth, ngay trung tâm khu Tenderloin của những người tỵ nạn Việt, Lào, Cam Bốt, Hoa và người da đen, anh làm việc, mua sắm, giao dịch với bà con, bạn bè ngay tại chỗ. Giữa những người đồng hương, sống trong một cái studio hẹp, ẩm thấp, với những bức tường loang lổ từ lâu không được quét vôi, những bàn ghế giường kệ cũ kỹ, lắm lúc - nhất là trong những ngày hè nắng chói chang - anh có cảm tưởng mình đang loay hoay trong căn gác nhỏ trên đường Phạm Ngũ Lão ở Sài Gòn. Anh mến cái môi trường mà anh nghĩ là thích hợp với anh, cho nên dù Tenderloin nổi tiếng thiếu an ninh, anh cũng không muốn dọn đi nơi khác.

Ngọc băng qua đường và đi vào một khoảng đất trống: đó là một mảnh sân rộng, ba mặt là ba con đường với những cao ốc mới xây. Mặt đất phẳng lì. Đúng ra, không phải là đất vì sân được lát bằng những tấm xi măng lớn màu cát, giả đá hoa, lấm tấm những điểm xám nhạt li ti. Dọc theo một cạnh của mặt phẳng hình tam giác ấy, những chậu hoa bằng đất lớn xếp thành những hàng dài, cao thấp khác nhau trên những cái bục xây thành năm tầng. Nổi bật lên giữa đám cúc vàng, những chậu mẫu đình hồng màu đỏ máu đang nở hoa đúng vào dịp lễ Giáng sinh và tết Dương lịch. Cạnh đó, những chậu

anh thảo tím sẫm xếp thành vòng tròn vây quanh mấy gốc thông Giáng sinh lá xanh um có kết những ngọn đèn nhỏ nhiều màu.

Trong không khí giá rét, một đàn bồ câu nung núc, cánh tím lóng lánh dưới ánh nắng trưa, đủng đỉnh kéo nhau bước đi trên sân. Chúng chậm rãi vượt qua nhà lục giác bán hoa với bà hàng hoa tóc bạc nhuộm màu tím nhạt, cắt ngang mảnh sân rồi đến gần hai cái dù khổng lồ màu xanh nước biển cắm ở góc sân để che mưa nắng cho mấy bộ bàn ghế mảnh khảnh sơn trắng. Đàn chim chỉ ngừng lại khi gặp bốn người đàn ông mặc đồng phục đen, đeo nơ đen từ một căn nhà cạnh sân bước ra, xếp hàng ngang, đồng loạt đưa chiếc kèn đồng lên môi, và bắt đầu tấu nhạc. Tiếng kèn đồng lanh lảnh, nhịp điệu nhanh và rộn rã. Chắc hẳn họ tập dượt để kịp trình diễn trong một cuộc vui sẽ được tổ chức tối nay để tiễn một năm sắp tàn.

Bước lại gần mấy bậc đá, Ngọc ngồi lên một tấm nệm bọc vải nhựa màu xanh đậm đặt giữa hai chậu hoa, gần mấy nhân viên vừa từ hai ngân hàng Bank of America và First Interstate Bank đi ra và đang mở thức ăn ra ăn. Trong lúc chờ đợi giờ hẹn, anh rút một điếu thuốc lá, châm lửa hút và ngồi yên, nghe hơi lạnh thấm vào từng thớ thịt. Cùng một lúc, anh chợt cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm và thích thú được ngồi dưới ánh nắng ấm trong khu tài chánh này. Ở đây, không có những đoàn người di chuyển lộn xộn, có khi bất chấp cả những ngọn đèn đỏ như ở khu Tenderloin hay ở khu phố Tàu. Không có rác rến, những hộp giấy, bao thuốc lá, vỏ bia vất bừa bãi trên mặt đường hay trên vỉa hè. Cũng không có những người da đen nhàn rỗi đứng tựa vào thùng rác, uống bia, hút thuốc lá hoặc nhún nhẩy theo những điệu nhạc giật gân phát ra từ một máy thu thanh xách tay. Đây là một thế giới riêng biệt dành cho những hoạt động của giới tài phiệt và của những cơ quan liên hệ, là trung tâm kinh tế, tài chánh của một đô thị quan trọng có ảnh hưởng sâu rộng đến cuộc sống chung của địa phương. Đàng sau những tấm kính lớn, Ngọc đoán biết những hoạt động có tổ chức, hữu hiệu và anh tin tưởng vào những bước tiến bộ của một xã hội có trật tự - mặc dù đang trải qua những xáo trộn về phong hóa - trong đó nhân phẩm được tôn trọng. Nhưng ngồi giữa nền văn minh của những cao ốc và những máy điện toán, anh vẫn không xua tan được cái cảm giác lạnh lẽo đến vô tình mỗi khi anh bước vào khu tài chánh. Và anh thiết tha tưởng nhớ đến

một thôn xóm nghèo nàn, yên tĩnh và ấm cúng trải dài ven một con sông xanh biếc, cạnh đồng lúa chín vàng thơm ngát, một thôn xóm gồm những con người quen thuộc, sống gần gũi thân mật như trong một đại gia đình.

*

Kéo tấm cửa kính, Ngọc bước ra khỏi cao ốc. Sau một buổi họp khá dài tại cơ quan quảng cáo, sau mấy giờ liền ngồi trong căn phòng ấm áp, dưới ánh đèn, anh rùng mình trước cơn gió lạnh. Anh nheo mắt lại để tránh những tia nắng chiều do những tấm kính phản chiếu lại từ những cao ốc đang đổ bóng xuống mặt đường nhựa. Ngọn đèn xanh ở ngã tư bật sáng. Anh định băng qua đường Market, nhưng bỗng dừng chân lại. Từ cửa sổ lầu bảy một ngôi nhà trước mặt, những mảnh giấy trắng được tung ra, rơi nhanh, rồi gặp gió tung lên, bay bay trên không trung, giạt ra xa và từ từ rơi xuống vỉa hè. Rồi như có hẹn nhau, từ những cửa sổ khác, từ những ngôi nhà khác, hàng loạt những mảnh giấy trắng, xanh, hồng cùng được tung ra, bay lượn một lúc và đáp xuống mặt đường như những ngọn lá cuối thu rơi rụng tơi bời trong một cơn bão tố.

Sau một phút ngạc nhiên, Ngọc nghe lòng mình lắng xuống và ký ức anh mở rộng để đón nhận những hình ảnh của một đêm xuân cũ lần lượt hiện về, linh động và rõ nét. Vào một đêm lộng gió cuối tháng Hai, trên quốc lộ 20, anh phải ngừng xe lại bên đường, quãng giữa Di Linh và Bảo Lộc. Từ những cánh rừng hai bên đường, bay ra hàng trăm con bướm tập trung thành đàn, lượn vòng trong giải ánh sáng dài của hai cây đèn pha của chiếc xe đang chạy. Chúng bay nhanh, cánh sát vào nhau, dồn lại thành một tấm màn vĩ đại đạt dào gợn sóng và lấp lánh sáng trong đêm tối. Ngồi sau tay lái, Ngọc không thấy được mặt đường nhựa. Bị ánh đèn hấp dẫn, những đàn bướm khác cùng lũ lượt kéo ra, bay lượn không ngừng trong một vũ điệu tưng bừng và vui nhộn như để chào mừng nguồn sinh lực đang trở về với mùa xuân. Trong màn đêm âm u của rừng sâu, giữa những đợt gió hiền hòa đưa về làn hương thanh khiết và bình dị của những loài hoa dại và trong niềm hoan lạc dạt dào, những cánh bướm hoàng yến rộn ràng đi tìm ánh sáng là biểu tượng của tuổi trẻ rạo rực đi tìm nguồn sống mới. Từ đêm xuân rừng ấy, nhiều năm tháng đã chìm vào dĩ vãng, tuổi hoa niên của anh cũng đã trôi qua, và chiều

nay, trên đất khách, những mảnh giấy vụn vẫn mãi tung bay trong không gian như những đàn bướm năm xưa trên con đường thiên lý. giấy rơi rơi chất thành từng đống nhỏ dọc theo những con đường đô thị, như trong một buổi đón tiếp và vinh danh một chiến sĩ anh hùng trở về từ mặt trận, và tạo ra một cảnh tượng hỗn độn hiếm có trong một địa điểm mà nếp sinh hoạt ước lệ được quy định chặt chẽ. Sự tương phản giữa khu phố này mấy phút trước đây với tình trạng hiện tại thật đột ngột và rõ rệt. Những người đã quen sống nền nếp, thường tôn trọng luật lệ vệ sinh của thành phố, bỗng, trong một khoảnh khắc, trở thành những kẻ phạm pháp một cách có ý thức, như những người Á Đông đốt pháo bừa bãi tại khu phố Tàu trong mấy ngày tết Âm lịch.

Họ hành động bất thường như vậy là vì lòng họ tràn ngập niềm vui. Họ cũng như những người hâm mộ thể thao, để mừng một chiến thắng của đội bóng bầu dục nhà, ban đêm rủ nhau đi đập vỡ những tấm kính của những trạm xe buýt hay những cửa kính của những chiếc xe hơi đậu bên lề đường. Trong buổi chiều trừ tịch của năm Dương lịch, những nhân viên của những cơ quan trong khu tài chánh này hân hoan tung những mảnh giấy xé ra từ những cuốn lịch để tiễn đưa một năm đang chấm dứt và đón một năm sắp đến.

Vâng, chỉ còn mấy giờ nữa là hết năm. Họ muốn nhanh chóng đẩy lùi vào quá khứ 365 ngày làm lụng căng thẳng. Họ muốn quên đi những buổi họp buồn tẻ, những đắn đo khi phải thanh toán những trường hợp phức tạp, những khó khăn lúc viết những báo cáo khô khan, những giờ dằng dặc ngồi trước máy điện toán để tìm lại một tài liệu cũ hay ghi thêm những chi tiết mới, đôi mắt mệt mỏi chăm chú dán vào màn ảnh nhỏ lấp lánh những chữ và con số... Họ không muốn nhớ lại những cú điện thoại thúc giục giải quyết cấp bách một vấn đề hoặc nhắc nhở phải hoàn tất hồ sơ cho kịp thời gian ấn định. Họ muốn quên, muốn vứt bỏ ra đường những tờ giấy ghi công việc phải làm, giờ hẹn với khách hàng, giờ gặp cấp điều khiển, giờ những buổi họp, những party mừng bạn cưới vợ, lấy chồng, sinh con... Họ muốn quên đi những rắc rối, buồn phiền, thắc mắc lo âu về nghề nghiệp đã xảy ra trong năm và hy vọng rằng qua năm mới, mọi việc sẽ được hanh thông, cấp điều khiển, bạn đồng nghiệp sẽ thông cảm với họ hơn.

Họ muốn quên quá khứ. Ngọc nhớ rằng chúng ta, vào lúc mộ tuế, cũng tiễn năm cũ và đón năm mới. Nhưng chúng ta không dứt khoát một cách quyết liệt và tàn nhẫn đến như thế. Chúng ta không muồng bỏ những ngày qua mà quan niệm hiện tại và tương lai là sự nối tiếp, sự kéo dài của dĩ vãng. Chúng ta cũng không bạc bẽo đối với quá khứ vì hiểu rằng quá khứ không chỉ toàn gồm những đau khổ và thất bại ê chề... Trong phạm vi tình cảm, Ngọc có thói quen quyến luyến những gì đã qua, những gì không còn nữa. Quá khứ là một phần của cuộc đời, và cuộc sống không chỉ gồm có hiện tại và những viễn ảnh về tương lai. Nó như một gốc cây, từ đó cành lá sẽ phát sinh và phát triển. Hơn nữa, thời gian trôi chảy không ngừng và không gián đoạn, và chính chúng ta đã cắt thời gian ra một cách giả tạo. Quá khứ gắn liền với hiện tại, nó không quên ta và ta cũng không quên nó được. Nó luôn luôn nằm sâu trong tiềm thức.

Ngọc tự giải thích thái độ của mình: anh là một phần tử của một dân tộc đã già và bị ràng buộc bởi nhiều truyền thống, nên anh nặng về quá khứ. Anh không bồng bột, sôi nổi như cô thiếu nữ tóc nâu, mặc chiếc áo len màu xanh rêu, đứng sát cửa sổ lầu ba, đang xòe ra những ngón tay mềm mại để cho những mảnh giấy mong manh từ từ rơi xuống vỉa hè. Cô ta thuộc một dân tộc còn trẻ quá.

Để nhường chỗ cho một đoàn người bộ hành, Ngọc bước lùi lại và tựa lưng vào chiếc cột đá đen bóng loáng của mặt tiền cao ốc. Anh bỗng có cảm tưởng như đang tựa lưng vào cột đền thờ vua Hùng, và sau lưng anh là những triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn và cả một dân tộc mà lịch sử đã trường tồn qua nhiều thế kỷ. Cũng như những người Mỹ đang trút bỏ những phiền muộn của một năm tàn và tin tưởng vào một năm mới tươi đẹp hơn, anh chờ đợi ngày Tết của ta. Nhưng hoàn cảnh và con người của anh không giống họ. Quá khứ vẫn bến bỉ bàng bạc trong tâm trí anh và anh tự an ủi mình rằng mình còn may mắn hơn nhà văn Do Thái Kafka thường than phiền rằng mình bị mất gốc: Ngọc còn có gia đình, tổ tiên và nòi giống. Nhưng trong lúc này, anh không cần trở ngược lại dòng thời gian xa vời. Cái quá khứ rất gần đã xích lại bên anh. Những ngày tù dẵng dẵng chặt cây, đập đá dưới ánh nắng như thiêu đốt hay trong gió buốt đến tận xương trong vùng rừng núi Bắc Việt; những đêm tù dài thao thức vì bị cơn đói dày vò; những ngày đứng bán vé

số và thuốc lá lẻ trên đường Trương Minh Giảng giữa gió bụi Sài Gòn; căn nhà hẹp lợp tôn trong một con hẻm đường Trương Minh Ký, cái chết tức tưởi của đứa con trai 13 tuổi... Mười sáu năm đen tối ấy kéo dài trong tủi nhục và áp bức, làm sao anh quên được? Khoảng thời gian ấy, tự nó, đã in đậm vào dĩ vãng. Khác với cô thiếu nữ tóc nâu đang nhởn nhơ vứt bỏ những ngày tháng của năm đang tàn, anh không muốn ruồng bỏ nó - mà có muốn cũng không được. Và rồi đây, anh cũng sẽ mãi mãi khắc sâu vào tâm khảm nỗi ngỡ ngàng khi mới đến đất tạm dung này và cả những ngày chật vật anh đang trải qua trong khu Tenderloin. Anh không quên được, một phần cũng vì những nỗi đau thương ấy không chỉ là của riêng anh. Chúng sẽ gộp lại với những nỗi thống khổ chung của dân tộc, sẽ nhập vào những thăng trầm của đất nước để làm chỗ tựa cho anh, cho con cháu anh.

Thật ra, cũng có những lúc lạc lõng trước nếp sống mới, anh có cảm tưởng như bị bứt ra khỏi gốc rễ, bị hụt hẫng trong một môi trường khác lạ. Một đám mây, một màu hoa, tiếng gió rít ngoài cửa sổ, tiếng lá rơi, tiếng một con chim kêu buổi sáng và cả tiếng chân anh dẫn xuống mặt đường cũng khác trước, không giống như hồi còn ở bên nhà. Anh như bị cắt lìa khỏi dĩ vãng. Thế nhưng những sợi dây tình cảm và suy tư đã nối liền anh với giải đất hẹp bên kia bờ đại dương. Anh lại trở về với chính anh và quá khứ phong phú và trung thành lại lồng lộng đứng sau lưng anh, và nâng đỡ anh.

*

Bóng chiều cuối đông đổ xuống rất sớm trong thung lũng sắt thép giá lạnh với những đống giấy vụn nằm vương vãi trên lề mặt đường nhựa xám. Những đoàn người bộ hành vội vã, rảo bước nhanh và vì không có chỗ tránh, đang dẫm lên những trang giấy như dày xéo lên những ngày tháng cũ. Những đoàn xe lạnh lùng lướt qua, cuốn chúng theo, hút chúng bay lên trong gió hoàng hôn như những "thoi vàng vó rắc" một chiều đạp thanh. Và vài tháng nữa, những đàn bướm vàng đã mấy lần vỡ kén, mấy lần tái sinh, sẽ bay lượn trên những cánh rừng cao nguyên, như trong mùa xuân năm ấy.

Cài kín cổ áo khoác ngoài, Ngọc băng qua đường Market để đón chuyến xe buýt trở về khu Tenderloin.

Hoàng Liên

CAO XUÂN HUY

vải bao cát

Hùng mơ màng, suy nghĩ. Đã nhiều lần anh chàng tự nhủ, ừ, tại sao lại không, tại sao lại không nghĩ nhỉ. *Không có gì quý hơn độc lập tự do*, thì tại sao lại không tận hưởng cái quyền độc lập và tự do không giới hạn này, nghĩ. Nghĩ như thế, Hùng cứ một mình tiếp tục ung dung suy nghĩ, chẳng sợ thằng nào báo cáo, chẳng sợ thằng nào kiểm thảo. Nghĩ miên man hết chuyện này sang chuyện khác. Chuyện giày cao gót, chuyện giày saut, chuyện dép râu, rồi thì chuyện củ sắn củ khoai... Kể cả chuyện mơ mộng một ngày thơ thới *trở về mái nhà xưa*.

Ấy thế mà, cái phần gia tài duy nhất ấy rồi cũng cạn dần theo năm tháng. Hùng bây giờ như phiến đá, như cây rừng. *Thôi ngủ yên đi con*, ngủ cho qua cơn mộng dữ này. Đừng vui, đừng buồn, đừng hy vọng thì lấy gì mà tuyệt vọng.

– Hùng, mày lại tiếc bữa ăn sáng phải không?

Hùng bực mình với thằng Phương lý tài nên dấm dẳn:

– Tiếc cái cái con củ cải tao ấy, càng đỡ phải nhịn đi cầu.

– Tại sao tao thấy mày cứ lừ đừ như ông từ vào đền vậy.

– Lừ đừ cái mẹ gì. Không lẽ tao lại còn tiếc cả ba cái khoản kia. Mẹ kiếp...

– Nhưng cái khoản thứ tư...

– Cái khoản thứ tư, mẹ, *"nhìn" còn không có, có chi "chi"*. Tao với cái khoản đó đã *ly tán từ cơn gió bụi này* rồi.

– "Ly tán"? Sắp "tha hương ngộ cố tri" chứ.

– Ừ thì "ngộ cố tri".

Không muốn nói chuyện tiếp với Phương, Hùng quay đi. Nhưng cái vụ "ngộ cố tri" vẫn luẩn quẩn trong đầu.

Đã bao năm rồi không thấy nó,
Mà ta vẫn sống, có lạ không?

Hùng lắc đầu, vậy mà cũng đòi làm thơ, lạ mẹ gì, thi sĩ mà khôug

có óc tưởng tượng, hoặc kiếm được gì gợi hứng cho sự tưởng tượng, anh mới than thân như vậy. Chứ còn như ta đây:

ta "sờ râu" *ta cho đỡ nhớ*

"không" *Thanh Tâm Tuyền* "không" *Thanh Tâm Tuyền!*

Hùng bật cười, vừa ngâm nga một cách thú vị, vừa đưa tay xoa xoa, sờ sờ cái cằm lởm chởm râu. Bộ râu chẳng phải vật "tư hữu" của Hùng là gì. Vậy mà, mẹ kiếp, tiên sư chúng nó, có mỗi bộ râu để "sờ", anh chàng cũng phải để một cách lén lút. Mà râu thì ở ngay trên mặt, ở ngay trên cằm chứ có kín đáo gì cho cam, làm sao mà để lén, làm sao mà để "chui" cho được, để được hơi lởm chởm cũng đã là một kỳ công rồi. Thành thử ra...

"Ta sờ râu ta cho đỡ nhớ"

Râu thì cũng lại đành là, không để được cho đủ để mà sờ, nhưng chút nữa đây, một chút nữa thôi, cái "cố tri", cái mà Hùng phải sờ râu "cho đỡ nhớ" sẽ hiện ra, ngay trước mặt, bằng "xương", bằng thịt.

*

Mắt Hùng sáng lên khi thấy toán tải thương thấp thoáng ngoài cổng trạm xá. Sự chờ đợi nào rồi cũng phải đến. Cuối cùng thì Hùng cũng sẽ được nhìn, có thể còn được cả chạm tay vào cái "vật thiêng", cái vật mà lâu nay anh chàng chỉ được nhìn ngắm, chiêm nghiệm qua trí nhớ, mà mấy năm nay anh chàng chỉ được sờ, được mân mó qua chính cái... cằm của mình. Cái "linh vật" ấy đang đến gần, đang tình cờ đến gần và lọt thỏm vào tầm tay Hùng.

Hùng đã phải năn nỉ, ỉ ôi, đã phải nộp nguyên phần ăn sáng ngày hôm sau cho cái thằng Phương nhất định giành "công tác" cầm đèn với mình. Đói thì đã đói rồi, nhịn thêm một bữa ăn sáng cũng chỉ đói thêm một chút, chứ có chết thằng Tây nào đâu. Nhịn một phần ăn sáng để đổi lấy việc cầm đèn.

Cầm đèn!

Ừ, cầm đèn. Chỉ cần nghĩ đến cảnh một chút nữa đây, tay trái cầm đèn soi thật rõ để tay phải lần cởi cái cúc áo, nhẹ nhàng cởi cái dải rút... Trời ơi, Phương ơi, dù có phải nộp mười phần ăn sáng cho mày tao cũng ừ, chứ đừng nói là có mỗi một phần. Thiên hạ cứ hay nói "ăn cái dải gì" một cách ngon lành, mà chẳng biết họ có hiểu

được cái giá trị "kinh tế vĩ đại" này không. Thế hóa ra cái "dải rút", trong một vài trường hợp cũng "ăn" được đấy chứ, Phương nhỉ.

Toán tải thương dùng võng cáng vào phòng mổ một người con gái bị trúng mảnh đạn M-79 khi cô nàng đang cuốc đất. Nhìn con mồi mơn mởn nằm trên võng, mắt nhắm nghiền, mặt tái xanh, Hùng mỉm cười. Qua kinh nghiệm, rõ ràng là cô nàng thiếp đi vì sợ, chứ vết thương tuy nhiều, máu ra cũng khá, nhưng, ối giào, một loại kiến cắn, cao lắm cũng chỉ ngang với gà mổ là cùng, đâu nguy hiểm đến nỗi mà phải ngất đi như thế.

Bác sĩ Thông, buông dao đang băm dây lang nấu cháo heo xuống, quẹt quẹt hai tay vào hai bên hông, rửa vội tay trong thau nước, rồi chạy thẳng vào phòng mổ. Thiên chức thầy thuốc khiến bác sĩ Thông nhà ta đành phải buông dao nuôi heo chuyển sang cầm dao cứu người.

Phòng mổ, một gian nhà tranh, vách trét đất, bên trong kê một cái bàn bằng gỗ tạp để dao kéo.

Giường mổ, một cái chõng tre, có giăng mùng để che ruồi.

Hùng mặt mũi hớn hở đứng sẵn trong mùng, tay cầm đèn quơ qua quơ lại trên thân thể cô gái lúc đó vẫn chưa tỉnh, miệng không ngớt réo Phương đang ngồi hì hục quay máy phát điện bên ngoài:

– Mạnh tay lên chút coi. Đèn mờ lắm.

– Mờ cái gì? Có câm mồm đi không?

– Mẹ kiếp, một bữa ăn sáng, nhớ nghe con.

Bác sĩ Thông cười cười:

– Cũng mua bán được à?

– Mua bán chứ! Ba bốn năm nay mới có một thuở mà, ông ơi. Vợ con thì đã chẳng...

– Còn thằng Phương?

– Nó khác trại, tôi không biết. Nhưng vợ nó ở ngay đây, lâu lâu vẫn "mang" vào cho nó. Ít nhất thì dù lén lút, "xuân thu" nó cũng còn được "nhị kỳ".

– Thôi cha nội, làm việc đi. Mà cởi từ từ thôi nghe. Chỗ mấy vết thương, nhẹ tay nghe cha.

– Yên tâm đi bác sĩ. Chỗ nào cũng nhẹ tay hết. Mọi chỗ, mọi chỗ đều nhẹ tay, nhẹ tay...

Dù hai hàm răng đang trong thời kỳ giống như miền Nam vào những ngày cuối tháng Tư, Hùng vẫn dùng răng ngậm đèn để rảnh tay cởi quần áo cô gái. Cố gắng dùng thật ít ngón tay để cởi cúc áo, mấy ngón còn lại Hùng cố tình *vi phạm hiệp định, lấn đất giành...* da!

Người con gái vẫn nằm bất động.

Bác sĩ Thông nhìn Hùng, khó chịu, hơi gắt:

– Nhanh tay lên! Cái ngữ anh, chỉ cần làm y tá một buổi thôi là tôi tống cổ ra tác chiến rồi.

Hai hàm răng Hùng vẫn cắn lấy cái đèn:

– Bởi vậy ông mới là bác sĩ. Chứ tôi có phải là bác sĩ đâu mà ông không cho tôi động lòng... *lương y như từ mẫu.*

Hùng vừa banh áo cô gái ra, vừa lẩm bẩm một mình:

– Cha mẹ ơi, gái quê, suốt ngày ngoài nắng mà sao da thịt trắng đến thế này!

– Ông đang "khấn tiên sư" gì đấy?

– "Con khô mực" này đâu có banh ra được, phải cởi ra chứ?

– Làm lẹ đi cha nội!

– Ông cầm hộ tôi cái đèn.

Hùng vòng hai tay ra sau lưng cô gái, mũi dí sát vào một bên cổ cô nàng hít hít. Mùi khét nắng từ tóc, mùi hơi thở từ miệng, mùi da thịt giống cái từ dưới vành tai đi thẳng vào mũi Hùng. Mê mẩn, lúc này, mùi gì từ trong thân thể cô gái toát ra mà chẳng làm anh chàng mê mẩn. Không biết vì lâu ngày không "nhớ chỗ" hay vì cố tình "lính quýnh", mà anh chàng cứ như thằng hậu đậu, loay hoay một lúc lâu mới tháo được cái móc.

Lồ lộ, da trắng. *Bộ ngực bị thương* "có" *rợn tình.* Hai núm vú như hai "nốt ruồi son" đỏ hồng, con gái *nguyên si*? *Vú em chum chủm chũm cau; Cho anh bóp tí, lỡ đau anh đền.* Trời ơi. Thế này thì có chết người ta không cơ chứ. Chết thật, chết thật chứ chẳng chơi. Nhất định là anh đền, dù đền bằng gì (?) anh cũng vẫn cứ đền... Những vết thương loang máu trên ngực, trên bụng làm cho nước da càng như trắng thêm. Anh chàng ngẩn ra, bị hai "nốt ruồi son" thôi miên mất rồi.

– Cởi nốt cái quần, rồi xê ra cho tôi làm việc.

Tiếng bác sĩ Thông khiến Hùng chợt tỉnh. Bây giờ mới bắt đầu vào mục tiêu chính, mới bắt đầu vào cao điểm của "chiến dịch tiến chiếm linh vật".

"Cố tri" ơi, ta sắp "ngộ" nhau rồi!

Hai mắt Hùng hau háu.

Hai tay Hùng luống cuống.

Hùng từ từ kéo quần cô gái xuống.

Hồi hộp.

Đợi chờ.

Trời ơi, bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày. Hôm nay tao mới gặp mày, "cố tri" ơi. Không còn phải tưởng tượng nữa, không còn phải sờ râu nữa. Tao sẽ nhìn mày tận mắt, tao sẽ bắt mày tận tay, tao sẽ day mày tận...

Hùng đang háo hức đắm chìm theo những tưởng tượng... Bất chợt, hai mắt đang phát ra những luồng dâm diện chợt dịu lại. Ngập ngừng. Hai tay đang tụt quần cô gái chợt khựng lại. Lúng túng.

– Làm gì mà đứng nghệt ra vậy?

Hùng như không nghe tiếng bác sĩ Thông, vẫn đứng trơ ra, mắt như dán vào phần dưới thân thể cô gái.

Thẫn thờ.

Dở dẫn.

Mắt Hùng như đại đi. Trong đầu, chập chùng những hình ảnh. Giao thông hào, lô cốt, hầm chữ A, hầm chữ T. Tiếng bom, tiếng mìn, tiếng lựu đạn, không giật, sơn pháo. M-48, T-54, AT-3, SA-7. Những đợt tấn công, phản công. Những xác người, xác ta, xác địch, xác bạn, xác dân. Một bữa ăn vội vã bên bìa rừng, một viên đạn bắn sẻ, thằng đệ tử ruột ngã ngửa, bát cơm biến thành bát máu. Đôi dép râu với cặp chân xanh mét vắt ngang giao thông hào. Và, bao cát, những bao cát đẫm máu một người dân, người thiếu nữ chết banh thây trên nóc một hầm trú ẩn...

Bằng tất cả gượng nhẹ, với tất cả ân cần, Hùng cúi xuống gỡ nốt phần vải duy nhất còn lại trên thân thể cô gái, phần vải thô nhám loang những vết máu khô. Chàng lẩm bẩm nói với cô như thầm nói với người thiếu nữ chết trên nóc hầm trú ẩn ngày nào:

– Khốn khổ cho cô, và cũng khốn khổ cả cho tôi, dã đành. Khốn

khổ cho đất nước tang thương này. Nhưng mọi chuyện rồi sẽ qua đi. Yên tâm đi cô bé, vết thương cô sẽ lành. Mọi vết thương đều sẽ lành. Vết thương lớn, vết thương nhỏ của tất cả chúng ta đều sẽ lành.

Một ngày nào đó, chúng ta sẽ không phải còn dùng bao cát để làm gì nữa, không còn phải dùng bao cát để làm hầm trú ẩn, không còn phải dùng bao cát để đắp giao thông hào, và cô, cô cũng không còn phải dùng bao cát để may quần lót nữa!

Cao Xuân Huy

NGUYỄN CHÍ KHAM

trắc ẩn

Hơi ấm bay trên vùng gió lạnh
Hàng cây xanh khói vắt trên hồ
Hoa trắng trong mùa không nở hết
Khi dòng lưu lạc cuốn ngày thơ.

Cũng biết nắng vàng tràn phố cũ
Mùi hoa khô ráo khắp tâm hồn
Áo tím vỗ về người đứng lại
Như niềm an ủi mới quen tên.

Làn gió mùa xuân thơm hai tay
Mắt cười khao khát buổi sum vầy
Cây cao xanh giữa hai thành phố
Áo trắng nhìn em đẹp một ngày.

Những lúc muốn về anh trẻ lại
Bao la vỗ cánh gọi mây trời
Thơ ấu một mùa hoa mới nhất
Quê người không có ở xa xôi.
18-11-1993

TRIỆU CHÂU

hoa vì ta nở

I

Người Mường không có tính giảo hoạt. Nhưng miệng lưỡi tên bán thuốc Mường này thì ăn đứt cả mấy cửa ô. Không ai biết hắn từ đâu tới, tự bao giờ, chỉ thấy ăn mặc theo lối mường và bán thuốc ngoài chợ, thì người ta cho hắn là thổ mừ, dần dộn từ Thanh Hóa ra kinh đô kiếm ăn. Vì vậy mới càng chết về miệng lưỡi bán thuốc Mường của hắn. Không bán thuốc vặt dọc quanh các chợ thì hắn kiếm ăn bên doanh trại của bọn lính trong phủ.

Những năm lính Tam Phủ làm loạn, dân kẻ chợ thấy hắn thập thò ở cửa Tuyên Vũ, chè chén với binh Thanh Nghệ, nói đặc giọng Thanh Hóa. Khi chư quân nổi loạn giết Quận Huy, tên bán thuốc Mường này hoa chân múa tay mừng rỡ, đứng ngoài tung hô bọn kiêu loạn. Được dịp vào cung hôi của, hắn không Mường tí nào cả, nhanh chân chẳng kém ai. Kinh kỳ nghỉ phiên chợ mừng Chúa mới lập thì hắn túy lúy nơi cửa phủ, nồng nặc hơi rượu, chắc là cũng do quân sĩ phá kho rượu trong phủ ra chia lộc cho một bẹ.

Ngày vui nhất của hắn, có lẽ là hôm được theo chân bọn lính Nhưng Kiện len vào cung Vạn Thọ. Hôm đó, chúng thuê vài anh nho sinh lỡ thời làm tờ khải đòi lĩnh lương, kể công dã rước Hoàng tôn từ trong ngục ra. Hoàng thượng phải cho bọn Thanh Nghệ ngang ngược này vào tận cung Vạn Thọ bau vài câu khích lệ. Chúng chưa chịu. Ngài lại lệnh phiên tả sai người đánh cá trắm từ hồ sen lên làm gỏi thiết đãi chưa quân. Thật là một ngày hội lớn, chẳng khác gì một

thời "Thái Bình Diên Yến" vậy. Không biết nhờ ăn nói ra sao mà trong đám người nửa lính nửa cướp om xòm trong cung, tên bán thuốc Mường cũng có mặt, có lẽ còn sướng hơn cả bọn kiêu binh. Hắn uốn éo múa may như kẻ say rồi cao hứng líu lo mấy bài hát Mường làm đám lính bụng phệ cười phun cả rượu thịt ra áo.

Nhưng, say vậy chứ khi quan Chiêm Vũ Hầu cầm gươm dẫn lính Phong Vân vào điện bắt đám binh kiêu lộng này, hắn là tên nhanh chân chạy trước hết, sau khi đã nhẹ tay thủ bộ chén kiểu vào bọc. Bộ chén đáng giá mấy lượng bạc, cho hắn no đủ được hết mùa Xuân năm Thìn đó. Vài tháng sau, khi kiêu binh lại có thế, ép Chúa Trịnh Tông và ném đá giết chết Chiêm Vũ trả thù, hắn lại có mặt, ngông nghênh ngoài chợ, như chính mình đã cầm giáo cướp cờ trong phủ ra vậy.

Mùa Hè năm Ngọ, kiêu binh tan tác trong cơn lốc Tây Sơn, cũng chính hắn đã rượt theo ném đá bọn bại binh quanh bến Tây Long. Tên Mường chây lì này hùa theo dân chúng dồn nỗi căm hận lên đầu bọn lính Thanh Nghệ. Họ rủa xả bọn lính chỉ biết hống hách ngoài chợ, hằng ngày ép dân đòi rượu thịt, chứ khi lâm trận thì cúp đầu chạy như chuột. Thực ra, quân Tây Sơn không biết tài tráo trở của hắn, và cũng chẳng ngờ một gã Mường rách rưới bẩn thỉu như vậy lại biết mặt Trịnh Tông. Nếu không thì đã theo lời hắn chỉ điểm mà tóm được Tông ở ngay cửa ô Yên Phụ rồi. Chứ việc gì mà phải đuổi theo đến làng Hạ Lôi nữa.

Tên bán thuốc Mường này cười khẩy nhìn binh Tây Sơn như bầy sói cầm điểu thương và dao ngắn lao vào phủ, không nghe hắn dón bắt tên quân lộn áo vải bám hòm da phía sau yên voi đi ra hồ Minh Đường. Trịnh Tông đấy chứ ai! Hắn còn nhớ lắm, vì đã bao lần theo binh Thanh Nghệ vào phủ ăn bám, uống càn nên biết mặt không sai được.

"Thây kệ. Việc ai người ấy lo, mạng ai, người ấy giữ".

Vả lại, hắn còn bận ra cửa Tây đuổi theo đám tôn thất phủ Chúa để lột của. Lũ thân quân của Trịnh Tông ngày thường thì oai vệ thế, khi có giặc lại quẳng cả gươm dáo rồi đổ đạc chạy thục mạng. Thấy quan quân chạy qua, dân Từ Liêm chưa hiểu gì còn nhìn nhau thăm hỏi nghe ngóng thì hắn đã vụt lên như ma đói. Vừa ném đá hét hò, hắn vừa xông ra đạp chúi nhũi viên quan văn đi sau cùng, giựt lấy

được mấy vóc lụa, một ít bạc vụn và cả gương lược, toàn thứ hiếm quý ít đâu thấy. Dân quê hiểu ra tình thế bèn ùa theo làm bọn quyền thần của phủ Chúa lại thêm một phen thất điên bát đảo chạy chối chết về hướng Yên Lãng.

Họ tất tả chạy, khóc lóc bảo nhau "bạc như dân, bất nhân như lính", phía sau, dân đen chọi đá chửi rủa như quỷ sống! Tên bán thuốc Mường cung tay gạt mấy dân làng đang mon men xán lại tính xin xỏ, hắn rảo ngược về đê Yên Phụ. Hắn cười khoái chí khi thấy lính của Hiệu Tả Bộ cởi trần hốt hoảng chạy từ trong thành ra. Xa xa, ở kinh sư vẫn còn tiếng hỏa mai nổ lốp dốp và những dám cháy do dân chúng nổi lửa đốt nhà các quan vét của làm hắn muốn mọc cánh trở về cho nhanh. Hắn không biết là nơi đó, quân Tây Sơn đã hạ lệnh nghiêm cấm cướp bóc, và từ ngày đó, hắn sẽ phải trở lại nghề bán thuốc dạo ngoài chợ.

2

Trong suốt giai đoạn nhiễu nhương của kinh thành, con bé vẫn lặng lẽ sống với bà cô, bên ven chợ. Hai cô cháu chỉ có một gánh hàng xén, bán rặt thứ tầm tầm để rau cháo qua ngày. Nó tên Ly, mà có mấy ai thèm biết hay gọi cho đúng tên, bắt đầu từ chính bà cô kèn kẹt của nó. Suốt ngày, bà ngồi bên chợ, vung cái quạt nan xua nó ra ngoài như đuổi ruồi:

"Tao bận trông cửa hàng, mày xéo đi đâu kiếm gì về mà ăn. Cứ cái mặt gớm ghiếc của mày vất vưởng ở đây, ma nào nó ghé mua?"

Con bé lủi thủi bước đi, ú ớ mấy câu rồi tần ngần xếp lại xấp giấy phóng, mấy guồn chỉ và dăm ba chai lọ trước hộp kính. Cô nó ghét bỏ, bảo mặt nó gớm ghiếc vậy, chứ thực ra, con bé cũng không đến nỗi nào. Nó thoăn thoắt chỉ trỏ, ý là muốn đỡ dần một tay. Bà cô thì coi nó như của nợ. Nhoẻn miệng cười thân thiện, nó tưởng bà nguôi ngoai nên mon men bước lại thì thấy mắt bà long lên xòng xọc nên lảng ra xa. Bà nhổ quết trầu đánh bẹt xuống rãnh nước ngoài hiên:

"Đã bảo! Có xéo đi hay đợi bà phải dốt vía? Đồ ăn hại!"

Con Ly không phải đứa ăn hại. Bố nó bị bắt tòng quân, chết mất xác ở mãi tận Trấn Ninh khi nó chưa ra đời. Nó chẳng biết Trấn Ninh xa gần thế nào, chỉ hiểu là năm Sửu đó, mẹ nó đẻ nó ra rồi bị

hậu sản chết ngay trong nhà. Cô nó bị phường bắt phải nhận về từ khi nó còn đỏ hỏn. Bà cô này không chồng, tính tình khắc khổ, lại đơn chiếc nuôi cháu giữa những rối ren cùng cực của kinh thành nên càng thêm bẳn gắt. Tình hình khó khăn, loạn lạc rồi mùa màng thất bát, dân cư xiêu tán khắp nơi đổ về chợ, cạnh tranh kèn cựa từng tí để kiếm sống, nên cô nó không còn một chút kiên nhẫn nào nữa với một con cháu ấp úng ngớ ngẩn như vậy.

Nó lớn lên như cỏ dại ngoài đồng. Sống trong thế giới của nó, con bé vẫn luôn luôn tươi tỉnh với mọi người, nhất là với bà cô lúc nào cũng chỉ nghiến răng, trợn mắt than thở. Trừ những lúc ngoắc tay gọi nó vào bắt chấy khi hàng họ ế ẩm, hay cần bảo nó đi khất nợ thì còn dịu giọng được một chút. Con gái mười lăm mười sáu ngần ấy, ở những nhà khá giả thì đã lụa là tươm tất, và chuyện gả cưới sẽ phải là chuyện thường tình. Con Ly thì không thế, nó còi cọc như một đứa trẻ mười ba, áo quần vá chằng vá đụp, chẳng hơn lũ ăn mày ngoài chợ được mấy tí.

Nhưng, lạ một cái là khổ đến mấy, nó cũng vẫn tươi cười, hai tay lúc nào cũng như múa, miệng mấp máy muốn hát. Dù chẳng ai hiểu nó muốn gì, nghĩ gì, người ta cũng biết là nó không phải là đứa dần độn dở người, và chẳng bao giờ biết oán than. Đôi mắt nó nói lên điều đó. Bà cô nó, đã quá ngũ tuần, người héo quắt như quả chám khô, mở miệng là nghiến răng trèo trẹo, lên tiếng là tru tréo giọng kim nghe nhức óc. Con Ly cũng tạng người như cô, nhưng khuôn mặt nhẹ nhõm hơn và đôi mắt luôn luôn rạng rỡ như muốn cười nói với mọi người. Nó tốt bụng, hiền tựa bụt và nhẫn nại với cô như con chó già chung thủy với người chủ khó tính vậy.

Nhiều khi bị cô nó giận dữ lấy nan quạt gõ lên đầu hay co cẳ chân đạp nó lăn ra ngoài rãnh, nó vẫn tươi tỉnh đứng dậy phủi áo, chờ bà nguôi giận ra hiệu để lại trở vào.

Bà cô không muốn nhận ra thực tế, chứ người ta ghé gánh hàng xén của hai cô cháu cũng chỉ vì cái vẻ nhanh nhẩu tươi vui của con bé. Được ai giúi cho mấy trinh tiền kẽm, nó đều ngoan ngoãn trở lại nhét vào túi bà. Mỗi khi thấy bà thoải mái được một chút, nó sướng hẳn lên, tung tăng ra vào như trong nhà có hội. Hôm cô nó bị trợt mưa sái cổ chân không dậy được, nó khóc xưng cả mắt và chạy khắp chợ chỉ trỏ xin thuốc về bóp chân cho bà.

"Cái con này, làm gì cứ cuống lên thế? Tao đã chết đâu? Đã hết nợ mày đâu cơ chứ?"

Nó nghe mà hiểu hết, nhưng chẳng tỏ vẻ buồn rầu gì, cứ lặng lẽ hơ lá trầu không trên ngọn đèn dầu lạc và luôn tay xoa bóp cho cô. Chỉ có bà cô nó mới hiểu là nó đang lâm râm khấn Phật phù hộ cho bà chóng khỏi. Bà nguýt dài, vẻ khinh khỉnh chán chường:

"Phật nào vào đây. Nếu có trời phật, tao dân có khổ thế này? Cái hôm giặc vây Phủ Liêu, như con nhà người ta thì mày đã vào đó khuân ra được ít của, biết đâu chẳng có cao sâm hay mật gấu cho tao? Đã bảo là theo lão Tám Chương vào trong đó mót của đi thì lại lắc đầu không nghe. Khốn nạn, nghèo tướt ra như vậy mà còn dòi nhân nghĩa!"

Nó có biết nhân nghĩa là gì đâu. Nhưng thấy mấy gia đình xớn xác trong phủ chạy ra, áo quần tơi tả, vẻ mặt thất thần, nó không nỡ theo dân ngoài chợ vào cướp đồ của họ. Nó khẩn khoản giơ tay giải thích mà cô nó không nghe. Bà cô muốn trèo vào phủ ăn cướp, nhưng lại sợ. Bảo con cháu đi, nó khóc ròng như bị sai đi giết người vậy. Nghĩ lại, bà còn thấy tiếc, nổi đóa giật mạnh tóc nó, miệng méo xệch vì giận dữ:

"Nhẹ tay chứ, mày muốn giết tao hay sao vậy, của nợ? Mày xoa dầu cho tao hay đánh đòn thù, con ranh này? Nó muốn bẻ gẫy chân tôi đây, làng nước ơi..."

Con Ly ngồi xụp xuống, xoa dầu cho dỡ đau và nhìn cô nó với ánh mắt van nài, phân trần. Khi thấy bà cô dịu cơn giận, nó lết tới với một lá trầu nóng khác, và nhẹ nhàng xoa thật chậm trên chỗ bong gân, thấy xót xa vì chân cô khô nẻ, bị nước ăn chân nứt thành rãnh, chung quanh chỗ bong gân xưng vù vẫn còn thâm đen nốt muỗi cắn.

"Ừ, nhẹ nhẹ như vậy đó, cái gì cũng phải bảo", quay nhìn trời mưa lất phất ngoài liếp cửa lụp sụp bà cô lẩm bẩm bực dọc, đưa tay lải nhải, "cảnh này phải hai ba hôm nữa tao mới đi được. Mày liệu mà trông cửa hàng cho tao. Và nhớ là cấm không cho mua chịu nữa đấy. Ai cũng tin, đồ dở hơi lẩn thẩn! Mày tưởng là vì mày như vậy rồi người ta thương mà tha đấy? Thời nay, cứ cả tin nhẹ dạ như mày thì chết đói sớm!"

Nhìn vẻ rầu rĩ nhẫn nhục của con cháu, bà im lặng một chốc, rồi

bật cười củng một nan quạt lên chỗ tóc vừa bị giật. Nó toét miệng cười nhận ra cử chỉ không ác ý của bà.

"Mà có lẽ thế thật, tao thấy họ chẳng có ai quỵt tiền của mày cả... Rõ là thánh nhân đãi kẻ khù khờ".

Thấy cô vui vẻ, nó lấp dấp đôi môi thành vẻ chim chóc dáng yêu. Con bé có khù khờ ngớ ngẩn gì đâu. Đối với bà cô, nó mang một cái tội nặng hơn thế. Cái tội thương người. Nó nhân hậu thật thà đến phát bực. Ở vào hoàn cảnh của nó, đấy mới là điều ngược ngạo.

Con bé bị câm từ thuở mới lọt lòng.

3

Duy lấy chổi xể vun đám cỏ dưới đất, hót vào mo cau, nghĩ sao hắn đứng dậy trút cả nắm rác này vào nồi. Cầm lấy que quấy quấy mấy vòng thấy cao đã sền sệt, hắn mỉm cười hài lòng, cúi đẩy thanh củi vào sâu dưới đáy nồi. Hắn sẽ làm kịp mẻ cao này cho phiên chợ sáng mai. Vớ được gã ăn mày từ ngoài làng Mọc vào, sáng mai, thế nào hắn cũng phát tài lớn. Quay lại nhìn gã ăn mày co quắp nằm bên bếp như xác chết, Duy chợt cau mày giật mạnh tấm dạ khiến lão cựa mình ú ớ, rồi lại thiếp đi.

"Ăn mày mà đòi xôi gấc! Cả nhà có tấm dạ mà đã tiện thiện kéo xuống đắp. Tởm thật".

Rũ mạnh tấm dạ làm lò lửa bùng lên nổ lép tép, hắn vứt chăn vào một góc nhà rồi kéo áo bông che lưng. Hắn bắt đầu chùi mấy cái lọ con, đã xếp sẵn trên bàn gỗ. Phủi tay ưng ý, hắn ra sau nhà lấy cóng nước và dồ nghề làm ăn của hắn ra. Ánh sáng bập bùng từ lò lửa soi bóng hắn lầm lì trên vách. Duy lần giở một tấm vải bố, viết chằng chịt những hình và chữ khó hiểu, cuộn bên trong là những mảnh giấy nhỏ, chừng chục chai thuốc cam, dăm cây bút lông và một cái kéo rỉ đen ngòm. Hắn moi trong bọc treo trên tường xuống một nắm rễ cây quái quỷ gì đó giã sẵn thành bột, thấy gã ăn mày còn nằm ngáy bên bếp, phì phì xùi nước dãi xuống tận cổ, hắn nhanh tay lấy mảnh lá chuối khô làm phễu trút bột vào chai. Cầm cóng nước rót vào nghiên pha mực, hắn dậm dậm đầu bút liền tay viết những chữ nhỏ li ti hình thù kỳ dị lên từng mảnh giấy nhỏ cắt sẵn thành hình tròn. Xong một loạt, hắn moi dưới gầm giường một keo

hổ. Gõ mạnh trên nền nhà xua bầy kiến đi, hắn phết hồ lên giấy, dán thật đều tay lên mỗi lọ.

Tấm vải bố là để quảng cáo thuốc Mường của hắn. Mười mấy lọ bột là thuốc hàn thuốc cảm, những ve nhỏ dán giấy là để thuốc cao.

Ngày mai này, khi phiên chợ bắt đầu đông người, lão ăn mày sẽ từ đâu đó chống nạng khập khiễng bước qua. Lão sẽ khan cổ kêu van mình già yếu bệnh tật, phong thấp kinh niên làm bại liệt cả hai chân, ê ẩm cả người, lết đi không nổi, chắc phải chết đói thôi. Lão sẽ len vào giữa đám đông, thấy tên bán thuốc Mường múa mấy đường quyền miền thượng du bèn lên tiếng dèm là thuốc Mường không hay, vì mấy ông thầy Khách còn lắc đầu chê là chẳng có cách chi chữa được cái phong tật kinh niên đã ăn vào đến cốt của lão. Phụ họa theo dân ngoài chợ, hắn sẽ lớn tiếng đuổi lão đi, trong khi lão cứ lết hai chân như què và lằng nhằng kể bệnh. Sau cùng, hắn sẽ gọi lão lại, hỏi bệnh dăm ba câu thật lớn giọng cho mọi người nghe rõ, hắn sẽ làm bộ suy nghĩ và moi trong bọc ra một ve thuốc gọi là thần dược gia truyền của dân bản Mường. Bệnh quỷ tất có thuốc tiên. Thuốc này trong uống ngoài xoa, chưa đến ba thì bệnh đã khỏi.

Hắn sẽ hoa chân múa tay đi vòng vòng mấy bận cho mọi người nóng ruột chờ đợi, rồi mới cho lão chiêu ít thuốc với nước vối, và bôi thuốc cao lên các khớp xương. Hắn sẽ luôn tay xoa thuốc trong khi líu lo tiếng Mường ca ngợi sự công hiệu của phương thuốc gia truyền lần đầu mới được đem xuống Kinh chữa chạy cho dân trong chợ. Hắn sẽ vừa nói vừa làm, pha cả tiếng Mường tiếng Hoa giới thiệu những xương trăn mật gấu, những mật ong ngải quý với hổ cốt sừng tê. Toàn những thứ quý phải tìm trên rừng mới có...

Hắn đi hết bài rao thì lão ăn mày chợt kêu ối chà, thổ ra một búng những quết trầu và rơm rác, đờm dãi. Rồi lão vùng chạy như trai tráng, quăng cả nạng cười sằng sặc. Lão vừa khỏi bệnh, mạnh hơn lính hổ bôn, và quay về lạy ông thầy Mường như tế sao. Lão sẽ vung tay vung chân đi mấy vòng khen thuốc Mường công hiệu hơn thuốc Thánh và lên tiếng rủa các thầy thuốc Bắc cắt thuốc đắt như vàng mà chả khỏi bệnh gì cả. Thuốc Mường có mấy tiền một ve, vừa bổ cả âm lẫn dương, tật ngoài đã khỏi bệnh trong cũng trừ.

Sau đó, lão sẽ dốc túi đếm được bao nhiêu xu, bao nhiêu hào đều trả cho hắn, xin ve thuốc gói giấy điều nâng niu cất vào bọc. Tặng lại hắn cây nạng ra điều hoàn toàn khỏe mạnh, lão sẽ lẩn vào đám đông biến dạng. Lúc đó, hắn sẽ rất bận bán thuốc cho thiên hạ.

Chiều về, lão ăn mày sẽ mò đến chòi lá của hắn, xin chia tiền.

Lão không biết là chiều về, tên bán thuốc Mường này sẽ có mấy tên côn quang ngồi uống rượu ngoài ngõ và lão sẽ chỉ được nắm cơm nếp rồi bị bầu bạn của hắn trợn mắt đuổi ra đến đầu ngõ. Ăn mày múa may có mấy độ mà được nắm xôi là phúc lộc song toàn rồi!

Liếc nhìn lão ăn mày ngủ dưới đất vẻ thanh thản, hắn chợt nổi cục, vô cớ đạp cho một cái vào ống quyển.

"Ông cho mày què thật, mai vào chợ khập khiễng mới giống!"

Lão ăn mày bật choàng dậy, ngơ ngác nhìn Duy không hiểu gì. Lép nhép cái miệng, lão thấy tên Mường đang lầm lì múc cao đổ vào dẫy lọ con, lão thở dài nằm xuống sát bếp lửa hơn, đôi mắt vẫn mở to thao láo mà chẳng thấy gì. Người Mường nó như con thú, ấy cứ im lìm như vậy rồi nổi hung bất ngờ. Nhưng, chẳng hiểu tên này có phải dân Mường thật không, sao mà đáo để quá... Lão nghĩ đến khoản tiền sẽ được chia vào ngày mai nên thở hắt ra chịu đựng.

Duy không phải người Mường, dĩ nhiên. Nhưng cha hắn tòng quân vào Thanh Hóa, tằng tịu với một mụ dân làng, đẻ ra hắn rồi na theo trại quân đóng gần mấy bản Mường. Duy sống trên đó cùng thổ dân, lăn lộn theo các tù trưởng và khi cha chết trong vụ đánh giặc Lê Duy Mật vào năm Đinh Hợi thì hắn lột áo Kinh sống luôn với dân Mường để trốn sưu dịch binh ngũ vì đã đến tuổi tráng niên. Được ít lâu, đến dân Mường cũng không chịu nổi tính quay quắt xảo quyệt của hắn, nên Duy phải bò xuống đồng bằng sống phiêu dạt nơi này nơi khác với dân Kinh bằng đủ loại nghề ngỗng. Hắn chẳng tin một ai, chẳng biết nể trời sợ bụt và trong mọi tình huống đều tìm cách thủ lợi cho mình. Hắn gian trá vượt qua biết bao hiểm nguy đói khổ, coi binh lính triều đình như lang sói, coi dân chúng như gà lợn. Hắn tránh lính, cướp dân mỗi khi có dịp. Đi nhiều, sống nhiều, lại nhanh trí sớm nhìn trước sau, hắn học được biết bao nghề tạp và biết rút tỉa một lẽ sống riêng.

Đó là khôn sống mống chết. Chứ nào có trời đất thần phật gì là đáng sợ, có nhân nghĩa đạo lý gì là đáng quý? Cha hắn, cả một đời

cắp dáo theo các quân, từ khắp miền Thanh Nghệ vào đến Thuận Quảng ra tận Sơn Nam, khổ như chó rồi cũng chết không manh chiếu, Duy không quên. Thời nay, những đứa nhẹ dạ cả tin, cứ không đói rã họng cũng tù mọt gông. Chậm chân khờ khạo thì bị bắt lính tòng quân, rồi chết thảm vì chuyện không đâu. Thiên hạ giặc giã như ong, nay quan mai cướp, chẳng biết phải quấy là thế nào nữa. Có ngu mới lọt vòng nô lệ như vậy.

Duy vào Kinh, sống chui rúc trong chợ và mở nghề bán thuốc bịp cho qua ngày.

4

Con bé Ly lách được vào vòng và kịp thấy lão ăn mày ném lại cây nạng nhanh chân chuồn ra ngoài trong tiếng trầm trồ của đám kẻ chợ hiếu kỳ. Nó há hốc mồm, chợt nhgĩ đến bà cô với cổ chân bị bong gân ở nhà. Lần trong túi áo bông sờn rách, nó lẩm nhẩm định đếm xem mình có đủ tiền hay không thì chợt thấy lạnh mình. Mặt nó trắng bệch ra, đôi môi nhợt nhạt run rẩy trong khi dân chúng chung quanh bắt đầu xô đẩy nhau để chen vào mua thuốc.

Ngón tay nó lần vào tận áo trong sờ thấy cạnh sườn lạnh buốt. Túi nó đã bị ai rạch mất rồi có khổ không cơ chứ. Nó thấy hai chân mềm nhũn và nghĩ đến trận đòn của bà cô mà sợ thất thần. Tiền chợ búa hàng họ bà giao cho mờ sáng nay và căn dặn thật kỹ phải coi chừng. Vì tò mò nghe người ta đồn thầy Mường bán thuốc cao hay lắm, nó len vào rồi bị kẻ cắp rạch túi lấy sạch. Nó sẽ ăn nói làm sao đây... Cô nó sẽ đập nó chết.

Con Ly nghĩ đến thanh củi tạ sẽ nện lên đầu và vẻ đau khổ của bà cô, nó muốn lăn ra chết quách. Trời Phật đâu, sao con khổ quá thế này.

Đám đông xô đẩy nhau, mặc cả om xòm và người nào mua được lọ thuốc thì vùng quay trở ra vẻ mặt hể hả vui mừng. Họ cứ vào ra bát nháo như vậy giữa cơn gió lạnh mùa Đông, trong khi con bé vẫn như người mất hồn đứng chết trân ở giữa. Khi dân chúng dãn ra được một chút, con bé thấy mình đã bị xô tới ngay bên góc bàn gỗ, ở trên là bọc thuốc của thầy Mường. Nó nhìn những ve thuốc trong tầm tay và suy nghĩ rất nhanh rồi chợt muốn lùi lại. Nó niệm Phật trong miệng và thầm xin Trời Phật tha tội vì vừa thoáng có ý nghĩ ăn cắp

lóe sáng trong đầu. Cơ khổ, con bé sợ quá nên phát cuồng rồi. Chứ không, làm sao dám nghĩ đến việc lấy cắp thuốc đem về gỡ tội với bà cô.

Nhìn con bé hai tay thủ trong túi áo bông đã lộn bông ra ngoài và đứng tần ngần bên cạnh, Duy đoán con bé vẫn còn do dự. Hắn còn mấy ve thuốc chưa bán hết, chung quanh, dân có tiền hay chịu mua đã thưa thớt dần... Xua cái nạng đẩy dân hiếu kỳ dạt ra, hắn lấy giọng hiền lành gọi con bé:

"Bé con ơi, em bước vào đây, mua thuốc cho em hay cho thầy dễ vậy? Thuốc này, phong mạo cảm hàn gì cũng khỏi, uống vào da dẻ hồng hào, con gái đắt chồng, đàn ông khỏe mạnh. Em muốn mấy lọ, bác còn giữ đây cho em này..."

Làm sao nó bày tỏ được vấn đề của mình đây? Con Ly định lùi lại thì bị xô tới, mặt mày nó đỏ gay và miệng lắp bắp, hai tay cứ múa lên loạn xạ, chẳng ai hiểu gì. Duy càng tò mò khi nhìn đôi mắt rưng rưng lệ của nó. Hắn gắt một tiếng lớn và nhoài người kéo thốc nó đến gần. Con bé gầy gò, nhẹ như một đứa trẻ còi, bị kéo lao vào cạnh bàn gần muốn ngã, cái áo bông cộc bung cả chỉ. Dân chúng chợt im lặng khi thấy ông thầy Mường gắt lên giận dữ. Họ nhìn ra con bé Ly bán hàng xén bên kia chợ. Một vài người chợt thì thầm vẻ đanh ác. Họ đẩy con bé tới trước và tủm tỉm cười khi thấy nó lúng túng hoa tay ra dấu mà ông thầy Mường cứ trố mắt ra không hiểu.

Con bé ra đấu kể lể về bà cô bị bong gân, nó bị mất cắp, không có tiền mua thuốc dù rất muốn. Nó phân trần bằng tay là hết sức tin ông thầy, nhưng bị rạch túi hết tiền rồi. Phẫn chí khi thấy mọi người ngơ ngác không hiểu, nó òa lên khóc mà chẳng ra tiếng. Chỉ thấy những giọt lệ chảy dài trên gò má xương xẩu. Duy chưa hiểu ra đầu đuôi nhưng đã chợt thất vọng. Con bé này chắc không có tiền...

"Này, bác thầy Mường ơi... Con ranh này nó bị bệnh câm đấy!"

"Nó nói bị mất cắp, xin mua thuốc cho bà cho cô gì ở nhà, và đem thân ra trả".

"Bà cháu bong gân, cháu bong miệng không nói được..."

"Thuốc Mường chữa bệnh câm được không?"

Có người cười hô hố trong khi con Ly lắc đầu nguầy nguậy. Nó có dám mua thuốc cho nó đâu, nó định mua thuốc cho bà cô đấy chứ. Bệnh của nó, làm sao nó không biết. Trời đất muốn vậy thì nó

xin chịu, chỉ khổ là bị mất cắp nên muốn mua thuốc cho cô cũng không được. Nó lùi bước định vùng chạy ra thì có người đa sự lại đẩy nó vào:

"Này, nhà bác thầy Mường ơi, cái đồ vô phúc này thì uống thuốc gì cho khỏi! Thầy có giỏi thì thử cho nó một chai xem sao?"

"Uống vào hết câm thành ngọng cũng là khá rồi".

Thiên hạ chung quanh hùa theo bàn tán và xô đẩy trong khi con bé cứ cuống cuồng chỉ trỏ huyên thuyên. Đột nhiên, nó thấy mình bị giựt mạnh và quýnh quáng trong hụt hẫng. Thầy thuốc Mường vừa bế thốc nó lên và đặt nó đứng ngay trên bàn. Dân chúng cười ồ lên khi thấy con bé bẽn lẽn kéo vạt áo xuống che bụng, mỗi người bàn vào một tiếng làm nó xấu hổ bừng hai má quên cả nỗi lo bị mất cắp.

"Tiền không có, lại đòi thuốc tiên!"

"Thầy thuốc có chữa được bệnh câm đâu mà cũng đòi!"

"Ối, cái ngữ đó, ma nó rước, không lấy Mường thì ở với Mán!"

"Con câm mà lấy thằng Mường, đẻ con ngọng líu ngọng lưỡng cũng vui!"

"Bé quắt như cái kẹo lạc ý thì đẻ đái gì?"

"Bệnh đâu khai ra, cứ chỉ trỏ như vậy thầy nào hiểu?"

5

Đám người kẻ chợ thường ngày chỉ bị bầm dập hất hủi, có ngờ đâu sáng nay lại được thấy cảnh ngộ nghĩnh nên nhao nhao bàn tán, cười nói om xòm thật khả ố. Duy nhanh trí đoán ra cơ sự. Hắn chán ngán dịnh gạt con bé xuống đất thì chợt thấy khó chịu vì vẻ đanh ác của mọi người. Không hiểu sao, tự nhiên hắn bực dọc từ khi con bé ngồi thụp ngay trên bàn. Nó co rúm như kẻ bị hành tội, hai tay ôm lấy đầu, bưng lấy mặt khóc thút thít không thành tiếng. Nhìn hai vai con bé gầy gò hụp lên hụp xuống trong tiếng nấc không rõ, hắn quay ra quơ một vòng nạng và dõng dạc hét lớn:

"Im đã nào, cái lũ người kỳ cục!"

Mọi người ngạc nhiên vì phản ứng hung tợn của hắn, chợt im bặt.

Duy nhìn quanh hỏi lớn:

"Có ai thực sự hiểu nó muốn gì, làm ơn kể cho tôi nghe... Làm gì cứ nhao nhao như chợ vỡ thế này. Vâng, nhà bác kia, bác nói sao, nó bị câm à?"

Người nhà quê bị hỏi ngó quanh do dự rồi bước tới ra dấu nói chuyện bằng tay với con bé trong khi Duy ngó chăm chăm vào mặt nó như muốn hiểu thẳng ý nó từ ánh mắt và hai bàn tay thoăn thoắt. Người nhà quê tằng hắng một tiếng rồi lấy vẻ quan trọng nói lớn cho mọi người nghe:

"Nó có bà cô, nhà nghèo, bị bong gân chẳng đi đâu được từ gần một tháng. Vừa rồi, thấy bán thuốc Mường, nó len vào định mua cho cô nó thì bị kẻ cắp rạch túi lấy hết tiền. Nó vừa thương bà cô, vừa sợ bị đánh vì mất tiền, nên... khóc".

Duy cau mặt hỏi tiếp:

"Thế nó bị câm ra sao?"

"Khốn nạn, đẻ ra đã bị câm và điếc luôn", người nhà quê vừa ra dấu hỏi con bé, vừa kể... "Mày nói sao? Cái gì trời đất? Các bác xem, nó còn lý sự nữa chứ! Nó bị tật vì trời phật muốn vậy, chứ có mong gì khỏi. Nó bảo có đến mua thuốc chữa bệnh câm đâu mà cười nó. Nó chỉ than khổ là mất tiền nên không có dịp đem thuốc về thử cho bà cô... Con bé này thế mà lại khí khái!"

Duy trầm ngâm nhìn con bé câm. Hắn suy nghĩ mông lung, thuốc Mường, Thanh Hóa, rễ cây, lá ổi, thuốc cao... Không hiểu sao, hắn thấy lạ quá. Lần đầu tiên trong đời, hắn thấy khó chịu vì sự vô tâm ác độc của thiên hạ chung quanh. Con bé bị ác chứng lại chẳng xin xỏ gì cho nó, chỉ nằng nặc xin thuốc cho một bà cô bong gân. Hắn thầm mong chính nó được khỏi bệnh câm.

Hắn biết thừa là những ve thuốc cao, thuốc bột này chẳng chữa trị được bất cứ bệnh gì. Dù hắn có lõm bõm hiểu biết về thuốc Mường và dùng vài xảo thuật mạn ngược tăng phần kỳ bí cho nghề bịp bợm của mình, hắn cũng hiểu là thầy thuốc chính hiệu cũng phải bó tay. Vậy mà, lạ chưa, hắn thấy rõ ràng là mình đang vặn óc nghĩ cách chữa chạy cho con bé. Làm gì có thuốc! Hắn biết vậy mà vẫn thầm mong.

Thấy người bán thuốc Mường lặng thinh vẻ nghiêm trang, mọi người cũng dâm chột dạ, không ai nói gì. Trong lúc đó, con Ly đưa tay áo chùi nước mắt ngưng khóc, nhìn Duy với vẻ cầu khẩn. Chính

ánh mắt thiết tha của con bé đã làm hắn có quyết định táo bạo. Hắn dõng dạc tuyên bố, chắc nịch:

"Thuốc này chữa được mọi ác tật ác chứng. Bà cô nó vừa uống vừa xoa sẽ khỏi. Tôi cho nó mấy chai không lấy tiền... Cả nó nữa, uống... vài bữa cũng sẽ khỏi!"

Nói xong, hắn biết là mình đã nói bậy. Nghĩ đến cảnh sẽ phải thu dọn trốn đi nơi khác làm ăn, hắn không ân hận gì cả. Đôi mắt nó thiết tha quá, hắn không đành tâm. Không đành tâm, sao lại lạ lùng như vậy? Tâm là gì, tại sao hắn lại mong mỏi rồi phân vân và bận tâm về một việc không đâu như vậy? Duy cúi đầu có vẻ bối rối, moi trong bọc ra mấy ve thuốc khác, hắn ngắm nhìn lưỡng lự rồi chợt cầm ve thuốc đưa lên trán lâm râm khấn khứa như một bà già nhà quê.

Lần đầu tiên trong đời, hắn moi óc cố tìm những danh hiệu thần linh bồ tát trời phật từng loáng thoáng nghe thấy trong quãng đời bẹ rạc của mình để cầu xin một việc rõ là bất khả. Hắn lấy hết tâm thành để cầu một sự lạ, chẳng vì lợi riêng. Hắn thấy mình chợm âu lo là những việc sai quấy trong quá khứ sẽ ảnh hưởng xấu đến lời khấn nguyện.

Hình như con bé là người duy nhất hiểu ra sự thể, vì nó cũng cúi đầu khấn khứa cho cô nó sớm khỏi bệnh. Nó nhìn ông thầy Mường này mà cảm được vẻ thành khẩn chỉ thường thấy ở các vị sư trong chùa. Nó không biết kinh kệ, chẳng nghe tiếng người, nhưng nó biết là ông thầy Mường đang cầu cho nó.

Nhận ve thuốc bột cho bà cô, nó cất kỹ vào trong áo và khi đón lấy chén nước vối chiêu vào miệng phần thuốc của nó, con bé Ly đã đầm đìa nước mắt.

Nọ bật khóc trong họng vì nhìn ra sự lo âu của ông thầy Mường. Lần đầu tiên trong đời, nó biết có người lo cho nó.

Nó cầu khẩn là mình cũng sẽ khỏi, để người bán thuốc tốt bụng này không thất vọng.

Dân chúng đứng quanh không ai hiểu vì sao gã người Mường cương cường kia lại cúi đầu có vẻ xúc động và dịu dàng phủi áo cho con bé khi đặt nó xuống đất. Vẻ mặt hắn không có một chút tà ý, những kẻ dáo để giảo quyệt nhất cũng thấy như vậy. Nhưng có ai hiểu là họ vừa chứng kiến ngay giữa chợ một phép lạ kỳ diệu?

Duy nhìn theo con bé nhỏ thó lủi thủi giữa dám đông cho đến khi mất hút rồi mới quay về thu dọn đồ nghề của hắn. Con người táo tợn và tàn nhẫn này thấy như có đóa hoa vừa nở lên từ vùng đất khô cằn ở trong lòng. Hắn thành thật ân hận là đã có cả một quãng đời ác độc. Điều đó sẽ khiến lời cầu khẩn của hắn trở thành vô vọng. Con bé tin hắn như thần linh, làm hắn càng ân hận như dã hai lần lường gạt nó. Hắn thất thểu ra về và chợt tiếc là quên không hỏi xem nhà cửa nó ở đâu.

Hắn uể oải gánh đồ lên vai, buông một câu chán nản:

"Khỏi thế nào được mà còn muốn nghe tin tức. Rõ là mình lẩn thẩn rồi!"

Mai này, hắn sẽ đổi xuống cửa Nam kiếm ăn, để khỏi gặp lại vẻ tuyệt vọng của con bé câm nữa.

bạt

Nhưng rồi tin con bé câm uống thuốc Mường được khỏi bệnh cũng lan ra khắp kinh thành, đến tai hắn... Duy không để ý gì đến tình hình kinh thành đang sôi động vì những cuộc chính biến liên tiếp, trong lòng hắn chỉ thấy dạt dào một niềm vui mới lạ. Trong không khí ưu lo đè nặng trên Thăng Long, hắn là người duy nhất nghêu ngao hát. Lòng thành của hắn dường như đã cảm được đất trời và những ve thuốc giả đã công hiệu như thần dược. Hắn quyết định bỏ nghề bán thuốc bịp, tìm gặp con bé hỏi thăm sự việc và sẽ rời Thăng Long đi làm nghề lương thiện hơn.

Con bé Ly cũng vậy, nó lân la quanh chợ tìm gặp ông thầy Mường kỳ diệu để cám ơn. Nó bập bẹ tiếng người khiến bà cô bật cười, dân kẻ chợ thì bảo là nó líu lo như con Mường...

Khi theo lời chỉ dẫn của dân trong phường, Duy tìm đến căn nhà lụp sụp của bà cụ bán hàng xén có con cháu câm vừa biết nói thì cũng là lúc binh Mãn Thanh tràn vào kinh. Buổi sáng cuối Đông đó, gặp đám giặc Thanh vung roi kéo đổ vách nhà con bé, lấy chỗ cho quan binh cưỡi ngựa vào phủ, hắn chạy lên như tên bắn. Thấy con bé ôm bà cô lậy van với tiếng nói ngọng nghịu, hắn phẫn uất bất ngờ và không còn suy nghĩ gì nữa. Hắn thấy bất nhẫn quá, chịu không được. Con bé bị đạp sang một bên vẫn cứ lăn xả dưới chân ngựa nhặt nhạnh những đồ đạc rơi vãi trên mặt đất. Cơ ngơi hàng

xén của cô nó chỉ có vậy, nó nghe tiếng bà khóc thất thanh mà chẳng biết sợ hãi gì cả. Nó vừa luôn miệng van xin vừa thoăn thoắt len chân ngựa nhặt lấy mấy vuông vải và chai lọ lỏng chỏng, trong khi roi da cứ quất lên đầu lên lưng nó như mưa.

Trong tiếng nói xì xồ của đám giặc, con bé Ly chợt nghe một tiếng gầm và tiếng một người từ đâu chạy đến túm tên lính Thanh giằng cây roi trong tay và đấm đá liên hồi như người lên cơn điên. Mấy tên giặc khác vòng ngựa lại la lối và dân chúng dạt sang hai bên sợ hãi. Nó bật khóc thành tiếng vì nhận ra ông thầy Mường đang loay hoay chống đỡ đám kỵ binh Mãn tộc. Có tiếng người thét lên và nó lăn ra bất tỉnh trên mặt đất giá lạnh khi một lưỡi dao từ trên ngựa hoa lên và ông thầy Mường mà nó muốn tìm gặp bấy lâu nay chợt lăn ra quằn quại dưới chân ngựa. Máu phun có vòi nhuộm đỏ cả mặt đất.

Gã bán thuốc Mường vô lại này là nạn nhân đầu tiên của quân giặc. Sau đó, cả kinh thành đều bị chìm vào nạn nước với tiếng người than khóc như ri. Cho đến ngày mùng 5 tết Kỷ Dậu, giặc bị đánh thốc khỏi kinh thành trong tiếng trống trận kinh hoàng và tiếng quân Nam reo hò rung chuyển khắp năm cửa ô.

Thành Thăng Long mở hội lớn và ngoài chợ, mọi người đều vui cười sau bao hoạn nạn. Nhưng, bên hông chợ, người ta không thấy con bé Ly líu lo múa hát nữa.

Nó lang thang nơi chân đê, ngắt từng đóa hoa dại đặt lên một nấm mộ vùi nông choèn choẹt. Nó quỳ xuống bập bõm đọc một bài kinh. Bài học đầu tiên nó gắng sức đọc từ khi biết nói. Bài kinh nói về những người đã chết vì lòng từ bi hỷ xả sẽ sớm được nhập vào cõi Phật.

May cho nó, nó không biết là chính lòng thành của nó đã cảm hóa tên vô lại bán thuốc bịp kia. Và Duy đã làm một việc đầu tiên, việc duy nhất anh hùng trong đời, từ khi hoa nở trong lòng vì lời khấn nguyện của nó.

Triệu Châu

NGUYÊN SƠN

mùa xuân nối dài sợi gọi

Thành phố đẫm sương buổi chiều buổi tối
Thành phố không em
Nên phố chợt buồn
Phố lênh lang mầu mây khói xám
Chao nắng chiều vàng, vàng tóc em hơn
Tôi xa lạ nên thường lạc lối
Giữa ngã tư đường đèn đỏ đèn xanh
Thành phố mênh mang buổi chiều se lạnh
Núi quanh quanh vương vãi cỏ cây vàng
Tôi đi hoài lần theo dấu vết
Trên đồi hoang sơ
Nhớ môi em hồng quên rét mùa đông
Phố xa lạ
Nên thường bối rối
Giữa ngã tư đường rẽ phía không em
Em San Jose!
Mắt xanh tóc vàng
Buổi chiều lênh đênh ngàn mây
Tôi cứ lạ! Ngẩn ngơ hoài như mộng
Nên tự hỏi mình
yêu chăng, yêu chăng?
Thành phố đầm sương buổi chiều tẻ nắng
Bóng em xa nhưng tưởng rất gần
Trăng u mê
Nghiêng vòm trời xuống thấp
Ở cuối chân đồi tôi đứng phân vân...
Thành phố chiều nay hồn nhiên trở lại
Mắt em xanh sắc cỏ lưng trời
Mùa Xuân nối dài sợi gọi
(Cho tôi cầm)
Buộc lại những ngày chưa...

THÁI TUẤN

một nhà sưu tập tranh

Trước kia hồi còn ở trong nước, tôi có quen một người Tàu và thường tới lui mua bán sách báo bút mực ở cửa tiệm của ông ta. Khi quen đã lân ngày, một hôm ông mời tôi tới nhà riêng. Sau mấy tuần trà nước với những câu chuyện xã giao, ông biết tôi vẽ tranh nên cuộc gặp gỡ xoay quanh vấn đề hội họa. Từ trước tôi cũng chỉ biết ông là một thương gia, nên rất ngạc nhiên về những ý kiến của ông đối với nghệ thuật.

Những ấm trà ngon làm câu chuyện thêm dậm đà thân mật, bỗng ông đứng lên mời tôi sang căn phòng kế cận. ông lại gần một chiếc rương lớn, lấy ra chiếc hộp gỗ dài và thận trọng mở ra, cầm một bức họa lớn treo lên khoảng tường trống. Chúng tôi ngồi yên lặng để nhìn bức họa. Đó là bức thủy mặc vẽ một cành lựu chĩu nặng bởi năm trái lựu, một vài bông hoa thấp thoáng, ẩn hiện qua cành lá. Bức tranh thật đẹp, tuy cành lá rậm rạp chằng chịt mà vẫn thấy nhẹ nhàng, đơn giản; hòa vào nền giấy, màu sắc tan loãng như những áng mây trên một bầu trời rực sáng. Thỉnh thoảng ông nhìn tôi song vẫn giữ yên lặng. Một lúc khá lâu chừng như biết tôi nhìn ngắm đã thỏa thích, ông quay nhìn như muốn tôi cho biết ý kiến. Tôi nói: "Từ trước tới giờ, tôi biết rất ít về loại tranh thủy mặc, chưa được xem nhiều và có xem phần lớn là những bản sao chép hoặc in lại. Bức tranh này, tôi rất thích ở tinh thần phóng khoáng, không có những tiểu sảo, không có sự quá tham lam ở phần hình sắc, song xin thú thực rất ngạc nhiên, nét vẽ có đôi chỗ hình như ngập ngừng, vụng về". Ông bạn tôi cười vang thích thú không nói lời nào, ông thong thả gỡ bức họa xuống, và lấy một bức khác thay vào chỗ bức tranh vừa cất đi. Thoạt nhìn tôi thấy không khác gì bức vừa cất đi. Song

xem kỹ có phần rực rỡ chau chuốt và có sự hoàn chỉnh hơn. Không đợi ý kiến của tôi, ông bạn tôi nói ngay: "Bức họa này tôi mua khi mới bắt đầu sưu tầm tranh, giá nó đắt hơn bức họa mà ông vừa xem, song đây chỉ là bức tranh sao chép lại, bức kia mới là bản chính".

Thấy tôi có vẻ suy nghĩ, ông ta nói tiếp: "Từ khi tôi làm công việc sưu tầm tranh đến nay, kể cũng khá lâu, học hỏi được nhiều. Trước kia tôi chọn lựa tranh chỉ căn cứ vào chữ ký, tên tuổi, cái dấu cái triện, niên đại này niên đại kia, ở những bức mà thị trường tranh thường nhắc đến. Song ông cũng rõ ngày nay những người chuyên môn sao chép tranh giỏi lắm, như bức tranh ông vừa xem dấy". Tôi hỏi ông: "Như vậy thì làm thế nào mà ông phân biệt được?" Ông nghiêm trang đáp lại: "Trước hết mình phải thích tranh thật sự, sau đó để cho cái lòng mình lựa chọn, đừng có tin vào cái đầu". Tôi vẫn không chịu ý kiến của ông nên hỏi lại: "Dù sao thì bây giờ khoa học đã tiến bộ, với những phương pháp, những dụng cụ tân tiến, người ta có thể phân biệt một cách chắc chắn tranh giả tranh thật chứ?" Ngẫm nghĩ một lúc, ông nói: "Đúng là như vậy, nhờ phương pháp khoa học có thể khám phá bức tranh giả hay bức tranh thật, đó cũng chỉ là cái biết gián tiếp. Nhưng khoa học làm sao có thể giúp ta nhìn ra cái tinh thần nghệ thuật hay không nghệ thuật ở bức họa".

Nhận thấy ý kiến của ông có nhiều điều hay, tôi hỏi ông nghĩ sao về những cuộc triển lãm tranh. Ông nói: "Ngày trước bên Trung quốc không có chuyện đó. Ngày nay, thời buổi nào phải theo thời buổi ấy. Riêng tôi nhận thấy nếu có tổ chức cho nghiêm chỉnh cũng được đi, nhưng việc mua bán lẫn lộn với việc thưởng ngoạn thật khó lòng. Xem tranh cần có sự yên tĩnh, các cuộc triển lãm thường là ồn ào, náo nhiệt. Khó mà tập trung tinh thần để thưởng lãm. Vả chăng, như ông thấy đó, xem một bức tranh hay cũng đã mệt, làm thế nào xem một hơi năm ba chục bức. Nếu như mỗi bức họa là mỗi tâm sự của người vẽ muốn bày tỏ với mình. Hơn nữa, chen lấn trong đám đông, mà mỗi người đến phòng tranh với một mục đích khác nhau. Lại đôi khi có những tổ chức thiếu nghiêm chỉnh, những bức tranh được ghi vào giúp vui cho những cuộc bàn luận chính trị, hội họp kinh tế hoặc như một cái nồi tả pín lù, có những lời tuyên bố om xòm, đàn sáo ca hát nhảy múa. Thưởng lãm nghệ thuật trong cái không khí như vậy kể cũng khó khăn". Nhận thấy ông đang vui vẻ,

tôi hỏi thêm: "Thường tôi nhận thấy loại tranh thủy mặc Trung Hoa cho đến nay vẫn ở trong những khuôn sáo cũ với những đề tài tre trúc, hoa lá, chim chóc, được nhắc đi nhắc lại. Như vậy có sợ lỗi thời không?" Ông ta nhìn tôi: "Ông muốn nói lỗi thời có nghĩa là xưa cũ phải không? Hãy thử nhìn ra chung quanh ông, những đóa hoa, những cành lá, bầu trời và những đám mây muôn hình sắc, ông có thấy cũ chăng? Cái Đẹp bao giờ cũng mới lạ, và nói cho cùng cái Đẹp chẳng có mới cũ và nghệ thuật với cái tinh thần của nó chẳng có chuyện cũ mới. Những cành tre lá trúc nhìn thấy nơi bức họa đã chuyển hóa thành sắc màu hình nét, song dù hình sắc ấy có diệu luyện rực rỡ tới đâu, chẳng qua như chiếc áo khoác. Người nghệ sĩ có phong độ dù có mang chiếc áo rách, vẫn để lộ cho ta thấy phong cách của họ. Những người vẽ sau bắt chước chỉ là kẻ đi mượn áo. Cũng như vẽ đức Phật, vẽ bông sen mà mong thành vị thiền sư thì thật quá dễ dãi". Ông ngưng lại nhấp một chút trà, rồi tiếp: "Trước kia tôi thích tranh thì ít, mà sưu tầm tranh vì cái lợi thì nhiều, dần dà làm quen với tranh, cái thích thật sự nó đến, lấn át cái lợi".

Trong lúc tiễn chân tôi, ông cười: "Hồi nãy nghe ông chê bức họa có đôi nét vụng về xen lẫn với hình sắc diệu luyện. Theo tôi, đó là cái chân thực của người vẽ hiển lộ. Ở đời làm gì có chuyện toàn bích, những nét vụng về nhưư khoảng rách của chiếc áo, chẳng hại gì cho phong cách của người nghệ sĩ vì đã không muốn làm chuyện tiểu xảo, là vá víu mảnh vải đẹp lên chiếc áo của mình".

Chúng tôi vừa đi vừa tiếp theo câu chuyện. Khi ra đến cổng ngoài, ông dừng lại, ngắt một chiếc lá ở bụi trúc đưa cho tôi mà nói: "Ông hãy nhìn kỹ chiếc lá này, cùng là lá trúc mà có chiếc lá nào giống chiếc lá nào đâu". Rồi ông cười thân mật: "Tôi nói thật họa sĩ các ông chẳng làm nên cái Đẹp, chính cái Đẹp đã làm ra người nghệ sĩ".

Sau lần gặp gỡ ấy, tôi ngẫm nghĩ mãi câu nói cuối cùng và từ đó chẳng còn tin tức gì về ông ta. Mãi về sau trên một đường phố Paris tình cờ tôi gặp người con trai ông, anh ta cho hay ông bố anh đã mất sau khi về Đài Loan ít lâu và cũng cho tôi biết phần lớn số tranh của nhà sưu tập hiếm có ấy, đã được tặng cho bảo tàng viện nghệ thuật ở nơi ông an nghỉ.

Thái Tuấn

KHẾ IÊM

cái gốc của thơ

Khi nào không còn thơ? Có lẽ là khi không còn con người trên trái đất. Thơ tắm đẫm tính người, hồn người, chất người. Vì nếu không, làm gì có tính thơ, hồn thơ, chất thơ. Nhà thơ thật sự, trong một nghĩa nào đó, đều mang nặng lòng trắc ẩn đối với nhân sinh.

Thơ làm mất ý và lời. Tựa như cơn cuồng phong tạo thành sóng lớn. Kẻ đắm tàu, trong giây phút tỉnh táo để nhận ra số phận mình, chỉ còn thấy xung quanh ngập tràn sóng cả. Ý và lời là phương tiện để chuyên chở chất thơ. Thơ gạn lọc ý và lời và tạo thành ý và lời khác, mênh mông hơn, sâu lắng hơn.

Nếu ý và chữ không biến hóa được thì nguyên vẹn vẫn là ý và chữ, chẳng bao giờ thành thơ.

Thơ bao gồm những yếu tố đã biết và chưa biết. Chính những yếu tố chưa biết là một thách thức cho mỗi người làm thơ. Ở điểm này, chúng ta phải thừa nhận, thơ vần điệu đã có hàng trăm năm, đã tạo thành những luật tắc và thẩm mỹ, đã có những tác phẩm làm hãnh diện cho thơ Việt và tạo ra nhiều thế hệ những nhà thơ tài năng. Nhưng không phải vì thế nó sẽ tồn tại mãi mãi. Không có gì chắc chắn, quan điểm thẩm mỹ cũ mang tính vĩnh cửu.

Đời sống không dừng lại, dù chỉ một tích tắc. Hình ảnh của hiện thực bị xóa ngay trong chớp mắt và không để lại dấu vết nào. Nét bút vừa chấm dứt đã bị phủ nhận ngay bởi chính nó. Vin vào đâu để chúng ta tin rằng nó đã có một đời sống?

Một nghịch lý là, thơ luôn luôn phủ nhận mọi ý đồ, ngay cả ý đồ làm mới nó. Bởi vì, tự thân thơ đã là những cuộc cách mạng không ngừng nghỉ. Sẽ không hề có tính cổ động trong thơ, có chăng chỉ là những thay đổi âm ỉ bên trong mỗi người làm thơ. Hãy hiểu rằng, ở ngoài không thời gian, mộng thực, cũ mới cũng chỉ trò chơi với hư không. Chúng ta đơm đặt ra thế.

Nhà thơ, hắn muốn phá vỡ bức tường thành định kiến, hắn phải buông bỏ định kiến. Hắn muốn đến bên kia bờ tương lai, hắn cần phải có chiếc cầu quá khứ. Đó là ý nghĩa của sự vượt qua. Và không

ai có thể đứng ở ngoài chân không mà hiểu được những vấn đề của con người trên mặt đất.

Mới là thay đổi được cảm quan của người đọc. Mới không phải là lập dị. Chúng ta không thiếu những người đọc mà sự cảm nhận hơn cả những người làm thơ. Nhưng chúng ta thiếu những sáng tác thuyết phục được lòng người. Không nắm được điểm này, người làm thơ dễ bị mắc vào cái bẫy của ngôn từ và ảo tưởng. Và thơ đứng trước bờ vực của hiểm họa và hủy diệt.

Tính lý luận của thơ nằm ở chỗ, khi đã hoàn chỉnh được cấu trúc và ngôn ngữ thơ. Đó mới là xương sống của thơ, và là đồ thị của thi pháp.

Chúng ta đang ở giữa một khoảng trống, muốn xây dựng một kiến trúc mới nhưng thiếu vật liệu là những quan điểm thẩm mỹ mới. Không có khu rừng nào chỉ có một gốc cây dù là gốc đại thụ. Và mỗi người làm thơ, theo nghĩa tích cực, phải tìm cho ra được con đường đi.

Bấy lâu nay, chúng ta vẫn nghĩ thơ là cõi mộng. Thật ra, thơ là bụi bặm, mồ hôi, nắng gió, là cõi thực. Chỉ như thế, thơ mới chia sẻ được những gai góc của đời sống và con người. Thơ là tiếng nói và là định mệnh của thực tại.

Bế tắc là sự tự nhiên và cần thiết để kinh nghiệm thơ. Đó là khoảng khắc để ngẫm nghĩ về sự thinh lặng, và cùng một lúc chúng ta nhìn thấy hoàng hôn và bình minh của thơ. Phản kháng lại chính mình là cách rũ bỏ và làm mới ký ức. Nhưng bế tắc kinh niên lại là dấu hiệu của chết chóc.

Thơ dấy lên khi chúng ta nghe được bên kia lằn ranh của âm ngữ, thấy cái không thấy được. Thơ là khả năng chắt lọc ngôn từ đồng thời cũng hủy hoại ngôn từ. Đã có hàng hà sa số những xác bã của ngôn ngữ chẳng có được một ngôi mồ.

Những kẻ giả danh luôn luôn thích nhân danh. Thi sỹ là kẻ đại khiêm nhượng vì hơn ai hết hắn là kẻ bị hàng phục trước quyền lực thơ.

Vài thập kỷ trôi vèo, thơ mở ra thế giới bất trắc và trở về trong cuồng nộ. Cơn bạo động đã qua và thơ phục sinh. Thơ là vang động của một thời và của nhiều thời tích tụ lại trong giây lát. Nhưng đó

không phải là những cánh bay của quá khứ được gọi về mà là sự hiện thân của hiện thực.

Ngôn ngữ nhập vào cùng sữa mẹ, đó là cách duy nhất để thẩm thấu và thành thơ. Mỗi dân tộc có một nhịp đập riêng và nếu lắng nghe, chúng ta sẽ nhận ra được hơi thở thơ.

Tương lai của thơ không nằm ở điểm cùng tận. Mỗi nhà thơ chẳng phải chỉ là chứng nhân của thời đại hấu sống, mà là sự nắm bắt được cơn hấp hối và hồi sinh của con người. Sự cô độc chính là tiếng kêu của đất đai, đánh thức trong chúng ta niềm hy vọng.

Thơ vẫn mọc lên từ hoang dịa dù rằng cơn bão lốc của lịch sử có cuốn đi mọi dấu vết. Điều này gợi tới, thơ chính là sự sống, từ sâu thẳm. Tâm thức của lời nói, nếu không ngoa, khi chúng ta đánh mất sự thăng bằng của âm tiết. Chân lý là diện mạo khác của thơ nằm giữa sự bí ẩn và lộ liễu. Chúng ta sẽ không có gì nếu không có cả nụ cười lẫn nước mắt, tự đốt cháy thành tro than và ném vào bể cả.

Và như thế, chúng ta thử nêu ra, cái gốc của thơ nói riêng, văn chương nói chung là tình hay là chữ? Đó là câu hỏi từ người bạn năm xưa, đến nay vẫn loay hoay và không sao gỡ ra được mối nghi tình.

Khế lêm

CAO XUÂN TỨ

xuân

1.
Xác xuân vài đỉnh non cao
Để em con mắt đói màu mạ non
Nhạn gào tiếng đục tiếng tròn
Mặc anh ngu sĩ ví von giữa trời

2.
Người đi tát cả lấp nguồn
Người về vá mộng gió luồn áo the
Tung chăn chùm nắng sum soe
Ngoài thềm mai nhú so le mấy chồi.

BÙI BÍCH HÀ

những cái thùng giấy

Cứ mỗi lần nghe Thản nói "không có anh, em tự do", Chi lại dụi đầu vào cổ Thản, ngậm một chút vai chàng, cười khẽ và nói "Em luôn luôn tự do". Có lẽ Chi nói theo định kiến hay thói quen, thực sự nàng không có ý niệm gì rõ rệt về điều nàng nói. Thế nhưng, chiều nay tan sở ra, biết chắc Thản không điện thoại tới như thường lệ nữa, Chi thấy nàng đi những bước thong thả. Mọi khi gặp người quen trên hành lang lối ra, Chi chỉ chào hỏi chiếu lệ rồi đi ngay. Bây giờ Chi không có gì phải vội vã cả. Nàng vừa đi vừa ngắm mình biến dạng trong miếng kiếng tam giác lồi gắn sát trên góc trần nhà, hơi tinh nghịch đong đưa cái hông bó lẳn trong chiếc quần ống chật. Nàng cố ý nhìn sâu vào mắt những người qua lại, trao đổi những câu xã giao mưa nắng, giữ giùm cái cửa cho một người còn cách nàng cả chục thước và mỉm cười vu vơ.

Chi bước xuống mấy bậc thềm. Gió ở bãi dậu xe luồn lên thân thể nàng, mát rợi. Chi chợt có cảm giác thoải mái buồn bã, như một người vừa ngủ dậy trên chiếc giường nằm một mình trong căn phòng vắng lặng, nhìn ra bên ngoài thấy buổi chiều đang xuống mờ mờ. Hôm qua Thản nói với Chi "Sao phải làm lớn thêm vết thương của Liên và của anh? Mọi việc cứ sẫn thế". Chi đang cười cười. Câu nói của Thản làm rũ đôi môi Chi, như khi người ta tháo cặp dây buộc lá màn cửa sổ. Phải mất một lúc Chi mới đưa được bàn tay lên xoa xoa mặt để làm giãn các thớ thịt râm ran tê cứng. Hình như Chi có chua chát kêu thầm "thế còn vết thương của em?" Kêu xong, Chi trở thành người ngoại cuộc.

Tình yêu chỉ cần hai người. "Mình đang đánh bài hai lá, anh có

một lá thứ ba. Một là anh ăn gian, hai là anh và em không chơi cùng một trò chơi". Hai mắt Chi lồng ra, nước chảy xuống hốc mũi.

Chi ngồi vào xe, nhìn vẩn vơ sang ghế bên cạnh, tưởng như cố nhớ một điều gì nhưng đầu óc nàng trống không. "Từ nay thật là chỉ còn một mình". Không có người ngồi, không dùng vào việc gì, cái ghế vẫn cứ ở chỗ của nó, một cách phí phạm. Chi lưỡng lự, nửa muốn chạy xuống phố, đến chỗ đông người và bè bạn, chuyện vãn đủ mọi đề tài trên trời dưới biển, tận hưởng một buổi chiều tự do không có gì ràng buộc, tận hưởng cái tự do của một người đàn bà được quyền nghe và được quyền đón nhận hay từ chối những lời tán tụng tỏ tình, như trò chơi của những người lớn không có phương tiện và điều kiện làm bất cứ một việc giải trí nào khác. Ý nghĩ ấy làm Chi cảm thấy buổi chiều nhạt nhẽo, nàng quyết định chạy xe về nhà.

Trên đường đi, Chi tạt vào một khu mua sắm lớn của người Mỹ. Thỉnh thoảng, những lúc mệt mỏi hay lười biếng, Chi thường la cà đi shopping. Nàng nhặt một đống lớn quần áo đem vào phòng thử, thay đổi y phục và ngắm mình trong gương. Cái cảm giác là một người khác làm Chi vui vui. Tuy vậy, chiều hôm nay Chi không thấy ai khác trong gương. Nỗi buồn rầu khiến Chi nhận ra chính mình. Chi lại nhớ câu Thản thường nói "không có anh, em tự do". Chi vẫn hay cãi Thản điều này. Nàng tin rằng tình yêu và tự do có cùng bản chất, không cản trở nhau, không hủy hoại nhau, mặc dầu ngay lúc này, Chi bực bội thấy lòng nàng cứ vướng bận điều gì phiền não không nguôi.

Về tới nhà, chuông điện thoại reo. Chi nhấc máy, mơ hồ nhớ Thản. Tiếng nói của người ở đầu dây là thanh âm vọng đến từ một đời sống có thật, bên ngoài Chi. Chi mừng rỡ, tựa như có một chỗ dựa lúc nàng sắp té quỵ. Chi nghe nàng cười to hơn, lâu hơn mọi khi, lòng nàng tan chảy, giọng nàng ân cần (tôi biết anh khổ lắm, tôi cũng khổ, tội nghiệp anh). Người bạn bên kia đầu dây khá thông minh và nhậy cảm "Hôm nay Chi sao vậy? Bị kép cho đe hả?" Không, kép của Chi không cho Chi đe, chàng chỉ ép Chi như người ta ép mía, ép dậu thôi. "Anh viết thư cho tiện, mỗi tháng một lần". Vậy là anh vẫn có những điều chia sẻ và cả bổn phận nữa, với một người khác em. Đối với em, anh không bao giờ phải có bổn phận. Luôn luôn nỗ lực cổ xúy và bảo vệ tự do, lần đầu tiên Chi thất vọng

nhận ra rằng tự do chỉ là một ý niệm trừu tượng nhằm trang điểm cho dời sống, là cái lý tưởng để theo đuổi mà không bao giờ có ai thực sự đạt đến. "Đồng hóa tình yêu với tự do, em chỉ nhìn ngắm vẻ đẹp diễm lệ của nó ngoài tầm tay. Đồng hóa anh với tự do, em không bao giờ thực sự có anh trong đời".

Đầu óc Chi lùng bùng câu hỏi "Thản viết gì cho Liên vậy?" Trí tưởng nàng quay mòng mòng chiếc phong bì với nét chữ Thản đề tên Liên và thành phố Liên ở. Kỳ cục. Có một trong hai mối liên hệ ẩn chứa những điều không chân thực hoặc cả hai. Lòng Chi quặn đau. Thản mà nàng biết không giống như cái hình ảnh Thản mà nàng đang phải đối diện. Cái nào thật, cái nào giả hay không cái nào là thật cả? Chi nhớ giọng nói đứt hơi của Ngàn hôm Ngàn đi tìm nàng ở chỗ sở làm để nói điều bí ẩn ghê gớm nhất (mất Ngàn thất thần, da mặt nàng nhợt ra) "Chi đừng nghe lời cha Vinh nha. Có người nói thằng chả đem đàn bà về ngủ đêm trong phòng đó". Chi chỉ cười. Ít nhất thì hành động Vinh mua hoa hồng cuống dài tặng nàng hằng tuần và Vinh ngủ với đàn bà trong phòng, không giống nhau.

Thản gọi điện thoại cho Chi, như không có chuyện gì bất an giữa hai người. Chi lại thấy nàng vâng dạ, cười, nói chuyện bang giao Mỹ Việt, chuyện chống cưỡng bách hồi hương người Việt tỵ nạn ở Hồng Kông, chuyện mưa nắng. Có những khoảng trống yên lặng. Chi đoán ra sự gượng nhẹ của Thản bên kia đầu dây, như người rón rén nhai một miếng cơm có sạn. Phía bên này, Chi ngượng ngùng vì ý nghĩ nàng là nguyên nhân của cái tình thế trắc trở giữa hai người.

Thừa hưởng của mẹ tính nhẫn nhục, kỷ luật, khép mình, Chi ứng xử thụ động trong mọi trường hợp, giống như một người bị thương trí mạng, co mình lại ôm lấy chỗ đau đang chảy máu. Nỗi buồn như hòn lửa nung âm ỉ bên trong Chi, bỏng rát, khô cháy, bất lực.

Đặt ống điện thoại xuống, cảm giác hiu quạnh tăm tăm thấm vào nàng như con sóng giạt từ lòng khơi xô lên bờ cát nén chặt cứng. Đáng lẽ Chi khóc ngất, van lạy Thản đừng viết thư cho Liên nữa vì cứ nghĩ đến lúc Thản ngồi viết thư cho Liên (chắc lòng Thản nặng trĩu những kỷ niệm đằm thắm giữa hai người), Chi tưởng chừng ngòi bút Thản cắt những đường tưa máu trên da thịt nàng. Đáng lẽ Chi cau mày, lạnh nhạt nói với một Thản vì liên quan đến Liên nên không liên quan đến nàng nữa "Xin lỗi, đã có lúc em nhận hết anh

nên không chia". Đáng lẽ Chi phải làm một điều gì khác để chấm dứt mọi chuyện nhưng Chi lại trơ ra như một cái mặt nạ. Có người nói tình yêu phải chuyên chính, như cộng sản. Tình yêu mà hiền dịu như tiên, như bà sơ, như ni cô là không yêu nữa, là thoát tục, là đi tu rồi.

Khi Thản hôn Chi, đè cả người chàng lên mình Chi, Chi muốn vùng dậy từ khước Thản nhưng Chi lại thấy mình cắn răng, nhắm mắt. Vòng tay Chi ôm siết lưng Thản nhưng ở một nơi thầm kín, cơ thể nàng đau buốt. "Có một lúc nào đó, ở một chỗ nào khác, Thản cũng ôm Liên như vậy". Chàng kêu khẽ, tiếng kêu kéo cao như tiếng khóc nấc, tiếng kêu của một con thú nhỏ bị thương, co ro, rét mướt ẩn dưới một lùm cây. Nước mắt Chi trào ra. Cả người Chi cong lên một cách tuyệt vọng. Cả người Chi xoắn lại như cái khăn mặt bị vắt kiệt. Cả người Chi lao đao, bầm dập, như sợi dây chão lăn trên cái ròng rọc.

Trong đôi mắt nàng nhắm chặt, nhức buốt như bị vãi muối vào, Chi bỗng thấy hiện lên, rõ mồn một, khuôn mặt nàng nhăn nhúm, méo mó, bợt bạt như đắp vôi, hai hàm răng trắng đục, khô nẻ, dô ra, giống như khuôn mặt một con thú người dị hợm. Chi thấy nàng lăn lộn giữa những cái thùng giấy đủ cỡ, những cái chậu nhựa nhếch nhác, tuột trên cái sàn nhà trơn như mỡ mà nàng cứ phải bấu chặt mười đầu ngón chân khi di chuyển. Tứ bề xung quanh Chi, tiếng cười nói lao xao, hỗn độn, những cái móng tay dài ngoằn ngoèo chờn vờn vồ lên mặt nàng, đôi môi ẩm ướt của Thản mò mẫm trượt trên đôi môi tê cứng của Chi.

Chi mệt lả. Nàng cắn răng, ngậm chặt một cái gì trong miệng để cưỡng lại những cái thùng giấy như một dòng nước đục lờ cuốn nàng đi. Ở tít tắp đằng kia, trong một khoảng sáng lờ mờ, chỉ còn cái lưng áo Thản chập chờn mà hình như Chi vừa cố rướn tới lại rùng mình co rúm người lại vì sợ chạm phải.

Trong bóng tối đột nhiên yên tĩnh kỳ lạ, Thản cảm thấy cánh tay Chi đang quấn trên lưng chàng bỗng lỏng ra. Chàng ngửi thấy một mùi tanh nhẹ thoảng lên trong không khí ấm tỏa ra từ thân thể nàng.

Bùi Bích Hà

KHIẾ IÊM

chốn khác

Hạt mầm
Nẩy trên cánh đồng gió ám
Vàng vọt nỗi nhớ mong,
chim muông gõ vào cánh chiều buồn

Ai, không ai trong ta, thấy được chỗ cuồng nước mắt
Ai, không ai trong ta, đi ngược lại đời người
Soi, từng vết bạc thời gian nơi mái rơm

Có bao giờ nụ hôn khát một mặt trời
Cho môi khô sương thành trái đắng

Hỏi ở ngoài đầu hôm sớm mai
(Nước, đã chiến trường từ muôn trước
Mãn ngày
Ai quang gánh cơn điên rồ kia)

Nghe rất nhẹ, rất xa ngực rừng thở đất
Ai, bao lâu nay đứng ở ghềnh sông
Gọi mãi, theo về nắm sừng hư thực
Gọi mãi, trôi vèo cuốc nhẫn bình minh

Thà nói nhỏ cho xong, ta người không thực
Thì với lấy nghi tình quay tìm chốn khác
Ta chẳng đợi người, ta chẳng đợi ai.

QUỲNH GIAO

baccara

Phương đặt ấm nước lại trên bếp. Tiếng nước còn sủi nóng trên mặt kính *halogen*. Không khí buổi sáng lâng lâng dịu dàng. Cầm ly cà phê sữa để lên bàn đá, Phương vừa quay ra dàn máy chọn đĩa nhạc định nghe thì điện thoại reo nhẹ ở trong bếp. Phương do dự, nán lại giây lâu tính chọn cho xong rồi lại thôi. Trọng đã đi làm, điện thoại giờ này chỉ là của Phương.

– Allo!... vâng, Phương đây, chị Liên đấy à?

– ...

– Có gì đâu thưa chị, anh chị đến chơi với tụi này là quý rồi. Hôm đó ai cũng vui. Vâng, nếu không có anh chị Chương phá đám đòi về sớm thì mình còn nói chuyện lâu nữa...

– ...

– Ối dào, mười hai giờ khuya còn là sớm chán, hôm sau có ai phải đi làm đâu. Món quà đẹp lắm. Anh Trọng và mình thích quá. Anh chị tế nhị lắm đấy nhé, chọn cuốn *album* thật là khéo, hai chữ Trọng Phương dát kim nhũ bên ngoài trông như tên nhạc sĩ vậy!... Vâng, tụi này sẽ để ngay từ trang đầu những tấm hình chụp đêm đó với bạn bè. Anh Trọng nói sẽ đi ngược thời gian, mỗi năm chọn một tấm kỷ niệm đẹp nhất của hai đứa cho tới ngày cưới năm xưa...

Phương cười tiếng ròn tan và ngoái lại đặt mấy miếng bánh từ trong lò ra đĩa. Đầu kia Liên cũng bật cười giọng Huế trong vắt, bỡn cợt.

– Thôi chị ơi, mình còn trẻ trung gì đâu. Anh Trọng gọi đó là các cụ bước vào tuổi vàng mà còn cứ ngoái nhìn tuổi xanh nên mới bị "tuần trăng mệt". Các ông hoang vô hậu, hay nói đùa nhiều lúc làm các bà đỏ mặt. May mà con cái nó lớn cả, vâng, nhờ anh khéo nói qua chuyện khác. Dạ vâng, xin cám ơn chị lần nữa, cho tụi này hỏi thăm anh. Anh Trọng hôm nay lại đi trễ... sao ạ? Không có đâu. Chị lại lây bệnh nói đùa của mấy ông rồi.

– ...

– Vâng đúng đó. Tập truyện trước anh Trọng viết từ năm ngoái.

Hôm qua chàng hạ quyết tâm viết một truyện ngắn khác đấy, nên hôm nay mới đi trễ. Được rồi, thế nào chị cũng là người đầu tiên đọc mà! Chỉ sợ lần này sẽ làm chị thất vọng vì chàng viết lối tự truyện. Lạ lắm chị ơi.

– ...

– Dạ, cái tôi của ai kia mới đáng ghét, anh Trọng nói vậy, tụi này cười quá... Phải mách lẻo với chị là chàng đã hẹn từ lâu, bao giờ tới ngày kỷ niệm một phần tư thế kỷ sống cùng nhau thì sẽ viết về mối tình đầu của chàng. Vâng, chắc là hãi hùng lắm... Yên chí đi, chị không bị bỏ quên đâu. Anh Trọng nói chị là độc giả sành nhất đấy. Dạ ghen ấy à? Chị còn nhớ bà Thăng không, vâng, bà đó đó, bà ta nói khi các bà bắt đầu đeo *gaine* là càng ghen dữ! Chị em mình chưa tới tuổi đó sao?... Vâng, mình sợ lắm... Dạ, hẹn chị bữa khác nhé.

Quay lại dàn máy, Phương trầm ngâm nhìn ra vườn. Ánh nắng lung linh qua mấy bông râm bụt vàng nhạt và những cánh hoa sim tím mong manh gợi lên tiếng ca của mặt trời trong cảnh thôn dã. Phương cẩn thận xếp từng đĩa nhạc theo thứ tự chọn lựa và quay ra ăn sáng.

Xong xuôi rồi mới lên phòng sách đem tập bản thảo của Trọng mới viết xuống đọc. Phương tự nhủ như vậy và mở cửa cho bản hòa âm điền dã của Beethoven trải rộng những âm thanh rộn ràng ra tới ngoài vườn.

*

Trương đảo mắt qua vỉa hè bên kia đường. Hôm nay cuối tuần chắc là đông khách. Dựng cái Lambretta nơi chỗ gửi xe, chàng lắc đầu nhìn thằng nhỏ giữ xe đang phì phèo điếu thuốc nơi khóe môi. Nó học được kiểu hút thuốc ở những phim ngoại quốc xem trong rạp Nam Quang bên cạnh. Bóp lấy vai thằng bé để nó thấy rõ tờ giấy bạc lớn hơn giá biểu bình thường, Trương gật gật:

– Lau xe thì lau mà đừng leo lên đó bắn súng nhe mày!

Thời đó xe Lambretta màu xanh ánh kim nhũ như của Trương còn là loại xe hai bánh hiếm có. Ước mơ của Trương là sẽ có ngày chàng lái xe Floride mui trần tới đây cơ. Thằng bé búng điếu thuốc văng ra giữa lộ và rút đâu ra một mảnh vải nhanh như tay xạ thủ trong phim móc súng và hì hục lau yên xe của Trương cho tới khi

chàng quay đi. Miệng nó huýt gió nhạc điệu thịnh hành của một phim phiêu lưu nổi tiếng từ dăm năm về trước, khi Trương còn là học sinh trung học.

Ô ê, Ố căng gà xây rô... Ô ê, xăng tơ lề cồ...

Trương vừa quay lưng là nó thoắt lên yên như cưỡi một con tuấn mã trong phim cao bồi.

Xế phía bên kia Lê Văn Duyệt, ánh đèn đất tù mù ấm cúng. Dưới mấy tàng cây diệp, khách nhậu còn tấp nập trong dãy quán lụp sụp mé ngoài chợ Đũi. Nhét tấm thẻ gửi xe vào túi, Trương bước vào *dancing*, hai tay rũ rũ áo khoác. Giống như cái xe lam, áo khoác của Trương cũng là loại đắt tiền.

Sau khi ông Diệm bị đổ, Sài Gòn có không khí tưng bừng của một thành phố được giải phóng. Tưng bừng nhất là người ta được phép nhảy dầm. Phòng trà ca nhạc *Au Baccara* lại mở cửa thành một sàn nhảy, sàn nhảy thanh lịch nhất, "Tây" nhất thủ đô. Từ thời niên thiếu, Trương đã mê *Baccara* và không khí rất Âu Tây của phòng trà, khác hẳn những Anh Vũ, Bồng Lai hay *Arc en Ciel*. Mà lại không già như *La Croix du Sud*. Trương đẩy cửa bước vào mà thấy âm vang trong đầu tiếng hát Tini Yong, cô ca sĩ đầm nhất mà cũng lại có một chất kỳ bí nào đó của miền sông Hương núi Ngự. Chỉ vì nghe nói rằng nàng có họ hàng với Cựu Hoàng...

Không khí trong *Baccara* lạnh và nóng. Máy lạnh chạy hết tốc lực trong khi ánh sáng bùng chóa những màu thật nóng. Tini Yong không còn hát nữa, và Trương cũng không mê nàng. Chàng đến để nghe Jo Marcel. Thời đó, người ta bắt đầu quên Cao Thái và bài tủ *Mexico* của người ca sĩ cũng được quảng cáo là từ Pháp về. Thời đó, Jo Marcel là số một.

Học theo một phép xử thế trong phim ảnh, Trương vò sẵn tờ giấy bạc trong túi áo. Chàng dúi vào tay người bồi bàn đã quen mặt.

– Chỗ cũ đó, còn không chú.

Chỗ của Trương hay ngồi giờ đó đã có ai đâu, vì chàng đến hơi sớm. Khoát tay từ chối mấy cô "duýp" ngắn vừa bước ra, Trương đưa tay xoay lại ghế hướng chênh chếch lên sân khấu. Chàng ngồi gõ điếu thuốc trên mặt bàn bật lửa lên hút trong khi chờ người bồi bàn đem cho ly nước cam có pha rượu mạnh. Cái cách uống này,

Trương cũng đọc thấy trong một cuốn truyện Tây nào đã quên mất tên.

Khách vào mỗi lúc một đông. Sàn nhảy lát kính chỉ nhỏ bằng mặt chiếu hoa.

Baccara là hộp đêm nổi tiếng kén khách và có không khí của Paris hoa lệ, Trương thầm nghĩ như vậy chứ cũng chưa biết không khí Paris là như thế nào. Nhưng Trương thấy *Baccara* không tẻ như *La Cigale* bên Dakao. Ánh đèn màu hắt lên từ dưới mặt kính soi vẻ hạnh phúc mờ ảo của ba bốn cặp đang dập dìu khiêu vũ. Ban nhạc ở đây chơi nhạc điệu nghệ không kém gì một ban nhạc Phi Luật Tân. Trương hút đến điếu *Kool* thứ tư mới đến phần trình diễn của Jo Marcel.

Les filles de Marseille... sont au soleil plus belles encore...

Điệp khúc của bài hát đang *en vogue* tại Paris, do Frank Fernandel - con trai của tài tử mặt ngựa Fernandel - đã được Jo Marcel trình bày thật điêu luyện, pha một chút *accent* miền Nam nước Pháp với những chữ "r" rung *vibrato* rất dắc điệu.

Lúc mọi người rào rào tiếng vỗ tay cũng là lúc Trương nhìn thấy Nguyệt lần đầu. Nàng ngồi bất động nhìn xuống khán giả, không có một chút phản ứng nào với bài hát đang làm sân khấu nhập nhòe ánh sáng muôn màu. Với dáng vẻ lịch duyệt và bộ áo quần may cắt đúng thời trang, Trương làm quen không khó, nhưng chàng khó đi xa hơn.

Nguyệt nói rất ít, luôn luôn có vẻ e ấp của một thiếu nữ khuê các. Sáu lần gặp nhau tại *Baccara*, Trương không biết gì hơn về Nguyệt, ngoại trừ một việc là nàng đang chuẩn bị Tú tài I, nhà ở một ngõ nhỏ phía Duy Tân:

– Qua Công Trường Chiến Sĩ bị đổ đó là tới nhà Nguyệt, và anh đã hứa không tìm đến nhà Nguyệt đấy nhé.

Lần nào nàng cũng chỉ mặc một tấm áo dỏ, lộng lẫy mà đơn giản, may sát thân hình nhưng không lố lăng như nhiều thiếu nữ học chương trình Pháp như nàng. Nhớ đến cuốn tiểu thuyết đang ăn khách thời đó, Trương xin phép gọi nàng là "Nguyệt Áo Dỏ" và thầm khen người con gái kỳ lạ trong nỗi chung thủy với một màu áo và một kiểu áo. Nguyệt hơi hồng đôi má nghiêng đầu tránh khói thuốc khiến Trương càng điêu đứng:

– Nguyệt chưa đọc truyện "Bốn Mươi" của Mặc Đỗ mà anh nói. Đi học về Nguyệt phụ mẹ việc bếp núc và lấy xe đi kèm trẻ nên ít có thì giờ đọc cả truyện của Văn Quang như anh hỏi... Chắc là người trong truyện đẹp và giỏi hơn Nguyệt nhiều.

Định mượn tên người trong truyện đẩy đưa tình cảm của mình tới Nguyệt, Trương lại đành thôi. Chàng liếc nhìn Nguyệt hướng khuôn mặt lên sân khấu và thấy nàng có vẻ sâu kín khác hẳn những nữ sinh trưởng dầm. Nàng còn biết lo toan đi dạy *cours particulier*, khác lối con nhà trưởng giả cùng thời. Nguyệt cũng không thích nói về văn chương Pháp và lại không thích nhảy. Trương như chơi với trong những toan tính của mình. Lần đầu tiên, Trương thấy bao nhiêu tài nghệ của chàng đều không có một chút công hiệu với người con gái kiêu kỳ mà thâm thúy này.

Khán giả rời sàn nhảy trong tiếng vỗ tay, Nguyệt nở một nụ cười rộng lượng:

– Cô này hát được.

Trương không ngờ là nàng có thể ngắn gọn và dè dặt tới mức đó. Bài hát và người hát đang đứng đầu *hit parade* Sài Gòn. Chàng nói về Patricia Carli, Nancy Holloway và Brenda Lee, so sánh với những ngôi sao đang lên của Pháp như Franoise Hardy, France Gall và Sylvie Vartan... để mong đợi một chút biểu đồng tình của người sành nghe như Nguyệt thì chỉ thấy nàng hững hờ cúi nhìn xuống ly nước cam vắt, tay vẽ những đường vòng trên khăn bàn trắng. Ánh sáng đen tỏa xuống từ trần nhà khiến Nguyệt càng huyền ảo như người đẹp trong trăng:

– Nguyệt không thích mấy người đó lắm, kể ra thì họ hát cũng được.

Nguyệt là như vậy, đơn giản trong ngôn ngữ nhưng thâm thúy trong ý tưởng. Một người đẹp trong trăng như chính tên của nàng. Đối với Nguyệt, những ngôi sao tân nhạc thời đó chỉ thuộc loại "thường thường bậc trung". Định dẫn nàng ra khỏi thế giới Tây phương, Trương bắt đầu nói về truyện Kiều nhờ một số hiểu biết mới học được từ đám bạn Chu Văn An. Khuôn mặt trái soan của Nguyệt chợt rạng rỡ:

– Kiều là một câu truyện Tây Du bằng thơ.

Trương luống cuống tìm một lối ra khi bị nàng kéo vào một vùng

đất không quen. May mắn là Nguyệt không nói nhiều hơn mà chỉ bâng quơ nhìn vào mặt đồng hồ đắt tiền Trương đeo nơi tay, giây lát rồi mới chống tay lên cằm như một Audrey Đông phương:

– Anh thấy đó, mỗi người trong truyện Kiều đều có một phần số riêng. Y như mỗi người theo cái ông Địa Tạng hay Tam Tạng nào đó đi thỉnh kinh ở bên Tây. Nhưng thôi, anh nói chuyện đó làm gì khi nhạc đang hay.

Trương thầm cám ơn sự tế nhị của Nguyệt, vì nàng cố tình nói sai tên Đường Tam Tạng cho chàng khỏi bỡ ngỡ. Chàng còn thấy nàng có những hiểu biết sâu sắc hơn hẳn những hiểu biết thường tình của mình.

Trương say đắm "Nguyệt Áo Đỏ" như vậy nên đã mất luôn một năm học sau khi Nguyệt biến mất.

Mặt hơi tái, Nguyệt thỏ thẻ phân trần vào lần chót gặp nhau ở *Baccara*:

– Nguyệt có chuyện nhà, anh đừng bao giờ hỏi Nguyệt, có thể là mai này sẽ không tới đây được nữa. Có khi gặp nhau ngoài đường, hay trên Đà Lạt, Nguyệt sẽ không biết anh là ai và anh cũng sẽ không được biết Nguyệt là ai. Cứ coi việc mình gặp nhau đây là cái một mối gì người ta nói là tao ngộ hay kỳ ngộ đó thôi. Anh chịu không?

Trương chẳng chịu thì cũng không được vì từ đó *Baccara* vắng bóng Nguyệt Áo Đỏ. Những người hầu bàn chia sẻ nỗi buồn với chàng khi kín đáo hỏi mỗi lần Trương tới:

– Bàn mọi khi và một chỗ thôi phải không cậu?

Chàng đoán là do công việc của cha, Nguyệt phải theo gia đình lên Đà Lạt. Gặp ai quen biết các nữ sinh trong trường *Couvent* ở Đà Lạt chàng đều hỏi thăm xem có biết Nguyệt hay không. Đi Đà Lạt được một chuyến chàng cũng mon men lên đồi vắng hay lang thang nơi dốc Duy Tân, Minh Mạng để mong thoáng gặp lại Nguyệt Áo Đỏ của mình.

Thậm chí có lần ăn mì nơi Ngã Sáu vào một buổi tối chàng còn nhìn nhầm Nguyệt nơi một con bé cầm *cà mèn* đi mua cháo cách vài quán kế bên. Cho tới khi thấy nó dắt xe đạp đi mất Trương mới quay lại nói chuyện với bạn bè và mua một trận cười ròn rã dưới mái bạt kaki.

Bạn Trương cười sặc khi nghe chàng kể về Nguyệt Áo Đỏ trong *Baccara*. Một thằng bạn trường Việt hoa chân múa tay nói về mối tình Liêu Trai và lớn giọng đọc thơ Vũ Hoàng Chương ngay giữa quán cóc:

Em đến từ trang sách họ Bồ
Đem theo đất ẩm và xương khô
Hay là - ôi nét cười siêu thực
Em đến từ tranh Picasso...

Biết đâu sự thật lại chẳng là như vậy. Trương mặc cho bạn đùa, bâng khuâng nhìn xuống phố, nghĩ đến những truyện thần thoại và nàng con gái chợt đến lại chợt đi. Năm đó, Trương thi rớt và bị cha mẹ thu hồi mất xe. Cũng vì Nguyệt Áo Đỏ...

*

Phương ơi!

Hứa với em sẽ viết về mối tình đầu của anh, nhưng tới đây thì anh bí.

Chẳng lẽ cái anh chàng Trương (kết tên Trọng và Phương của tụi mình đó) lại có mối tình kỳ ngộ như vậy? Anh chưa biết kết ra sao cả. Em nghĩ sao? Viết tới đây, anh nhớ tới không khí rất đáng say mê mà lại rất không thật của thời niên thiếu Sài Gòn. Em có tìm ra cái kết cho câu chuyện này không? Khi đó, cũng chạc tuổi nàng Nguyệt này, em lại chẳng bao giờ lai vãng đến thế giới ăn chơi lăng nhăng của anh, em có cảm hứng gì giúp được cho anh không? Chiều nay về vợ chồng mình sẽ nói chuyện. Nếu em có hứng, mình sẽ nói chuyện trong một tiệm cơm Tây ở Santa Monica. "Có một chút Paris..."

Yêu em lắm,

Trọng của em

*

Phương xếp tập bản thảo và mảnh thư nhỏ của chồng lại. Nàng nhìn xuống ly cà phê sữa đã nguội tanh trong khi dàn máy bắt đầu chuyển qua nhạc của Massenet. Phương bần thần chưa biết phản ứng ra sao. Không biết giờ này chị Tú đã ngớt việc chưa. Chắc chắn là chị Tú còn nhớ.

– *Hello, yes, may I talk to Tu Nguyên, yes... It's her sister. Thank you...* Chị Tú đấy hả, em đây. Vâng, vui lắm, em sợ chị đi ăn trưa sớm, nói chuyện với chị vài phút được không... Đúng rồi, dạo này

người ta đang xin *rì-phai-năng* nên em sợ là chị bận. Được hả, không có chuyện gì đâu, em định hỏi chị vài chuyện ngày xưa ở nhà. Hồi em còn đang thi *Brờ-vê* đó. Không, không có chuyện gì đâu, anh Trọng viết một truyện ngắn và đòi lấy ý của em... Chị là chị cả mà hay chọc em vậy, tại vì em sợ mình nhớ sai thôi. Em muốn làm quà bất ngờ cho Trọng nên hỏi chị ngay bây giờ, chiều nay anh ấy về thì trễ mất... Vâng, em đợi đây...

Chị Tú của Phương là người đảm đang lanh lợi và lại có trí nhớ tốt nhất nhà nên chắc chắn là chị biết rõ. Đợi chị ngắt xong đường dây điện thoại bên kia, Phương nhớ về ngôi nhà xinh xắn nhìn chênh chếch qua vườn Tao Đàn, khi Phương còn là đứa con gái được nuông chiều trong nhà và chị Tú là người chị lớn cùng Me quán xuyến chuyện nhà...

– Allo, em vẫn nghe đây. Vâng, chị còn nhớ thời đó nhà mình có con Nho giúp việc trong nhà không. Đúng rồi, con bé trông rất xinh và lý lắc mà Me coi như người nhà đó. Năm đó là 1963-64 hả? Đúng rồi, sau đó nó bị đuổi... Chị tài thật. Nó cứ xin lâu lâu về thăm nhà ở Ngã Tư Bảy Hiền, đúng rồi, hóa ra là đi chơi. Năm đó em không biết gì và bị Me la là mặc áo hôi mùi thuốc lá, cái áo đỏ đó, em mặc có một lần hôm đi ăn cưới chị Vân Khanh. Hóa ra là nó lấy cắp mặc đi chơi rồi về lại len lén treo vào chỗ cũ... Đúng rồi, nó lấy cả truyện của chị đọc lén và có lần còn nghe đĩa hát anh Ngọc tặng chị nên Me mới giận tống cổ nó đi. Me bảo là nó lanh lợi vậy chẳng bao giờ chết đói hả? Em chỉ nhớ có lần tự nhiên nó xưng Nguyệt với chị làm chị thắc mắc vì mất cuốn truyện của Mặc Đỗ. Hèn chi! Bây giờ em hiểu rồi, thì đúng rồi!... Cái áo đỏ của em mới bị sứt chỉ và Me la là em đi chơi với lũ non nớt rắn mắt đã hút thuốc... Chị không biết đấy chứ sau đó em phải nói dối với Me là áo chật nên cho con bạn rồi. Hôm con Nho nó đi, nó khóc quá và đợi lúc Me ra tiệm nó quay về lạy van xin em cái áo đỏ... Chị bảo là em thật thà quá hả, vâng, em cũng tội nghiệp nên cho nó gói theo. Em không thích màu đỏ đó, với lại vẫn thấy gây gây mùi hôi trên áo nên không thích nữa.

Phương nghe người chị lớn thao thao kể lại khung cảnh gia đình ngày xưa và chuyện con bé người làm lanh lợi năm đó. Nàng thấy dâng lên nhiều nỗi vui buồn lẫn lộn giữa những thực giả ngoài đời, trong truyện...

– Vâng, em vẫn nghe đây... À, thì tại anh Trọng định viết một truyện ngắn mới và em gợi ý về một mối kỳ ngộ ngày xưa, thời chàng còn lang thang ở *Baccara*. Đúng rồi Baccarat với chữ T sau cùng mới là, vâng, tên làng sản xuất pha lê nổi tiếng của Pháp... Đấy là sàn nhẩy, sau mấy năm lêu lổng thi trượt mới bị một trận từ đó nên người... Dạo đó chị có nói, em còn nhớ mà... Bây giờ chàng *over the hill* rồi, bắt đầu nửa đời đi xuống nên mới lại ôn lại chuyện xưa! Ba mươi năm rồi còn gì nữa. Chị hứa với em đi, có đọc truyện thì không được ngạo chàng, đúng rồi, ý của em gái chị đấy, gọi là mối tình học trò của chàng khi còn nhỏ... Vâng, lần sau ghé anh chị tụi em sẽ nói chuyện nhiều hơn, nhưng đừng chọc quê chồng em mới được... Hứa rồi đó nhé, bà chị.

Phương nhìn lên đồng hồ treo tường và lên lầu thay áo ra phố. Giờ này các *mall* chưa đông khách.

*

Chiều đó Trọng về huýt sao tưng bừng, vẫn một điệu *O'Cangaceiro* cổ lỗ ngày xưa. Chàng cảm động ra mặt khi thấy trên tập bản thảo của mình có một hộp gấm đỏ. Bên trong là một bình hoa pha lê loại đắt tiền của nhà Baccarat và hàng chữ của vợ:

Tặng người tình si con nít năm xưa

Chàng chỉ không hiểu vì sao Phương lại ký tên là "người con gái áo đỏ năm xưa". Trương mân mê bình hoa pha lê trong tay, thầm cám ơn Phương đã trân quý những kỷ niệm xa xưa của mình...

Trong đầu chàng chợt lóe sáng một ý tưởng bất ngờ, không kịp cởi áo, Trương hì hục lấy ngay bình pha lê Baccarat làm chất liệu viết nốt phần đoạn kết. Nguyệt Áo Đỏ đã trở về tặng chàng bình pha lê thanh quý này. Trương đoán trước là truyện ngắn của chàng sẽ một truyện tình mà bạn đọc cho là ý nhị nhất trong năm.

Khi mùi xào nấu thơm lừng bốc từ từ dưới bếp lên trong tiếng nhạc rộn ràng thì cũng là lúc Trương viết xong đoạn kết. Chàng nhảy bực ba xuống lầu cầm theo tập bản thảo khoe với Phương, như một đứa trẻ khoe áo mới.

Quỳnh Giao
08 tháng 12, 1993

LÊ THỊ HUỆ

những viên kẹo, ý nghĩ thơ, và bố

Những ngón tay đã thò trong túi áo bố tìm những viên kẹo
Túi áo rộng mênh mông
Êm hơn nhung lụa quý phái nhất đời
Con đã ước biến thành những viên kẹo
trong đáy áo
rồi trôi qua miệng và vào trong bụng bố
nằm ấm áp.

Ba mươi năm sau con bé trở thành người đàn bà
Tay sờ túi áo tìm những viên kẹo
Cất giấu cho con trai đầu lòng
Nhúm kẹo ngũ sắc
In nụ cười cha
Nhớ bàn tay
Cái túi áo
và những viên kẹo
Dã đỡ kéo con qua những mạch đời sầu
Để quyết định sanh ra đời những thằng con trai cho bố.

Dứa con gái nay cũng đã trở thành người đàn bà nô dịch
Guốc giày sắc hoắc như những mũi nhọn
Dủ thua sự nghiệp công danh với đời
Tay vô tình chạm phải những viên kẹo
Thấy mình là ảnh hình cha
Chia chung những bước chân mò mẫm trên đời
Tìm kiếm những điều gì nào ai biết
Năm giờ chiều tan sở
Vận tốc nhấn lút ga
Trên một ngả đường trở về nhà chỉ mong mau ngó mặt con
Khi nhớ về người đàn ông đầu đời
đã dạy cho bài học về lòng thương yêu
Hồn bỗng xanh man ký ức những viên kẹo
Trong chiếc túi áo ngập tràn những ý nghĩ thơ.

DINH PHỤNG TIẾN

chuyến tầu quê hương

Khi tôi bước chân lên toa tầu cũ kỹ ấy, nhìn lại phía sau là những toa khác xếp hàng trong đêm đen lặng lẽ. Tôi nhớ ngay đến những đoàn người đang xếp hàng trong sân nhà giam Hỏa Lò để chờ một phần ăn trong những ngày hôm trước. Qua khung cửa nhỏ của con tầu, dưới sân ga Hàng Cỏ, hành khách và những người bán hàng rong chen lấn nhau một cách vừa kín đáo vừa mãnh liệt. Ở một lỗ nhỏ hình vuông có chấn song sắt, tôi đã thấy những chiếc đầu trọc mà khuôn mặt tái xanh đang ngo ngoe trên những thân hình còm cõi, kín đáo chen lấn nhau tìm một chút ánh nắng mặt trời.

Tôi rời nhà giam Hỏa Lò chiều hôm ấy, đi trên những con đường phố hẹp của một Hà Nội năm xưa để đến sân ga. Những con đường xưa tôi đã đi, hơn ba mươi năm sau không có gì đổi khác, ngoại trừ những vết tích mà dấu chân của thời gian đã để lại trên những mảng tường cũ, những rêu phong trên mái nhà và những con người của một Hà Nội áo mỏng mùa đông rét mướt.

Tôi đã tới sân ga. Tờ giấy ra trại nằm yên trong túi áo. Và ở một góc tường cạnh quày vé, người thương binh ấy gật đầu chào tôi. Chiếc quần kaki cũ, tấm áo trấn thủ rách nhiều chỗ và khuôn mặt xạm màu chì núp dưới vành nón cối chỉ còn thấy đôi mắt trắng đục. Anh ta đứng trên một chiếc dép nhựa, một ống quần kaki bay bay vắt trên cây nạng gỗ. Nhưng chiếc chân còn lại của anh ta dường như cũng không còn được bình thường, vì nó đang run run trong một ống quần vải dầy đã ngả mầu đen bẩn. Tôi đáp lại lời chào của anh ta mà không khỏi ngập ngừng. Người đàn ông ấy, lưng tựa sát vách tường, một tay giữ thăng bằng trên cây nạng, nhích dần lại phía tôi, nói rất nhỏ: "Ông anh có tiền lẻ... cho em...". Không kịp để anh ta nói hết câu, tôi vội lục tay trong túi áo. Trong tay tôi, lúc ấy có bảy

đồng bạc lẻ và gói thuốc lá hiệu Sông Cầu đang hút dở. Tôi trao cho anh ta. Người đàn ông ấy vội vàng lật chiếc nón cối đang đội trên đầu để đón nhận những đồng bạc lẻ và gói thuốc. Trong một giây, tôi nghĩ tới số tiền mà tôi đã cất kỹ cùng với tờ giấy ra trại trong túi áo. Tôi tính trao hết cho anh ta, nhưng lại nghĩ tới cuộc hành trình xuôi về Nam và những bữa ăn giữa những chặng đường nên lại thôi. Anh ta nói lí nhí trong cổ, cám ơn... cám ơn ông anh... Tôi đáp, không có chi. Lúc ấy, người đàn ông mới nhìn tôi chăm chú hỏi, vậy ra ông anh là người ở miền Nam? Tôi đáp, đúng ra là tôi ở miền Nam khá lâu nhưng tôi đã sinh ra ở đây, ngay trong thành phố này. Anh ta mời tôi điếu thuốc ở trong gói thuốc Sông Cầu mà tôi vừa trao. Chúng tôi cùng hút với nhau. Trời lạnh. Khói thuốc làm chúng tôi ấm phổi dễ chịu. Tôi có cảm tình với người đàn ông ấy ngay bởi cái vẻ ngay thẳng của anh ta. Con tầu vẫn chưa rời bến, và tôi mời người đàn ông ấy uống với tôi ly trà nóng ở một quầy bán nước trong sân ga. Anh ta nhận lời. Đó là một người đàn ông trạc tuổi tôi, dáng gầy yếu, khuôn mặt cương nghị và đôi mắt lờ đờ như vỏ nhãn. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất lâu, cho đến khi con tầu sắp chuyển bánh thì tôi từ giã người thương binh ấy để lên tầu, xuôi về miền Nam mà hình bóng người thương binh ấy vẫn còn theo tôi mãi mãi.

Tôi đã ngồi yên chỗ trong một toa tầu chật chội. Con tầu ấy hú lên hồi còi trong đêm lạnh lẽo. Những người dưới sân ga chợt xô đẩy, chen lấn và ồn ào. Sự chen lấn, xô đẩy ồn ào quen thuộc của nhà giam Hỏa Lò những ngày qua trong một khu sân thiếu nắng. Ô cửa của con tầu mầu đen sắp đưa tôi về miền Nam, cũng giống như ô cửa của nhà giam Hỏa Lò mà tôi đã ở đó trong chặng đường cuối cùng vừa qua. Ở đó, một khu sân tráng xi măng tróc lở lọt vào giữa những khu buồng giam kín bưng. Những chiếc bát chiết yêu đựng một phần cơm ít ỏi độn khoai mì mà trong đó đã được chan thêm một ít nước muối, xếp hàng ngay ngắn trên mặt đất. Những người tù được gọi ra trong từng buồng giam, xếp hàng ngay ngắn bên cạnh những bát cơm để sẵn ấy. Sau khi có lệnh, họ ngồi xổm ngay trên mặt đất và ăn phần cơm của mình với chiếc muỗng hoặc bất cứ vật gì họ đã giữ được trong túi áo. Bữa ăn không lâu hơn năm phút là họ phải trở lại buồng giam ngay để cho những toán người khác ở những buồng khác ra thay thế. Lại chen lấn, xô đẩy như thế kéo dài trong giờ hành chánh từ tám giờ sáng đến sáu giờ chiều trong mỗi

ngày. Một ngày trại giam cho ăn hai bữa. Vì sân chật không đủ chỗ nên toán nào được ăn bữa sáng trước thì bữa chiều cũng ăn trước. Thời gian biểu đã qui định sẵn. Toán nào ăn bữa sáng lúc tám giờ thì bữa chiều sẽ ra sân lúc mười hai giờ. Cứ thế, mỗi đầu giờ là một toán ra sân. Toán sau cùng ăn bữa sáng vào lúc hai giờ trưa và bữa chiều vào lúc sáu giờ. Chỉ có hai toán ra sân đầu tiên và sau cùng là đều được hưởng chút nắng giữa trưa. Chút nắng ấy làm cho mình mẩy khô ráo dễ chịu.

Đám đông dưới sân ga chợt rẽ ra như một mảng bèo bồng đang trôi trong dòng nước xoáy trên sông. Con tầu lăn bánh. Qua ô cửa, gần quầy vé, tôi thấy người thương binh ấy rướn thân hình gầy yếu, cầm chiếc nón cối trên tay vẫy vẫy. Tôi vẫy tay chào từ biệt anh ta. Cuối cùng, ga Hàng Cỏ chìm khuất trong đêm nhưng chiếc nón cối của người đàn ông mới quen cứ lơ lửng trong một bầu trời tối tăm và lạnh lẽo.

Con tầu tôi đi, xuôi về Nam, dập dềnh trên những mối nối của đường ray đều đều như giọng nói của người thương binh tên là Đạt ở sân ga. Những tiếng nói thầm ấy chất chứa những nỗi niềm u uẩn. Nỗi niềm của gần một nửa thế kỷ trôi trên quê hương mà những người đã khuất liệu có thể nằm yên dưới những nấm mồ?

Anh Đạt đã nói bên tai tôi, bên tách trà nóng ở sân ga Hàng Cỏ: "Xin anh hiểu cho, tôi không phải là một người hành khất chuyên nghiệp. Không hiểu sao, lúc gặp anh tôi lại có cảm giác tin cậy đến thế. Đúng ra, việc tìm kiếm lòng trắc ẩn nơi người khác thỉnh thoảng tôi mới làm để kiếm sống... nhưng việc ấy không thường xuyên. Tôi hết sức tránh để lòng tự trọng của mình khỏi bị tổn thương nhưng không còn cách nào khác. Vì dù sao, tôi cũng đã là một chiến sĩ anh hùng. Một chiến sĩ anh hùng của mặt trận Điện Biên năm xưa. Tôi... tôi mong được anh chia sẻ với tôi về điều đó và xin anh bỏ qua cũng như xin cám ơn anh..." Tôi nói với anh, rằng tôi chỉ nhìn thấy anh như một người bất hạnh. Một người bất hạnh như tôi trong một quê hương bất hạnh. Chúng ta có thể chia sẻ với nhau nhưng không ai có lỗi.

Tầu qua cầu Long Biên, đường ray hẹp, tà vẹt cũ và thân tầu rỉ xét trong đêm khói cay mà bánh sắt đang nghiến lên những lời tâm sự. Thuở xưa, tôi ra đời trong một gia đình bần nông, anh Đạt nói

thế. Thời thơ ấu đi chăn trâu, cắt cỏ ở một làng quê ven sông Hồng để tự nuôi thân. Khi lớn lên trong thời kỳ "toàn quốc kháng chiến" kêu gọi chúng tôi lên đường. Chúng tôi đã đem hết cả niềm hăng say của tuổi trẻ vào những tháng năm khói lửa đó. Anh xem, anh Đạt mở hàng khuy chiếc áo trấn thủ rách nát, qua hàng nút áo mở của chiếc áo trong là một vết thẹo dài trên vùng ngực lép. Anh nói tiếp, tôi đã bị đạn pháo xé tung buồng phổi như thế này đây. Đoạn, anh vừa cài lại khuy áo vừa nói, ngay sau khi chiến thắng Điện Biên, tôi được tuyên dương anh hùng. Và chiến thắng ấy đã đem đến hiệp định Genève 54, chúng tôi chờ ngày thống nhất. Trong khi chờ đợi ngày thống nhất, chúng tôi lại hăm hở lao vào cuộc cải cách ruộng đất ở miền trung du suốt trong ba năm. Thời kỳ ấy, chính tôi đã đốn ngã rất nhiều địa chủ, cường hào ác ôu. Và tôi trở thành một chiến sĩ thi đua của cách mạng, cùng với phong trào cách mạng thần thánh trên khắp thế giới. Anh Đạt nói tiếp, cũng vào thời kỳ đó, bố mẹ tôi đã tình nguyện đi khẩn hoang đâu ở một vùng rừng núi ở Tuyên Quang. Từ đó, tôi không có tin tức gì về gia đình. Rồi... thời đại của ba dòng thác cách mạng đã đưa tôi vào chiến trường miền Nam. Và, anh xem, anh Đạt ngửa cổ lên để lộ một vết thương khác. Đó là vết thương cuối cùng, tôi tưởng thế, vào năm 75. Từ đó, tôi được bố trí vào những công việc nhẹ của cục hậu cần. Nhưng không bao lâu sau, bọn Khmer Đỏ, những người cộng sản anh em khiêu khích ở những tỉnh phía tây. Tôi lại lên đường. Sau khi thoát chết ở đó, tôi được trung ương điều trở lại miền Bắc để bồi dưỡng học thuyết Mác-Lênin. Nhưng cùng lúc ấy, bọn bành trướng Bắc Kinh lại tràn sang khắp sáu tỉnh phía bắc. Lần này thì mới là thương tích cuối cùng. Anh Đạt ngừng lại, một tay cầm lấy chiếc ống quần kaki lắc lắc, còn tay kia xoa nhẹ trên chiếc chân còn lại.

Con tầu vừa vượt qua hết cầu Long Biên. Những tiếng kim khí va chạm do những bánh sắt làm rung chuyển thân cầu đã ngưng, đưa tôi trở vào một không gian chìm lắng của người đàn ông tên là Đạt ở sân ga Hàng Cỏ. Người hành khách bên cạnh tôi đang gật gù trong giấc ngủ. Đó là một người đàn bà còn trẻ. Chốc chốc, người đàn bà ấy lại thò tay xuống gầm ghế như để kiểm soát túi hành lý để bên dưới chỗ ngồi. Chiếc đèn bão nhỏ treo trên trần của toa tầu lắc lư. Trong vùng ánh sáng lờ mờ ấy, những hành khách đều đã ngủ say. Con tầu đi miệt mài, mang theo những kỷ niệm buồn bã. Tôi trở về

miền Nam trong tâm trạng buồn, vui cùng những lo âu lẫn lộn. Chuyến tầu đưa tôi ra miền Bắc cách đó mười năm, suốt chặng đường từ ga xép chùa Vẽ của Hải Phòng đến Yên Báy là một đêm không ngủ. Gần một trăm người được nhét vào trong toa chở súc vật chật cứng, nửa đứng nửa ngồi. Tôi đã trở lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình như thế. Chuyến tầu ấy cũng đã qua cầu Long Biên. Dòng nước sông Hồng vẫn chảy mải miết và, trên hai chục năm qua, đã có bao nhiêu là nước chảy qua cầu. Ngày xưa mẹ vẫn hát những lời ru đưa tôi vào giấc ngủ giữa những trưa hè nắng chói chang. Ngày xưa mẹ cho tôi tấm áo mới giữa những mùa hoa bưởi hoa ngâu nở rộ trong vườn và mùi hương ngát ủ lên tuổi thơ. Và tiếng khua động của đoàn tầu dập dềnh đang đưa cả chuyến tầu đêm đi sâu vào miền dĩ vãng. Những kỷ niệm buồn vui. Những buổi chiều mùa hạ. Những hẹn hò của cuộc tình mới lớn ở sân trường. Những tháng năm ở cao nguyên. Kẻ thù và đồng đội. Tôi không còn gì nữa. Đồng đội không còn ai. Những kẻ thù giấu mặt đã thủ tiêu mọi giá trị từ tận nơi sâu kín nhất của gia đình cho đến bên ngoài.

Người thương binh ấy đã nói với tôi trên sân ga, tôi không còn gì nữa, những vết thương do những người cộng sản anh em đã cho tôi ở biên giới phía tây. Một cái chân gửi lại chiến trường phía bắc, khi những người đồng chí dạy cho mình một bài học về tình đoàn kết của những người vô sản trên khắp thế giới. Lãnh đạo của tôi, đã cho tôi một cuộc đời tàn phế không phải chỉ thể xác mà cả tinh thần. Chúng tôi đã bị tê liệt và thúc thủ hoàn toàn trước việc phải làm thế nào để sống sót, mà phương pháp là, như anh đã biết, được đứng ở sân ga để tìm kiếm lòng trắc ẩn nơi người khác dã là một đặc ân. Anh ta nói tiếp, chúng tôi đã chết không phải vì những khẩu súng M-16, mà vì những khẩu súng AK. Bây giờ, chúng tôi đang quằn quại vì những thanh mã tấu, những sợi dây thừng treo cổ do mình sản xuất. Những người nông dân chất phác như tôi đã bị lừa gạt, phỉnh phờ. Đến giờ này, họ lại tròng sợi dây thừng vào cổ kéo cầy thay con trâu trên những thửa ruộng hợp tác xã mà, mùa thu hoạch đem về cho họ hai bàn tay không, cái bụng đói trong những cuộc đời lặng lẽ...

Đoàn tầu vẫn di chuyển trên những đường ray dập dềnh, và tôi đã ngủ thiếp đi tự lúc nào không biết. Cho đến lúc tôi choàng thức

giấc vì những tiếng động ồn ào xung quanh. Có nhiều tiếng la thất thanh, công an... công an... con tầu đang chầm chậm tiến vào một ga xép. Người hành khách ngồi cạnh tôi đã bật dậy. Chị ta thọc vội tay xuống gầm ghế, lôi ra một chiếc túi vải. Và nhanh như cắt, người phụ nữ ấy liệng cái túi vải qua mặt tôi, ra ngoài cửa sổ. Đoạn, chị ta vọt thẳng tới khung cửa lên xuống, lao thẳng xuống cạnh đường lổn nhổn những đá dăm và những mảnh sắt vụn. Tôi nhìn theo, người đàn bà ấy đã kịp ôm chiếc túi hồi nãy, chạy rất nhanh về phía đuôi con tầu. Dường như ở những toa khác cũng có nhiều người như thế. Và quang cảnh hỗn loạn ấy xẩy ra trong chớp nhoáng rồi thôi. Con tầu dừng bánh. Những người công an lùng sục khắp các toa tầu. Họ đã bắt được một người đàn ông mù lòa hát rong ở toa trên. Tôi thấy người đàn ông ấy ôm một cây đàn guitar vẻ nặng nề. Người công an dắt anh ta xuống đường trong khi anh ta hết lời xin xỏ mà không được. Họ mất hút sau cánh cửa đồn công an gần đó. Con tầu tôi đi dừng lại ở ga nhỏ ấy không lâu rồi lại chuyển bánh. Hành khách trở về chỗ cũ. Cho đến khi con tầu ra khỏi sân ga, tôi mới thấy người bạn đồng hành của tôi, với túi vải trên tay, ngồi vào chỗ cũ cạnh tôi. Chị ta cười với tôi như ngầm ý cho tôi được chia sẻ với chị về niềm vui thoát cơn nguy hiểm vừa qua. Tôi gật đầu chào chị. Chú coi, chỉ có hai cân cà phê mà nó bắt người ta, người đàn bà ấy nói với tôi như thế. Để giải thích thêm, chị nói, cái người hát rong đấy, anh ta giấu hai cân cà phê trong cây đàn tưởng là chúng nó không biết... người đàn bà ấy ngập ngừng giây lâu, rồi hỏi tôi, chú... chú về đâu? Tôi đáp, tôi vào Nam. Chị có vẻ yên tâm, cười cười, thật hú hồn hú vía. Cháu có hai cân thịt lợn và một ít hàng vặt vãnh xà phòng, đá lửa, dao lam... phen này mà không thoát thì đến nhịn đói mất. Chú giữ giùm cháu cái túi dưới gầm ghế để cháu ra sau tí nhé. Tôi gật đầu. Chặp sau người đàn bà ấy trở lại, nói nhỏ bên tai tôi, cháu vào nhà cầu buộc lại tí thịt lợn giấu trong bụng vì từ sáng đến giờ nó chảy nước mà bao ny lông lại rách mất rồi. Tôi cười để người đàn bà ấy yên tâm và hỏi, chị đến tận đâu? Ga tới, ga tới thôi. Hôm nay thoát được thì có tí gạo cho các cháu. Bố các cháu cũng đang công tác trong miền Nam đấy, chú. Tôi hỏi, vậy cứ bao lâu thì anh ấy về thăm chị một lần? Ít lắm chú ạ, người đàn bà ấy tiếp, mà mỗi lần về thì lại moi tiền của vợ con thôi. Cách mạng là như thế. Vợ con ở nhà buôn bán linh tinh không khéo có khi tù mọt gông. Tôi hỏi, sao chị

không vào sản xuất trong hợp tác xã có phải yên tâm hơn không? Chết đói ngay, người đàn bà ấy nói thế, nó bóc lột mình còn hơn thời phong kiến. Còn hơn địa chủ. Còn hơn cường hào. Còn hơn ác bá... Khi người đàn bà nói xong, tôi nhớ đến một nhận định của Lénine, rằng với những bọn buôn thúng bán bưng tức những người bán buôn nhỏ, thì dù họ cũng thuộc tầng lớp vô sản nhưng phải cải tạo để đưa họ vào một nền sản xuất có qui hoạch. Với bọn này, không nên sử dụng bạo lực mà phải cải tạo bằng những biện pháp hòa bình. Những biện pháp ấy, khi vào đến Trung Hoa, nó được vận dụng bằng phương pháp nửa bạo lực và nửa hòa bình. Nhưng tới Việt Nam, nó được vận dụng sáng tạo bằng một phương pháp vỏ ngoài là hòa bình nhưng ruột là bạo lực. Tôi nhớ những ngày ở nhà giam Hỏa Lò, đám tù hình sự lê những thân hình ma đói quanh một đống rác bẩn để chờ ngày lên đường vào những trại lao động cải tạo dài hạn. Tội danh của họ, được ghi trong giấy trắng mực đen là: Lang thang buôn bán. Buôn bán, theo định nghĩa cách mạng là rất xấu. Những người quanh tôi, trong toa tầu ấy, bất cứ lúc nào cũng có thể được đưa đi Lào Kay không có ngày về, vì vài ký cà phê, vài ký thịt buôn từ ga này đến ga nọ trên những chặng đường mà chồng con họ đã ra đi để "bảo vệ non sông".

Con tầu tôi đi qua những làng xóm tiêu điều. Và ở giữa một cánh đồng trống trải, trong một khu đất trống, những mái lá nằm trong nhiều lớp rào kẽm gai, đang có những đứa trẻ gò lưng trước những chiếc xe ba gác. Ngoài cổng ghi chữ vàng trên nền đỏ: "Trường Phổ Thông Công Nông Cấp 1".

Tôi đã gặp những ngôi trường ấy ở Phú Thọ. Ở Việt Trì. Ở chợ Mỵ. Ở Ba Khe. Yên Báy. Hoàng Liên Sơn... những ngôi trường mà những đứa trẻ vị thành niên đang lao động cải tạo ở đó, để chờ đến tuổi thành niên sẽ được chuyển qua những trại lao động chính quy. Những ngôi trường ấy, ở chỗ nào cũng giống nhau. Những mái nhà tranh và vách đất. Chỗ ngủ trên nền đất hoặc những cái chõng tre. Trẻ con được biên chế thành từng đội sản xuất. Đó là những đội đi xúc cát. Những đội làm gạch ngói. Những đội đập đá. Như thế, nhà trường chỉ cần ở gần bất cứ nơi nào gần đất, gần cát và đá là có thể sản xuất được. Ngoài ra, trong khuôn viên nhà trường còn có một vài đội trồng rau, nuôi cá, trồng lúa để tự túc. Động cơ thúc đẩy cho

sản xuất là những bữa ăn. Có thể được ăn gần no khi năng suất cao. Tôi đã gặp những đứa trẻ ấy ở Việt Trì. Niềm mơ ước của nhiều thiếu niên thường không cao. Có em muốn trở về nhà. Có những em mong đến tuổi thành niên được chuyển sang trại lao động cải tạo của người lớn. Vì ở đó có thể được hút thuốc lào mà không bị đánh đập. Tôi thấy một dạo, người ta tranh cãi trên báo chí về việc đổi tên những hệ thống trường ấy cho chính danh hơn. Chẳng hạn gọi đó là "Trường Thanh Thiếu Niên Chưa Ngoan". Nhưng danh xưng ấy có nghĩa là trường của những đứa trẻ hư hỏng, mà thực ra trong đó có cả những đứa trẻ mà vì nhiều nguyên nhân khác nhau đã phải đem vào. Cuối cùng, mô hình loại trường phổ thông công nông vẫn mang nhiều ý nghĩa giáo dục. Giáo dục, trước hết là lao động. Chỉ có lao động mới cải tạo được con người. Hơn thế, lao động không những vừa có tác dụng cải tạo, lại sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Luận điểm này đúng đến mức không có gì lay chuyển nổi.

Con tầu tôi đi đã đến một ga mới, bỏ lại sau lưng những người thương binh, những con buôn tội lỗi và những ngôi trường. Người hành khách ngồi cạnh tôi đứng dậy chào tôi từ giã, khi con tầu ngừng lại ở sân ga. Tôi gật đầu chào chị, và người đàn bà ấy xách cái túi vải lên, hấp tấp xuống ga tầu trước khi những người công an bước tới. Nơi bụng chị ta ướt đẫm một vùng mầu đỏ. Tôi biết đó là miếng thịt giấu lén trong bịch nylon đã rách.

Lúc tầu chuyển bánh, một hành khách mới đến ngồi cạnh tôi, thay thế chỗ người hành khách cũ đã ra đi. Chuyến tầu tôi đi xuôi về Nam buồn thảm quá đỗi. Những thị trấn xác xơ. Những làng xóm tiêu điều. Và những dòng sông. Những dòng sông vẫn miệt mài chảy mãi. Mà thời thơ ấu của tôi vẫn còn in dấu trên những dòng sông quê hương. Những mảng bèo bồng cùng những bông hoa mầu tím trôi nổi trên sông, như một kiếp người không biết sẽ trôi dạt về đâu. Tôi lạc lối vào một không gian mù sương của thời dĩ vãng. Những cánh chuồn chuồn bay nhởn nhơ trong vườn nhà êm ả, như những tiếng chuông chiều lênh đênh trên sóng nước ngày ấy. Tôi nhớ đến một miền giáo đường. Những tiếng chuông rơi trên những hàng cây bạch đàn rũ tóc. Và những vườn dâu xanh mà mẹ thấp thoáng ở sân trước, vườn sau trong mùa tằm ăn rỗi. Một khoảnh vườn dâu xanh nuôi đủ một nong tằm. Một nong tằm được năm nong kén. Một nong

kén được chín nén tơ. Mùa kén ấy và mùa tơ ấy. Những trái bồ hòn giặt cho lụa mượt mà nhưng áo quần mẹ vẫn rách xác xơ. Mụn vá trên vai áo của mẹ đã đóng khung lại một cuộc đời lận đận. Chồng đã mất tích trên những chặng đường lưu đầy và đứa con trai của mẹ đã lên đường. Cuộc đời lam lũ của mẹ đã chắp cánh bay xa, trên những tiếng chuông của một miền giáo đường ấy trong một bầu trời quang đãng ở quê nhà.

Người hành khách ngồi cạnh tôi bất chợt ho lên rũ rượi. Sau cơn ho, ông nhìn tôi mỉm cười có ý làm quen. Đó là một người đàn ông có tuổi, khuôn mặt xanh khắc khổ. Tôi lên tiếng hỏi, bác về đâu? Ông ta nói, gần đây thôi. Tôi lên huyện lấy tờ giấy phép đi ăn xin tập thể. Tôi kêu lên, thế nghĩa là sao? Ờ, ờ... đi ăn mày mà không có giấy phép thì nó bắt. Đoạn, ông nói tiếp, chẳng là xã chúng tôi những năm gần đây bết bát quá. Mọi người đã phải ăn độn, ăn cháo thay cơm nhưng gần đây thì đói. Đói đấy ông ạ, cháo cũng không còn để ăn nữa, đã có một vài người kham không nổi, chết ráo. Tôi nói, vậy chính quyền? Chính quyền địa phương đâu? Đấy, chính quyền địa phương giải quyết như thế đấy. Họ hứa cho chúng tôi một tờ giấy phép, để tập thể kéo nhau đi một nơi nào đó xin ăn. Tôi hỏi, xin ở đâu? Ờ... thì qua một làng khác, một xã khác nào đó... nhưng, người đàn ông ấy nhấn mạnh, khó lắm ông ơi. Bây giờ chỗ nào cũng đói cả vậy, làm sao người ta giúp mình được. Nói đoạn, người đàn ông ấy tặc lưỡi, cũng không còn cách nào khác. Tôi tò mò hỏi, bác ở trong chính quyền? Hưu rồi, người đàn ông nói tiếp, bản thân tôi đã tham gia hai mùa kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đủ cả. Trong kháng chiến, mình hy vọng sẽ xây lại bằng mười để mọi người no đủ và tự do. Nhưng... người đàn ông lấy trớn nói một hơi, sau ngày miền Nam "hoàn toàn giải phóng" thì đồng chí Lê Duẩn lên đài nói là sản lượng lương thực năm ấy phải đạt đủ 21 triệu tấn nghĩa là dư để xuất khẩu. Dân ta giẫu to. Vẫn theo lời đồng chí tổng bí thư ấy thì bảo đảm năm sau, mỗi gia đình phải có một chiếc xe đạp, các cháu học sinh cấp một phải có một ly sữa mỗi ngày. A, làm cách mạng là phải thế chứ. Phải đem đến cho đất nước và nhân dân độc lập, tự do và hạnh phúc. Người dân không có hạnh phúc thì làm cách mạng làm đếch gì. Nhưng câu trả lời đã có ngay cuối năm đó là sản lượng lương thực chỉ còn 11 triệu tấn. Nghĩa là đói. Đồng chí Phạm Văn Đồng chạy sang Ấn Độ xin được ít bo bo về cho dân ăn cầm

hơi cũng không đủ. Đảng ta mở ngay phong trào rầm rộ trồng khoai lang và trồng sắn, vì những giống này cho năng suất cao. Nghị quyết của trung ương tức khắc ban hành là sẽ cương quyết đưa màu vào cơ cấu lương thực chính. Một phong trào đạo đức mới được tung ra để giáo dục quần chúng rất kịch liệt. Đó là vấn đề đưa màu vào cơ cấu lương thực chính. Những kẻ, kể cả những dân tộc không ăn độn là dã man, vì phá hoại nguồn lương thực chính, phá hoại thiên nhiên.

Người hành khách ngồi cạnh tôi ngừng lại giây lâu để nghỉ. Ông ta xé một mảnh giấy báo cũ, nhét ít thuốc rê, vê tròn lại và đưa lên môi bập bập từ ngọn lửa của chiếc bật lửa Trung quốc. Cái bật lửa ấy là vật kỷ niệm của thời kỳ sôi nổi trong những khóa học bồi dưỡng chính trị, của thời kỳ ba dòng thác cách mạng trên thế giới mà Trung quốc là ngọn cờ đầu. Của thời kỳ cách mạng văn hóa, khi Phổ Nghi, ông vua cuối cùng của triều đại phong kiến Trung Hoa được những Hồng Vệ Binh chiếu cố.

Sau đó, người cán bộ nghỉ hưu ấy nói tiếp, đất nước ta đã có một con đường thoát. Những đồng chí Liên Xô bảo ta trồng cây bạch đàn xuất khẩu qua nước anh em để làm giấy. Đảng ta tiến hành ngay. Rừng được đốt sạch để trồng cây bạch đàn, một giống cây có giá trị kinh tế cao. Nhưng những cây bạch đàn chưa kịp bén rễ thì ông anh cả trong phe xã hội chủ nghĩa không mua nữa. Thế là "phong trào bạch đàn" tan rã. Người anh em "môi hở răng lạnh" Trung quốc vĩ đại bảo ta có thể xuất khẩu tơ lụa sang Trung quốc, đó là một thị trường hết sức lớn. Đảng ta phát động ngay phong trào trồng dâu nuôi tằm. Những vườn chè, vườn trái cây trong mỗi gia đình được phá sạch để trồng dâu. Khi cây dâu chưa kịp mọc lá non thì nó đã "dạy cho ta một bài học" suốt sáu tỉnh biên giới phía bắc, ngay tại cửa hữu nghị, nơi mà tấm bệ xi măng vĩ đại còn đúc hàng chữ nổi về tình hữu nghị Việt Trung muôn đời tươi thắm. Thằng cháu tôi, cùng với những nông dân miền Nam cũng đang trong hoàn cảnh khốn đốn tương tự. Những phong trào trồng tiêu, trồng điều xuất khẩu đã đem đến sự tiêu điều cho mỗi gia đình, cho cả đất nước. Ngày đồng chí Goóc Ba Chốp đọc bài diễn văn tuyên bố về sự đổi mới ở Gê Da Vích là lúc khai tử cả phong trào trồng trà đen xuất khẩu. Người cán bộ nghỉ hưu ấy nói tiếp, bây giờ lại cao su. Cao su xuất khẩu sang các nước tư bản. Những rừng cao su được phục hồi,

việc mà trước đó, người ta đã muốn bỏ quên như dã chôn vùi chế độ phu đồn điền của thực dân Pháp xưa kia. Chế độ ấy được hồi sinh. Đứa con trai đầu lòng của tôi đang là phu đồn điền ở đó. Bây giờ người ta gọi nó là công nhân, giai cấp tiên phong của phong trào cách mạng thế giới. Nhưng những người công nhân cao su ngày hôm nay thua xa những người phu đồn điền của thực dân. Họ đang bị bóc lột đến tận cùng xương tủy. Những người công nhân, giai cấp tiên phong của cách mạng vô sản, giai cấp dựng nên chính quyền vô sản giờ đang bị cái chính quyền ấy tước đoạt của họ mọi thứ. Bây giờ, mọi người đều nghèo và đói ông ạ, người cán bộ nghỉ hưu ấy nói với tôi như thế. Ông ta thở dài, có được giấy phép đi ăn xin rồi, liệu có ai còn có thể còn gì để mà cho hay không. Ngày hôm nay làng này đói, chính quyền cấp giấy cho họ đi xin ăn ở làng khác. Ngày mai xã khác đói, chính quyền lại cấp giấy phép đi xin ăn ở xã khác. Vậy khi cả nước đói thì trung ương cấp giấy phép đi xin ăn ở đâu? Kể ra, cai trị như thế cũng hay, người cán bộ ấy nêu câu hỏi như thế một mình.

Con tầu chạy chậm lại. Thấp thoáng những người công an ở toa trên. Người bạn đồng hành của tôi đứng dậy nói, thôi tôi lên huyện ông nhá. Chuyện ấy mình đừng để ý nữa. Mọi vấn dề rồi sẽ có đảng lo tất. Người dàn ông ấy vội vã xuống sân ga khi con tầu ngừng bánh.

Con tầu tôi đi vẫn ngừng lại ở mỗi sân ga. Những ga nhỏ buồn hiu hắt. Những cây đèn khuya khoắt trên sân vắng người. Những người đến rồi đi. Con tầu cũ đi trên những chặng đường quê hương. Thời tuổi trẻ tôi đã lên đường. Cũng ở một sân ga. Con tầu đi về phía trước, nơi mặt trời đang mọc rực rỡ. Khi tôi trở về là chuyến tầu xuôi về nam. Chuyến tầu xuôi về quá khứ trong những hồi còi thảng thốt, bơ vơ. Ai cũng có một thời tuổi trẻ. Những cánh bướm lượn trong không. Những tàu lá ép trong trang sách. Những lá thư tình dầu tiên. Và tình yêu của một thời mới lớn đang vẫy gọi ở cuối chân trời. Em chẳng cần anh trở về với những bông hoa chiến thắng. Hạnh phúc của người đàn bà là được sống bên người thân yêu. Ngày xưa Thủy đã nói như thế. Và hai đứa chia tay. Sau đó Thủy lấy chồng. Thủy có một đàn con, và Thủy sống yên ổn bên cạnh chồng. Tôi nghĩ Thủy đã hạnh phúc và mình không có quyền khuấy động cuộc đời êm ả của một người đàn bà. Nhưng những buổi chiều của

mùa hè năm ấy vẫn là những sân ga cho những chuyến tầu trở về trú ngụ trong đêm. Trong một thời tuổi trẻ, tôi đã đưa người con gái ấy về căn nhà mới với chồng ở bên kia sông. Những trái ổi trong vườn nhà. Những buổi chiều quạnh quẽ rơi trên con đò lỡ chuyến ở một bến sông nào. Thủy đã có một cuộc đời riêng yên ổn. Và tôi rong ruổi trên những chặng đường bất trắc. Nhưng những điều mơ ước bình thường của Thủy cũng không được toại nguyện. Sau này tôi gặp lại Thủy với vành khăn tang trắng trên đầu. Đó là lần cuối cùng tôi gặp người đàn bà góa bụa, lại ở một bến sông. Chúng tôi không nhắc lại những kỷ niệm của những ngày đầu gặp gỡ. Chúng tôi không nhắc lại những buổi chiều mùa hè cũ, khi mà những vườn cây đã kết trái. Và ở một chỗ nào, có một bông hoa nở muộn rồi thoắt tàn ngay. Lần ấy, tôi đã nức lòng trong chiến dịch giải tỏa một thành phố đã bị chiếm đóng. Thủy và chồng con ở đó. Tôi cầu mong Thủy lại có những nụ cười. Và hạnh phúc của người đàn bà là được sống bên người thân yêu, như Thủy vẫn mơ ước. Vành khăn tang trắng trên đầu người đàn bà bất hạnh ấy, đẩy tôi vào một nỗi căm hờn cuồng bạo.

Đã có rất nhiều người chết chung trong một nấm mồ. Xác người đàn ông ấy đã được đào bới lên từ dưới đáy sâu của một nấm mồ chung. Những viên đạn đồng bắn từ phía sau lưng, và hai cánh tay bị trói bằng những sợi dây điện. Những viên đạn AK bắn nát thân thể người đàn ông đã được dành sẵn trong một bản án trước đó. Chồng Thủy. Trong phút giây ấy, tôi cho rằng mình đã có lỗi với Thủy, với người con gái mà đã một thời và mãi mãi mình đem lòng thương yêu. Ngày xưa tôi đã chạy trốn cuộc tình ấy vì biết rằng cuộc đời mình rất nhiều bất trắc. Hãy trả lại cho Thủy một cuộc đời êm ả. Một người lính rày đây mai đó như tôi, không thể đem đến cho Thủy một điều gì. Anh có thể quay lưng lạnh lùng như thế sao. Em yêu anh và không muốn mất anh. Ngày xưa Thủy đã nói như thế trong một vùng nước mắt nghẹn ngào của buổi chia tay. Sau đó Thủy đã có chồng, sống một cuộc đời êm ả. Tôi tưởng mình đã làm được một điều hữu ích cho người mình yêu thương. Và tôi rong ruổi trên những chặng đường bất trắc.

Bây giờ tôi đã trở về. Tôi đã trở về mà không gặp lại được người con gái ngày xưa của mối tình thời trẻ tuổi. Tôi đã trở về không có

vòng hoa chiến thắng. Tôi đã trở về như một người lính thua trận. Người lính thua trong một trận đánh cuối cùng. Tôi đã trở về trên chuyến tầu xuôi dọc quê hương. Chuyến tầu dang di trên những hoang tàn để đi về trên mỗi sân ga, là mỗi chặng đường dừng chân trên những kỷ niệm buồn.

Con tầu đưa tôi về trên những chặng đường mà trước đó tôi đã đi qua. Những giấc ngủ chập chờn mệt mỏi. Những bữa ăn ở từng mỗi trạm dừng chân. Những con người gặp gỡ. Những ánh mắt khô và những thân hình tiều tụy. Những thôn xóm tiêu điều và những mảnh vườn xơ xác. Con tầu dừng lại ở Vinh, một ga nhỏ trong một thị trấn buồn bã cũng như những ga nhỏ khác. Và Huế, nơi mà ngày xưa Thủy đã quấn dải khăn tang trên đầu, khi tôi và đơn vị đến giải tỏa thành phố bị chiếm đóng ấy. Trong một niềm xót xa, tôi nghĩ mình có lỗi với người con gái ấy. Tôi đã không làm được một điều gì hữu ích cho tình yêu thương như tôi đã tưởng. Bây giờ, người thiếu phụ ấy ở đâu? Dòng sông đêm êm ả, chuyên chở ánh trăng bạc như một dải khăn tang. Con đò ấy dã rời bến. Cuộc tình ấy dã đi xa. Tôi trở về từ một trại giam với hai bàn tay không. Vũ khí đã bị tước đoạt. Không có một tin vui trên cành nguyệt quế. Và những kỷ niệm của những hẹn hò trong buổi chia tay trên một bến sông nào đã rơi vào lãng quên.

Con tầu đưa tôi tới miền nam, như một dòng sông xuôi về bến cũ. Sân ga Bình Triệu vắng người và đêm đen đã phủ kín. Tôi bước xuống sân ga, sau những ngày và những đêm trong cuộc hành trình mệt mỏi. Ba lô trên vai và quần áo xác xơ, tôi sẽ lại trở vào thành phố, nơi cách đó mười năm tôi đã buông súng. Đáng lẽ tôi phải dành lại một viên đạn cho mình, nhưng tôi đã nhầm lẫn như đã một lần nhầm lẫn cho tình yêu.

Tôi đi lẫn vào trong đám đông. Những tiếng ồn ào khua động bên tai cùng những bước chân vội vã. Khi tôi bước chân tới hành lang của nhà ga, bỗng nghe có ai gọi tên mình. Tôi quay lại, một người đàn ông đứng khuất sau hàng cột giơ tay vẫy vẫy. Đó là một người đàn ông còn trẻ, gầy yếu. Một ống tay áo sơ mi nhét trong lưng quần cho tôi thấy anh ta đã bị mất hẳn một cánh tay. Trong một giây, tôi nhận ra người đàn ông ấy ngay. Người đàn ông trẻ tuổi đó là một người lính trong đơn vị tôi, đã bị thương tại mặt trận ven thành

phố, và được đưa vào Tổng y viện Cộng Hòa khoảng đầu tháng tư năm 75. Từ đó, tôi không gặp anh ta. Tôi chạy rất nhanh đến chỗ hàng cột đó, ôm chặt lấy người đồng đội của mình. Hình như tôi đã nhắc lại nhiều lần một câu hỏi, Thiện? Thiện phải không? Anh ta đáp, dạ... dạ... từ mấy ngày nay, em nghe tin có một số người ở các trại giam từ miền Bắc trở về. Chiều nào em cũng ra đây dón xem có người quen...

Chúng tôi đi dọc hành lang nhà ga, dưới chân là những mảnh lá gói thực phẩm và rác đang lăn chạy bởi từng cơn gió nhỏ. Tôi đề nghị với Thiện là chúng tôi nên kiếm một chỗ nào để có thể cùng ngồi với nhau lâu hơn. Thiện đồng ý. Tôi cũng muốn kiếm một cái gì đó ăn cho dỡ đói vì suốt ngày hôm đó ở trên tàu, tôi đã không ăn uống gì cả. Thiện hơi bối rối, nhưng sau cùng anh ta dẫn tôi đến một góc của sân ga. Nơi ấy, một vài ngọn đèn dầu lay động trên những tấm mẹt của một vài gánh hàng rong vắng khách. Ở miền Nam, có lẽ còn được dễ dãi hơn miền Bắc một thời gian nữa, vì những người bán hàng rong chỉ bị tịch thu đồ nghề và bị bắt giữ một vài ngày rồi được tha nên họ chưa thể dẹp ngay được. Thiện đã nói thế. Người đàn bà bán hàng rong nhìn chúng tôi mời gọi. Chúng tôi ngồi xệp xuống trên đôi dép của mình. Người đàn bà ấy lặng lẽ bốc cho chúng tôi mỗi người một tô bún và hỏi, có thịt không. Tôi nói có. Những tô bún ấy đã được rắc lên trên những sợi bì trộn thính thay cho thịt heo. Thình lình, một đứa bé khoảng mười tuổi hớt hải chạy tới nói trong hơi thở, má... công an... người đàn bà ấy vơ vội những chén bát trên mẹt để chạy. Thiện nói, mình đem vào trong kia ăn, lát nữa gặp nhau ở đây, chị nhé. Nhưng người đàn bà ấy đã gánh những thúng đồ chạy vào một chỗ tối cùng với đứa con của chị. Chúng tôi vào, ngồi trên bậc cấp của nhà ga, với tô bún có rắc loáng thoáng những sợi bì heo trên tay. Thiện làm công việc ấy rất khó khăn. Tô bún của anh bị kẹp giữa hai đầu gối, và một tay cầm đũa...

Mọi người đều bị đuổi ra khỏi bệnh viện vào trưa hôm 30 tháng tư. Một số bác sĩ và y tá ở lại để dón bệnh nhân cũng bị đuổi. Họ bảo những người ấy do địch cài lại để ám sát những chiến sĩ cách mạng. Thiện nói như thế về một buổi trưa, khi những thương bệnh binh bị lùa ra đường để muốn đi đâu thì đi. Những người bệnh không thể đi được thì bạn bè khiêng, vác trên vai. Những thương binh

không còn đủ chân tay, không có nạng gỗ lê trên mặt đường. Bông và băng cứu thương rơi khắp mặt lộ. Đó là những tấm băng mà trước đó đã được giặt và hấp lại để sử dụng, sau khi viện trợ y tế đã bị cắt giảm, cùng một lúc với việc cắt giảm cấp số đạn dược và xăng dầu trên khắp các mặt trận. Trong lúc đó, đường ống dẫn dầu đã được thiết lập từ miền Bắc qua những con đường Trường Sơn cùng đạn dược với pháo và tăng được tăng cường đến mức tưởng chừng như vô tận. Những người lính như Thiện đã một lần bị trói tay, cho đến ngày hôm ấy đã bị đẩy ra khỏi bệnh viện trong một hoàn cảnh hết sức hỗn loạn.

Ngay từ ngày ấy, tôi không gặp người bạn đồng đội của tôi. Anh đã bị lùa đi vùng kinh tế mới nhưng không lâu sau đó đã trốn trở về thành phố để chịu cảnh sống lang thang không có hộ khẩu. Và với một cánh tay, anh sống bằng nghề sửa xe đạp hết sức khó khăn.

Người thương binh miền Nam ấy nói với tôi, khi anh ta đến vùng kinh tế mới vào mùa hè năm đó, thì những doanh trại cũ đã trở thành những trại cải tạo mất rồi. Chừng một năm sau, những đoàn người trong đó, lần lượt đi ra miền Bắc. Có thể trên những đoàn xe tải. Có thể trong những toa xe lửa hoặc dưới những boong tầu chở hàng hóa. Và, vợ con họ ở nhà được chuyển đến những vùng sản xuất để sống trong những năm tháng đợi chờ, lo âu.

Mấy ngày này, chiều nào em cũng ra sân ga để đón người về, anh Thiện nói như thế. Thiện vừa nói câu ấy khiến tôi bàng hoàng, và vô tình cùng một lúc tôi làm rơi chiếc tô xuống nền xi măng, vỡ tan tành. Ngày xưa Thủy đã nói, em chẳng cần anh trở về với những bông hoa chiến thắng. Hạnh phúc của người đàn bà là được sống bên người thân yêu. Lời Thủy nói như đang cào xé trong vùng dĩ vãng. Ngày xưa Thủy vẫn đợi tôi về trong mỗi chuyến đi. Tôi đã quay lưng để Thủy có một cuộc đời khác không phải đợi chờ. Nhưng người đàn bà ấy đã không được sống bên người thân yêu. Và hôm nay tôi đã trở về. Người lính trở về với hai bàn tay không, đứng bơ vơ giữa một sân ga vắng người, với con tầu mệt mỏi đang nằm lười biếng.

Khi người đàn bà cùng đứa con trở ra thì trời đã khuya. Tôi gửi tiền hai tô bún và cái tô bể. Họ hấp tấp thu dọn để kịp giờ về. Chúng tôi cùng ra ngoài lộ, sau khi Thiện nhận lại chiếc xe đạp gởi ngoài

bãi. Tới một ngã ba đường, Thiện dừng lại và ngập ngừng rất lâu. Anh giúi vào tay tôi một nắm tiền, đồng thời anh nói lí nhí trong cổ những điều gì đó mà tôi không nghe rõ. Anh cứ giữ lấy, cám ơn anh vì tôi cũng còn tiền, tôi nói với anh như thế. Đó là số tiền tôi đã ký gởi ở trại giam trước đây. Tôi có xin Thiện địa chỉ để sẽ đến thăm anh. Người đàn ông từ giã tôi, leo lên chiếc xe đạp đi vào trong bóng tối. Một cánh tay áo sơ mi tuột ra khỏi lưng quần bay phất phất.

Người đồng đội của tôi, người thương binh ấy đã đi. Cánh tay áo sơ mi đong đưa trong một bầu trời đen. Trong cùng một lúc, tôi nhớ đến người thương binh trên sân ga Hàng Cỏ. Và những người thương binh. Những người thương binh từ Bắc đến Nam. Những người đã nằm xuống, dù bởi những viên đạn AK hay M-16. Những cuộc đời trẻ thơ gần ba mươi năm trong cuộc chiến, với nhiều nước mắt hơn tiếng cười. Và tiếng súng đã ngừng nổ trên quê hương nhưng những dòng nước mắt ấy vẫn không ngừng chảy. Những dải khăn tang trên đầu thiếu phụ. Và Thủy. Những Thủy. Trong khoảnh khắc, hình bóng Thủy hiện lên lộng lẫy và buồn bã. Con tầu xuôi về Nam đã đưa tôi dừng lại ở một sân ga chót. Con thuyền đã đưa Thủy đi không biết có một nơi nào ghé bến ở bên sông.

Tôi đã trở về đây với một cuộc đời tàn phế không phải chỉ thể xác mà cả tinh thần. Và bạn bè cùng đồng đội của tôi, những người đã ngã xuống, giờ đã nằm yên dưới những nấm mồ, ở cùng khắp trên những con đường quê hương. Họ đã chết đi, không phải bởi những viên đạn AK mà bởi những sợi dây khắc nghiệt đã trói tay họ lại vào giây phút cuối cùng của một trận đấu. Tôi lại nhớ tới người thương binh trên sân ga Hàng Cỏ. Hình như anh ta cũng đã nói với tôi như thế.

Cuối cùng, con tầu ấy lại rời sân ga, đem theo hình bóng người thiếu phụ là chứng tích cho nhiều lần lầm lỡ. Con tầu ấy đang đi vào đêm đen. Dải khăn tang trắng trên đầu người thiếu phụ. Con tầu vẫn miệt mài đi trên những chặng đường quê hương mang theo những niềm bí ẩn mà những đứa trẻ sẽ ra đời không thể hiểu được. Thủy ơi, những mảng bèo bồng dã trôi nổi trên sông. Những bông hoa mầu tím ấy của một ngày nào vẫn lênh đênh trên sóng nước, như một kiếp người, không biết sẽ trôi dạt về đâu.

Đinh Phụng Tiến

DUY LAM

ai về?

Tiếng vọng bài thơ Ta Về của Tô Thùy Yên

Ta về mà bóng ta để lại
Chìm sâu nơi ngục tối u sầu
Sao bỗng thấy hình hài nhẹ bổng
Hóa thân lúc nào ta đâu hay?

Vĩnh biệt nhé cái ta đã chết
Nơi góc rừng bia mộ đề thơ
Có loài vượn rú soi bóng nước
Là ta? Là ai? Sao ai ngờ?

Truông phá nào ta qua lặng lẽ
Gió thổi vương nhăn cả bầu trời
Trên trán xạm đã bừng nỗi nhớ
Đất già ta trẻ nỗi thương đời.

Không phải thế, đất trời sắp nổi
Núi rừng kia bóng dậy mầu xanh
Mười năm đời ta như tắt tiếng
Nghìn năm sông núi vẫn chông chênh.

Bóng chiều qua như lời giục giã
Vội vàng chi trời sắp sang mùa
Dù có đợi chờ nơi góc tối
Cưa đời - trời một mực sang thu.

Nếu ngày mai thêm vài mộng ước
Chất chồng thêm vào ảo vọng xưa
Cũng chẳng động khu rừng lịch sử
Nghìn năm vi vút gió đổi mùa.

Ta lại về tóc vương sợi xám
Đan qua tâm sự nét phong sương
Như khói tỏa thời gian trắng sữa
Vui làm vui những sợi nhớ thương.

Nhà ta kia trước hồ cây liễu
Của tuổi thơ mở cửa đón ta
Ta nhẩy nhót nhào mình xuống nước
Bắt cá trượt tay của mộng mơ.

Lò sưởi cũ quây quần thân thiết
Ta cầm tay kỷ niệm nóng ran
Chén rượu cầm lên sao lưỡng lự
Uống cho ta, cho cạn biển dâu.

Rồi ta khóc cõi về bùng cháy
Những xôn xao của bụi thời gian
Hơi thở nhẹ rưới niềm tiếc nuối
Tia lửa bùng vạn vật giao hòa.

Nước mắt ai như sương trên cỏ
Khóc lúc nào và khóc cho ai?
Bia mộ cũ trên tim vẫn đấy
Nhớ bạn xưa đã chết bi ai.

Ta thắp trên đường về hàng nến
Sáng lung linh soi thấu lòng mình
Để sẽ cúi đầu theo âm hưởng
Lời trối trăn từ cõi u minh.

Ôi trời nắng sao hanh ơn ớn
Nắng thuở nào trên đỉnh ngọn đồi
Dừng chân ta nhặt cánh hoa tím
Sao nhớ em dụng cánh hổ ngươi.

Lời thề xưa cũ như nhẹ bổng
Cởi cho ta thắt nút tâm tư
Tiếng gọi vẳng em chờ ngoài ngõ
Căn nhà xưa trong gọn tầm tay.

Ta lại về cõi thơ giăng mắc
Nhện tình em vẫn đợi tình ta
Sẽ đu trong vòng tay quen cũ
Để ôm em trong tơ rối muội mê.

Ta với em nơi căn nhà dột
Nghe trời mưa tí tách rơi êm
Trên da thịt nóng bừng kỷ niệm
Côn trùng ca hoan khúc êm đềm.

Ta về để giải bùa bát quái
Lũ quỷ ma để lại làm thơ
Nhiều lần kể mãi mười năm cũ
Chỉ thôi khi cõi tối nở hoa.

Rồi ta sẽ trong vườn thơ thẩn
Hỏi đá, cây, hoa nhớ ta không
Chúng nhỏ nhẹ dón chân đứng lặng
Nhớ thương vẫn bàng bạc mênh mông.

Ngửng đầu tinh đẩu vẫn long lanh
Hóa ra lòng ta vẫn mong manh
Sao kia vẫn đợi ta tâm sự
Nói? Im? Lại những chuyện tử sinh.

Thôi nhé, tạm xếp bên hờn tủi
Như đếm đau thương ngón tay khô
Run rẩy ta lần từng đợt sống
Xác thân này sau trước vẫn bơ vơ?

Ta ngả người trên thềm nhà cũ
Thấy lòng mình đỏ đạc ngổn ngang
Chất gỗ xém cháy vì kỷ niệm
Nên đành vun vui với chút tàn

Ta lại rong chơi như hạc trắng
Đứng lênh khênh trong cõi vô tình
Chân co nhẹ đầu nghiêng cánh mỏi
Gió lên rồi bay vút thình lình.
Lawndale tháng 11-1993

TRẦN DOÃN NHO

cái giá của mùa xuân

Xe lên đường vào lúc một giờ sáng. Con đường đi ngang Đập Đá vắng tanh. Ánh sáng các ngọn đèn đường mệt mỏi, miễn cưỡng chừng như chẳng muốn soi sáng thêm cái thành phố đang muốn ngủ vùi.

Hạnh ngồi ép sát trong thùng xe phía sau, lòng thấp thỏm. Thỉnh thoảng, nàng kéo tấm gỗ chắn cái ô trống phía trước để nhìn ra ngoài. Đường trống trơn, nhưng đầy đe dọa. Một vệt sáng có thể bất chợt lóe lên, một bóng người mặc đồng phục ở đâu đó có thể đột ngột đi ngang chắn giữa đường... Rình rập. Đâu đâu nàng cũng thấy như có ai rình rập, đợi chờ nàng. Số hàng bốn kí lô của nàng gói rất gọn được tay tài xế giấu trong các thùng sắt đập bẹp, chôn sâu dưới đống phế liệu gồm đủ thứ kim loại tạp nhạp, rỉ sét. Nhưng nàng vẫn lo. Công an, thuế vụ càng ngày càng ranh ma, giấu hàng đâu họ cũng biết để lục ra. Đúng là nghề dạy nghề. Nàng làm ăn, họ cũng làm ăn. Lục ra hàng, họ mới có tiền. Trên tuyến đường huyết mạch bắc nam này với hàng chục trạm thuế làm việc ngày đêm, luôn luôn diễn ra một trận chiến thầm lặng, nhưng ác liệt. Không có xác chết, không có máu đổ, nhưng không thiếu tiếng khóc và nụ cười. Bao số phận đã đổi thay. Bao kẻ giàu lên như một phép lạ và cũng không ít người tan nát gia đình.

Xe ra khỏi thành phố một cách bình an, Hạnh bắt đầu thấy yên bụng, ngả đầu dựa vào thành xe, nhắm mắt lim dim ngủ. Xe chạy chậm vì tài xế tính toán sao để vượt trạm Lăng Cô lúc 4 giờ hoặc 4 giờ rưỡi sáng. Kinh nghiệm cho biết vào thời điểm đó, những nhân viên trực trạm nửa thức nửa ngủ sẽ ít tích cực trong việc lục hàng.

Quả đúng như vậy. Xe vượt trạm Lăng Cô lúc bốn giờ mười lăm. Không thấy bóng người. Ba-ri-e buông lỏng, xe từ từ chạy ngang trạm. Một lát sau, xe tăng tốc độ để lên đèo. Hạnh thở phào. Thế là thoát được cửa ải đầu tiên. Đây là cửa ải tàn ác nhất đối với dân buôn trầm. Bao chuyến hàng đã bị khám phá và tịch thu. Hạnh cũng dính một lần tại đây, vốn liếng bay sạch. Nhưng còn đến mười một cửa ải nữa. Rủi may vẫn còn nằm phía trước.

Tuần tự như tiến, xe qua Kim Liên, rồi Nước Mặn, An Tân, Cù Mông. Nơi nào xe cũng phải đừng lại trạm, trình giấy tờ, cán bộ thuế vụ leo lên xe nhìn nhìn, chìa tay nhận sấp tiền từ chủ hàng phế liệu kín đáo trao cho, rồi xuống xe, đở ba-ri-e cho xe qua. Lần nào Hạnh cũng phải xuống xe cách trạm một đoạn, đi bộ khỏi trạm và đợi. Tài xế dặn nàng phải làm như vậy để tránh sự nghi ngờ của công an, thuế vụ là còn có hàng khác giấu trong xe. Thông thường thì hàng phế liệu là loại hàng cồng kềnh và được buôn bán hợp pháp. Chủ hàng chỉ khai bớt trọng lượng để giảm tiền thuế. Qua trạm, cứ như một hợp đồng bất thành văn, chủ hàng chung một ít tiền lót tay cho cán bộ là xong. Tuy nhiên, điều quan trọng đối với người đi buôn và cán bộ trạm là số hàng quý, gọn giấu trong đống phế liệu nhàm nhở kia: thuốc tây, trầm, thuốc lá, thuốc phiện... Người giấu, kẻ lục. Kẻ ngụy trang, người tìm cách khám phá. Rốt cuộc, đồng tiền làm trung gian. Đồng tiền là thứ ngôn ngữ dễ hiểu nhất để giải quyết mối mâu thuẫn thường xuyên giữa các trạm thuế và con buôn. Hai bên đều có lợi, chỉ trừ cái gọi là nhà nước. Có sao đâu, cán bộ nhà nước có lợi để hăng hái làm việc là đủ rồi.

Ba Ngòi, Du Long, Căn Cứ Bốn, xe lọt qua. Nhưng đến trạm Căn Cứ Năm thì có chuyện rắc rối. Số là anh tài xế quên đừng xe cho Hạnh xuống cách trạm một khoảng như thường lệ. Khi sực nhớ ra, thì thanh ba-ri-e và tấm bảng stop đã hiện ra trước mặt, nên tài xế cứ để vậy luôn, không gọi Hạnh xuống. Nàng nằm im trên thùng xe, nhắm mắt giả vờ ngủ say. Khi nhân viên thuế vụ lên xe, mở cửa thấy nàng bèn hỏi. Nàng nhướng mắt, giả giọng ngái ngủ trả lời nhát gừng. Nàng nói nàng đi nhờ xe và chẳng biết gì cả. Nhân viên thuế gọi tài xế và chủ hàng phế liệu vào trạm làm giấy tờ ra săm soi, hạch hỏi. Chủ hàng phế liệu định tăng thêm tiền lót tay, tài xế bảo đừng vì tụi nó sẽ nghi. Đôi co qua lại một hồi, thấy giọng tài xế cương quyết, nên nhân viên thuế cho đi. Thực ra thì cũng may, vì lúc đó, công an vừa khám phá một xe chở thuốc tây từ Hà Nội vào.

*

Xe tiếp tục chạy. Trời gần về khuya. Đường quốc lộ vắng. Đoạn đường này rất xấu, ổ gà nhiều. Xe chạy nhồi lên nhồi xuống. Hạnh nằm không yên được vì đồ đạc trong xe cứ va vào nhau loảng xoảng.

Nàng nhổm dậy, kéo ô cửa nhìn ra. Một làn gió tạt qua. Nàng rùng mình, cảm thấy lạnh, mở xách lấy cái áo gió choàng lên người.

Có tiếng xe đâu ở phía sau nghe mỗi lúc một gần. Đèn pha chiếu sáng rực một đoạn đường. Nàng thò đầu hẳn ra ngoài ô trống, ngoái nhìn lui. Khi xe sau đến gần, nàng mới giật nẩy mình khi thấy đó là chiếc xe mô tô của công an. Tim nàng đập thình thịch. Chiếc mô tô vượt nhanh qua xe tải, chớp chớp đèn hiệu, bóp còi rồi dừng trước xe tải. Hai người công an bước xuống xe, vẫy tay ra dấu cho xe tải dừng lại. Một người công an cầm đèn pin nhảy lên phía cửa có tài xế ngồi, nói lớn:

– Có lệnh cho xe quay lại trạm kiểm tra.

Tài xế hỏi, giọng mất bình tĩnh:

– Cái gì vậy anh. Xe tôi đã được kiểm tra kỹ và cho đi rồi. Chắc anh lộn xe.

– Lộn sao được. Anh xem lệnh đây, có phải số xe anh là 39A7506 không?

Vừa nói, người công an vừa chìa tờ giấy ra trước mặt anh tài xế. Anh chủ phế liệu liếc nhìn, mặt tái hẳn, giọng run run:

– Sao lại lạ lùng thế này!

Còn Hạnh thì thu mình trong thùng xe, tâm trạng vô cùng bối rối. Đầu óc nàng như rối tung lên, để trấn tĩnh, nàng lục xách lấy kẹo cao su để nhai, nhưng đôi tay cứ run lên bần bật.

Xe tải theo lệnh quay đầu trở về trạm thuế. Bãi dậu xe trạm Căn Cứ Năm rộng thênh thang, đủ chỗ chứa cho vài chục chiếc xe đủ loại. Chẳng mấy khi bãi để trống. Xe cộ xuôi ngược bắc nam hàng ngàn chiếc mỗi ngày, để không thì thôi, chứ nếu cán bộ thuế đã lên lục lọi thì chiếc nào cũng có thể chứa hàng lậu. Xe tư, xe công, xe thương nghiệp, xe quân sự, xe ngoại giao, xe công an... bất cứ xe nào cũng tìm cách chở hàng lậu. Xe của tòa đại sứ Ba Lan, đại sứ Liên Xô bị bắt vì chở thuốc tây, xe bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên bị bắt vì chở trầm, xe tổng cục an ninh bộ nội vụ thì chở thuốc Jet, 555... Bởi thế, trạm thuế nào cũng dành dất tối đa cho bãi dậu xe. Cái văn phòng nhỏ xíu với năm, bảy nhân viên thay nhau quản lý đủ loại xe, đủ loại hàng và làm bạt mặt biết bao tài xế, chủ hàng và kể cả các thủ trưởng.

Hạnh lặng lẽ xuống xe, ngồi ở quán nước bên ngoài, miệng mồm khô khốc, tay chân run rẩy, bụng dạ bồn chồn, mắt đăm đăm nhìn vào trạm thuế, chờ đợi, như một tội nhân đợi bản án được phán quyết. Rất lâu sau, anh tài xế từ trạm bước ra, mặt mày hốc hác:

– Không xong rồi. Tụi nó tuôn hết hàng phế liệu và tìm thấy hàng chị. Thật xui cho chị.

Hạnh rươm rướm nước mắt. Nàng im lặng, cắn môi suy tính, hai bàn tay bấu chặt mép bàn như muốn tìm một chỗ tựa. Dây chẳng phải là lần đầu nàng bị lấy hàng, nhưng là lần đầu nàng trực tiếp chứng kiến và tìm cách đối phó. Hạnh đứng sững người suy tính, trong lúc vẫn cố nén nỗi xúc động và niềm tuyệt vọng cứ muốn dâng lên, trào ra. Một chuỗi ý tưởng và hình ảnh hiện ra như làm dau buốt thêm trái tim đang thắt lại của nàng. Chồng, con, đồ tết, nợ, ngày sát chủ, hết vốn, đói... Nàng chợt ân hận là đã không nghe lời khuyên của Lực, chồng nàng. Ôi, bao nhiêu dự định bỗng tan thành mây khói. Nàng cắn răng để khỏi bật ra tiếng nấc, nhưng giọng vẫn méu máo:

– Em phải đi Sài Gòn ngay, xoay tiền để gỡ ra.

*

Hạnh đón một chiếc xe Kamaz từ Hà Nội vào. Được xếp ngồi băng ghế sau lưng tài xế, nàng ngồi dựa lưng vào thành xe, nhắm mắt lại suy tính đến cách mượn vàng và những người có thể mượn được. Tiếng người tài xế chợt vang lên cắt đứt dòng tư tưởng:

– Sao, người đẹp đi đâu giờ này? Đi chơi hay đi buôn?

Hạnh im lặng, chẳng muốn trả lời. Người tài xế có vẻ phật ý:

– Người gì mà cao đạo thế! Hỏi chẳng thèm trả lời.

Anh ta kéo dài chữ nhỉ với một cái giọng nghe rất bộ đội. Hạnh mở mắt nhìn rồi đáp, giọng mệt mỏi:

– Tôi đi có chút việc.

Lại im lặng, xe chạy đều trên một đoạn đường tương đối êm ả. Không ai quấy rầy nữa, Hạnh tiếp tục vùi mình trong những tính toán vẩn vơ. Nàng cố gắng không nghĩ đến những điều tệ hại nhất, nhưng những ý nghĩ muộn phiền cứ xâm chiếm lấy nàng. Chúng cấu xé, dằn vặt nàng. Môi nàng khô đi, cổ họng rất bỏng. Nàng muốn nấc lên một tiếng cho đã, nhưng không được.

Mấy người đàn ông thỉnh thoảng quay lui nhìn nàng, mỗi người một ý nghĩ nào đó trong đầu. Chắc họ cho mình là gái ăn sương, Hạnh nghĩ. Nhưng Hạnh lại không lấy làm đau đớn lắm với thứ ý nghĩ đầy xúc phạm đó. Hạnh đang đau đớn hơn nhiều vì gói hàng đang bị giữ ở trạm thuế. Cho nên, nàng thực sự cũng không để ý đến cái cảnh ngồi trong xe ban đêm với ba người đàn ông lạ. Lẽ ra nàng nên cẩn thận hơn. Nhưng biết làm sao được trong tình cảnh này. Nàng không có nhiều điều để chọn lựa.

Xe chạy được một lúc khá lâu thì giảm tốc độ, từ từ dừng lại. Người tài xế xem đồng hồ và nói:

– Hai giờ sáng rồi. Ta dừng lại nghỉ, tảng sáng đi tiếp.

Hạnh giật thót mình, hỏi lại, giọng hốt hoảng:

– Sao? Dừng lại mai đi à? Dừng lại ở đâu thế này?

Người mặc đồ bộ đội cười bả lả:

– Thế người đẹp không chịu ngủ à? Chẳng lẽ chạy cả đêm. Rồi người đẹp chịu có nổi không?

Anh ta cố ý nhấn mạnh câu "chịu có nổi không". Hạnh biết cái hàm ý tục tĩu của anh ta, nhưng nàng tảng lờ, quay sang hỏi tài xế:

– Thế các anh vẫn thường ngủ đêm thế này dọc đường à? Sao các anh chẳng cho tôi biết trước? Mà đây là đâu vậy anh?

Người tài xế cười:

– Thế hóa ra chị chẳng đi xe đêm à? Xe nào chẳng phải nghỉ dọc đường?

Nàng ấp úng:

– Mà... mà sao lại dậu ở chỗ hoang vắng thế này?

Một ý tưởng xuyên qua trí óc khiến nàng cảm thấy lạnh buốt xương sống. Nàng định nói một câu gì để tỏ thái độ bất bình, nhưng cuối cùng nàng lại van vỉ:

– Thôi, các anh rán đi đi, đừng nghỉ nữa. Em cần lên Sài Gòn gấp trong đêm nay. Các anh giúp em đi.

Nàng hơi ngạc nhiên về tiếng "em" mà nàng vừa xưng hô với người tài xế, và cả với hai người đàn ông kia. Bây giờ nàng mới có dịp nhìn rõ từng người, và cố tìm đôi ba đường nét lương thiện trên những khuôn mặt xa lạ và đáng hoài nghi đó.

Người tài xế thắng xe lại, tắt máy rồi mới quay sang phía nàng, giọng hơi giễu cợt:

– Chị sợ chúng tôi à. Chúng tôi không ăn thịt chị đâu. Cùng lắm thì là...

Anh ta ngừng một chút, quan sát nét mặt nàng, rồi tiếp:

– Nói thế chứ không có gì đâu mà chị lo. Có lẽ chị sợ chúng tôi làm ẩu phải không. Nói thật với chị, nếu cần gái thì chúng tôi không thiếu. Hơn nữa, nói chị đừng buồn, chị cũng không phải là đối tượng đâu. Tôi hỏi thật chị nhé: chị cần lên Sài Gòn gấp để làm gì? Chị đi buôn hay đi làm gì?

Hạnh cắn môi suy nghĩ. Một lát, nàng thú thật:

– Tôi nói thật với anh, tôi đi buôn trầm và mới bị trạm Căn Cứ Năm, chỗ tôi lên quá giang xe anh, tịch thu. Hàng hiện giữ ở đó, mà tôi thì không đủ tiền để "chạy" ra, nên đi vội lên Sài Gòn mượn.

Người tài xế đập tay một cái rõ mạnh trên ghế rồi nói:

– Trời ơi, sao chị nói chậm thế. Khi mới lên xe, tôi hỏi có phải đi buôn không, chị cao đạo không thèm trả lời. Bây giờ thì quá trạm xa rồi. Mà trầm loại gì? Bao nhiêu kí? Ai làm biên bản tịch thu?

– Trầm loại một đến loại bốn, bốn kí lô. Ai làm biên bản em không rõ, vì em dâu dám vô trạm, sợ tụi nó nhận mặt và bắt cả người luôn. Nhưng nghe tài xế nói hình như trưởng trạm thù phải.

– Ối trời ôi, tên tài xế nào mà dở quá vậy. Chở có bốn kí trầm mà để bị bắt. Thế thì làm ăn cái cóc khô gì. Tôi nói thật với chị, xe tôi chở hơn một nửa là hàng lậu đấy, mà qua trạm tụi nó dám hỏi han gì tôi đâu. Trưởng trạm Căn Cứ Năm là thằng Bụi chứ ai. Thôi được, để tôi tính xem.

Hạnh nhìn anh tài xế, chờ đợi. Tự nhiên, trong lòng nàng trỗi lên một niềm hy vọng mới mẻ.

Suy nghĩ một lát, anh tài xế hỏi:

– Cô còn bao nhiêu tiền?

– Dạ, một chỉ và hai chục ngàn đồng.

– Đúng ra mà nói thì chừng đó chẳng ăn thua gì, muốn chuộc ra được thì phải mất nửa vốn. Đó là nói biên bản chưa ký. Còn nếu nó ký biên bản rồi thì mệt lắm, tốn nhiều hơn.

– Dạ, em biết vậy, nên mới đi gấp lên Sài Gòn đây.

– Lên Sài Gòn mượn tiền rồi về lại chứ gì? Sợ trễ, tụi nó tráo hàng mất. Mà nếu không thì nhiều thằng biết, thêm sinh chuyện. Thôi được, tôi rán giúp chị một phen. Nếu được thì tốt, bằng không chị đừng oán tôi nhé.

Hạnh nhìn người tài xế, vẻ dò hỏi. Anh ta tiếp:

– Tôi và chị đón xe trở lại trạm trong đêm nay. Xe tôi chở hàng không tiện quay lui, tôi giao cho thằng tài phụ. Nếu chị không ngờ vực gì thì ta đi ngay.

Hạnh dè dặt gật đầu. Lúc này có cái phao nào vớ được, nàng cũng vớ thử.

*

Tuy mất nhiều thời gian, nhưng với tài xoay sở, người tài xế đã gỡ được mối lo của Hạnh. Tin vui đến với Hạnh vào lúc xế chiều, sau khi anh ta trải qua một chầu nhậu ba, bốn tiếng đồng hồ với trưởng trạm thuế vụ và một số nhân viên. Hạnh mừng đến nỗi khi ký giấy nhận hàng về, nàng run tay không ký được tên mình. Lấy hàng ra khỏi trạm, nàng định hỏi han người tài xế nhiều điều, nhưng anh ta xua tay:

– Chẳng vội gì chị ạ. Phải trở về xe hàng đã. Hơn nữa, ở đây nói nhiều không tiện.

Trở về lại xe mình, người tài xế giấu hàng Hạnh vào một khoảng trống nhỏ trước đầu máy xe, chung quanh đầy cả dây nhợ để che mắt thuế vụ và công an. Anh ta giải thích:

– Không cần thiết lắm, nhưng tôi cẩn thận cho chị.

Hạnh yên tâm leo lên xe. Trời tối hẳn. Xe lại bắt đầu lăn bánh. Lần này, người tài xế nhường tay lái lại cho tài phụ, còn anh ra băng phía sau. Hạnh nhích sang bên một tí để anh tài xế ngồi. Băng ghế này thực ra là nơi ngủ của tài xế và tài phụ. Anh dồn mền chiếu lại cho gọn rồi ngồi bên cạnh Hạnh.

– Xin lỗi chị nhé. Hôm nay tôi nốc bia hơi nhiều. Cái lệ nó vậy, uống bia ít thì không nói chuyện gì được với họ.

Hạnh cố ép mình sát hông xe để nhường chỗ cho anh tài xế. Anh ta ngả đầu vào đống mền gối, nhắm mắt. Xe chạy đều. Lúc này, đầu óc Hạnh mới hoàn toàn thanh thản. Thực cái số mình nó quá hên mới gặp được tay tài xế này.

Nàng nhìn kỹ anh tài xế. Anh ta nằm yên, mắt nhắm nghiền. Có lẽ anh ta say. Nét mặt trông già dặn, nhưng còn trẻ, có thể lớn hơn nàng chừng vài ba tuổi. Chắc cũng thuộc loại người đàng hoàng, nàng nghĩ. Chẳng biết phải trả ơn cho anh ta như thế nào đây.

Một lát, anh tài xế cựa mình, mở mắt, ngồi nhổm dậy.

– Sao, chị không ngủ được à? Giờ thì yên bụng rồi, ngủ một giấc cho khỏe, mai mà tính chuyện bán hàng.

Hạnh chợt chột dạ:

– Còn đến mấy trạm nữa mà. Đâu dã hết lo.

Anh tài xế cười:

– Tôi bảo đảm. Nói thật với chị, trạm nào cũng có ăn có chịu với tôi rồi. Tôi là dân buôn chính gốc đây.

Hạnh nhìn anh ta, thắc mắc:

– Anh có chung tiền cho họ không?

Anh ta cười lớn:

– Mọi chuyện đều phải giải quyết bằng tiền, chị ạ. Đồng tiền là sức bật.

– Thế vừa rồi anh chỉ tốn một chầu nhậu thôi à?

– Nói cho đúng, chẳng phải một chầu nhậu mà đủ đâu. Nhưng lần này thì chỉ một chầu thôi. Tụi nó thường tính gộp thôi, chứ ba thứ lẻ tẻ đủ thiếu gì. Chị biết không, bọn chúng chẳng bỏ vốn mà được chia lời. Chữ ký là cái vốn rồi. Nói thật, tôi cũng từ cái lò đó mà ra.

– Anh cũng thuế vụ à?

– Lý lịch tôi thế này: bộ đội phục viên, chuyển qua thuế vụ. Tôi làm ở trạm Ngọc Hồi, cửa ngõ vào Hà Nội, chị biết không? Mánh lới con buôn tôi thuộc như cháo. Nhưng chị biết vì sao tôi không làm nữa không? Thất đức quá. Làm bộ đội bắn chết người mà ít tổn đức hơn làm thuế.

– Anh cũng tin phúc đức à?

– Ồ, tin chứ, phúc đức, may rủi, hên xui. Đi buôn rồi mới thấy. Chị gặp tôi chị cũng hên dấy! Lô hàng chị muốn lấy ra phải tốn cả cây chứ không ít đâu. Tụi nó lập biên bản tịch thu rồi mà xé đi đó.

Hạnh khen thật tình:

– Anh tài thật!

– Chẳng tài lắm đâu. Lần này thì thằng trưởng trạm có nhờ tôi một việc ở Hà Nội.

Anh ta châm thuốc hút. Anh rít một hơi dài, tiếp tục:

– Khi nãy có hơi say. Tiếp một lúc năm thuế vụ và hai công an. Bia vào như nước lã. Cái thằng trưởng trạm còn trẻ mà uống như giặc. Chị biết, uống chưa "tới chỉ" là không xong đâu.

Hạnh nhìn anh tài xế với một cảm giác khâm phục và biết ơn. Nàng ngập ngừng:

– Lên Sài Gòn em phải gửi cho anh một ít. Anh tính giùm cho em đi, em không biết phải làm sao cho đúng.

Anh tài xế xua tay:

– Thôi được, để khi khác. Chị cứ xem như thế là xong.

Hạnh năn nỉ:

– Đâu có được, em không thể yên bụng được.

Anh ta nhìn nàng:

– Chị muốn trả ơn lắm à?

– Đây là chuyện thường tình mà anh.

– Tôi cho chị khất đến lần sau.

– Sao lại lần sau? Biết anh ở đâu mà lần sau với lần trước.

– Chị đừng lo, còn đi buôn là còn gặp mà. Xin lỗi, tôi hơi mệt.

Anh ta ngả người nằm xuống. Nàng cũng tựa đầu vào thành xe, nhắm mắt, tưởng tượng lúc đã đến Sài Gòn. Nàng hình dung cái cảnh bán hàng suông sẻ, có lời. Nàng sẽ đi chợ Bình Tây, chợ An Đông, chợ Bến Thành mua sắm. Xe chạy ngang một đoạn đường tốt, êm ả. Đầu lắc lư, tay chân cựa quậy để tìm một chỗ dựa thuận tiện trong một khoảng không gian chật hẹp, vướng vít, nàng cố tránh không đụng chạm đến anh tài xế, nhưng dần dà, khi chìm dần vào giấc ngủ, thì người nàng cứ ngả về phía anh ta. Mơ mơ màng màng, có một lúc, nàng cảm thấy như có ai vừa hôn mình. Nàng cựa mình, hé mắt. Xe vẫn chạy đều. Anh chàng bộ đội nằm gác chân lên cửa kính, ngủ. Anh tài phụ chăm chú lái xe. Còn nàng thì tựa đầu vào vai anh tài xế. Nàng định nhích ra, nhưng bàn tay anh ta nâng nhẹ đầu nàng, kéo lại. Nàng nhắm mắt, chân duỗi thẳng một khoảng hở dưới ghế, tay quơ quơ tìm một chỗ gác thuận tiện thì dụng phải bàn tay anh tài xế. Nàng hơi giật mình, nhướng mắt lên thì thấy bây giờ, nàng đang nằm gọn trong lòng anh tài xế, đầu gối

lên cánh tay anh ta. Nàng khẽ nhấc chân, thì thấy một bàn tay anh ta đã đặt lên đùi nàng. Nàng định nhổm dậy hẳn, thì anh ta kéo nàng lại, giọng thì thào:

– Ngủ đi em, ngủ cho đỡ mệt.

Không hiểu sao, nàng lại nghe lời, nằm yên. Xe vẫn chạy đều. Hạnh lại chìm vào giấc ngủ. Nàng mơ thấy Lực ôm hôn nàng, rồi cứ thế, cứ thế, Lực nhổm dậy. Nàng vùng vằng, rướn người lên. Một bàn tay kéo nàng xuống. Nàng bỗng có cảm giác êm dềm như soãi người trên một tấm nệm. Rồi chợt thấy như có cái gì nhột nhạt trong người, nàng lại mở mắt, định thần nhìn. Trong ánh sáng nhờ nhờ của buồng lái, nàng thấy bàn tay anh tài xế đặt trên bụng mình, còn bàn tay kia luồn vào ngực nàng. Nàng lấy bàn tay đè lên tay anh ta, giữ lại, nhưng anh ta lại dùng một tay giữ chặt tay nàng, còn tay kia tiếp tục sờ soạng. Bây giờ, nàng tỉnh hẳn và nàng hiểu anh tài xế đang muốn gì. Nàng cố vùng mạnh, nhưng anh tài xế vẫn ôm chặt. Nàng định nói "dừng anh, dừng anh", nhưng lại sợ hai người đàn ông kia nghe thêm phiền, nên chỉ vùng vẫy trong im lặng. Anh tài xế định hôn môi nàng, nhưng nàng tránh ra. Anh ta lại hôn trên má. Mùi dàn ông nóng hổi cộng với mùi bia phả vào nàng, khiến nàng tự dưng nhớ đến Lực. Nàng vẫn cố hết sức đẩy bàn tay anh ta ra, nhưng không được. Bây giờ, nàng như nằm trong gọng kềm của người dàn ông, thì hai bàn tay anh ta lại càng táo tợn. Sức nàng yếu dần, ý chí chống cự cũng dần dà tan biến. Nàng lơi tay, người nàng như mềm đi, phó mặc. Không được, không thể được. Nàng muốn la, muốn nói lớn như vậy, nhưng rốt cuộc, nàng vẫn không nói gì được. Âm thanh của nó như một thứ điệp khúc vang vang trong đầu óc. Nhưng thân xác nàng thì cứ trôi dài, trôi xuôi theo những cảm giác mê man kỳ bí. Nó dâng lên, dâng cao. Lực ơi, Lực ơi. Hình như nàng đã kêu lên như thế. Nàng cắn chặt đôi môi để khỏi phát ra tiếng rên. Nàng chao dảo, bồng bềnh giữa biên giới của sự ghê tởm và sự biết ơn, giữa sự chống trả mãnh liệt và sự buông lơi, đón nhận. Hai tay nàng bấu vào vai anh tài xế, vừa muốn đẩy ra, vừa muốn kéo sát vào mình. Có một lúc nào đó, nàng dã cắn vào vai anh tài xế.

Xe vẫn chạy đều. Anh tài phụ dụi tàn thuốc. Anh bộ đội vẫn nằm vắt vẻo trên ghế, ngủ. Hạnh kéo quần lên, nằm im lặng, thật im lặng. Nàng có cảm giác như một cái gì đó đã qua đi, qua đi hẳn. Nàng nghĩ đến Lực và cảm thấy tội nghiệp. Lực thì điệu nghệ, nhẹ

nhàng, tỉ mỉ. Như một bài học thuộc lòng. Bao giờ chàng cũng đi từng bước một, cẩn thận, cố gắng không để sót một chi tiết nào. Dù có nhậu nhẹt quá chén, hoặc có xa vắng lâu ngày, chàng vẫn thế, từ đầu chí cuối. Nàng tưởng mình là đứa trẻ con được người ta đẩy xe đi chơi trong một khu phố quen thuộc, theo một lộ trình không thay đổi. Bây giờ thì khác. Người đàn ông thứ hai trong đời này hấp tấp hơn, cuồng bạo hơn, dã man hơn và lạ hơn! Còn nàng thì như đứa trẻ con nọ bỗng một hôm, nhảy xuống xe, trốn đi rong chơi ở một khu phố chưa hề quen.

Nàng khẽ thở dài. Mình hư quá, hư thật rồi. Nàng ngồi ngay ngắn dậy, vuốt lại áo quần, dựa vào thành xe, vòng tay lại, miên man suy nghĩ, chỉ trong thoáng chốc, mọi chuyện như lật sang một trang khác. Nàng thấy mình như đang rời khỏi vùng quen thuộc cũ. Nàng quay sang anh tài xế. Anh ta hình như đã ngủ. Tóc lòa xòa trước trán. Hàng râu mép lởm chởm. Đôi môi dày, thô tháp, không che kín hàm răng. Đôi môi ấy đã hôn nàng, những sợi râu chích chích vào má. Trước sau, nàng đã nhìn khuôn mặt anh ta với nhiều cảm giác lẫn lộn. Khi thì ngờ vực, khi thì tin cậy, khi thì biết ơn, còn lúc này thì khó hiểu. Anh ta lương thiện hay dối giả, nàng phân vân, không tìm thấy câu trả lời.

*

Tảng sáng, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ nào đó. Anh tài xế thức dậy, hôn nhẹ lên má nàng, gọi nàng đi ăn sáng. Hạnh nằm im làm bộ ngủ. Khi ba người đàn ông trở lại xe, trời đã sáng hẳn. Hạnh ngượng nghịu tránh nhìn họ. Anh chàng bộ đội cười:

– Sao, người đẹp ngủ ngon chứ?

Nàng có cảm giác câu hỏi hàm một ý khác, nên im lặng. Anh tài xế vẫn ngồi bên cạnh nàng. Nàng nhích hẳn người sang một bên, mắt nhìn thẳng phía trước. Anh ta nói nhỏ, vừa đủ cho nàng nghe:

– Anh xin lỗi nếu đã làm em không vừa ý. Nghĩ cho cùng, cũng vui thôi, dâu có gì ghê gớm lắm, phải không em.

Anh ta xưng em với nàng một cách gọn gàng, thoải mái như đã quen xưng từ lâu. Hạnh không trả lời, nhưng câu nói của anh ta khơi lên trong nàng một ý tưởng hoàn toàn mới mẻ. Ừ, thì dâu có gì ghê gớm lắm. Nhưng nàng chợt thắc mắc: chẳng lẽ đây là một cách trả ơn. Có đắt lắm không, nàng tự nhủ.

Anh tài xế xích sát gần nàng, vòng tay sau lưng định ôm, nhưng nàng cương quyết giữ lại, và tránh ra xa. Anh ta cười:

– Em tôi làm bộ nữa.

Hạnh cương quyết:

– Em không thích.

Anh tài xế nhượng bộ, ngồi nhích xa một tí. Anh ta nói:

– Xe đã đến Biên Hòa. Sắp bước qua cửa ngục cuối cùng rồi đây.

Hạnh thắc mắc định hỏi, thì bỗng hiểu ra. Còn một trạm thuế nữa ở cửa ngõ Sài Gòn: trạm Ngã Ba Vũng Tàu. Nàng hơi bối rối khi nghĩ đến chuyện nàng có hơi làm phật lòng anh tài xế khi nãy. Nàng hỏi, giọng nhẹ nhàng:

– Chắc cũng qua lọt chứ anh.

Anh ta cười thoải mái:

– Thì cũng như mấy trạm kia thôi.

Nàng chăm chú nhìn xem thử trên nét mặt anh ta có gì bất bình không. Nàng bỗng mong anh ta xích lại và vòng tay ôm nàng. Lần này, chắc chắn nàng sẽ để yên. Thêm một chút có sao đâu, nàng nghĩ. Nhưng lúc này anh ta lại ngồi ngay ngắn, đàng hoàng.

Xe chạy nhanh trên xa lộ. Đến ngã ba Vũng Tàu, xe dừng lại. Anh tài xế nhảy xuống, vào trạm trình giấy tờ. Hạnh thò đầu ra nhìn, bụng hồi hộp. Có những xe hàng đang bị "sạc" xuống để khám xét. Rất nhiều xe khác chờ đợi, căng thẳng. Hành khách trên các xe đều xuống xe, kẻ đứng, người ngồi. So với các trạm thì trạm này đông đúc, ồn ào nhất vì số lượng xe ùn lại từ nhiều ngã. Hơn nữa, ở đây, thuế vụ lục lọi kỹ hơn trước khi vào thành phố.

Anh tài xế đã trở lại, tươi cười. Xe qua trạm bình an. Hạnh thở phào nhẹ nhõm. Xem như hàng đã lọt vào thành phố. Xe chạy nhanh và tấp vào một khu công sở nằm bên lề xa lộ. Anh tài xế nói:

– Đây là trụ sở công ty tôi. Vào đây, tôi sẽ lấy hàng ra và dùng xe Honda chở em về nhà.

Hạnh mừng rỡ:

– Thế à! Còn gì thuận tiện hơn.

Chỉ nửa giờ sau, anh tài xế chở Hạnh cùng gói hàng về nơi nàng tạm trú ở Bà Chiểu.

– Em thường ở đây? Anh ta hỏi.

– Vâng. Khi nào rảnh mời anh ghé chơi.

Anh ta nhìn nàng, cười ý nhị:

– Ghé chứ! Mà em có sẵn sàng không?

Anh ta nắm chặt bàn tay nàng, bóp mạnh:

– Nhớ anh nghe! Anh thì chẳng bao giờ quên một đêm tuyệt vời bên em. Giờ thì phải về cơ quan giao hàng. Tạm biệt!

Hạnh cười nhìn theo chiếc xe anh ta chạy xa dần. Hạnh xách hàng vào nhà, tự hỏi chẳng biết anh ta tên gì.

*

Hạnh bán hàng được giá ngoài cả những dự tính lạc quan nhất. Dù lượng hàng của nàng ít ỏi, nhưng gần tết, hàng hiếm, nên người ta nâng giá lên để mua. Con buôn từ Kampuchea chực sẵn ở Sài Gòn, gom hàng để chuyển hàng lậu qua biên giới nhân dịp tết.

Tính ra Hạnh bán lời hơn một cây vàng. Hạnh vui mừng không xiết. Nàng bay đi khắp các chợ mua sắm. Nàng quyết năm nay cho chồng con ăn một cái tết sung túc, đầy đủ nhất. Bao nhiêu năm rồi, chẳng có cái tết nào gọi là ngó cho được. Cũng sắm, cũng sửa, cũng pháo, cũng hạt dưa, cũng bánh mứt... nhưng vừa sắm vừa lo. Tiền thì cái mượn, cái còn nằm trong hàng hóa, chẳng biết lời lỗ, mất còn thế nào. Rồi lại vàng cao, vàng hạ nữa. Mượn thì mượn vàng. Hàng bán có lời tính trên tiền, nhưng khi mua vàng lại để trả thì dâm ra lỗ vì đồng tiền trượt giá, vàng đột ngột cao lên. Người đi buôn ăn tiêu, mua sắm, nhưng bụng không yên. Sợ vàng ế, sợ vàng cao, sợ công an, thuế vụ...

Mua sắm đã đời, chiều 27 tết, Hạnh nhảy tàu Thống Nhất trở lại nhà. Nàng tính mua một ít hàng ra bán tết, kiếm thêm chút đỉnh tiền lời, nhưng nghĩ đến chuyến vào quá vất vả, nàng đi không. Lại nữa, lời thế cũng vượt quá mơ ước rồi. Hạnh nôn nao trông được chóng về nhà. Chuyến tàu cuối năm ít người, sao đi chậm quá!

Nhưng rồi Hạnh cũng về đến nhà.

Thấy Hạnh ngồi ngất ngưởng trên chiếc xích lô, Lực và ba đứa con chạy ùa ra vui mừng tíu tít. Mấy cha con thay nhau chuyển đủ thứ đồ đạc vào nhà. Lực hỏi:

– Lời khẩm không mà mua sắm dữ vậy em?

– Ngoài dự tính. Trên một cây. Đó, anh xem, em xuất hành ngày "sát chủ" và "thọ tử" mà.

Lực dấu dịu:

– Thì anh lo, anh nói. Còn chuyện buôn bán là chuyện của em, anh đâu dám xen vào.

Hạnh dọn một ít trái cây tươi, bánh mứt đặt lên bàn thờ, lên bếp, lên am, nàng dặn Lực:

– Anh thay áo quần vào thắp nhang cúng hộ em. Anh nhớ đọc tên tuổi anh, em và các con, rồi xin cám ơn tổ tiên, ông bà, cô hồn các đẳng đã phù hộ cho em đi đến nơi về đến chốn. Nhớ khấn là mình không quên vái đầu heo. Chiều mai cúng tết và cúng tạ luôn thể. Không có ông bà phù hộ là vốn liếng bay sạch rồi đó, anh biết không?

Lực hỏi:

– Sao vậy?

– Hàng bị bắt, bị tịch thu rồi mà chuộc ra được, chỉ tốn không đáng kể. Anh biết không, cuối năm mà em được quý nhân phù trợ.

Tự dưng, Hạnh ngừng nói. Nàng cảm thấy lấn cấn. Lực vẫn đứng đợi nàng kể tiếp, nhưng thấy vợ im lặng, chàng bỏ đi, thay áo quần để đi cúng. Thắp nhang, khấn vái xong, chàng đi ra thì đã thấy Hạnh đã bày đủ thứ đồ dạc trên bàn: mứt, bánh, lạp xưởng, pháo, đồ chơi, đồ cúng, sách báo xuân, băng nhạc xuân... Mấy đứa con hân hoan rờ rẹt, trầm trồ, giành giựt nhau. Lực đứng nhìn nàng, không ngờ Hạnh đã mua nhiều thế. Hạnh vui vẻ gọi:

– Thôi, mấy cha con lại đây.

Nàng mở đến cái xách nặng nhất. Lực và mấy đứa con hồi hộp chờ đợi. Hạnh lần lượt lôi ra từng món. Bọn trẻ reo lên:

– Đồ tết!

Nàng lấy áo quần phân phát cho các con, mỗi đứa hai bộ mới tinh, quần Jean, áo Pull, giày, nịt, mũ.

– Còn đây là đồ của anh.

Hạnh lấy ra hai bộ quần Jean, áo Pull, một sấp vải Terylene Anh. Hạnh nói:

– Em mua cho anh sấp vải may Veston. Đây là thứ vải Anh đắt tiền nhất đây. Em nghĩ, dã không may thì thôi, may một bộ cho xứng một bộ, mặc cả chục năm. À, còn cái này nữa, em làm quà tết cho anh đây.

Hạnh rút trong túi ra một hộp nhỏ, cười:

– Anh đoán thử xem cái gì đây?

Lực lắc đầu. Nàng mở hộp. Cái đồng hồ Seiko 5 đời mới. Lực reo lên:

– Trời ơi!

Từ lâu chàng vẫn thèm thuồng cái đồng hồ Seiko Nhật có dáng hình chữ nhật này. Chàng gạ gẫm vợ mãi, nhưng Hạnh tiếc tiền, cứ hẹn rày hẹn mai. Bây giờ đeo vào tay, chàng vui mừng như trẻ con nhặt được tiền rơi ngoài đường.

– Còn nữa. Đây là để anh mời bạn.

Hạnh lôi ra một két bia Sài Gòn. Cuối cùng, nàng còn lôi ra thêm cái Radio Cassette Nhật. Nàng nhìn chồng tươi cười:

– Cái này để anh nghe đài BBC thì hết chỗ chê. Lại còn nghe nhạc xuân nữa chứ.

Lực cứ đứng ngẩn người ra mà nhìn. Chàng hết nhìn áo quần, vải vóc, đồng hồ, radio cassette rồi lại nhìn vợ. Chàng vừa ngưỡng mộ, vừa thương. Hạnh quả là bà tiên, là người vợ tuyệt vời.

– Thôi em đi tắm rửa rồi nói chuyện sau. Hạnh nói.

Lúc nàng đến cửa buồng tắm, Lực đi theo. Chàng ôm vợ vào lòng hôn tới tấp trên tóc, trên má, trên ngực nàng.

– Phải đền anh nghe!

Hạnh đẩy nhẹ chồng ra, âu yếm:

– Thì từ từ đã, làm gì mà vội thế!

Hạnh tắm rửa, kỳ cọ thật sạch sẽ như để tẩy sạch hết những nỗi gian truân, lo lắng dọc đường. Và cũng để dền cho Lực. Nhưng khi nhìn xuống thân thể mình, nàng bỗng cảm thấy như có cái gì thiếu hụt, mất mát, có cái gì không còn nguyên vẹn nữa. Ừ, chẳng có gì ghê gớm lắm, nhưng tội nghiệp Lực. Tự dưng, Hạnh thở dài.

Trên nhà, mấy cha con đang mở băng nhạc xuân rộn rã. Hạnh bước ra nhìn chồng, nói:

– Anh vặn nhỏ lại anh. Băng nhạc hải ngoại đó. Coi chừng công an khu vực vào thì phiền.

Tiếng nhạc và tiếng hát nhỏ dần: "Mùa xuân nâng chén ta chúc...".

Trần Doãn Nho
Massachusetts 12-1993

NGUYỄN CHÍ KHAM

ga lữ thứ

Khi rời khỏi trại giam Tân Lập, tôi chỉ vỏn vẹn đem theo hai bộ quần áo và một gói giấy cột chặt thư từ trong sáu năm. Qua bến đò Ngọc, đi ngược lên Ấm Thượng gần hai tiếng đồng hồ. Nhà ga cách cái làng nhỏ ở đó một cây số. Bữa ăn trưa qua loa, vì không ai đói. Bánh mì hấp, gạo, nếp trại cấp cho đi đường, những người được về dồn đem tặng cùng mấy thứ khác cho anh em còn ở lại. Mỗi thứ một tấm lòng.

Ga xép không đến nỗi gì heo hút lắm. Những năm chiến tranh cũng như bây giờ, hệ thống giao thông ở miền Bắc chủ yếu là xe lửa. Vì vậy, chuyến tàu mỗi ngày từ các vùng mạn ngược về dưới xuôi lúc nào cũng ngổn ngang gồng gánh, đông đúc khách hàng. Hôm ấy, phải đợi tàu. Tôi lang thang quanh khu nhà ga, sau đó tình cờ gặp một cô gái đang đọc sách. Tôi đứng yên một lúc lâu cho đến khi cô nhận ra có người đang ở bên cạnh mình. Cô nhìn tôi bằng cặp mắt ái ngại. Tôi xin phép hỏi tên cuốn sách, cô không trả lời mà chỉ mở rộng tấm bìa cho tôi xem. Ngay đó, tôi gật đầu và nói với cô gái rằng đó là một nhà văn xưa đã nổi tiếng. Cô gái ngạc nhiên, tôi cũng tự tin để giải thích, bằng những sơ lược qua nhiều năm tháng cũ học ở nhà trường. Cô gái xem ra vui vẻ, thích thú, cùng hòa nhập câu chuyện văn chương. Tôi biết được tên và quê quán. Tên cô là tên một thành phố, nơi thành phố đó cô đang học năm đầu tiên ở bậc Đại học.

Bỗng nghe tiếng còi vọng từ xa đến, chúng tôi chia tay. Cô gái chắc chưa đầy hai mươi tuổi nhưng thoáng qua chiếc nón vải, khuôn mặt và nụ cười, tôi cảm thấy mình có được một buổi chiều nắng ấm. Gấp gáp, tôi chạy về chỗ tập trung. Khi đứng sắp hàng, nghe tiếng người ta chen lấn, gọi nhau ơi ới, tôi không nhìn thấy được bóng dáng cô gái đã bước lên toa nào. Anh em chúng tôi tuy về, nhưng chưa hẳn là tự do. Cán bộ đi theo hai người, vừa làm công tác, vừa lo thủ tục.

Ngừng đón khách không lâu lắm, tàu được lệnh chuyển bánh. Từ Ấm Thượng về Hà Nội, thời gian đi bao lâu không rõ, nhưng tôi biết là tàu sẽ đi qua những ga Phú Thọ, Việt Trì, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Đông Anh và Gia Lâm. Ngày ra Bắc, trên hai ngàn người, bốn ngày lênh đênh trên biển, chúng tôi đã cặp bến Hải Phòng. Đêm xuống, chúng tôi đi hết cùng một chuyến tàu lên Tây Bắc. Buổi trưa, ga cuối cùng là Yên Bái. Ngày đi chập chùng núi đồi, nỗi lo sợ và bóng tối. Ngày về, cái cảm giác xúc động, mừng rỡ như một cậu bé đi xa, sau bao nhiêu năm học nay được nghỉ hè trở về quê, không đem theo những nỗi niềm khắc khoải, mà chỉ biết vui, hãnh diện đứng bên bà ngoại, đọc cho bà nghe một bài học thuộc lòng.

Sung sướng quá giờ cuối cùng đã hết
Đoàn trai non hớn hở rủ nhau về
Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ
Một nét mặt trăm tiếng cười rộn rã
Lời trên môi chen chúc nối nghìn câu
Chờ đêm mai sáng sớm bước lên tàu
Ăn chẳng được lòng nôn nao khó ngủ
Trong khoảnh khắc sách bài là giấy cũ
Nhắc làm chi thầy mẹ đợi, em trông
Trên đường làng huyết phượng nở thành bông
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt

Bà ngoại tôi khen cháu giỏi quá. Nhưng thực tình, bà đã không biết tôi quên mấy câu, sau một thời gian mang máng nhớ rằng "rương chật rồi khó nhốt cả niềm vui, tay bắt tay trong giây phút bùi ngùi, các bạn hỡi ngày mai đầy ánh sáng".

Bà ngoại tôi mất lúc tôi đã chuyển ra miền Bắc được hơn một năm. Trong ký ức mở rộng những ngôi nhà màu ngói đỏ của thị xã,

chiếc cầu bắc qua sông, bến đò buổi chiều tan phiên chợ, tôi thấy hiện ra trong trí nhớ một mái tóc bạc, một khu vườn rất rộng những lối đi. Không nhận được thư dì N. từ năm ngoái, nhiều lúc tôi cứ tiếc mãi từng vang âm của giọng đọc chính tả, mỗi năm tôi và đứa con trai của dì phải chép một bài văn tả cảnh ngắn, bao nhiêu sự lớn khôn của tôi trưởng thành, những ngày dài chiến tranh, những tháng năm tù tội không làm cho tấm ảnh đó phôi pha, vì đó là mẹ tôi mỗi buổi chiều bên kia sông gánh gạo trở về. Bóng dáng con đê, làng mạc, thôn bản, con suối, cầu treo cũng là bóng dáng của tôi đã đi qua đó nhiều lần trong những ngày đã sống ở nhiều trại tập trung. Và mỗi khi tôi trút bỏ được nỗi nhọc nhằn, tôi thấy những hình ảnh đó là của một tuổi thơ rất êm đềm.

Tôi hơi cúi đầu chụm tay che cho ánh lửa que diêm khỏi tắt. K. ngẩng đầu lên rít một hơi rồi chia thuốc cho bạn bè. Những cơn gió vù qua rồi hạ thấp, buổi tối đã bắt đầu thấm lạnh. Con tàu đã qua khỏi ga Việt Trì. Tôi chỉ nhìn thấy chập chờn những triền cát trên con sông Thao, nhưng lúc âm vang đội trên chiếc cầu, lẫn với thứ tiếng ầm ầm của nhà máy điện, tôi vẫn nhớ lại được một vài câu hát rất hay trong khúc trường ca của Đỗ Nhuận "Hồng Hà ơi, ta nhớ mùa thu xưa quân thù ngơ ngác nhìn qua bên kia sông Việt Trì...".

Ngày mai tôi sẽ nhìn thấy Hà Nội. Xe lửa đang băng trong đêm qua những làng mạc, những cánh đồng. Trong toa xe không có ánh đèn. Những cơn buồn ngủ bắt đầu cám dỗ. Nhưng tôi vẫn cố gắng thức, vì mỗi đoạn đường, mỗi chiếc cầu, mỗi ga xép đều có trong tôi một ý nghĩa, một sự chờ đợi của lữ thứ với ngày mai.

Tôi thu mình trong một chiếc áo vừa đủ ấm. Bên ngoài lạnh, mưa từng hạt nhỏ văng dọc theo con tàu. Trong một lúc khá lâu, con tàu nhìn thấy ánh đèn rực sáng mới ngừng lại. Cô gái xuống ga Phú Yên. Tôi thấy bóng nàng rất nhỏ lẫn trong đám người đi về phía cửa ga. Ở cách nhiều toa xe, tôi không thể gọi lớn tên nàng được. Hà là tên của nàng. Hà làm tôi nghĩ đến Hà Nội, nơi thành phố đó tôi sẽ sống được một ngày. Tôi chỉ mới quen Hà thôi, nhưng trong câu nói sau cùng và cả ánh mắt nữa, tôi tự nghĩ rằng nàng và tôi rất cần có một ngày để gặp lại nhau. Đôi khi, chỉ một tình cờ đó thôi, người ta cũng nhớ lại được những câu thơ rất đẹp, rất buồn.

Tìm đâu thấy một bàn tay
Cho tôi sống lại một ngày
Có nắng vàng Paris
Có heo may Hà Nội

Ga Đông Anh đã đặt tên cho con gái đầu lòng của tôi. Trong một kỷ niệm đẹp, người ta lại cần đôi chút đắng cay để nghe những tiếng gọi thầm.

Khi xe lửa chạy qua cầu Long Biên, tôi biết rằng chuyến tàu đang về Hà Nội. Long Biên dài nhất đất nước. Quá nửa đêm rồi mà tôi không ngủ, ngồi đó để rồi nhớ được rõ nét một thước phim thời sự chiếu lên khung vải một đoàn quân thắng trận Điện Biên Phủ đi bộ qua cầu Long Biên trở về để tiếp thu Hà Nội. Niên học cuối cùng của tôi ở bậc Tiểu học bắt đầu vào lúc đất nước mới chia cắt. Tỉnh lỵ nhỏ bé, nghèo nàn. Trường học thiếu phải đi thuê những căn nhà ở vùng ngoại ô để làm lớp học. Đêm, trong tiếng rời rạc xa xôi của súng đạn, người ta nghe tiếng những đoàn xe GMC ầm ầm vào thị xã, tiếng cả đoàn tàu hú còi rồi ngừng lại đột ngột trước sân ga để đổ xuống những người di cư mới tới.

Vào lúc ấy, ga Hà Nội đã hai giờ sáng.

*

Khi quản giáo Quang trở lại, chúng tôi đã có mặt đầy đủ. Đọc lướt qua tờ giấy rồi gấp lại, anh hỏi chúng tôi đã ăn uống gì chưa. Buổi sáng lạnh, trong cái vẻ ồn ào còn ẩm ướt, đong đưa những tiếng động gần như là quen thuộc. Anh em đều hoan hỉ, chuyến tàu Hà Nội đi Sài Gòn tám giờ tối đêm nay mới khởi hành. Giữa Quang và chúng tôi tự nhiên có một chút tình. Anh ta còn trẻ, nhưng chân thật. Không phải đợi đến lúc này mới thấy khác, mà trước đây, những tháng năm còn ở trại, anh cũng gần gũi, rất nhiều lúc dứng gần với nhau để chuyện trò thân mật. Mỗi khi lên lớp, lúc nào anh cũng đọc vài câu thơ của Tố Hữu. Anh rất sính thơ, và hình như chỉ thuộc nhiều thơ Tố Hữu. Bây giờ trong cặp mắt cười, anh nói với chúng tôi rằng Hà Nội đẹp, cái đẹp tự hào của một thủ đô. Trở lại nề nếp cũ, anh hăng hái nói thêm, Hà Nội là trái tim tổ quốc ta.

Tôi băng một quãng phố rộng rồi bước lên vỉa hè đi bộ một mình. Tôi có niềm vui của người mới biết. Hà Nội không thể rộng lớn bằng Sài Gòn, điều ấy hiển nhiên. Nhưng trước mắt, bóng dáng những

con người Hà Nội, sinh hoạt cuộc sống bày ra đó, sáng hôm nay có phải khác với những sáng đã qua, những sáng năm xưa không, tại sao Hà Nội quá đỗi nghèo nàn như vậy. Từ buổi đầu tiên xuống Hải Phòng, chuyến lên Tây Bắc gần trọn một ngày, ngồi trong toa xe than, cặp mắt lúc nào cũng để ý quan sát, tôi đã ghi nhớ được một số tên nhà ga, thấy rõ những chiếc cầu, hố bom B-52, qua những thị trấn ban ngày tôi thấy được nhà cửa, xe cộ đi lại, học sinh tới trường, người lớn đi làm việc, tất cả sinh hoạt đó diễn ra trọn vẹn mà tôi không thể tưởng tượng được rằng, bao nhiêu năm xây dựng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đều là những vùng nông thôn như vậy cả hay sao. Nhưng rồi, tôi đã làm quen với cuộc sống cày cấy, đi bộ, cuốc đất, trồng khoai, không bao giờ tự bản thân tôi xét đoán, đưa ra một nhận thức về cuộc chiến tranh và sự phân chia đất nước.

Riêng Hà Nội, đối với tôi quá bất ngờ. Tôi thất vọng, vì đem một sự so sánh, thì sinh hoạt ở đây không hơn gì một tỉnh lẻ ở miền Nam. Khi qua những giờ khắc chờ sáng, tôi vẫn chỉ nghĩ một điều là Hà Nội vẫn là một Hà Nội của ba mươi sáu phố phường. Nơi đâu có thể nghèo nàn, đổi thay, nhưng Hà Nội mà tôi *cảm thấy* vẫn nghĩ *như cũ ngày xưa*. Hà Nội, bỗng nói lên một tuổi trưởng thành. Hà Nội, trong một ám ảnh thơ mộng đã đắp lên người một lớp chăn ấm, nằm mơ thấy những cửa ô, đi tìm bóng dáng của mình, ngồi bên cửa sổ nhìn các lá cây mùa thu rụng xuống từ từ từng lá một trên mỗi lối đi, các vỉa hè, và trí nhớ về một quê hương luôn luôn bị lay động bởi nhiều dư vang xao xác của những ai đó đã ra đi, hứa hẹn sẽ quay về.

Cô gái chỉ tôi một con đường rẽ, sau một đoạn phố không xa sẽ thấy Hồ Gươm. Hà Nội nhiều cây. Những khu phố bao quanh hồ thật đẹp. Bóng im trải lần trên cỏ. Nắng mặt trời vàng chín trên mặt hồ. Bóng những cây liễu ven hồ rũ xuống, mang lẫn cùng lớp rêu xanh, cùng bụi bặm rác rến lềnh bềnh nổi quanh hồ gây cho tôi một cảm giác khó chịu dù đã hiểu thấu rằng Hà Nội rất nghèo. Khói thuốc đầu tiên trong cảm giác lành lạnh ghi nhớ một ngày Hà Nội, tôi đứng trên bờ cỏ mà nghĩ đến cô giáo Trâm, ngôi trường Đồng Khánh, một màu đất hồng tươi hoa lá, một bầu trời màu áo thiên thanh, một Hà Nội dĩ vãng của Hồng Dương chơi vơi giữa những phố phường giăng mắc.

Hà Nội có vẻ thích những cái gì cũ kỹ. Đường không rộng, phố không mấy ồn ào chen chúc. Những chiếc tàu điện già nua. Người ta ăn mặc quá giản tiện, xuề xòa, không cần thiết đến màu sắc, những kiểu cách đài các. Sự buôn bán ra vẻ thờ ơ, lạnh nhạt. Những người buôn bán kiểu chợ trời, dường như đâu cũng thấy. Ở góc đầu tiên, trên lối phố từ ga đổ về, một người đàn ông, hai người đàn bà đã gạ gẫm hỏi túi xách của tôi có những đồ gì cần bán. Tôi đưa cho họ xem cây bút máy Pilot, họ lắc đầu. Họ cần mua quần áo, nhất là chiếc áo len màu thuốc lá tôi đang mặc. Tôi lại lắc đầu. Trước khi phân tán, ở nhà ga, mấy thằng bạn tù như tôi bán được rất nhiều đồ hời giá. Trong người tôi, ngoài hai chục đồng tiền trại cấp cho đi đường, tôi cũng đã bán cái đồng hồ cũ được gần ba chục. Thời giá lúc này, một đồng cũng xài được nhiều thứ.

Nhà Bưu Điện nằm trên một khu phố chính trông ra Bờ Hồ. Tôi mua ở quầy báo một đồng giấy bút và một tấm bản đồ. Và bên trong, tôi viết rất nhanh một lá thư để gửi anh G.. Tôi nghĩ là tôi sẽ về tới Sài Gòn trước khi thư đến. Nhưng với anh G., lá thư này là một lá thư viết từ Hà Nội. Người chuyển thư sẽ đóng lên con tem đã dán lá thư này một con dấu của ngày giờ và hai chữ Hà Nội. Những chi tiết này, ngày gặp lại nhau, chúng tôi bớt đi sự xúc động, để có nhiều niềm vui hơn. Từ một buổi chiều tháng Sáu khi tôi ghé lại thăm để nói một đôi lời từ giã, tôi cứ nghĩ ngày chúng tôi gặp lại không xa, vậy mà qua đi sáu năm không ngờ, để rồi sau những bất trắc đến với anh cũng như đến với tôi, tôi đã biết được tin tức anh còn ở lại, công việc làm thì tạm bợ, nhưng một người tha thiết với văn chương như anh có âm thầm tiếp tục nữa không. Sau lá thư, tôi có ý sẽ đến hiệu sách để kiếm một tác phẩm tương đối dễ dàng để mua về tặng anh.

Sự tìm kiếm Hà Nội đối với tôi là một điều thích thú. Tôi không sinh trưởng ra ở đây, nhưng tôi không quá nặng một ảo tưởng về cuộc đời đối với quá khứ cũng như hiện tại. Hà Nội trong quá khứ, tôi chưa hề có, và thấy, là một Hà Nội tôi đã bị văn chương mê hoặc, cám dỗ. Tôi thèm một giấc chiêm bao thả mình xuống giữa lòng Hà Nội. Sài Gòn trong ký ức tuổi thơ cũng là một giấc mơ. Giấc mơ ấy tôi thực hiện được nhờ vào sự bất hạnh, nỗi oan khiên của cha tôi. Năm ấy, vì lý do kỷ luật, người ta trừng phạt đối cha tôi vào Nam,

dạy học ở một tỉnh gần chiến khu D. Cha tôi hoàn toàn im lặng, nhưng trong cặp mắt ông chứa đựng một nỗi buồn. Tôi vì quá ham chơi không hiểu thấu được nỗi đau lòng đó, những ngày đầu tiên ở Sài Gòn không nhắc nhở tôi nhớ đến căn nhà cũ, cái tháp cao ở nhà ga mỗi khi tàu về dừng lại để lấy nước, mà lúc đó, tôi chỉ nao nức, chờ đợi được xem một đôi trận cầu quốc tế, và tôi cũng khát thèm được ở đó cho đến lúc lớn lên mình sẽ trở thành một cầu thủ nổi tiếng. Còn Hà Nội thì sao? Không ngờ tôi lại có được những người bạn rất thân, và một thời tuổi trẻ qua mau ở Sài Gòn, bỗng tôi ao ước được trở thành một người viết văn.

Đôi khi, đến một thành phố này mà lòng còn mang theo một thành phố khác nữa. Hà Nội có được một sự sum vầy của những tên phố ở gần nhau. Và tên của mỗi phố là tên của một tấm lòng người Việt. Phố Hà Nội cổ trong năm cửa ô. Những người đã bỏ ra đi lại nhớ từng khu phố cổ ấy. Phố nào cũng có cây cao lớn và xanh, mặc dù vỉa hè và lối đi không rộng. Trong các tác phẩm văn chương, mùa nào cũng có ở Hà Nội. Người ta vẽ, và có những người muốn nhắm hai mắt lại để tả Hà Nội như khuôn mặt của một người tình. Nơi thành phố nào trong mùa hè cũng có một thứ Hà Nội đỏ thắm. Mùa Kịch ở Hà Nội là một mùa thu, lúc lớp mưa bụi làm nhòe đi những tấm biển quảng cáo. Và đến mùa đông, Hà Nội không kéo dài những cơn mưa trong ủ rũ, chán chường. Hà Nội có một thứ giá rét, một thứ nắng rất mỏng manh dủ mang hương vị ngây ngất của những ngày đi xa.

Những chiếc tàu điện cũ kỹ thỉnh thoảng vọng lên những tiếng kêu leng keng đang chạy quanh các phố. Cái bóng dáng quá khứ của một thứ Hà Nội qua đó làm tôi tự nghĩ rằng không thể nào làm thay đổi Hà Nội được. Hà Nội là mùa của mỗi thời tiết, một ngày hồng tươi hoa lá cũng mang theo một ngày hoa lá tả tơi. Của bao nhiêu cái đẹp và của bao nhiêu cái xấu. Không nên vỡ mộng Hà Nội, vì thấy cái sinh hoạt, đời sống thị dân ở Hà Nội quá nghèo nàn mà nghĩ là Hà Nội tầm thường. Phố cũ Hà Nội còn đó với những rêu phong, những mảnh tường bị nứt nẻ. Trong cái tàn tạ phơi bày trước mắt, tôi thấy Hà Nội có một thứ tình người rất ấm áp. Hà Nội có thực, không phải là một ảo ảnh. Tôi ham muốn trong một ngày được đi hết Hà Nội. Đối với tôi, ngày của Hà Nội rất dài giữa những phố

cũ. Những ai đó đã thâm thù, tưởng rằng về Hà Nội đầy mặc cảm tội lỗi vì đã giết chết đi một nền văn học lãng mạn. Trong thầm kín của niềm hy vọng, tôi chợt thấy "Bếp Lửa" của Thanh Tâm Tuyền. Không biết ai là người Hà Nội, nhưng tôi cũng sẽ tìm kiếm được Khái Hưng và Nhất Linh.

Nhất Linh làm chủ nhiệm tờ báo Phong Hóa. Sau buổi sáng lang thang nhớ bạn bè ở Sài Gòn qua những ngã đường phố Hà Nội, tôi đón tàu điện và lúc bước xuống tôi đi tìm phố Quan Thánh. Địa chỉ cũ cho tôi biết nơi ông làm việc ở căn nhà số 80. Phố yên lặng, trên vỉa hè không nghe xào xạc những tiếng lá rụng. Hai cánh cửa nhà bên đóng chặt. Tôi dừng bước lại, ngắm kỹ rất lâu khu nhà và con số gắn trên tấm bảng sơn màu xanh bị lốm đốm nhiều chỗ. Chính nơi đây mang một ý nghĩa to tát đối với thời giờ quý báu để biết Hà Nội. Ngập ngừng một lúc tôi mới bước lên cầu thang. Không nghe tiếng máy in báo chạy lầm rầm, tôi nghĩ có lẽ chỗ này người ta đã bỏ đi. Nhưng hết bậc cầu thang, tôi đối diện với một căn phòng mở cửa bỏ trống, nước mưa thấm ướt cả mặt nền, tôi bước sâu vào lối rẽ một chút nữa và bên trong qua một cánh cửa hé mở có một người cao lớn đang cúi đầu chăm chú làm việc.

Nhất Linh mặc bộ complet màu trắng. Khi ngước mắt nhìn ra cửa, ông thấy tôi đứng một mình, ông cười ngó tôi có vẻ mãn nguyện. Bàn viết rộng, đầy sách vở và giấy bút. Tôi có cảm tưởng như nó làm bóng ông cao lớn thêm nữa. Chiếc ghế mây tuy cũ, nhưng chưa mờ nước đen bóng nơi hai thanh gỗ tì tay. Ông ngả lưng một chút để ngắm người lạ. Nụ cười trên miệng, cái vẻ phóng khoáng của khuôn mặt làm tôi thấy hai vai ông như muốn rộng ra. Bước tới gần, tôi mỉm cười chào, ông bảo tôi ngồi xuống. Ông đổ một ít trà, mở phích nước sôi rót gần đầy bình. Ông để tôi im lặng chờ như một người bạn không có gì phiền hà. Ông mỉm cười suy nghĩ một điều gì đó, tôi không rõ. Ông nhấc ấm, bắt đầu pha nước. Ông hỏi tôi:

– Em ở xa mới tới.

– Vâng, tôi đáp.

– Sao biết tôi còn ở đây mà em đến tìm.

Ông chăm chú nhìn làm tôi do dự. Rồi ông bảo tôi uống trà đi. Ông cũng bắt đầu uống. Tôi nói với ông.

– Tôi ở tù mới về. Người ta đưa tôi ra miền Bắc được bốn năm.

Gặp Dũng lần đầu ở nhà ga Yên Bái, hỏi thăm tin tức tôi biết ông còn ở Hà Nội.

Ông cười lớn tiếng:

– Tốt quá. Em ở Hà Nội được mấy hôm rồi.

– Mới về Hà Nội nửa đêm qua. Một ngày hôm nay ở Hà Nội, tám giờ tối nay đi vào Nam rồi.

– Không ở lại với tôi thêm ít ngày nữa.

– Không, Hà Nội cho tôi có một ngày thôi.

Tôi nói ba câu ấy tự nhiên làm cho ông suy nghĩ. Ông bật que diêm, châm ánh lửa vào điếu thuốc. Hình ảnh những tháng năm của Hà Nội lượn lờ qua khói thuốc, tôi nghĩ rằng ông đang nhớ đến Dũng và có một chút gì đó mà ông đang ân hận với Loan. Đáng lẽ phải cho Loan cùng đi với Dũng, ông lại đưa Loan về sống với gia đình của Thân, từ đó đã xảy ra một tấn thảm kịch. Rồi mai sau nữa, ông sẽ ra sao khi ông bước đến tuổi già.

– Có những đột biến. Hà Nội liên lụy đến ông à.

– Không, không sao cả. Nhưng rồi đến một ngày tôi cũng phải đi. Tôi sẽ rời khỏi nơi đây.

– Ông không viết văn nữa. Có phải như điều Dũng nói với tôi, ông dự tính đi làm cách mạng.

– Em nghĩ thế nào nếu tôi dự phần vào công việc đó.

– Không, ông không nên đi. Ông nên ở lại Hà Nội để viết văn.

Ông bật cười nói với tôi:

– Tôi sẽ viết một cuốn Đôi Bạn dành cho Loan.

"Trời bỗng nhiên trở rét". Tôi ngồi một mình để cho Nhất Linh làm việc. Cuốn sách heo may bắt đầu thấm lạnh một mùa thu Hà Nội. Gỡ từng trang sách, nghe khơi dậy tiếng sột soạt của đống lá bàng khô rụng ngủ trong đêm đẫm ướt sương mù. Ở nơi xa, đã có những lúc Dũng muốn về thăm Hà Nội và thăm Loan. Chàng bỏ ra đi, trong những năm tháng êm đềm nơi thôn dã, Loan vẫn sống ở ấp Quỳnh Nê với hai người bạn là vợ chồng ông giáo Thảo. Những cọng rơm, những chiếc lá, những cánh đồng đó là mùi hương thơm ngát của hạnh phúc.

Khi chuông đồng hồ gõ mấy tiếng ngắn, tôi chợt nghe có tiếng bước chân người đang gần tới cửa. Vừa quay lại, người đó đẩy cửa bước vào. Nhất Linh ngừng viết, ông bảo tôi: nhà văn Thạch Lam.

Thạch Lam người nhỏ và gầy như tôi tưởng. Ông dịu dàng để tay lên vai tôi, Nhất Linh nói cho ông biết rằng tôi là một người thích văn chương, ao ước một ngày được viết văn. Thạch Lam hãy nói cho anh ta nghe đi. Tôi đứng dậy, bỏ chiếc ghế rồi bên cạnh Nhất Linh và cùng với Thạch Lam bước sang chiếc bàn nhỏ của ông. Có một chiếc ghế bành rộng bỏ trống, ông nói:

– Chúng ta ngồi xuống đây.

Chúng tôi ngồi cạnh bên nhau. Tôi nói ra những ý tưởng có nhiều câu vấp váp, vụng về làm Thạch Lam xúc động. Giọng ông nhỏ, nhưng rất ấm và gần gũi. Tiếng nói thì thầm của ông làm tôi nghĩ đến những đoạn văn ông tả trong những nỗi xao xuyến của sự yên lặng mà hai người đang yêu nhau. Và trong căn phòng này, đã có một buổi sáng, Hoàng Đạo đã đứng nhìn ánh nắng xuống căn vườn ngôi nhà bên cạnh, Nhất Linh đứng ngây ngất thổi ống tiêu, trong lúc đó bóng áo trắng của Khái Hưng thấp thoáng qua lại trên bức tường, hai má rung rung với điệu kèn clarinette, cả ba người như cùng du lãng tới một nơi chốn xa xôi của những ngày thanh bình.

Nhất Linh cười sau một hạnh phúc của Loan, ông chợt thấy rực lên trong ánh nắng. Hà Nội khô ráo suốt mùa thu. Một cái gì vui không biết, bất chợt Thạch Lam bảo tôi đứng dậy. Ông bỏ hẳn công việc buổi sáng, nói với tôi đi cùng ông thăm Hà Nội ba mươi sáu phố phường.

Xuống tới cầu thang, tay ông vẫn đặt lên vai tôi. Khi nghe tôi nhắc đến Ninh Giang là tên một thiếu nữ, nhưng cũng là tên của quê tôi, giọng nói ở vùng quê nghe chất phác và nặng, vì đó là biển, biển nơi quê tôi xanh, có nhiều cát trắng nhưng hoang sơ lắm - những ngày thơ ấu của tôi cũng đẹp làm Thạch Lam vui thích, ông rung nhẹ cặp mắt, khẽ cười.

Chúng tôi lên tàu điện. Xe chậm rãi đi qua từ từ những ngôi nhà ngói cũ, dưới những tàng cây phủ gần hết mặt đường. Phố Hà Nội ngắn, mỗi đoạn đường là một tên phố. Ở một lối rẽ phía trên này của Bờ Hồ xe ngừng lại, chúng tôi xuống. Băng qua đường, chúng tôi đến đầu phố Hàng Đào. Người ta bày hàng buôn bán một cách thờ ơ, lặng lẽ, không vồn vã, mời gọi. Tôi hỏi Thạch Lam, Hà Nội ba mươi sáu phố phường là như thế nào. Ông nói với tôi, ngày xưa ở Hà Nội sự buôn bán phồn thịnh tập trung vào những dãy phố quanh vùng này.

Mỗi tên phố bán một loại hàng riêng. Có những phố mang tên nào bán ngay thứ hàng mang tên đó. Nơi phố Hàng Mã người ta bán đồ giấy. Nơi phố Hàng Chiếu người ta bán chiếu. Nơi phố Hàng Buồm, đó là phố cũ của những người Tàu. Trong khoảng ô vuông vài cây số, từ đầu phố Hàng Đào đến phố Hàng Khoai, Gấm, đi bộ quanh quẩn thôi cũng qua hết được trên mười phố. Phố Hà Nội ngắn, trên những lối đi không rộng, tên của phố là tên của sự vật nhưng nó là tình bạn, tình người rất thân thiết. Hồi đó, nhà Loan ở Phố Mới, trước khi đi lấy chồng bà mẹ đã dắt Loan ra phố Hàng Đào để mua vải. Loan là người có học, hiểu biết hơn Thân, nhưng trong một chừng mực nào đó nàng phải nghe lời mẹ về ấp Thái Hà để sống với Thân.

Những tình cảm đối với Hà Nội trong quá khứ mỗi lúc một nhiều. Thạch Lam đưa tôi lên thăm chợ Đồng Xuân, kể cho tôi nghe những thứ hàng quà vừa ngon, vừa rẻ tiền. Chúng tôi dạo chơi một lúc, mỏi chân, liền ghé vào quán nước, uống cốc chè, ăn kẹo lạc, kẹo vừng. Tôi tự nhiên cảm thấy buồn nhớ đến những người bạn cũ. Trong cái vẻ đạm bạc của thứ quà Hà Nội, tôi nhớ đến những ngày mưa ở Sài Gòn, những ngày mùa đông ở Huế. Tôi biết, tôi chẳng bao giờ quên được tiếng nói của Thạch Lam. Tôi yêu đất nước Việt Nam qua những tên gọi từng miền. Phố ở Huế mang cái tên đài các của những thiếu nữ. Hãy nhớ đôi mắt người Bến Ngự. Hãy đặt tên cho con gái là Nam Giao. Hãy uống rượu và nói chuyện suốt một đêm trăng với những người bạn thân ở Vỹ Dạ. Cái ý tưởng thuyền chở trăng đi trong thơ Hàn Mặc Tử là ý tưởng bác học. Quê ngoại cũng như quê nội của tôi không phải là của dòng sông Hương. Nhưng tôi có một người tình ở đó, và những ngày tháng trẻ tuổi nhất của đời tôi là những ngày tháng Sài Gòn. Sài Gòn gọi em bằng cưng, gọi mẹ bằng má. Sài Gòn gặp bữa, chào dì, chào má một tiếng là nhảy vào ngồi ăn. Chợ Sài Gòn có ít cái tên thanh lịch mà nhiều cái tên xấu xí. Chợ Dũi, vậy mà tới đó nhậu hết xẩy. Chợ Cầu Kho, chợ Cầu Muối nhớp nháp, bầy hầy, nhưng mua trái cây ở đó lại rẻ tiền. Hà Nội, thì nhiều thứ hàng quà nhất. Đọc văn Thạch Lam, những cảm xúc tế nhị qua cách thưởng thức quà, tôi thấy ông đã làm giàu thêm cho tiếng Việt và người Việt. Đọc ông người ta đâm ra nhớ Hà Nội, dù chưa hề đến, nhưng nghe các tên phố thân thuộc Hàng Gạo, Hàng Bột, Hàng Gai, Hàng Bồ, Hàng Vải, tự nhiên ta hình dung ra được một quê hương giàu có tâm hồn.

*

Những buổi trưa Hà Nội ngây ngất và buồn ngủ. Tôi ngồi một mình riêng góc bàn, ăn hết dĩa bánh tôm và uống một cốc bia. Ngả người dựa lưng ghế, tôi châm thuốc hút. Ở một ngôi làng phía bên kia Hồ Tây đã xa ngút tầm mắt. Con đường xưa với cái tên Cổ Ngư bóng cây rũ xuống êm đềm. Tôi bỗng thiếp đi rồi có người thức dậy. Tôi choàng tỉnh, mở mắt với nụ cười. Tôi không nhớ khi rời khỏi đó, tôi để quên lại một cái gì. Tôi nhớ là tôi đã vốc nước rửa mặt. Trong cái cảm giác mát lạnh rùng mình tôi chợt nghĩ Hà Nội không có gì cả. Đã hết một ngày. Nỗi trống trải chạy dài, mất bóng. Trên lối đi, tôi lặng nhìn cây cỏ. Tôi đã hết nỗi nhớ, hết sự đợi chờ. Buổi trưa quá xa xôi, nắng lênh đênh như một dòng sông vẫn cứ chảy. Tôi bước đi, mỗi lúc mỗi lưu lạc lòng mình. Đằng xa có bướm trắng, có chiếc áo lụa dài của người thiếu phụ. Người thiếu phụ một mình, đi về đâu đó không quen. Tôi đã gặp nàng. Trong nụ cười yếu ớt một lúc lâu tôi mới nhận ra. Nàng ái ngại hỏi tên tôi, tôi gật đầu.

Nhất Linh muốn đưa Loan trở về Hà Nội. Gặp nhau trong sự tình cờ, những điều Loan vừa mới nói ra làm cho tôi xúc động. Trong đôi mắt hoen đỏ, tôi cứ nghĩ sau bao nhiêu đổi thay của chiến tranh, của ngày tháng, mỗi người sẽ sống khác đi. Nhưng Loan không thay đổi gì cả, và tôi trở về, nguyên vẹn một cuộc trở về. Loan về cho những ngày quá khứ, còn tôi ở cạnh bên Loan một ngày của Hà Nội. Những vang âm của bước đi, những kỷ niệm tưởng như còn đó, tưởng như đã mất. Không hiểu sao, câu hỏi của tôi làm cho Loan buồn. Nàng nói:

– Ông Nhất Linh không hiểu em.

– Ông muốn cho Loan được hạnh phúc mà, tôi nói. Thân không xứng đáng là chồng của Loan sao?

– Không, em không hề phân biệt điều ấy. Nhưng người đó không thể sống cùng trong một tâm cảm như em.

– Người sống được trong cùng một tâm hồn với Loan là Dũng phải không?

Bỗng Loan chùng xuống, giữ yên lặng. Nàng đưa mắt nhìn những con bướm trắng từ xa bay lại. Nàng đưa bàn tay, mở rộng bàn tay làm những cánh hoa cho bướm đậu. Chiếc áo của Loan bị gió nâng lên, vướng vào mặt tôi. Tôi dừng bước lại, gỡ ra, đôi mắt Loan lộ vẻ sung sướng nhìn tôi thật chân tình. Nàng nắm tay tôi và nói:

– Đôi mắt anh làm em nhớ đến Dũng.

– Tại sao Loan lại có ý oán trách Nhất Linh. Đối với ông, làm văn chương là một hạnh phúc. Ông đã nhiều lần nói với anh, Loan không phải là con người bất hạnh. Loan có những mâu thuẫn khi mới bước vào đời, Loan nhận ra điều đó không?

– Nhưng anh không thấy rằng khát vọng của Nhất Linh là muốn giải phóng người phụ nữ ra khỏi xã hội phong kiến sao?

– Đúng, ông muốn làm như vậy. Nhưng ông không hề có ý đạp đổ giá trị và nền tảng đạo đức của gia đình. Anh nhận thấy Thân không có tính cách lãng mạn, nhưng không phải là một con người đần độn. Anh ấy cũng biết thương yêu, biết được giá trị của hạnh phúc. Thân là một người chồng đã biết yêu Loan, yêu một người vợ.

– Không như anh nghĩ đâu. Cuộc đời anh ấy tầm thường và chỉ biết nghe lời mẹ. Em đã sống một cuộc đời làm vợ buồn thảm lắm.

Tôi để cho Loan nói hết nỗi lòng. Trên con đường Cổ Ngư chậm rãi từng bước một, chúng tôi nghe hơi thở của nhau, niềm vui lẫn với nỗi buồn. Loan hãy cố gắng quên Dũng. Trở lại với đầu tiên, dù sự bắt đầu trong muộn màng. Niềm tin cũng là một sự chân thành. Hãy tìm trong đó một vẻ đẹp.

Loan bảo tôi nắm lại bàn tay của nàng. Tôi nghĩ tới gia đình, còn Loan có lẽ đang nghĩ đến một hạnh phúc. Nàng hỏi tôi về K..

– Anh K. là một người đam mê văn chương. Anh ấy lúc nào cũng khao khát được một ngày tìm thấy Hà Nội.

– Phải, K. đó là anh. Anh ao ước có một ngày Hà Nội là anh đã đọc Nhất Linh và đã yêu em.

– Em cũng nghĩ vậy nên Nhất Linh mới bảo em về đây. Anh còn nhớ những ngày của em trong Đôi Bạn không?

– Nhớ. Cô Loan ấy bây giờ ở đâu?

– Vẫn ở ấp Quỳnh Nê. Ít khi về Hà Nội.

– Dũng và Trúc bỏ đi rồi. Một mình Loan ở lại đó, còn ai khác nữa không?

– Em không rõ. Anh có gặp anh Dũng không?

– Có, trước khi đây anh gặp Dũng. Dũng đã cùng với Trúc, hai người vượt qua biên giới. Dũng bảo anh, khi về Hà Nội nhớ ghé thăm Loan.

– Anh ấy có viết thư cho em. Nhưng một lần đó, lâu lắm rồi.

Tôi biết Loan không quên được Dũng. Đi bên cạnh tôi, Loan vẫn là con người sống chân thực. Tôi nhớ tên Nhất Linh. Tôi nghĩ rằng, ông là một dĩ vãng đẹp. Tôi không muốn hỏi Loan bây giờ ông đã sống ra sao? Tôi không ghét Thân, nhưng ở nơi Thân có cái tầm thường của người đàn ông làm tôi thất vọng. Nỗi buồn của Loan cũng như tôi, những điều muốn nói sẽ bị đứt quãng, bẽ bàng. Loan không cảm thấy mình cô đơn nhưng nàng không tha thiết sống nữa. Những ngày bên cạnh Thân ở ấp Thái Hà là những ngày tăm tối của nàng. Và rốt cùng, Nhất Linh đã giải thoát nàng bằng một cái chết.

Ngừng lại ở cuối dường Cổ Ngư, trước khi chia tay tôi cố gắng cười. Trong cặp mắt Loan quá yên lặng:

– Anh còn ở lại Hà Nội bao lâu nữa.

– Đêm nay anh lên tàu vào Nam.

– Ông Nhất Linh có nói gì với anh nữa không?

– Không. Ông ấy đã im lặng vĩnh viễn.

– Nhất Linh chết rồi, em biết. Em nghĩ là ông ấy rất buồn nhưng ông sẽ tha thứ cho em.

– Nhất Linh sẽ tha thứ tất cả.

Vâng.

Loan đi rẽ về phía đê Yên Phụ. Bóng dáng xa của ngọn núi Tam Dảo mờ trong làn mây xám. Gió thổi mạnh, Loan giữ chặt lấy khăn voan, chiếc áo lụa của nàng bay phấp phới. Nàng nghĩ đến một cuộc đời mà một mình tôi đứng lại nhìn theo thương xót vô cùng.

Không có ai nữa, tôi bỏ đi. Tôi cảm thấy mình đã trở nên thừa thãi, vô vị. Tôi bỏ rơi hẳn Hà Nội một ngày đã hết ở sau lưng, lẩm lũi nghe những vang âm quá lạc loài trên con đường trở về ga Hàng Cỏ.

4-12-1993

Nguyễn Chí Kham

THƯỜNG QUÁN

mùa xuân

Đừng đặt vào tay tôi những đồng tiền kẽm
Hãy cho tôi thêm một ly ánh sáng
Mùa Xuân giấc ngủ không kéo màn
Cây đâm nhánh trên trời chưa rạng rạng
Đừng đặt vào miệng tôi
Những đồng tiền kẽm lành lạnh
Này cánh tay xám chùng trĩu khăn màn
Mưa ăn vào góc tối tiếng đàn nhị
Xin im bặt
Cho ngày yên tĩnh tiếng chim đen
Trong cổ họng gọi nước
Những cánh đồng thường khi màu xám
Một buổi trưa xanh
Đừng đắp lên cặp mắt tôi những đồng tiền kẽm
Đàn bò đi dưới hàng dương
Bia mộ yên lành
Đừng kéo một vuông hòm khối tảng nào, vệt đỏ
Trên giấy vàng mê tín
Chỗ ngồi của mây trong nước trong trong
Đôi chân mềm nắng
Cho tôi thêm một ly ánh sáng
Mùa Xuân từng ngón
Tôi xin đặt trán lên.

PHẠM CHI LAN

tiếng động lá

Tôi khát
như dòng sông không mưa
Từ sa mạc trở về
Chân bước vào quên lãng
tiếng động êm rơi
lá trút linh hồn
Vỡ trên thềm lá
bóng tối hoang vu
tiếng khóc nụ cười
lời ru ai ngày xưa
dư vị mùi hương bão tố
Hát trên triền lá
phấn hương rơi cây nở cuộc đời
Dòng sông thôi mưa
từ thế kỷ trăng tôi trở về
ảo mờ hưng phế
Nhánh xương rồng bỏ quên
dưới mặt trời rực rỡ
Nhạt nhòa tiếng nói từ câm nín
Nước chảy qua đời tôi
tay vuốt mặt che kín nỗi niềm
ướt thời gian hệ lụy
Chào nhé mùa lá phai
êm như hơi thở
chìm vào lòng đất
xào xạc thơm rơi
chiếc lá động
cuối cùng

Người ghé qua dòng sông
cảm thông vội vã
Đêm, tôi nói chuyện với ảo ảnh
ném lời vào hư không
Hãy thức với tôi
dòng sông mùa khô mùa hạn
Nào hãy vàng lên quá khứ.

CHÂN PHƯƠNG

sinh nhật của tôi và gió

...scrivo il mio nome sul vento.
Diego Valeri

cắn vỡ
hạt nắng muộn màng

nếm trên lưỡi
vị nhạt không gian

lắng nghe con tàu gió
rời mọi bến mây
chở sạch những mùa lá rụng

bây giờ
bánh sinh nhật là vầng trăng

nến cắm
rặng cây tuyết trắng

chẳng còn bãi bờ nào
mời gọi một chuyến lang thang
trời rộng biển xanh
cạn dần trong cái gạt tàn

nhặt mảnh vụn hoàng hôn châm điếu thuốc thu
nhấc chiếc bóng say đặt lên vai
áp môi rét buốt lần cuối lên mặt địa cầu
tặng lại tấm gương vài sợi khói

con đường xa hơn niềm tuyệt vọng rã cánh

con đường xa hơn sự vùi lấp tính danh

trong túi sẵn sàng
tấm vé một chiều

hành trình
về cõi lãng quên

hành trình
vắng dấu chân em

biển chỉ đường là mộ chí.

HỒ PHỔ LẠI

bóng ngả, đêm về

Ông ngoại tôi có rất nhiều con, vì vậy tôi cũng có rất nhiều cậu và dì, nhưng trong số đó tôi chỉ thương nhớ một mình cậu Sửu.

Theo lời mẹ tôi kể lại thì cậu Sửu là một trong những đứa con rơi mà mãi cho đến cuối đời ông tôi mới chịu đem về. Thời sanh tiền, ông tôi rất giàu có, nhờ được thừa hưởng những vườn ruộng bao la của tổ tiên để lại. Vườn ruộng của ông nhiều và rải rác khắp nơi, vì vậy mỗi năm ông chỉ có mặt ở nhà chừng sáu, bảy tháng; thời gian còn lại ông dong ruổi khắp huyện này, tổng khác để thăm ruộng và góp lúa. Bà ngoại tôi và các cậu, dì lớn tuổi thì ở nhà lo coi sóc những vườn ruộng quanh vùng. Nhờ có sẵn tiền bạc và nhờ có sự phụ tá của một lực lượng con cái đông đúc, công việc làm ăn của bà tôi càng ngày càng phát đạt; cho đến một ngày ông ngoại tôi ngã bệnh.

Năm ấy, ngay khi cơn bệnh mới phát, dầu bà ngoại tôi cực lực ngăn cản, dầu người thầy thuốc hết dạ khuyên răn, ông tôi vẫn nhất định phải đi thăm ruộng đúng kỳ, theo thông lệ hằng năm. Cũng như những lần trước, lần đó ông chỉ dẫn theo người tá điền kỳ cựu nhất, đồng thời cũng là người đệ tử ruột của ông, chứ không chịu cho ai tháp tùng theo nữa cả. Trong lúc ông đi vắng, ở nhà, bà tôi nhờ thầy đến cúng sao, giải hạn cho ông, cho người chồng đã suốt đời trung thành và chí thú làm ăn của bà. Để đền đáp lại sự trông đợi và cẩu đảo ấy, lần đó ông tôi chỉ đi có hai tháng ngắn ngủi. Khi ông trở về, lưng ông khòm hẳn xuống, toàn thân run rẩy, ông yếu đuối đến nỗi người tá điền phải dìu ông lên bờ. Giữa lúc mọi người còn đang xúm

xít quanh ông để lo lắng thuốc men thì người tá điền vội vàng chạy xuống ghe lần nữa và khi lên lại, ngoài những vật dụng linh tinh, ông ta còn dẫn theo bốn thằng nhỏ cùng trạc bảy, tám, chín, mười tuổi, đen đúa và quê mùa.

Đêm đó ông tôi trở bệnh nặng mê man và hai tuần sau thì mất. Lý lịch của bốn thằng nhỏ bơ vơ đã được người tá điền già, theo lời trăn trối của ông tôi trên suốt dọc đường về, thưa lại với bà tôi là: đó là bốn đứa con trai ông tôi đã có được với bốn bà vợ nhỏ, tại bốn miền mà ông đã nhiều lần qua lại. Sự phản bội trường kỳ của ông tôi và sự đồng lõa lâu dài của người tá điền già đã làm bà tôi nổi giận, bà hùng hổ đuổi ông tá điền ra khỏi nhà, ngay đêm ông tôi vừa mê mệt. Về sau, bà dì lớn nhất của tôi, có lẽ vì tò mò, mà cũng có lẽ vì quá say mê những câu chuyện tình ly kỳ của người cha vừa mất, đã lén lút, thì thụp, lui tới nhà người tá điền cũ để cuối cùng dem về cho cả bầy em, trong đó có cả mẹ tôi, câu chuyện có đầu, có đuôi về gốc gác của bốn thằng em vừa trôi dạt ở bốn phương về. Vì ông bà ngoại chúng nó bị bệnh hoạn, bị mất mùa cho nên mẹ chúng phải làm vợ nhỏ ông tôi, để cấn nợ. Trong mấy mươi năm dài chăm lo đi thăm ruộng và đi góp lúa, mỗi năm xa nhà đến bốn năm tháng, kết quả những cuộc tình lẻ của ông tôi không phải chỉ đậu lại ở bốn thằng con trai đó, mà theo sự dò hỏi của bà dì tôi, thì ông tôi còn bỏ vung vãi khắp nơi, ít ra là cả chụ cô con gái nữa. Dì tôi đã bùi ngùi kể lại cho mẹ tôi nghe: khi thấy dì tôi tỏ vẻ lo lắng cho cuộc sống ngày mai của những cô gái này, lúc ông tôi không còn nữa, thì người tá điền kỳ cựu thề nguyền là ông ta đã có năm lần, bảy lượt nhắc nhở ông tôi về chuyện đó, nhưng lần nào ông tôi cũng tỉnh bơ:

– Ối, sá gì thứ con gái đó.

Bốn ông cậu nhỏ cùng một lần, được trở về giang sơn của người cha ruột, mỗi cậu dem theo một mảnh giấy mỏng trong túi áo. Trên mỗi mảnh giấy có nắn nót những hàng chữ viết tay của ông tôi: Trần Ân Sửu, Trần Ân Tý, Trần Ân Mùi, Trần Ân Dần. Ông tá điền già đã long trọng lập lại với ông cậu cả của tôi rằng: cậu tôi có bổn phận phải khai vô sổ bộ của gia đình bốn tên Dần, Sửu, Tý và Mùi, vì đó, không những là tên mà còn là năm sanh của bốn cậu nhỏ nữa, còn Trần là họ của cha và Ân là ân huệ.

Ân huệ đó phải chăng là việc, ông tôi đã kịp thời mang đến cho

bốn cậu con một mái nhà to lớn và một cuộc sống sung túc, sau khi ông mất? Than ôi, ân huệ mà ông tôi, vì tưởng là sáng suốt, đã vội vàng ban phát ra cho kịp lúc, thì các cậu con ông đã không có cái may mắn được thừa hưởng.

Bà ngoại tôi, ngoài chuyện nổi tiếng là giàu có, lại nổi tiếng là một người đàn bà khôn ngoan và lắm thủ đoạn. Bà độc tài với chồng, khó khăn với con, khắc nghiệt với kẻ ăn, người làm trong nhà; xa lánh, lạnh lùng với hầu hết bà con bên chồng, nhất là với những người không có cái may mắn giàu có như bà. Bà luôn luôn nhìn một người bà con nghèo, tới nhà thăm, bằng cái nhìn thủ thế và e dè của một kẻ lúc nào cũng sợ người khác lăm le bòn rút tài sản của mình. Với những đức tánh đó, bà tôi đâu có dễ dàng tha thứ cho cái tội tày trời mà ông tôi đã cả gan qua mặt bà, để phạm phải trong mấy chục năm trời. Vì ông tôi đã mê man luôn từ lúc mới trở về cho đến lúc chết, cho nên bà tôi không có dịp trút nỗi căm hờn lên đầu người chồng phản trắc được nữa. Sự chịu trận đó, đối với bà, cũng đồng nghĩa với nỗi sỉ nhục của một kẻ thua cuộc, vì vậy, ngay trong ngày đưa đám ma ông tôi, bà mở liền một chiến dịch trả thù.

Dầu ông bác của mẹ tôi, cũng là trưởng tộc bên dòng họ ông tôi, lúc đó đang làm tri phủ, người đã từng được bà tôi nể nang nhất trong đám bà con bên chồng, đã cất công đến tận nhà để giải thích và can thiệp cho bốn ông cậu nhỏ được để tang, được đứng sau quan tài, lạy trả quan khách... nhưng bà tôi vẫn nhất định không vâng lời. Cho mãi đến khi quan tài ông tôi rục rịch được khiêng lên, bà mới ra lệnh ban cho bốn cậu, bốn vành khăn thật mỏng, không có khăn rơm, không có áo thụng và khi theo đám ma ra huyệt thì không được sắp hàng trong đám con cháu mà phải đi lẫn trong đám người làm, tôi tớ, mãi tận sau xa.

Sau tuần chay thứ nhất, nghĩa là sau khi bà con hai họ, từ khắp nơi tụ họp về, để đưa đám ma đã tản mát ra về hết, lúc ấy bà tôi mới thật sự bắt tay vào việc trị tội vong hồn người chồng vừa khuất, trị tội bốn "con đĩ nhà quê" đã cướp giựt chồng bà, đồng thời cũng trị luôn "bốn con nòng nọc lộn sòng" (tên gọi mới mà bà tôi đã gán ghép cho bốn bà vợ nhỏ, và bốn đứa con rơi của ông tôi). Chẳng lẽ nuôi cơm không, bà tôi ra lệnh cho bốn cậu nhỏ phải làm việc in hệt như người làm công trong nhà, phải ăn uống dưới bếp với người làm,

và cấm tuyệt không được lai vãng lên nhà trên. Vì cả bốn cậu đều còn nhỏ tuổi mà lại phải làm những việc nặng nề của người lớn như xay lúa, giã gạo, gánh nước, tưới vườn... Cho nên họ luôn luôn làm chậm, hoặc làm sai; và cứ mỗi lần họ có lỗi là bà tôi lại cho người đánh đập bằng roi mây, bằng củi thước, bằng cả những cái chày giã gạo to lớn và nặng nề.

Một đêm tối trời, từ chỗ ngủ là bốn ổ rơm, lót ngay trong gian nhà trống trơn dùng để đặt cối xay lúa, bốn ông cậu đó đã rủ nhau bỏ ra đi, đem theo bốu bịch áo quần cũ kỹ mà họ đã khư khư ôm về cách đó, khoảng một năm.

Để bồi thêm cho nỗi sung sướng được thoát nợ, và cũng để chận bít luôn đường về của họ sau này, bà tôi cho người phao vu khắp làng, khắp tổng là bố cậu nhỏ đó, đã thừa dịp tối trời, mọi người trong nhà say ngủ, lẻn lên nhà trên, cạy tủ thờ lấy cắp bốn mươi lạng vàng ròng và hè nhau trốn về nhà mẹ ruột.

Vụ ông ngoại tôi thình lình mất đi, cộng với những lời chửi rủa, lăng mạ ngày đêm của bà tôi, đã làm các cậu và các dì lớn của tôi nhìn bốn cậu em khác mẹ như nhìn bốn cục nợ xấu xa và chướng mắt; vì vậy, khi biết tin họ bỏ đi, không ai buồn thắc mắc lâu dài. Cũng vì cớ sự đó, cho nên thuở còn rất nhỏ, anh em tôi không bao giờ được thấy, hoặc được nghe ai nhắc nhở đến tên cậu Sửu cả.

Ba năm, sau ngày cậu Sửu bỏ nhà bà ngoại tôi ra đi, thì mẹ tôi cũng có gia đình và theo cha tôi vào sinh sống ở Phan Rang. Câu chuyện về bốn ông cậu lạc loài tưởng đã chìm sâu trong ký ức của mẹ tôi thì có một ngày cậu Sửu xuất hiện lại.

Thời ấy, cha tôi làm chánh sở lục lộ. Có một buổi sáng đang đứng chơi thơ thẩn trước cổng nhà thì tôi thấy có một chiếc xe của ty kiều lộ chở đầy gỗ chạy đến đậu ngay ở cửa trước. Từ trên xe có ba người phu lực lưỡng nhảy xuống, rồi họ khệ nệ khuân vào nhà tôi những cây gỗ ngắn, dài đã được cưa, bào nhẵn nhụi. Đêm hôm trước, cha tôi cũng có báo tin là sáng hôm sau sẽ cho người chở gỗ về để làm dàn hoa trước nhà, cho có bóng mát và cho có chỗ để anh em tôi chơi. Tôi còn nhớ rõ là trời hôm ấy nắng thật gay gắt. Sau khi chất xong đống gỗ, ba người phu đến ngồi nghỉ mệt bên hông nhà, rồi vừa xin nước uống, vừa chuyện trò ầm ĩ. Đang theo anh tôi trèo lên, trụt xuống trên đống gỗ cao nghệu, thình lình tôi thấy bóng mẹ tôi,

từ nãy vẫn đứng trong nhà nhìn qua cửa sổ, lao vội ra sân, vừa đi, vừa lấy tay chỉ trỏ:

– Chú kia, chú gì nói tiếng Quảng Nam đó, chú là người ở vùng nào vậy?

Thì ra, một trong ba người phu đem gỗ đến cho gia đình tôi ngày đó là cậu Sửu. Tánh tình mẹ tôi, cũng có một phần giống bà tôi là rất hay tính toán, vì vậy, bà có thói quen cân nhắc trong mọi chuyện, ngay cả trong lãnh vực tình cảm. Nhưng có lẽ, tuy là con nhà giàu, lại vốn là một cô gái quê, nhát tỉnh thành, mà phải theo chồng, rời xa nơi chôn nhau, cắt rốn, thân nhân ruột thịt không có ai kề cận; vì vậy, sự xuất hiện đột ngột của cậu Sửu đã làm mẹ tôi hứng khởi tình cố hương, lẫn cả tình ruột thịt. Mẹ tôi lôi kéo cậu Sửu vào nhà, để cho câu chuyện hàn huyên được kín đáo và lâu dài hơn, nhưng cậu Sửu cứ nhất định ngồi yên chỗ cũ. Cậu vừa trả lời nho nhỏ những câu hỏi tới tấp của mẹ tôi, vừa tức tưởi khóc. Khi thấy hai anh em tôi lân la đến gần, mẹ tôi lay vai cậu:

– Này em, con Thanh và thằng Phúc, hai đứa con của chị đó, em.

Rồi lấy tay đẩy lưng hai đứa tôi đến sát bên cậu, mẹ tôi ngọt ngào:

– Thanh, Phúc, hai đứa khoanh tay lại, chào cậu đi.

Đến lúc đó, cậu Sửu mới chịu ngẩng mặt lên, rồi vừa lấy tay quệt nước mắt, cậu vừa kéo anh em tôi vào lòng, miệng xuýt xoa:

– Mấy cháu của cậu đây! Mấy cháu của cậu đây rồi!

Cậu xoa đầu đứa này, nắn tay đứa khác, miệng méo xệch, nửa khóc, nửa cười.

Thuở ấy, tuy còn rất nhỏ, nhưng tôi cũng đã có đôi chút trí khôn để nhận thấy là ông cậu này có một cái gì đó rất khác xa với những ông cậu ăn mặc bảnh bao, nói cười mạnh bạo, thỉnh thoảng vẫn vào thăm gia đình tôi. Ngoài chuyện tôi chưa bao giờ được nghe mẹ tôi nhắc đến tên ông ta, ông cậu này lại cao lớn, đen dúa, ăn mặc nghèo nàn, nhưng có vẻ nhút nhát và hiền hậu hơn những ông cậu mà tôi đã từng gặp gỡ từ trước rất nhiều.

Trưa hôm đó, khi cha tôi từ sở trở về, mẹ tôi hớn hở kể lại câu chuyện gặp gỡ kỳ thú ấy. Trong suốt bữa cơm trưa, gần như tôi chỉ ngồi cho có lệ, tai lắng nghe không sót một chữ nào, cái dĩ vãng của

cậu Sửu, mà mẹ tôi, trong một phút chạnh lòng, đã kể ra vanh vách. Thì ra, sau khi trốn khỏi nhà bà ngoại tôi, bốn ông cậu xấu số đó mỗi người đi mỗi ngả. Về phần cậu Sửu thì cậu lại không trở về làng xưa với người mẹ ruột (vì cậu sợ làm mẹ cậu khổ? Hay vì cậu sợ bà tôi cho người theo bắt trở lại?). Cậu đã phải trôi dạt qua rất nhiều thành phố và hành đủ mọi nghề, từ việc đánh giày trong các tiệm ăn, đến việc bán đậu phụng trên các bờ biển, hái cà phê trong các đồn điền ở cao nguyên, để cuối cùng theo một người bạn, về đây làm phu lục lộ. Cậu đã làm việc dưới quyền của cha tôi gần cả nửa năm rồi, nhưng cậu không bao giờ ngờ rằng bà vợ của ông xếp mới lại là người chị cùng cha, khác mẹ với mình.

Hôm ấy, trước khi cha tôi ra xe trở lại sở làm, mẹ tôi theo sau năn nỉ:

– Tới sở gặp nó, mình nhớ biểu nó tối nay, khi xong việc tới đây cho tôi hỏi chuyện, nghe mình.

Cha tôi nghe, ậm ừ trong miệng. Chiều hôm đó, khi đi làm về, trông thấy mẹ tôi đứng chờ ở cửa, cha tôi nói liền:

– Chiều nay thằng Sửu không thấy tới sở làm.

Hôm nào khi trở về, cha tôi cũng có cùng một câu trả lời tương tự. Qua ba, bốn ngày, vì thấy mẹ tôi tỏ vẻ thất vọng, cha tôi dành phải tìm hiểu và một buổi chiều, từ sở về, ông đã giải thích rõ ràng hơn:

– Tôi có nhờ ông cai trong sở hỏi thăm thì có một thằng bạn cùng ở chung nhà với thằng Sửu kể lại rằng, sau khi gặp mình ở đây, lúc về nhà nó không chịu ăn uống gì hết, trùm kín mền trên giường, rồi sáng hôm sau, trong lúc mọi người còn ngủ, nó bò dậy, ôm gói quần áo bỏ đi đâu mất.

Mẹ tôi lấng guhe, mắt bà hoe đỏ, nhưng vẫn không quên, theo thói quen, chửi lên sa sả:

– Tổ cha cái thằng em trời đánh, thánh đâm! Ai làm gì mà nó phải trốn?

Từ đó, tôi không gặp cậu Sửu nữa. Khi chiến tranh bùng nổ mạnh, vì cha tôi được lệnh phải ở lại với nhiệm sở cho đến phút cuối, mẹ tôi đem ba anh em tôi (lúc đó, Dục, em tôi, cũng đã ra đời) về quê nội ở Huế để tránh bom đạn... Thuở ấy, tôi cũng còn quá nhỏ, nhưng tôi vẫn nhớ mang máng là chuyến xe lửa chở mấy mẹ con tôi

di lần đó không những đã có lúc chạy, lúc ngừng mà lại còn rất dơ bẩn và đầy nhóc cả người. Suốt mấy ngày đêm ngồi ngủ gà, ngủ gật bên nhau, khi xe dừng lại ở một ga nào đó, để cho mấy cặp chân chúng tôi khỏi bị tê cóng, mẹ tôi cho phép hai anh em tôi xuống sân ga, đi dạo một lúc. Vì lo sợ bất thần con tàu có thể chạy đi cho nên, sau khi đi quanh một vòng, ngắm nghía đã dời mấy gánh hàng rong, hai anh em tôi hối hả leo lên tàu lại. Khi chen lấn về lại chỗ ngồi cũ, tôi ngạc nhiên nhìn thấy bên cạnh mẹ tôi có xuất hiện một người đàn ông, trong lòng ông ta, em Dục tôi đang ngồi gọn lỏn. Nhìn thấy chúng tôi, mẹ tôi vồn vã:

– Cậu Sửu nè, hai đứa còn nhớ cậu không? Cậu của tụi bay hiện giờ làm việc ở nhà ga này, mẹ thấy cậu đi qua cửa sổ nên kêu cậu lại đó.

Không đợi cho mẹ tôi nói dứt câu, cậu Sửu ngồi bật dậy, bỏ Dục xuống sàn xe, chạy a tới bên anh em tôi, mỗi tay ẵm xốc lên một đứa, vừa hôn hít, vừa lầu bầu nho nhỏ trong miệng:

– Cha mẹ ơi, mấy cháu của cậu lớn quá rồi!

Trong lúc tôi còn đang ngỡ ngàng nhìn sững bộ mặt lấm len và bộ áo quần dơ bẩn của cậu thì thình lình cậu lẹ làng đặt chúng tôi xuống sàn xe, rồi không nói, không rằng, cậu bỏ chạy như bay xuống sân ga. Nhưng chỉ một chốc sau, cậu hăng hái leo trở lại lên tàu, hai tay lễ mễ xách theo đủ thứ quà: bánh ú, bắp luộc, kẹo gương, dưỡng phổi, nem chua và có cả những con cua luộc đỏ lòm, còn nóng hôi hổi. Vừa tháo cái khăn rằn choàng ở cổ ra để trải xuống sàn xe, cậu vừa luôn miệng thúc giục:

– Ăn đi, các cháu! Dùng tạm đi, chị!

Mấy ngày trời toàn ăn cơm vắt với muối sả bới theo, vừa khô, vừa chán cho nên khi thấy những món quà mới mẻ và ngon lành của cậu Sửu mang lên, anh em tôi mừng rỡ nhào vô ăn tận lực. Phần cậu Sửu, cậu không hề nhắm qua món ăn nào, nhưng cậu vẫn luôn tay bận rộn: lột lá nem cho mẹ tôi, lột lá chuối cho cái bánh ú của Dục, lượm bỏ vô túi cái cùi bắp, mà anh tôi, vì vội ăn món khác, đã vất đại qua chân người ngồi bên cạnh. Với tôi, cậu vừa lấy tay quẹt lia lịa những dòng nước cua nhễu nhão rơi xuống từ cái miệng nhóp nhép liên hồi của tôi, cậu vừa rên rỉ:

– Tội nghiệp con cháu gái của tôi biết mấy! Giặc giã làm chi ác quá vậy trời!

Khi bốn mẹ con tôi sắp sửa thanh toán hết đống quà to lớn thì, lại một lần nữa, cậu Sửu đứng lên, vừa chen lấn lao đi, vừa quay lại dặn dò:

– Em đi kiếm cái này nghen, chị! Cậu trở lại liền nghe, mấy cháu!

Lần này, cậu vừa bước xuống sân ga một chốc thì con tàu cũng huýt còi báo tin sắp chạy. Hai anh em tôi lao vội ra cửa sổ, dáo dác tìm kiếm cậu. Giữa những bóng người lố nhố ở sân ga, tôi thất vọng vì không thấy bóng dáng cậu Sửu đâu hết. Mãi cho đến khi đoàn tàu rùng mình bắt đầu chạy, tôi mới kịp nhìn thấy cậu từ đằng xa băng băng lao tới, trên tay cậu lúc lắc một cái khay nhôm có lóng lánh mấy ly si rô xanh đỏ và bên cạnh là mấy cái tô mì hay phở gì đó, hơi nóng còn bốc lên ngùn ngụt. Anh Phúc tôi đưa cả hai tay ra vẫy lia lịa:

– Nhanh lên cậu ơi! Rán chút nữa đi, cậu!

Nhưng đoàn xe đã chạy, mỗi lúc một nhanh, bóng cậu Sửu tụt dần, mờ nhạt cùng một lần với những dòng nước mắt của tôi cũng tuôn ra tầm tã; bên cạnh tôi, anh tôi cũng đang sụt sùi khóc. Dầu trí óc còn non nớt, tôi cũng đoán biết là anh tôi đã khóc vì tiếc rẻ tô phở nóng hổi, với ly si rô màu sắc lập lòe, riêng tôi, hơn ai hết, tôi biết tôi khóc vì tôi thương cậu Sửu.

Sau khi hòa bình trở lại, gia đình tôi hồi cư. Cha tôi không còn làm việc ở Phan Rang nữa mà lại đổi ra Qui Nhơn, đồng thời cũng được thăng làm phó tỉnh trưởng. Gia đình tôi cư ngụ ngay trong khuôn viên của tòa tỉnh. Theo thông lệ thì cứ mỗi buổi sáng lại có một chiếc xe của nhà lao chở một số phạm nhân, can án nhẹ, tới làm tạp dịch nơi sân cỏ và vườn hoa của hai ông phó và tỉnh trưởng. Có một hôm, đang giữa giờ làm việc, tôi thấy cha tôi rời văn phòng, về nhà. Vừa bước chân vô phòng khách ông đã quát tháo ầm ĩ. Khi thấy mẹ tôi xuất hiện, ông giận dữ hét lên:

– Cũng cái thằng Sửu nữa. Thật đúng là cái đồ báo đời!

Vừa nghe đến tên Sửu, tôi giật mình sững sờ, còn mẹ tôi thì có vẻ hoảng sợ:

– Cái gì? Cái thằng nào? Ông nói gì tôi chưa nghe rõ?

Cha tôi hơi nguội lại, nhìn quanh, dằn dỗi nói một hơi dài:

– Thì thằng Sửu, thằng em trai quý của bà, chớ còn thằng nào nữa? Không biết nó ăn trộm, ăn cắp ra sao mà bị ở tù. Sáng nay, trong đoàn tù vừa tới làm tạp dịch có cả nó nữa.

Mẹ tôi tiến sát đến bên cạnh cha tôi, thì thào:

– Nó đâu rồi, mình?

– Có nó thì còn chuyện gì để nói nữa. Nghe báo cáo lại thì khi xe tù vừa chạy vô tới cổng nó định nhảy xuống và lạy lục xin về nhà lao lại, nói là thình lình bị đau bụng.

Mặt mẹ tôi biến sắc, tuy vậy bà vẫn cố gắng vớt vát:

– Mà đã chắc chi là nó?

Cha tôi sừng sộ trở lại:

– Số tù tòa tỉnh đòi là mười hai người, chỉ có mười một người hiện diện, thiếu một, người áp giải tù đi phải giải thích lý do có kèm theo tên tuổi lẫn nơi sanh đẻ của kẻ khai bệnh, bà còn nghi ngờ gì nữa?

Mẹ tôi xuống nước:

– Nó về lại nhà lao chưa? Mà nó bị tội gì vậy, mình?

– Người ta khóa tay nó trên xe, đợi chiều xong việc đưa về cùng một lần. Nó là tù, ai hơi đâu đi hầu hạ nó?

Rồi nhìn qua tôi, từ nãy vẫn đứng trơ mắt lắng tai nghe, nhìn qua cặp mắt láo liên của anh tôi, đang thập thò ở cửa buồng, cha tôi quắc mắt lên:

– Tao cấm tuyệt tụi bay không được lê la tới gần chỗ thằng Sửu, nghe rõ chưa?

Rồi không cần đợi anh em tôi trả lời, cha tôi xoay qua nhìn mẹ tôi, hăm he:

– Bà cũng vậy, không được dây dưa vô nó. Bà phải nhớ rằng hiện tại nó là một thằng tù, còn tôi là ai thì bà đã biết rõ rồi.

Với bản tánh phục tòng và cầu an cố hữu, mẹ tôi đứng yên nghe, rồi đợi cho đến khi cha tôi đi khuất mới lủi thủi đi vào phòng. Ông anh tôi thì vừa vô tư, vừa nghịch ngợm, tuy có được nghe câu chuyện đó, nhưng hình như anh không buồn để ý gì đến cả, chỉ lăm le đợi cha tôi đi khỏi là chạy bay xuống bờ biển để bắt còng, kiếm vỏ ốc hay xây lâu đài bằng cát. Hôm ấy, chỉ có tôi còn đứng lại tần ngần

giữa nhà. Hình ảnh cậu Sửu với cặp mắt nhìn tôi xót xa và trìu mến khi tình cờ gặp lại trên chuyến xe lửa ngày nào, rồi hình ảnh những ly si rô màu sắc xanh đỏ, lắc lư trên chiếc khay nhôm giữa rừng người lố nhố... tất cả, cùng một lần, sống dậy trong tôi. Suốt mấy năm trời chạy loạn, tôi vẫn thầm mơ có một ngày được gặp gỡ lại cậu Sửu ở đâu đó.

Nhìn qua sân cỏ rộng, tôi thấy chiếc xe chở tù dậu ở đằng xa, tận cuối sân sau. Dầu biết rõ tánh tình cha tôi vừa nóng nảy, vừa độc tài, vừa so đo, nhất là trong những liên hệ không dính dáng với cậu ruột của riêng mình, nhưng không biết có một mãnh lực nào, tận trong thâm sâu, thôi thúc tôi phải liều mạng đến gặp cậu Sửu, dầu chỉ trong một phút giây ngắn ngủi. Gom hết nỗi can đảm của trời cho, tôi rón rén đi vào phòng, lấy chiếc áo khoác mặc vào người, lẻn xuống bếp quơ đại mấy trái cam và mấy quả chuối bỏ vào túi áo, cúi đầu lầm lũi đi xuống bờ biển, rồi len lén đi vòng trở lại, nương theo bức tường của tòa nhà dùng làm văn phòng, tôi mon men lần bước tới gần chiếc xe chở tù màu xám xịt. Khi hai chân tôi chỉ còn cách chiếc xe một khoảng ngắn thì thình lình từ phía sau xe xuất hiện một người lính, tay lăm lăm khẩu súng thật dài. Nghĩ tới những trận đòn bằng roi mây, bằng chổi lông gà, bằng cả những chiếc đũa bếp, mà gần như hằng ngày cha tôi xáng lên mông anh em tôi, những lúc ông nổi giận, vì anh em tôi lì lợm, lười biếng hay vụng về (theo sự đòi hỏi và nhận xét của riêng ông) tôi phát run lên, liệng cam và chuối xuống đất, rồi ù té chạy về nhà.

Trưa hôm ấy, khi về nhà ăn cơm, mặt cha tôi hầm hầm làm mấy mẹ con tôi sợ hãi, ăn uống dè dặt, mau lẹ hơn những ngày khác rất nhiều. Trước khi trở qua văn phòng làm việc lại, ông sai người đóng chặt cả cửa lớn lẫn cửa sổ. Hình như nghĩ rằng sự cẩn thận đó vẫn chưa đủ, ông lấy tay trỏ vào mặt anh Phúc, nhưng mắt lại nhìn tôi tóe lửa:

– Chiều nay, hai đứa bay phải ở trong nhà, học thuộc lòng chín cửu chương. Cãi lời, lén đi chơi, khi về, tao sẽ bửa hai đầu của tụi bay ra.

Rồi mặc kệ cho khuôn mặt tếu tè của anh Phúc và mặc kệ cho đôi môi run rẩy của tôi, ông xoay qua mẹ tôi hạ giọng:

– Còn mình, không được cho người làm biết chuyện này, nhớ đó! Không có gì là đẹp đẽ đâu mà phải khoe khoang.

Đêm hôm đó, tôi không ngủ, có một nỗi cắn rứt nào đã gặm nhấm và xâu xé trong tôi. Suốt đêm tôi loay hoay với những câu hỏi lớn vởn trong đầu: cậu Sửu đã phạm tội gì đến nỗi phải ở tù? Và cậu có biết là hiện giờ gia đình tôi hiện ở đây không?

Những ngày hôm sau, dầu mỗi ngày chiếc xe bít bùng vẫn, từ sáng sớm, chở cả chục người tù đến tòa tỉnh, dầu mẹ tôi vẫn chờ đợi và lòng tôi vẫn nôn nóng mỗi lúc thấy cha tôi ở sở về, tôi vẫn không còn nghe ông nhắc nhở gì đến tên cậu Sửu nữa, tuy rằng ông vẫn luôn luôn tỏ vẻ bực bội và hậm hực.

Cho mãi đến cả tháng sau, một hôm, nhân thấy cha tôi đã có vẻ bình thường trở lại, mẹ tôi mon men tới gần ông, cầu cạnh:

– Bên nhà lao có nói thằng Sửu bị tội gì không mình?

Cha tôi ngước mắt lên nhìn quanh, dấm dẳn trả lời:

– Nó say rượu, đánh lộn với người ở chung nhà, làm người ta bị bể đầu, gãy tay chân... sao đó.

Mẹ tôi nằn nì:

– Rồi nó bị mấy năm tù vậy, mình?

Cha tôi xô ghế đứng dậy, lạnh lùng:

– Tôi không có thì giờ để hỏi rõ mấy vụ đó. Tôi đã nhờ ông xếp để lao tống cổ nó vô Phan Thiết từ cả tháng nay rồi.

Từ đó, trong gia đình tôi không còn ai nhắc nhở đến tên cậu Sửu nữa. Mấy năm sau ngày cậu Sửu bị chuyển đi, cha tôi cũng rời Qui Nhơn để trở về làm việc lại ở Phan Rang. Vừa đổi chỗ ở qua một tỉnh lỵ khác, trong khi mọi việc nhà cửa thu xếp chưa xong thì có một hôm, tôi đang ở nhà một mình chợt nghe tiếng gõ cửa. Khi cánh cửa vừa bật mở, tôi thấy xuất hiện trước mặt tôi một người đàn ông cao lớn và đen đúa, sau lưng ông ta là một người đàn bà trẻ, trắng trẻo, dáng điệu rụt rè và quê mùa. Vừa thấy tôi, người đàn ông tiến đến gần, ngập ngừng nói:

– Cháu Thanh, cậu Sửu của cháu đây!

Tôi nhìn cậu, ngạc nhiên quá đỗi, mới cách có mấy năm mà cậu Sửu thay đổi quá nhiều. Khi mẹ tôi ở lối xóm trở về, cậu ôm lấy mẹ tôi vừa cười, vừa khóc:

– Vợ em đó, chị! Em lựa có vừa lòng chị không?

Rồi không đợi mẹ tôi trả lời, cậu bùi ngùi nói tiếp:

– Bây giờ chị khỏi phải lo cho em nữa rồi. Em đã lớn và đã lo làm ăn, có vợ em làm chứng nữa đó chị ơi!

Thấy các em tôi bu lại xúm xít chung quanh, cậu hăm hở ẵm lên lòng hôn hít từng đứa. Sau khi giới thiệu và chào hỏi xong xuôi, cậu mợ Sửu lặng lẽ trở ra sân trước và khi trở vào lại, họ rụt rè kéo theo những cái giỏ tre to tướng, trong đó có chất đầy ắp cả quà: rượu tây cho cha tôi, rau quả và hoa tươi Đà Lạt cho mẹ tôi, bánh kẹo nhập cảng cho anh em tôi. Vừa phụ vợ sắp quà bánh ra bàn, cậu Sửu vừa nhìn mẹ tôi e dè:

– Xin chị tha lỗi cho em. Em cũng không biết phải sắm sửa gì cho đúng đạo làm em nữa.

Đúng lúc đó thì cánh cửa lớn bật mở, cha tôi trở về. Vừa nhác thấy bóng cha tôi, cậu Sửu bối rối thấy rõ, cậu quăng vội điếu thuốc đang hút trên môi xuống đất, lấy chân dè lên, luýnh quýnh đưa tay lên gãi đầu, mặt cúi gằm, miệng lí nhí:

– Em là Sửu, em của chị, em xin được trân trọng kính chào anh.

Cha tôi quét vội một cái nhìn qua mặt khách, qua mặt người đàn bà lạ, qua mặt mấy mẹ con tôi, dừng lại khá lâu trên chiếc bàn ăn ngổn ngang cả quà bánh và ông đã hiểu. Lấy dáng vẻ bình dân và thân tình, ông tiến đến bắt tay cậu Sửu. Cậu khum người xuống thật thấp, đưa cả hai cánh tay ra phía trước, khúm núm cầm lấy bàn tay của cha tôi, lắp bắp:

– Dạ thưa anh, em không dám, không dám!

Mặt cậu rạng rỡ đến độ tôi tưởng là cậu sắp bật khóc vì hãnh diện và vì sung sướng. Lần về thăm đó, cậu mợ ở lại chơi với gia đình tôi có bốn ngày. Trong bốn ngày ở lại, dầu mẹ tôi đã thu xếp một gian phòng dành riêng cho họ, nhưng đêm nào cậu Sửu cũng đem mền gối xuống nhà ngang để ngủ với mấy chú người làm, còn mợ Sửu thì luôn luôn đòi ngủ chung giường với tôi. Ban ngày thì lúc nào cậu Sửu cũng quanh quẩn bên mấy mẹ con tôi. Khi mẹ tôi ngồi trên ghế dựa để ăn trầu thì cậu ngồi xổm xuống đất, sát bên đầu gối của bà, rồi vừa quét vôi trên lá trầu, vừa bửa cau sắp ra dĩa, vừa luôn miệng càm ràm:

– Chị ơi, đêm ngày em nhớ chị, em nhớ các cháu quá chừng!

Khi thấy tôi phe phẩy cái chổi lông gà để quét bụi bàn ghế, cậu chạy lại bên tôi, giật lấy cái chổi, xuýt xoa liên hồi:

– Để đó cậu làm cho, đừng sai biểu cháu làm gì, tội nghiệp cháu lắm, chị ơi!

Mỗi buổi chiều, khi thấy bóng cha tôi về, cậu chạy bay xuống bếp, lễ mễ bưng lên dĩa đồ nhắm ngon lành mà cậu đã nhắc nhở mợ chuẩn bị từ sáng sớm, rồi tự tay lấy khăn, lau bàn ăn thật sạch, sắp muỗng đũa ngay ngắn, rót rượu ra ly, trịnh trọng mời cha tôi ngồi vào bàn. Trong lúc cha tôi hể hả ngồi nhấm nháp thì cậu khoanh tay đứng hầu bên cạnh, mặt mày cũng hể hả không kém. Cha tôi vừa thưởng thức, vừa thỉnh thoảng mời mọc lấy lệ:

– Cậu ngồi xuống, làm một ly với... anh cho vui.

Nghe được mời và nhất là nghe được tiếng "anh" họa hiếm vừa ngập ngừng thoát ra khỏi miệng cha tôi, như người vừa được uống một ly rượu mạnh và đầy, mặt mày cậu Sửu ửng đỏ, mắt long lanh, dớn dác nhìn quanh ra dáng tìm vợ. Có lẽ cậu thấy cần phải có sự hiện diện của một người thân thích nhất, để chia sẻ cùng cậu phút giây vinh dự ấy. Nhưng than ôi, những giây phút kỳ diệu và đê mê đó lại luôn luôn vắng mặt vợ. Hình như đã được dặn dò trước, hễ cứ thấy bóng cha tôi xuất hiện là mợ Sửu phải lẻn ngay xuống bếp.

Đêm nào, lên giường ngủ, tôi và mợ cũng tỉ tê tâm sự đến khuya. Nhờ vậy, tôi được biết là cậu mợ tuy đã ăn ở với nhau hai, ba năm mà vẫn chưa có được mụn con nào. Cậu mợ gặp nhau trên chuyến xe lửa Đà Lạt - Mường Mán, cậu lái xe còn mợ là người buôn bán rau cải thường xuyên đi, về trên quãng đường đó. Theo lời thố lộ của mợ thì cuộc sống hiện tại của cậu mợ cũng khá sung túc vì cả hai đều kiếm ra tiền. Điều mợ than phiền độc nhất về con người của cậu tôi là: tuy rất hiền hậu và biết thương vợ, nhưng cậu có tật xấu là khoái nhậu nhẹt, mà khi đã có chút rượu vô miệng rồi là coi như phải uống cho đến lúc say bí tỉ, không ai ngăn cản hay khuyên nhủ được hết. Hồi mới quen nhau, ngày nào cậu cũng đem chuyện của gia đình tôi ra kể cho mợ nghe, nào là cha tôi "làm lớn" lắm, nào là cha tôi thanh liêm và nhân đức nổi tiếng (!)... còn mẹ tôi thì có tình và rất thương yêu cậu, mấy anh em tôi thì đeo cậu như điên. Lúc mới lấy nhau, đã có nhiều lần mợ yêu cầu cậu dẫn về ra mắt

cha mẹ tôi, nhưng cậu hẹn là phải sửa sang cho mợ bớt quê mùa và biết đủ lễ nghĩa cho xứng đáng với cái "danh giá" của gia đình tôi thì mới dám đưa về... Cứ mỗi đêm được nghe thêm một đoạn tâm sự của mợ Sửu, sáng mai lại, nhìn thấy cha mẹ tôi, tôi có cảm tưởng như tôi cách xa họ thêm một quãng đường nữa, và ngay cả tôi, khi nhìn tôi trong kính, tôi cũng có cảm giác là khuôn mặt tôi lộ đầy vẻ lơ láo của một con người không ngay thẳng.

Đêm cuối cùng, mợ Sửu thổ lộ với tôi những điều thầm kín, và quan trọng hơn nhiều: cậu tôi dã khoe với mợ là vì thuở nhỏ cậu hoang đàng sớm, bỏ nhà ngang, dãy dọc ra đi, cho nên không được học hành tới nơi, tới chốn. Về sau, trôi dạt vô Phan Rang gặp gỡ lại mẹ tôi, dầu mẹ tôi sẵn sàng dón cậu về, để nuôi dưỡng và gầy dựng lại cho cậu, nhưng vì hiểu thân phận mình dốt nát, sợ ở gần làm "xấu mặt" mẹ tôi, với bà con bên chồng cho nên cậu tôi phải bỏ trốn đi. Đang kể lể đều đều bỗng nhiên, như vừa chợt nhớ lại một điều gì thật là mới mẻ, mợ Sửu xích sát vào người tôi, rồi kề miệng tận tai tôi, thì thầm:

– Nè cháu ơi! Hứa với mợ là chuyện này chỉ một mình cháu được biết thôi, nghen! Cậu cháu kể lại là thời cậu lái xe cho Diệt Trừ Sốt Rét, vì có lương tiền khá, lại bị bạn bè rủ rê, cậu đổ đốn, sanh ra nhậu nhẹt, đánh lộn sao đó và bị tù. Xui làm sao, trong một lần chuyển dổi tù, cậu bị dưa ra Qui Nhơn. Có một ngày, cậu được chọn ra làm việc ở sân tòa tỉnh. Đang sung sướng vì được ra ngoài, lại sắp được ăn cơm no, thình lình cậu nghe một trong hai ông đội, có bổn phận giải tù đi, nhắc đến tên ông chánh và phó tỉnh. Nghe đến tên ba cháu, cậu cháu hoảng kinh, vội vàng lạy lục xin về nhà lao lại. Vì họ không chịu, cậu cháu phải nhào lăn ra sàn xe, giả vờ ôm bụng khóc lóc, rên la...

Bao nhiêu năm qua, tôi vẫn thầm mong rằng người tù mang tên Sửu ngày đó có bị đau bụng thật, chứ không phải ông ta đã đau bụng vì biết được là có cha tôi ở đó. Thì ra, chuyện đời đa đoan và gút mắt hơn ý nghĩ dại khờ và vô trách nhiệm của tôi thời đó nhiều. Nghe mợ Sửu kể đến đó, tôi ngậm ngùi không làm sao cầm được nước mắt, tuy vậy, tôi cũng cố gắng dè nén cơn tức tưởi để cất tiếng hỏi:

– Rồi sao nữa, mợ?

– Vậy là cậu cháu được ngồi lại trên xe, suốt cả một ngày, chịu trận không cơm nước, thậm chí không được đi tiểu nữa. Vậy mà cậu cháu vẫn mừng. Rồi nhờ cậu ngày đêm cầu xin trời Phật, mấy tuần sau, cậu được đưa về nhà tù Phan Thiết.

Sực nhớ lại thái độ và câu nói của cha tôi ngày nào "tống cổ nó... cho khuất mắt", tôi thương tâm, òa ra khóc nức nở. Có lẽ nghĩ là vì tôi quá nhạy cảm, thương cậu tù tội, mợ Sửu cũng có vẻ cảm động, mợ ôm lấy tôi vào lòng, vỗ về. Và để cho câu chuyện ngày xưa đó có hậu, mợ kết luận:

– Mãi đến bây giờ, mỗi khi nhắc lại chuyện đó, cậu cháu vẫn còn khóc. Ổng nói: "Thôi kệ, cứ để cho họ yên, họ 'danh giá quá mà'".

Sáng hôm sau, sau màn cúi rạp mình để từ giã cha tôi, cậu Sửu nghẹn ngào ôm lấy mẹ tôi, rồi trìu mến ẵm các em tôi lên nựng nịu. Tôi và anh Phúc, đã quá lớn để được cậu ẵm bồng, thì cậu rờ lưng, vuốt tóc, cọ má từng đứa một:

– Cậu đi nghen Thanh! Ở nhà đừng đánh em nghen, Phúc!

Nhìn cậu mợ bần thần xách hành lý ra đi, tôi bùi ngùi để mặc cho nước mắt chảy quanh. Đêm về, khi thay đổi áo quần để đi ngủ, tôi và anh Phúc đều tìm thấy trong túi áo của mỗi đứa một tờ giấy bạc mới toanh, xếp nhỏ. Anh tôi mừng rơn, còn tôi, tôi lại thêm nghẹn ngào, chỉ muốn trả lại cho cậu Sửu số tiền to lớn đó, nhưng cậu đã đi xa mất rồi.

Về sau, tôi có gia đình, rồi theo chồng vào Nam sinh sống. Nhưng cứ mỗi lần mẹ tôi có dịp vào thăm, tôi không bao giờ quên hỏi thăm về cậu Sửu. Lần nào mẹ tôi cũng có cùng một câu trả lời:

– Nó với con vợ nó về thăm hoài, lần nào hai đứa cũng tay xách, nách mang đầy cả quà bánh. Mới đây, nó còn đòi xin số nhà của con để gởi quà biếu cho con nữa đó.

Thời gian ấy cậu mợ Sửu ở Trạm Hành, gian nhà nhỏ của họ cất trên sườn đồi nhìn xuống ga xe lửa. Đã nhiều lần tôi có ý định thu xếp mọi việc để lên thăm cậu mợ một chuyến, nhưng rồi bận rộn công việc làm ăn, con cái, tôi cứ hẹn lần, hẹn lữa mãi. Cho đến một hôm, cũng nhân dịp vào Sài Gòn thăm tôi, mẹ tôi long trọng cho tôi hay là mợ Sửu đã bỏ cậu đi theo một người đàn ông khác ôm luôn tất cả vốn liếng dành dụm cả đời của cậu. Lần đó, mẹ tôi không đi

một mình mà có cả cha tôi tháp tùng theo nữa. Khi thấy tôi cứ thắc mắc, băn khoăn mãi về tin cậu Sửu bị vợ bỏ, cha tôi hăm hở giải thích:

– Thằng đó đã ham nhậu nhẹt, lại đầu độn, vợ nó có bỏ thì cũng đáng đời, đâu có gì oan uổng mà con phải hỏi hoài?

Nhìn cha tôi, miệng tôi há hốc, cổ tôi đắng nghét, lòng buồn bã và ngao ngán vô cùng.

Khi mẹ tôi từ giã để về Trung, tôi căn dặn riêng bà:

– Cậu Sửu có về, mẹ nhớ hỏi kỹ số nhà, chỗ ở của cậu, rồi cho con hay, con sẽ đi thăm cậu liền.

Nhưng tôi không bao giờ có dịp thăm cậu nữa. Những lần vào thăm sau, khi nghe tôi hỏi về cậu Sửu, mẹ tôi ngập ngừng trả lời:

– Đâu có thấy bóng dáng nó đâu.

Vì thất vọng và bực mình, tôi dằn dỗi:

– Sao mẹ không nhờ ba hỏi thăm tin tức của cậu?

– Ba mày có điện hỏi ông xếp ga Trạm Hành thì họ trả lời là nó bỏ việc đi đâu mất tiêu lâu rồi.

– Trước đó sao mẹ không thử đi thăm cậu lấy một lần?

– Ba mày đâu có chịu cho tao đi, ổng nói "bà lên ăn gì ở chỗ 'khỉ ho cò gáy đó'".

Vậy là cậu Sửu đi đâu, tôi không biết; còn tôi, mấy năm sau tôi trôi dạt mãi tận chân trời này. Sau ba năm ở xứ người, một hôm tôi nhận được lá thư dài của thằng em trai út, trong đó có một đoạn viết về cậu Sửu:

"... Còn về số tiền chị đã hứa là sẽ gởi về để ba lợp lại mái nhà, nếu chưa có sẵn thì chị cứ thư thả, vì ba mẹ vừa nhận được một món quà bất ngờ. Chị còn nhớ cậu Sửu không? Cậu đã chết ở Bảo Lộc tháng trước, đâu vào những ngày giáp Tết. Sau khi cậu mất, một người bạn cùng làm chung, cùng ở chung nhà với cậu, lặn lội tìm về đây để trao lại cho ba mẹ một cái gói nhỏ trong đó có ba lạng vàng và một tờ giấy ghi rõ tên tuổi với địa chỉ của mẹ... Ông ta đã kể lại là những năm tháng sau cùng, vì tuổi tác, vì bệnh hoạn lại say sưa, cậu Sửu không còn được lái xe lửa nữa, mà phải đi làm những việc lặt vặt ở sân ga, kiêm luôn chức vụ cầm đèn ra hiệu cho tàu đi và đến. Có một đêm, cậu đi làm không về, sáng hôm sau người ta tìm

thấy cậy nằm chết cạnh bên đường rẫy, xác cậu co quắp, ngọn đèn khí đá cậu cầm trong tay vẫn còn âm ỉ cháy..."

Trái hẳn với những lần trước, lần này nghe tin cậu Sửu ra đi, dầu biết rõ rằng cậu đã đi một chuyến sau cùng, nhưng tôi vẫn không khóc, lòng tôi dửng dưng và thanh thản lạ lùng. Phải chăng vì tôi không còn nhỏ nữa, mà theo thời gian tôi đã lớn, đã trở nên chai sạn với những mất mát của cuộc đời? Hay vì tận thâm sâu, trong vũng lầy tình cảm, tôi lấy làm mừng rỡ cho cậu đã trả xong xuôi món nợ trần gian. Đêm đó, trước khi đi ngủ, tôi có quỳ thật lâu trước bàn thờ: tôi thành tâm cầu nguyện, ở một thế giới mông lung, xa xôi nào đó, cậu tôi vẫn luôn luôn còn giữ được đức tánh đôn hậu, vị tha, tin người như thời còn sống, để cho linh hồn cậu vẫn mãi mãi thong dong.

Canada, ngày 26 tháng 3 năm 1993
Hồ Phổ Lại

HOÀNG XUÂN SƠN

cỏ chi mùa đông

Đứng nép vào trong khe gió rít
nghe chân luồn lọt bước trầm kha
chợt nắm cứng lấy cành khô, độc
trệch cán dù che tuyết đổ òa

A, sao để ướt đầu vô tội
khi khổng khi không lội thân cò
ai khiến ai xui trời đất dại
hết chịu lưng khòm lại đứng co

Tuyết chạy lúp xúp gió thốc tới
cây, nhà chết sững niềm thúc hối
cổ áo lông điêu dựng mỏi mòn
đằng đẵng không như dài ngóng đợi.

HOÀNG XUÂN SƠN

đường dừng

Xuyên hoa
xuống
trạm đường dừng
thấy cây thông mọc
vô chừng
giữa mây
dáng ai
như dáng em
gầy
mà thôi
liễu úa
buồn lây hạnh nhà
dãi dầu
vọng tiếng chim
qua
hồn muôn xưa
vẫn
la đà yến, oanh
hoa trôi trầm mặc
suối
gành
buồn Ngân giang
cũng
trăng thành thị
đau.

NGỰ THUYẾT

chợ

Sáng hôm đó trời lạnh hơn mọi ngày. Và sương mù. Đèn xe hơi lố nhố, nhập nhòe khắp các ngả đường như ngàn vạn con mắt lửa muốn đốt cháy tấm màn trắng phủ mênh mông. Những làn sơn trắng, sơn vàng chạy lờ mờ lộn lạo trên mặt nhựa đen, những tòa nhà cao, những hàng cây lớn treo lơ lửng trên không vì dám sương mù đậm đặc che khuất phần dưới và phủ kín mặt đất. Tuy thế, nếu nhìn kỹ vào một chiếc xe buýt vừa đậu tại một trạm ngừng, cũng có thể thấy được một người con gái đang bước xuống lề đường.

Cô gái đứng tần ngần nhìn theo chiếc xe buýt vừa mới tiếp tục lăn bánh mà đã khuất nhanh trong sương mù. Nàng quay đầu lại, đưa bàn tay hất ngược mấy lọn tóc che khuất một bên mặt rồi đi nốt một đoạn đường ngắn dành cho người đi bộ trước khi băng ngang một bãi đậu xe rộng thênh thang để vào khu chợ Mỹ.

Còn sớm quá, bãi đậu xe vắng teo, chợ chưa mở cửa. Dăm ba người Mỹ nghèo khó, không nhà, đứng ngồi co ro cạnh những cây cột đồ sộ chạy dọc theo hàng hiên trước chợ; dăm ba người Mễ nhập cư bất hợp pháp đứng chầu chực chờ một người nào đó đến mang về nhà hay về một cơ sở làm ăn vặt vãnh trong vài ngày rồi nghỉ việc. Cô gái đi lui đi tới nhiều lần trước những cửa kính đóng im ỉm, thỉnh thoảng nhìn mông về phía trạm xe buýt, những chuyến xe buýt ghé lại vài phút rồi đi, cứ thế lặp đi lặp lại nhiều lần. Cuối cùng cô gái bước nhanh trở lại trạm xe ngồi xuống ghế chờ.

Cô gái tên là Huyên. Huyên khoảng 25 tuổi, hai con mắt to đen lặng lẽ sau hàng mi dài cong dưới đôi chân mày khá đậm nét, không tỉa không vẽ, và đôi gò má phớt hồng, đôi vành môi một chút son nhạt. Vẻ mặt kín đáo, âm thầm, không buồn, không vui. Nàng ngồi chờ một mình trên chiếc ghế băng, lưng dựa vào thành ghế. Chiếc

áo len màu mỡ gà không cài nút trên để lộ sợi dây chuyền bằng vàng tây mảnh như sợi dây đàn quàng quanh chiếc cổ cao và trắng, và nằm khuất một phần dưới chiếc áo sơ mi màu nâu nhạt là một bức tượng nhỏ xíu - tượng Phật hay cái thánh giá, khó đoán biết được. Nàng mặc quần Jean màu da bò, cặp chân thẳng khá dài vắt lên nhau, một tay để lên đùi, tay kia mân mê cái khóa bấm bằng đồng của chiếc túi xách bằng da màu nâu sẫm có quai dài quàng qua vai.

Cô gái nhìn thẳng phía trước không hề chớp mắt theo dõi những dòng xe nườm nượp, chạy, rồi ngừng, rồi chạy, đều đều, ngắt quãng theo những tín hiệu xanh vàng đỏ của đèn lưu thông thay nhau cháy, tắt. Những dòng xe trôi liên miên bất tận đó trông chẳng khác gì những món hàng chế hóa đang trải qua các khâu sản xuất kế tiếp trên những bộ dây chuyền lắp ráp khổng lồ.

Sương đã tan đi nhiều, bầu trời không mây, trong sáng, hứa hẹn một ngày nắng tốt. Từ cuối đường một chiếc xe buýt không còn cần dùng đến đèn pha từ từ tiến tới, tốc độ giảm dần. Không chờ cho chiếc xe ngừng hẳn, cô gái đứng dậy, rời khỏi ghế, ngoảnh nhìn chiếc xe một lần chót rồi quay người đi theo men lề đường. Chiếc xe nhả xuống một vài hành khách xong rú máy chạy tiếp. Người con gái trở lui con đường cũ, băng ngang qua bãi đậu đã có lác đác mấy chiếc xe hơi. Siêu thị đã mở cửa. Cô gái lấy một chiếc xe đẩy, mắt nhìn thẳng đằng trước, đi nhanh vào hành lang gần nhất.

"Việc gì mà phải vội vàng như vậy. Mình có ăn cắp ăn trộm của ai đâu mà sợ. Này quả tim lộn xộn! Đứng yên một chút đi! Đừng có đập loạn lên như thế nữa!"

Khu chợ sáng trưng dưới hàng trăm bóng đèn nằm lẫn trong trần nhà, và ấm áp nhờ có hệ thống máy sưởi. Các quầy hàng ngăn nắp, đầy ắp, sạch bóng như lau như ly. Sàn nhà trải thảm nhựa kẻ ô vuông trắng ngà, láng lẩy. Người ra vào đông đầu nối đuôi nhau âm thầm như những cái bóng, không ai nhìn ai, không cười không nói, không có âm thanh nào khác ngoài tiếng sột soạt lựa hàng, tiếng động khe khẽ của chiếc xe đẩy, tiếng bước chân nhè nhẹ, tiếng kêu rè rè nho nhỏ của những máy tính tiền. Người ta dễ liên tưởng đến bầu không khí lặng lẽ của một thư viện, hoặc lạnh lùng của một bệnh viện.

Huyên, cô gái, đẩy xe đến hàng trái cây trước tiên. Mùi thơm trái chín hòa lẫn, nào chuối, cam, lê, nào táo, nho, dưa hấu, chất đầy

những hộc gỗ nằm trên nền nhà. Nàng chọn vài quả táo, cam cho vào bọc ni lông, để vào xe đẩy. Đến hàng rau quả, nàng lấy vài quả dưa leo, một trái bí đỏ, dăm củ cà rốt, củ cải tây cho vào xe. Bước thêm mấy bước nữa là đến những quầy bán đồ biển, nàng đứng ngập ngừng mấy phút rồi đẩy xe quay lui. "Mình để dành quầy này vào đợt chót vậy".

Huyên lại đến lựa mấy loại đồ hộp, đậu Hòa Lan, nấm, măng tây chất vào xe. Thuận tay nàng khiêng luôn hai thùng bia chai chuối vào ngăn dưới của xe đẩy. Và cứ thế, đi qua nhiều quầy hàng, lặng lẽ như chiếc bóng, đôi mắt không bắt gặp một đôi mắt nào, thỉnh thoảng thì thầm một mình, không nhếch môi, không thành tiếng. Chẳng mấy chốc chiếc xe đẩy đã đầy nhóc đủ các loại thức ăn, thức uống.

"Kìa, mình sắp trở lại quầy cá. Hay là thôi? Cá chợ Mỹ giống như cá kiểng, trông chả hấp dẫn chút nào. Chắc là lần khác mình phải trở lại chợ Việt Nam".

Huyên nhìn quanh quẩn một chốc rồi đẩy xe đến góc chợ bán các loại ngũ cốc như gạo, các thứ đậu... tương đối rộng rãi, dừng lại nơi đó không cản lối đi, trông theo dòng người qua lại tấp nập, rồi kéo tay áo lên nhìn đồng hồ ngẫm nghĩ, như đang có điều gì phân vân, hay đang muốn chờ một người nào. "Mà tại sao mình phải làm bộ như vậy. Mình dâm ra lẩm cẩm mất. có gì đâu mà cứ thụt tới thụt lui, lấm la lấm lét hoài vậy. Phải bỏ cái tật này đi".

Một chiếc xe đẩy bỗng dừng lại ngay sau lưng Huyên, hẳn là có người muốn mua vài món hàng dây. Huyên đẩy xe của mình nhích sâu vào góc tường nhường chỗ.

"Đúng là chợ Việt Nam vui hơn, nhất là ở khu bán cá. Những con cá bông lau uốn lượn trong lồng kiếng khoe cái sống lưng xanh, cái lườn trắng, những con cua chồng chất lên nhau sùi bọt nước, tôm hùm thì càng dài ngoằng, tay chân quờ quạng, mắt thô lố, những khúc cá tươi rói nằm rải trên lớp nước đá vụn, những con hến, con ngao, con hào. Lại có cả ốc. Ốc gì vậy? Ốc bươu, ốc hút, ốc gạo, ốc hương, ốc... tiên. Y như chợ cá trên bến sông. Xeo xéo phía đối diện, nào là khô cá thiều, khô cá trạch, cá thu mặn, mắm thu băm. Ở quầy xa hơn một chút lại có nhiều thứ khác, nước mắm cá cơm, nước mắm nhỉ, nước mắm Phú Quốc, rồi gà ác nhồi, chân vịt rút xương, rồi đậu

xanh cà, nước hột é, sương sáo lon. Và xa hơn nữa, xa thật xa... ven con hói, qua cái cầu gỗ bắc ngang con sông đào ăn thông với sơ Hương là đường đi đến chợ Nọ, ngôi chợ thật dễ thương ở làng ngoại của Quang. Chợ Nọ! Cái tên nghe ngổ ngộ. Rứa có chợ Tê không hả Quang?"

Cô gái kéo tay áo lên định nhìn đồng hồ, cau mày ra vẻ khó chịu, rồi đẩy chiếc xe rời góc chợ, quay trở lại những lối đã đi qua, cẩn thận lấy từng món hàng từ trong xe ra, đặt vào chỗ cũ trên các kệ hàng. Cứ thế, hết kệ này đến quầy khác, trong vòng không đầy nửa tiếng đồng hồ, chiếc xe đã trống trơn, chỉ còn lại một bao ni lông đựng mấy quả cam, vài trái táo. Nàng đến nối đuôi những người đang đứng sắp hàng trước cô thu ngân viên, và khoảng mười phút sau, đến phiên Huyên trả tiền. "Họ có theo dõi mình không đây? Nghe nói nhân viên bảo vệ ở chợ Mỹ ẩu lắm, có biết quan sát gì đâu mà mình sợ. Nhưng mình tới chợ này như thế là... ba lần rồi. Lần sau đi chợ khác vậy".

Trả tiền xong, Huyên đưa bàn tay hất ngược mấy lọn tóc che bên má, và bước nhanh ra khỏi chợ, vai đeo lủng lẳng cái túi da, tay xách bịch ni lông đựng mấy trái cây. Đứng trước cửa chợ lưỡng lự mấy phút, nàng bèn rẽ qua phải, không đến trạm xe buýt để trở về nhà mà men theo lề đường đi thẳng. Chưa hết buổi sáng trời nắng tốt tuy vẫn lạnh khi có gió, Huyên thong thả đi mải miết, dáng cao cao, dịu dàng, bước đi nhẹ nhàng, yểu điệu. Sau gần một giờ, nàng đến trước một công viên, ngập ngừng một chút, rồi rẽ vào.

*

Huyên là con gái út trong một gia đình gồm bà mẹ, một anh, một chị và Huyên. Người cha đã chết trong trại tù cải tạo của Cộng sản, người anh vượt biên, định cư ở Mỹ cách đây hơn mười năm, và Huyên cũng được đi Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình do anh của Huyên bảo lãnh. Mẹ Huyên không chịu rời bỏ quê hương, ở lại với người chị của Huyên đã có chồng con. Sống với gia đình ông anh hơn nửa năm, Huyên dọn đến ở chung với người bạn gái cùng làm việc tại một hãng điện tử. Gọi là bạn nhưng mỗi người có lối sống riêng của mình, không giống nhau một chút nào, ở chung chẳng qua để giảm bớt tiền thuê phòng.

Thỉnh thoảng Huyên đến thăm gia đình người anh. Những cuộc

thăm viếng thưa dần, không phải vì Huyên lười hoặc không có thì giờ, cũng không phải vì ông anh lạnh nhạt, ít nói, hai đứa cháu không hề chào hỏi cô, mà vì người chị dâu. Huyên không muốn chị dâu phải gượng gạo đóng vai người tử tế. Những cử chỉ ngượng ngập, những nụ cười khô khan, những cái nhìn lãnh đạm, những câu chào hỏi khách sáo, chiếu lệ, khiến cho Huyên càng ngày càng thấy ngại. Nhiều lần cuối tuần không biết đi đâu, không biết làm gì cho hết ngày, Huyên đáp hai chuyến xe buýt, rồi đi bộ qua mấy đỗi đường để đến nhà ông anh nằm sâu trong một cư xá sang trọng. Khi đến nơi, Huyên mới biết mình không đủ can đảm để vào thăm, đứng tần ngần trước cái cổng sắt đóng kín, lẩm nhẩm ôn đi ôn lại mãi mấy mã số điện tử dùng để đóng cổng mở cổng tự động mà nàng đã thuộc lòng từ lâu. Nàng không dám bấm số. Nàng lại đi quanh quẩn một hồi, có khi kéo dài hàng giờ, trước khi trở lại trạm xe buýt để trở về phòng trọ.

Huyên sợ những ngày cuối tuần. Một mình trong căn phòng vắng, hết nằm lại ngồi, hết đọc những tờ báo biếu dày cộm đầy đặc quảng cáo do người bạn gái mang về, đến vặn đủ các băng tần TV xem đủ các chương trình mà không thể hiểu được các chương trình đó nói gì. Để tự trấn an, Huyên thầm nhủ rằng có người áp dụng được phương pháp học tiếng Anh lúc đang ngủ, huống hồ mình ngồi thức xem TV. Thế nào cũng có ngày đầu óc mình sẽ tỏa ra và hiểu được cái ngôn ngữ phức tạp này.

Người bạn gái của Huyên, trái lại, mỗi cuối tuần là một chuyến đi du lịch gần hoặc xa với mấy nhóm bạn cùng trang lứa, hoặc đi mua sắm, ca hát, khiêu vũ, phòng trà, tiệc tùng. Huyên không thể gia nhập vào những nhóm đó, hay nói cho đúng hơn, mang sẵn một số mặc cảm và lòng tự ái, Huyên từ khước mọi sự giao tiếp.

Cuối cùng Huyên tìm ra được một cách giải quyết cho nỗi cô đơn của mình: đi chợ. Đi đến các chợ nối đuôi theo những dòng người đông đảo xem người ta mua bán, hoặc có khi đóng cả vai người đi mua, cũng lấy xe đẩy, cũng chăm chú lựa hàng cho vào xe, rồi đem trả lại tất cả. Thật ra lâu lâu Huyên cũng có đi chợ thật một lần, và cũng chỉ mua vài món cần thiết cho vào một túi xách nhỏ là đủ - giả dụ có muốn mua nhiều cũng không có xe hơi chở về nhà. Trước khi nghĩ ra giải pháp đi chợ, nàng đã thử đi đến các trung tâm mua sắm,

các cửa tiệm sang trọng, lộng lẫy, nhưng không có tiền để mua dù một món đồ nhỏ nhặt nào, và cũng không dám làm bộ chọn lựa bất cứ mặt hàng nào.

*

Công viên buổi trưa vắng teo. Huyên đứng nhìn quanh một chốc rồi chọn một chiếc ghế dài ngồi xuống, chiếc ghế dài đóng liền vào cái bàn gỗ nằm dưới tàn cây cổ thụ gần con đường nhỏ tráng xi măng dành cho người đi bộ. Cạnh con đường nhỏ đó là con đường nhựa một chiều xe cộ chạy liên tục.

"Ngồi đây không được yên tĩnh, nhưng trong kia lỡ gặp những tên phải gió biết kêu ai. Mình ngồi nghỉ chân một chút rồi đi... đi đâu nhỉ? Phải chi có Quang mình đỡ lọng cọng. Em đang nhớ anh đó. Em không "gọi thầm anh suốt cả ngày" nhưng em đang nhớ anh. Nhớ những lần đi bên nhau, những lần anh dèo em trên chiếc Vespa 'Nghỉ Hè La Mã', và ngay giờ phút này em nhớ những lần đi chợ quá!

– Đi thăm vùng nào, đi đến làng nào, em cũng bắt anh ghé chợ. Mà có thấy em mua gì đâu. Lần sau nhất định không ghé chợ nữa nghe cưng.

– Em cũng có mua đó chớ. Thấy cái gì hay hay thì mua, không thì thôi. Nhưng cần gì mua, tới chợ là vui rồi, anh không thấy vậy sao?

Em biết anh phản đối chiếu lệ thôi. Em muốn gì trước sau rồi anh cũng chiều em.

Đi chợ với anh em thấy yên tâm hơn là đi những nơi khác, chính anh cũng tìm thấy sự yên ổn. Đã bao lần em kín đáo quan sát anh thộn mặt đứng nhìn những con vịt mặt mày tươi tắn hồn nhiên, cặp mắt vô tư trong sáng, âu yếm rỉa lông cho nhau, những con gà trống khệnh khạng dù bị nhốt trong giỏ cần xé cũng cứ ra vẻ ta đây, những con gà mái tơ óng ả duyên dáng như cô dâu mới về nhà chồng; hoặc ngắm nghía cô gái quê ngồi trên cái "đòn" thấp chủn trước nồi bún bò giò heo bốc khói thơm phức, một tay cầm chiếc dĩa "trui" cời than hồng, một tay phe phẩy chiếc nón lá vừa duổi ruồi, vừa quạt lửa, vừa quạt cho khô đi những giọt mồ hôi đọng trên trán, trên gò má đỏ ửng vì hơi lửa; hoặc dõi theo bà già tóc bạc răng đen, đã mất đi mấy chiếc răng cửa, nhai trầu bỏm bẻm, tươi cười đáp lại hàng

trăm câu chào hỏi - hình như bà cụ quen biết tất cả mọi người đi chợ - rồi lui cui khom mình lựa mấy ngọn trầu xanh, mấy nhánh cau tươi bày trong những chiếc rổ mây nằm trên mặt đất, rồi đặt những thứ đó thật gọn gàng vào chiếc rổ đi chợ nách bên hông đựng lèo tèo vài lát thịt mỡ gói trong lá chuối, dăm con cá bống đao nằm thở dốc, gói giá, gói đậu đũa, mấy cục đường đen, mấy tấm kẹo đậu phụng - hẳn Quang đang nghĩ đến bữa ăn tối nhà quê thanh đạm mà ấm cúng; hoặc đưa tay bẹo má đứa bé con đang níu áo mẹ để khỏi bị lạc mà tay kia vẫn không ngừng xoắn xoắn cái 'lùng tung' phát lên những tiếng tom tom như tiếng trống cơm tí hon, miệng cười sung sướng, mắt sáng rỡ; hoặc chăm chú nghe trộm những câu thăm hỏi tíu tít, nào chuyện nhà cửa chồng con, chuyện nương cau rẫy sắn, chuyện giỗ Tết kỵ chạp, chuyện mấy ổ gà mẹ đẻ sây, cặp heo giống sắp 'chịu đực'.

Em cũng thích nhìn anh loay hoay đi giữa những thúng gạo, nếp, đậu, mè vun lên có ngọn, những mớ khoai sắn, bí, bầu, mướp nằm la liệt trên mặt đất choán cả lối đi. Rồi những gánh đậu hũ, gánh chè, hột vịt lộn bao vây lấy anh. Rồi anh đi lạc vào khu bán cá trên bến sông, các sạp cá đủ loại, cá đồng, cá sông, cá nước lợ, cá biển, tôm, cua, ghẹ, rùa, ba ba, trứng vít... Mùi ai ải, tanh tanh, anh bảo là đậm đà, nồng nàn, những quả trứng vít trắng bạch và tròn vo em hỏi cái gì đó, anh cười thích thú bảo là những quả bóng bàn - bóng bàn bán ở chợ cá rẻ hơn trong các tiệm sách, các tiệp tạp hóa nhiều.

Anh có biết không, những lần đi chợ với em như thế trông anh thật là giản dị, gần gũi, và dễ mến. Cái tiếng dồn anh chàng Quang giống như ông già gắt gỏng, khó tính, không còn dính chút nào nữa. Anh cũng không mang cái dáng điệu thiểu não mà thỉnh thoảng em bắt gặp, mà anh có sực nhớ để trấn tĩnh cũng không thoát khỏi cặp mắt cú vọ của em - trông anh như một người hoàn toàn xa lạ, ngơ ngác, lủi thủi, và hiu hắt như chiếc bóng. Lại có lúc anh ngang ngạnh, gàn bướng như... như gì nhỉ, thấy mà muốn ghét.

Em đã gồng mình nói lên hết tất cả những ý nghĩ đó cho anh nghe, chỉ sợ anh nổi sân si không chịu đi chợ với em nữa, nhưng may quá, nghe xong, anh cười khoái trá. Cái thích thú của anh có vẻ thật chứ không phải là cái bộ mặt nguỵ trang dùng để đánh lừa em. Anh chế nhạo rằng em quá lãng mạn và giàu tưởng tượng, rằng em cũng

có khi loạng quạng trông gà hóa cuốc, rằng anh luôn luôn là con người thật ngon lành, thật dễ mến ở bất cứ hoàn cảnh nào, nơi nào, dù là ở một nơi chả thơ mộng gì như cái chợ chẳng hạn, rằng không những thế anh còn là người đáng yêu, vì nếu không, dễ gì được em yêu.

Nhưng mà em có yêu anh không? Và tình yêu là gì? Là những chuyến đi chơi với nhau, những lo âu, bực bội, những cảm giác hụt hẫng, thiếu thốn, những lôi cuốn bỡ ngỡ, những phát hiện tình cờ? Hay chỉ là những thói quen trói buộc? Em chưa biết tình yêu là gì. Hay có lẽ vì em không yêu anh, thấy anh là lạ em muốn tò mò tìm hiểu? Anh khác những người bạn trai của em quá. Hùng, cái tên nghe oai, nhưng e lệ, dịu dàng như con gái, Tiến thì "điệu", "Kim Sanh", Trọng chi ly, tỉ mỉ, Quý ăn nói dại ngôn và rỗng, Thạch trí trá khó lường, Hạnh an phận thủ thường... mỗi người một vẻ.

Còn Quang của em? Em chưa hiểu anh, chỉ thích đi chơi với anh, và nghe anh nói chuyện này chuyện nọ. Nghĩa là anh có một sức thu hút nào đó, nhưng bên anh, em vẫn thường có cảm giác phập phồng, bất an. Cái hôn đột ngột đầu tiên của anh khiến cho em cảm thấy bị tổn thương, đồng thời nó lại chẳng khác gì cái khuôn dấu đóng vào tờ giấy trắng, nó dính mãi vào em, xui cho mấy ngón tay của em cứ mân mê vào chỗ anh hôn để nghe thêm những xốn xang. Cái cảm giác ấy kéo dài có khi suốt cả ngày, sáng hôm sau ngủ dậy mới thấy nó phai bớt đi. Và cảm thấy có một cái gì mất mát. Đúng vậy, ở bên anh em vẫn lo sợ vẩn vơ, chỉ khi nào đi vào chợ em mới thấy có sự yên ổn nơi anh, và nhờ đó em yên tâm.

Nhưng anh cứ bảo anh ghét chợ lắm, đi chợ chẳng qua là vì chiều em. Còn anh, anh có biết bao nhiêu nơi cần đặt chân tới. Chẳng hạn biển. Anh nói anh mê biển. Có một lần anh nói anh đang bốc dây, rằng anh đang tập làm văn để đọc cho em nghe... rằng khi mấy trái ổi sẻ trên cây ổi sau vườn bắt đầu chín hườm có vết chim mổ, khi hoa phượng đầu tiên trổ màu đỏ báo hiệu những sân trường sắp rực lửa, khi con ve đầu tiên sửa soạn bắt nhịp cho điệu hát vang lừng sắp trỗi lên khắp phố phường, khi hàng vạn cánh sen hồ Tịnh Tâm chuẩn bị nhả hương quyện lấy không trung, và đặc biệt là khi em của anh đi lục lại chiếc áo dài bằng lụa tơ tằm mỏng dính đã cất kỹ mấy mùa để ướm thử vào người, thì cũng là lúc anh bắt đầu bồn

chồn nhớ biển. Anh nhìn em bằng đôi mắt bắt đầu thay đổi màu trong ánh nắng đậm dần, từ màu đen qua màu nâu sẫm, rồi nâu nhạt, và khi nó điều tiết đến vô cực là lúc anh hết thấy em. Biển hiện lên mắt anh.

Rồi chúng mình là những người đi Thuận An sớm nhất. Bãi biển còn ngổn ngang rong rêu, dã tràng còn tha hồ chạy ngược chạy xuôi xe cát, sóng biển còn sốt ruột gầm gừ kêu gọi, những quán lá còn uể oải chưa chịu mở rộng cửa đón mùa hè đang ngấp nghé dưới chân mây.

Anh đi từng bước rón rén xuống làn nước còn lạnh, rồi nhoài người bơi ra khơi. Sóng bạc đầu gần bờ ôm lấy anh kéo anh đi xa dần xa dần cho đến khi anh chỉ còn là một chấm đen giữa màu xanh biếc mênh mông. Biển đang nuốt chửng anh. Em ngồi một mình trên bãi cát với tấm trải, cái dù, đống áo quần, giày, nón, ống vố, đồng hồ, những thứ lỉnh kỉnh đó là tất cả những gì của anh còn lại bên em. Em đâm hoảng. Lỡ đuối sức? Lỡ vọp bẻ? Lỡ cá mập? Em đứng lên vẫy vẫy và gào tên anh mà anh đâu biết. Làm sao anh nghe được tiếng em gọi lẫn trong tiếng gió chạy dài trên bãi vắng, tiếng reo vi vu của hàng thùy dương dằng sau lưng, và tiếng sóng vỗ rào rào trước mặt. Em lạnh cả người.

Cuối cùng ngoài khơi mờ mờ hiện lên một chấm đen nhỏ, và lớn dần. Ô! Anh đang bơi ngược vào bờ! Sóng giạt anh đi xa, anh ngơ ngác tìm chỗ em ngồi. Em đứng nhón chân đưa hai tay lên trời cho anh dễ thấy, và lúc anh đến gần, trông anh hốc hác, phờ phạc như người chết đuối vừa được vớt lên.

– Em lo quá. Anh đừng bơi xa như rứa nữa.

– Nhưng anh thích bơi xa.

– Tại sao?

– Tại anh thích.

– Em biết rồi. Tại anh muốn làm "le" với em chứ gì. Anh là số một, khỏi lo.

– Anh phải lo xa chớ. Em của anh đẹp quá mà. Đã có người tính chuyện giằng lấy em ra khỏi tay anh, phải không em?

– Nói rứa mà nghe được. Ngang như cua.

– Em giận anh sao? Thôi thì anh nói thiệt vậy. Anh tập bơi xa

để sau này lỡ ghe chìm giữa biển, anh có thể sống sót đi qua Mỹ kiếm em. Em đi máy bay đâu có ngán biển.

Em biết anh nói cho qua chuyện, nói vậy mà không phải vậy. Đứng trước biển anh biến thành người khác, một người khùng. Những lần sau, chứng nào vẫn tật nấy, anh bơi mải miết như bị ma đuổi. Hay là anh muốn hành hạ người anh yêu, anh muốn gây kinh hoàng nơi em? Và quả là em sợ, không phải sợ cho em mà sợ cho anh, nghĩa là nói quanh co cho có chuyện chứ thật ra anh đã đạt mục đích của anh. Vâng, em sợ. Thế nào cũng có ngày anh về chầu thủy thần. Anh sẽ là một người bình thường, anh sẽ quên đi được những ám ảnh kỳ cục của anh khi anh cùng em đi đến những ngôi chợ miền quê, những ngôi chợ đạt dào sức sống, bàng bạc hình ảnh đơn sơ mà thấm thiết của quê hương đất nước lâu đời.

Chuyến vượt biển của anh ra làm sao mà mãi em không được tin tức gì cả. Có lẽ không sao đâu. Có người mất tích cả năm trời bỗng tin mừng đến dồn dập. Lo sợ làm chi cho lắm. Nhưng mà, kìa, em đang gặp chuyện đáng sợ đây. Có hai tên áo quần lếch thếch, râu ria tua tủa, mặt mày hung dữ, cứ đảo lui đảo tới nơi này, nhìn em chằm chằm một cách hỗn láo. Mà cũng lỗi tại em, công viên dân phải chỗ cho một người con gái ngồi một mình. Em đi chỗ khác vậy, chờ chúng nó đi xa xa một chút là em rời nơi này. Hình như chúng nó đi thẳng cẳng, không thấy trở lui nữa. Em đi đâu hả anh?

Hình như đất Mỹ không cho phép mình dừng chân lại nghỉ ngơi. Hay là vì mình còn mới quá, chưa quen lối sống nơi đây. Hay là vì vùng này khó khăn quá. Máy móc, lạnh lùng. Không có những con đường cho mình đi tản bộ ngắm phố phường, không có những quán nhỏ ấm cúng, thân mật, cho mình ghé lại thủng thẳng ăn một cốc cà rem, uống một ly trà nóng, ngồi đọc dăm ba trang sách. Không có cả tiếng cười, tiếng nói, tiếng guốc tiếng giày nện trên đường nắng, tiếng mưa rơi sầm sập trên mái ngói, mái tôn, hoặc tiếng rao quà, tiếng kêu, tiếng gọi. Có chăng là tiếng xe chạy rì rầm mãi không thôi, thỉnh thoảng điểm vào tiếng súng nổ lác đác tiếp theo là tiếng còi thét lên kinh khủng của xe cảnh sát hay xe chữa lửa. Anh thấy không, em biết đi đâu cho hết ngày?

Phải chi có anh ở đây với em để cùng nhau ôn chuyện cũ. Nói cho đúng ra, em mới là người trân trọng kỷ niệm của hai đứa, còn

anh thì có để ý gì đâu. Rồi anh kể mọi chuyện cho em nghe, tất cả những gì xảy ra ở đất nước kể từ ngày em đi, dù là chuyện nhỏ nhặt nhất em cũng muốn nghe, rồi chuyện anh vượt biển trên chiếc ghe thật nhỏ trên cái biển thật lớn, rồi đáp vào một hòn đảo, hay được một tàu buôn ngoại quốc đến cứu, hay gặp hải tặc. Đó là những chuyện mới. Anh còn biết bao nhiêu chuyện cũ. Anh bảo cái đầu của anh là cái thùng rác to tướng chứa đầy chuyện tào lao, nghe qua rồi bỏ.

Ngày xưa, hai chữ ngày xưa nghe buồn ghê, ngồi bên nhau trên tảng đá to và phẳng đó, cái tảng đá mà mỗi lần mình trở lại là đã có lá thông khô phủ kín anh phải vơ mấy nắm cây tràm mọc dầy sườn đồi làm chổi quét quét cho em ngồi, ngay dưới gốc thông già trên đường từ đầu Nam Giao qua lăng Tự Đức, cùng nhìn về phía thung lũng đổ thoai thoải xuống khu rừng cây cối um tùm thấp thoáng mái ngói nâu sẫm của chùa Tây Thiên, em lắng nghe anh nói.

– Em đã đi đò ngược dòng sông Hương lên điện Hòn Chén rồi chớ? Ở đó có con ma tóc dài, những đêm trăng sáng, hiện lên khóc than chồng con bị chôn sống ở chân núi Bảng Lảng trong vụ Tết Mậu Thân. Tóc xõa dài đến nỗi đứng trên chiếc ghế đẩu mà tóc còn chấm đất. Cứ khóc cho lắm là tóc nó dài ra mãi! Nhưng bến đò này thì chắc em chưa qua, bến đò Ca Cút ở vùng mộ trên đường đi đến các làng Triều Sơn, Nam Thanh, Vân Cù. Anh không nhớ rõ, chắc là bến đò ấy nằm trên nhánh sông nhỏ ăn thông với sông Bồ. Em biết không, con sông nhỏ đó không có cầu bắc ngang, chỉ có một con đò đưa khách. Lỡ khi khách đến mà đò nằm bên kia sông, thì khách cứ đứng bên này réo. Nhưng khi nào có bầy chim từ quy không biết ở đâu về mà không chịu bay qua sông, bắt chước khách đứng bên này sông réo gọi: "Bớ đò Ca Cút, tóc dài tóc cụt..." thì đó là điềm nước mất nhà tan. Lại còn có chuyện cái thành Lồi nữa. Dãy thành bằng đất này nằm vắt ngang qua những ngọn đồi thấp sau vùng Nam Giao, Thiên Tuế, gặp những đêm mưa to gió lớn, sấm chớp chằng chịt, là bò đi quần quại như con rắn khổng lồ để xua đuổi đoàn quân Chiêm chạy mãi về phía Nam. Lẽ dĩ nhiên đó là đoàn quân mất đầu lâu lâu quay lại mong khôi phục đất cũ. Và còn chuyện này mới thương tâm. Hồi tháng Hai năm 75, một em bé gái

mười bốn tuổi chở một bà cụ già gần tám mươi, trên xe lam ba bánh vượt đèo Hải Vân qua vùng Liêu Chiểu đi tìm...

– Thôi anh! Thôi anh! Kể chuyện khác đi anh.

Nhiều lúc đang vui câu chuyện, Quang khựng lại, mặt mày thẫn thờ, đôi mắt lạc lõng. Anh có biết rằng anh có đôi mắt lộn xộn lắm không? Chắc là anh chợt nghĩ đến một kỷ niệm nào đó với một cô nàng nào đó chứ gì? Trước khi quen em, hẳn anh đã có mấy mối tình đầu rồi chứ gì? Không, không, đó không phải là con mắt xao động vì chuyện tình dù lâm ly bi đát đến mấy đi nữa, mà là ánh mắt chết. Sao vậy anh? Hay đó là điềm báo trước anh sẽ không bao giờ gặp lại em, anh sẽ chết trong chiếc thuyền rách nát trên đại dương mênh mông? Anh không bơi mãi được đâu! Em sợ quá. Em nghĩ bậy, xin lỗi anh, anh không chết đâu anh. Chắc tổ tiên của anh là người Hời vong quốc mà vết tích còn sót lại nơi anh là cặp mắt u uẩn. Ô, mà cần gì phải là dân Chàm, anh với em, và biết bao nhiêu người khác nữa, đã là kẻ mất nước rồi.

– Nào, bây giờ em thích nghe chuyện thơ và mộng chứ gì. Huế đầy dẫy thơ và mộng và "non xanh, nước biếc, điện ngọc, đền rồng" như trong một bài ca cổ, cần gì anh phải nói thêm. Nhất là từ ngày đó, cái ngày anh không muốn nhớ đến, nhắc đến. Những lúc bất chợt nghĩ đến lá cờ đỏ nhảy múa trên kỳ đài, trơ khất trông chẳng giống ai, chẳng ăn nhập đâu vào đâu, anh bỗng thấy bị dội ngược như có ai tạt vào mặt gáo nước lạnh. Rồi anh cũng dần ra trơ khất trông chẳng giống ai. Em muốn anh kể chuyện khác? Còn chuyện gì để nói đây? Thôi khất em lần khác, bây giờ hết chuyện nói. Mà hết chuyện thì hãy đứng dậy đi. Đi đâu? Đi vô đi ra, thằng cha khỉ này! Có lẽ em nói đúng, có đi thì hãy đi chợ với em là tốt hơn cả".

*

Nắng trong công viên bỗng rực sáng, cơn nắng Cali đang trải vàng lên từng vỏ cây, từng ngọn lá ngọn cỏ, tràn ngập con đường xi măng, con đường nhựa, và đổ xuống mặt bàn, đổ lên mái tóc của cô gái. Vài ba con chim cánh đen trông giống như chim sáo bay sà đến đậu gần chỗ Huyên ngồi, ngoảnh đầu nhìn tò mò. Cơn gió nhẹ buổi trưa thổi lao xao trong các lùm cây, vài chiếc lá vàng rụng.

"Mùa đông ở đây không lạnh như mình tưởng. Rồi mùa đông lạnh qua đi, mùa xuân sẽ đến. Và Tết. Ở đây có Tết ta không nhỉ?

Hay nói như Quang, có Tết Công Gô? Nhớ hôm mình ra đi, Quang cười cười bảo mình sẽ gặp lại nhau vào dịp Tết Công Gô.

– Sao anh lại nghĩ vậy? Anh bảo em hôm nay lên máy bay thì ngày mai anh xuống ghe. 'Em lên trời, anh xuống biển' như anh thường nói đùa. Biết đâu sau mấy tháng anh em mình sẽ gặp nhau tại Mỹ.

– Cứ cho là vậy đi. Rồi lúc ấy em sẽ ra làm sao đây? Thật ra anh không lo ngại cho em đâu. Đất Mỹ ưu đãi phái đẹp hơn phái mạnh, mà em là người đẹp của phái đẹp, lo gì. Em lại có bản sắc vững vàng, đường tương lai ắt hanh thông. Cứ tin ông thầy bói này đi. Ô, sao mà anh cứ nói toàn chuyện trật chìa, chả ra làm sao cả. Đáng lẽ phải có nước mắt thật nơi em, nụ cười giả nơi anh, mình sắp xa nhau rồi. Dù sao những năm tháng bên nhau cũng thú vị đó chớ. Thế là tốt. Bây giờ coi như vĩnh biệt, không nên hối tiếc điều gì nữa. Mọi chuyện đều ở ngoài tầm tay của anh, tiếc làm chi. Nhớ lời anh nhé, khi đặt chân lên máy bay, em sẽ quên anh ngay. Sau này nếu tình cờ giun giủi mình gặp được nhau trên đất Mỹ, ồ, có chuyện đó không, mình thử làm quen lại nhau, tìm hiểu nhau, xem có chịu được nhau không. Anh nói dài dòng như thế là vì anh muốn em hoàn toàn tự do...

– Thôi! Anh đừng nói nữa! Em sẽ quên anh!

Nhưng mình đâu quên Quang được. Nếu tình yêu là thương nhớ, là giữ gìn kỷ niệm của nhau thì quả là mình yêu rồi. Kỳ cục, xa nhau mình mới khám phá ra rằng mình đã cần Quang. Có điều anh sống bên này liệu anh tìm được sự yên ổn cho anh không? Cầu trời cho anh không gặp tai nạn. Cầu trời cho anh được đến nơi đến chốn. Nhưng lỡ anh không còn nữa thì sao? Em đã chờ anh nhiều tháng rồi, sống lẻ loi, không bạn không bè, không thú vui, khép kín như con cú. Em sẽ chờ anh thêm. Em sẽ không nghe lời nhỏ bạn cùng phòng bảo em đi làm vũ nữ: "Bồ có sắc đẹp là lạ, vẻ đẹp Á châu, Đông phương gì gì đó. A, tìm ra chữ rồi, vẻ đẹp 'phương xa'. Làm vũ nữ ở các tiệm nhảy Mỹ thì tha hồ ăn khách, hốt bạc". Em cũng không ngả vào lòng anh chàng láng giềng người Mễ cứ ga gẫm làm quen, hay anh chàng Mỹ tóc vàng, lông mày vàng ở ngay trước mặt, nhìn em mê mệt.

Em cô đơn quá. Em chờ anh thêm một thời gian rồi em ghi danh

đi học thêm, vừa học vừa làm, ở hoàn cảnh của em, chỉ có học hành mới là cái chìa khóa giúp mở vài cánh cửa. Lúc đó em sẽ có bạn học, có bạn trai nữa, nghe anh.

Bây giờ còn sớm quá, khoan về nhà đã. Đi chợ Đại Hàn vậy. Nghe nói ở Garden Grove bán rau quả, cá biển rẻ lắm. Làm sao đi tới đó đây. Tấm bản đồ rách bươm này khó coi quá. Ồ... ồ, từ Bolsa đáp xe 64 chuyển qua xe 33 rồi qua xe 56. Tốn có một đồng xe buýt mà được mua đồ rẻ. Lại lẩn thẩn như mụ điên! Muốn đi thì cứ đi, có định mua gì đâu mà cũng bày đặt rẻ với đắt".

Ngụ Thuyết

NGUYỄN NGUYÊN PHƯƠNG

kỷ niệm

Thành phố vắng tanh
im lặng
Anh chỉ có những kỷ niệm
với em
Để qua một mùa lạnh
Những nụ hôn trong vườn khuya
Ngày nào ta sẽ mang theo
Trong hành trang
Qua đại dương.
Như những người sắp lên sân ga
Anh xếp lại hành trang
Của những kẻ nghèo
Chiếc túi xách nhẹ nhàng
Anh bỏ thêm chiếc tổ kén
Tình yêu em
Ngày mai hóa thân
Vàng bướm
Bay trong rừng cây
Róc rách suối
ở cuối trời biển xa.

SONG THAO

đong đưa cuộc tình

1.

Cuối cùng tôi cũng lấy được Hà. Ngày cưới tôi như người mộng du. Tôi ôm trong người niềm hạnh phúc quá bề bộn. Hà như một ngôi sao lấp lánh trên bầu trời và tôi như một đứa trẻ nhiều mộng mơ đã bất thần giơ tay nắm bắt được vật trân quý đó. Tiếng pháo nổ, tiếng người cười nói, những lời chúc mừng, tiếng ly tách chén đĩa rổn rảng chung quanh nghe lãng đãng mơ hồ. Chỉ có niềm vui trong tôi hiển hiện rõ ràng. Tôi đã cưới được người tôi yêu thương nhất đời.

Đêm tân hôn khi chỉ còn tôi và Hà trong căn phòng cưới toàn một màu hồng ấm cúng tôi vụng về luống cuống chẳng biết phải làm gì. Hà ngồi co người trong một góc giường, mặt buồn rầu, hai tay vân vê tà áo cưới trắng toát, đầu cúi gằm xuống, mắt nhìn chăm chăm xuống tấm khăn trải giường màu hồng nhạt. Tôi cố gắng lấy vẻ tự nhiên tới vuốt mái tóc bới cao của nàng. Mái tóc của cô dâu trong ngày cưới. Thường ngày tóc Hà bỏ xõa xuống ngang lưng, mềm mại, thơm tho, mát dịu. Hà hất tay tôi ra. Mạnh mẽ và cương quyết. Tôi càng thêm bối rối. Tôi bước ra phía cửa sổ nhìn ra ngoài đường. Trời mưa rả rích. Một chiếc xích lô dạp với người phu xe đầu đội chiếc mũ rộng vành, người khoác một tấm vải nhựa của quân đội cũ kỹ nhàu nát đang lặng lẽ lướt qua. Ánh đèn đường vàng vọt yếu đuối soi bóng xuống con đường ướt át. Tôi hỏi thầm trong bụng. Mình đang là chú rể mới cưới trong đêm tân hôn dây sao? Tôi quay nhìn vào chiếc giường hợp cẩn. Hà vẫn ngồi yên bất động. Như một bức tượng lạnh ngắt. Tôi mạnh dạn lên tiếng bảo Hà vào phòng tắm trước đi. Rồi tôi qua đứng ở một chiếc cửa sổ khác. Cây đu đủ trong

vườn nhà bên cạnh co mình hứng những hạt nước mưa rả rích. Tôi nhìn thấy dáng Hà nơi cây đu đủ tội nghiệp đó. Tôi quay lại giục Hà vào phòng tắm. Lần này Hà đứng dậy mở va li lấy quần áo ngủ. Tôi thấy tất cả miễn cưỡng trong dáng đi của Hà. Cửa phòng tắm đóng lại gây một tiếng động khô khan. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tình thế đã nhúc nhích. Nếu Hà cứ bướng bỉnh ngồi yên trên giường tôi không biết sẽ phải làm sao. Con gái Việt Nam lạ thật. Cứ như một khối pha lê dễ vỡ. Tôi tự nhủ sẽ phải rất nhẹ tay. Tôi thấy mình hạnh phúc. Thật hạnh phúc.

Ánh đèn sáng trắng từ trong nhà tắm đổ ra giữa sàn nhà khi Hà mở cửa bước ra. Trước mắt tôi là một Hà tươi mát nhỏ nhắn như một con mèo trắng muốt mềm mại. Tôi ngây ngất nhìn với trái tim nhảy cuống quít trong lồng ngực. Vợ tôi. Bây giờ tôi mới cảm được hình ảnh thân thương của một người vợ. Tôi nhào tới ôm lấy Hà. Nàng khéo léo trườn khỏi tay tôi. Mái tóc đen nhánh rũ xuống lướt ngang mặt tôi bay thẳng tới giường. Rồi cả người Hà rung lên với những tiếng khóc tức tưởi bị chiếc đầu gối của Hà ngồi co lên chặn lại. Tôi đứng như trời trồng. Phải làm sao bây giờ? Tôi lại tự nhủ. Phải hết sức từ tốn. Thật là một cố gắng vất vả nơi một con người năng động như tôi. Tôi bỏ vào phòng tắm. Tôi chậm chạp trong mọi cử động cố gắng kéo dài thời gian để chờ cho Hà qua cơn xúc động. Lúc tôi trở ra Hà vẫn ngồi trên giường mặt đẫm nước mắt. Tôi nhẹ tay quệt những giọt nước mắt trên má nàng. Hà để yên. Tôi vuốt ve đôi môi nàng. Hà nhẹ nhàng kéo tay tôi ra. Tôi bảo nàng nằm xuống ngủ. Nàng ngoan ngoãn nghe theo. Đôi mắt nàng bất động nhìn tôi. Nửa như sợ hãi nửa như đề phòng. Tôi đã nhìn thấy ánh mắt thất thần này nơi những con thú sắp bị làm thịt nơi quán thịt rừng. Ông bạn chắc có nhậu tại quán thịt rừng ở Biên Hòa rồi chứ? Tôi có tới đó nhiều lần với mấy tên bạn Việt Nam. Những thú rừng nhốt trong chuồng bị khách nhậu chỉ tay chọn lựa đều có ánh mắt thất thần đến lạnh người. Hà của tôi cũng thất thần tội nghiệp như vậy. Tôi cởi chiếc áo choàng tắm khoác trên người ra để leo lên giường ngủ. Hà run lên khi thấy thân thể tôi. Nàng nhắm mắt, úp mặt xuống gối, hai tay kẹp chặt vào dùi, hai chân co lên, hai bàn chân bám chặt vào nhau. Tôi lại tự nhủ. Đây là vợ mày, John ạ! Ba ngày sau tôi mới biết Hà còn thanh tân.

Tôi kể cho ông bạn nghe tỉ mỉ như vậy vì đó là những ngày đẹp nhất đời tôi. Chẳng có cách gì làm tôi quên được. Bây giờ ông bạn đang ở Mỹ chắc ông bạn mới cảm thông được nỗi sung sướng của tôi. Làm sao mà tôi có thể cưới được một người vợ trinh trắng như vậy ở xứ sở này. Hồi còn đi học tôi thiếu gì bạn gái. Mà con gái ở bên này mình chưa mở miệng dụ chúng lên giường chúng đã leo tót lên trước mình rồi. Tôi có thể tự đặt mình vào loại khá đẹp trai, ăn nói hoạt bát duyên dáng, lại thêm chút tài vặt vẽ chân dung rất tới. Làm gì mà con gái không mê. Cứ đưa về nhà vẽ chân dung là xong tuốt.

Cuộc sống ở bên này, như ông bạn thấy đó, đầy đủ và dễ dãi quá nên dễ làm cho người ta nhàm chán. Tôi học xong trung học tự nhiên đâm lười, đi làm qua quít, ăn chơi thả dàn. Đủ mùi, đủ mục, đủ loại bổ bịch. Lúc đó cuộc chiến Việt Nam đang hồi khốc liệt, số quân Mỹ tham chiến càng ngày càng tăng. Tôi chán ăn chơi, chán cả cuộc sống đều đặn buồn nản, lại thêm máu phiêu lưu nổi lên, tôi tình nguyện đi lính rồi tình nguyện qua Việt Nam. Mấy đứa bạn trời đánh của tôi chửi tôi biết mấy. Giữa lúc chúng nó biểu tình phản chiến, trốn quân dịch, đốt thẻ trưng binh, thì tôi lừng lững tình nguyện xông vào cuộc chiến.

Tiểu đoàn tôi đóng quân tại một quận lỵ nhỏ cách Sài Gòn hơn một trăm dặm. Phong cảnh đồng quê Việt Nam trông thật lạ mắt. Những cánh đồng lúa nhỏ như một vuông khăn bị bao vây bằng những bờ đất mỏng manh, những chiếc ao chút xíu êm đềm phẳng lặng, những rặng tre rậm rạp khấp khểnh, những con đường đất mấp mô chạy vòng vòng khép nép, những chú trâu đen bóng tư lự đứng gặm cỏ... Cảnh như vậy trông thấy chỉ muốn vẽ. Nhưng trời nóng quá, cái nóng lạ lùng uống bao nhiêu nước mà người cũng vẫn hừng hực như ngồi cạnh lửa. Còn bụi bậm nữa, sống cả đời trong những lớp bụi như vậy chắc phải có hai lá phổi loại thiệt tốt. Người bứt rứt khó chịu mất cả hứng. Nhưng dù có hứng cũng đành chịu. Hành quân liên miên. Tôi dụng đầu với chiến tranh thực thụ chứ không phải thứ chiến tranh giả tạo trong phim ảnh hay thứ chiến tranh hiền khô trong quân trường. Cái chết ẩn nấp rình rập chung quanh. Chết dễ dàng như ngủ. Tôi thực sự sợ hãi. Xác bạn bè, xác địch quân, xác những người dân vô tội, xác người già, xác phụ nữ, xác trẻ em. Ở

nước tôi an bình quá, một xác người nằm xuống là một biến cố. Ở đây xác người lền khền. Ai cũng có thể chết được. Tôi thấy đời sống quá mỏng manh. Sống đó, chết đó. Tôi đâm ra hối hả ôm lấy cuộc sống từng ngày. Biết đâu đêm nay, biết đâu ngày mai mình cũng nằm bất động như những cái xác im lìm kia. Mỗi dịp được nghỉ phép về Sài Gòn tôi ăn chơi thả cửa. Lần nào cũng có thể là lần cuối cùng. Tôi ngụp lặn trong rượu, trong tay của những vũ nữ, chiêu đãi viên và gái ăn sương. Có bao nhiêu tiền tiêu cho hết. Biết rằng phí phạm nhưng chắc đâu còn được tiêu nữa. Lũ con gái làm tiền rỉa rói tới cạn túi. Ông bạn còn nhớ cái mà người ta gọi là "Saigon tea" không? Tôi đổ biết bao nhiêu tiền vào đó. Sáng ra tỉnh rượu nhìn những đứa con gái nhễ nhại thô bỉ mới thấy chán nản. Vậy mà lần về phép nào cũng vậy. Chẳng thoát ra được. Tôi trốn chạy cuộc sống nhàm chán ở Mỹ để rơi vào cuộc sống phi lý ở một vùng đất xa lạ. Nhiều lúc tôi như muốn phát điên phát khùng.

Tôi nói vậy chắc ông bạn bực mình? Ông bạn chắc chẳng thoát khỏi bộ quần áo nhà binh. Nhưng người Việt Nam các ông chiến đấu để giữ nước, giữ nhà, bảo vệ cho những người thân, cho đồng bào ruột thịt của các ông thì lại khác. Các ông có một chút gì dựa vào để bóp cò súng mà cái đầu không lộn xộn nổi loạn. Tôi thì sợ hãi và cháu chường với cuộc chơi chẳng có gì thú vị muốn rút ra mà không có cách gì được. Vậy mà đời tôi cũng không đến nỗi nào. Đùng một cái viên tiểu đoàn trưởng của tôi được điều về làm việc ở Sài Gòn, thấy tôi nhanh nhẹn tháo vát liền kéo tôi về theo.

Tôi gặp Hà trong thời gian này. Nơi tôi làm việc là một biệt thự cổ kiểu Pháp. Một kiến trúc bề thế nằm giữa một khu vườn mênh mông có những luống hoa muôn màu, có những lối đi trải sạn, có những cánh hoa đỏ hồng viền theo bờ tường và nhất là có những cây me cổ thụ tàn lá vươn tới sát cửa sổ phòng tôi trên lầu. Mùa thu khi lá me trở vàng rơi lả tả theo những cơn gió là những lúc tôi lặng đứng trong phòng nhìn cảnh vật mà lòng cảm thấy lâng lâng ngây ngất. Và tôi đã nhìn thấy Hà lần đầu tiên trong cái khung cảnh mê hồn đó. Nàng mặc chiếc áo dài màu vàng nhạt, tóc đen nhánh thả xuống sát vai, chiếc quần trắng buông kín đôi dép ôm những ngón chân nhỏ xíu trắng hồng. Dáng đi nàng lanh chanh như một chú chim ưa nhảy nhót. Mặt nàng hơi nghếch qua bên trái dường như muốn

giúp cho cánh tay hay giơ lên vuốt tóc khỏi phải với cao. Hai vạt áo dài trốn gió quấn quít quanh đôi chân kín đáo nhịp nhàng. Tôi lặng người trước nét đẹp có thật trước mắt. Người như vậy, cảnh như vậy, những ngón tay đã từng cầm cọ lẽ nào không nhúc nhích. Bức tranh được vẽ với tất cả đam mê thích thú.

Truy tầm tung tích một người đẹp trong một tòa nhà trên dưới trăm người chẳng phải là chuyện mò kim đáy biển. Trước giờ làm, tôi đặt bức tranh gói trong giấy hoa rất mỹ thuật trên bàn làm việc của nhân vật trong tranh. Dĩ nhiên tôi không quên kèm theo tấm thiệp tên tôi với lời đề tặng. Cuối ngày tôi mon men lại gần và nhận được một nụ cười cám ơn. Nụ cười đó đính cứng trên một bức vẽ chân dung tươi mát và linh động. Bức vẽ thứ hai này làm người đẹp cảm động và bối rối không ít. Tôi thừa thắng xông lên lấy lòng người đẹp bằng món quà son phấn nước hoa mà người con gái nào cũng thích. Nhưng Hà không giống bất cứ người con gái nào. Nàng từ chối không lấy. Tôi cảm thấy bẽ bàng nhưng càng say mê nàng hơn. Và tôi đã chơi trò ăn gian. Lúc đó một chiếc ti vi là ước mơ của mỗi gia đình Việt Nam. Tôi làm như tình cờ nói với nàng là trong PX mới về một số ti vi bán cho mỗi người một cái với giá rẻ. Tôi bảo nàng là tôi có rồi nhưng bỏ phần của mình thì uổng quá nên nếu nàng thuận thì tôi sẽ mua giùm. Hàng ở PX bán cho GI giá đã rẻ mà tôi lại cho nàng cái giá chỉ bằng nửa giá đó. Nàng lưỡng lự một hồi rồi hẹn sẽ trả lời tôi ngày hôm sau. Sáng sớm hôm sau nàng tìm tôi đưa một xấp đô la đỏ nhờ mua. Tôi nhận tiền mà không khỏi thầm trách mình. Tôi đã quăng ra miếng mồi quá lớn khiến con cá tội nghiệp chẳng thể làm ngơ được. Nhưng tôi tự bào chữa là bởi vì tôi thực sự thương yêu nàng nên mới hành động như vậy. Tôi hẹn ngày hôm sau sẽ đi mua và chở thẳng đến nhà nàng cho tiện. Nàng khựng lại bối rối. Rồi như thấy chẳng có cách nào khác hơn, nàng lúng túng ghi cho tôi địa chỉ. Tôi như mở cờ trong bụng. Tối hôm sau tôi mang ti vi tới nhà nàng không quên mua một hộp kẹo vừa lớn vừa đẹp tặng cha mẹ nàng. Dĩ nhiên họ không từ chối. Trong PX có thiếu chi mặt hàng mà người Việt Nam nào cũng ưa. Thế là tôi lui tới nhà Hà hầu như mỗi tuần. Lần nào cũng có một món quà hấp dẫn. Và lần nào cũng được mời ăn cơm Việt Nam. Riết rồi cả nhà coi tôi như người nhà. Các em Hà thì khỏi nói. Có món đồ chơi nào mà không làm ngời lên những ánh mắt sung sướng. Chỉ có Hà vẫn giữ vẻ lạnh

nhạt xa cách. Tôi hơi buồn nhưng bằng mọi cách tôi phải chiếm được người tôi thương.

Này, ông bạn loay hoay gì ở trong đầu vậy? Nhìn cặp mắt ông bạn, tôi biết ông bạn đang nghĩ xấu về tôi. Quả thực tôi đã hành động như một người biển lận. Tôi đã dùng tiền bạc, dùng quyền lợi vật chất để mong chiếm đoạt được Hà. Những tủ lạnh, ti vi, máy hát, quạt máy, kẹo bánh... đối với tôi chẳng là gì cả nhưng đối với gia đình Hà lại là cả một ước mơ không dễ mỗi lúc mà có được. Lời lãi của tôi là Hà. Tôi hẳn nhiên là một tên trí trá. Nhưng tôi yêu Hà thực tình. Điều đó có đáng được coi như một sự giảm khinh không? Khi tôi hỏi cưới Hà thì cha mẹ nàng bối rối hẹn sẽ trả lời sau. Một tuần trôi qua, tôi thấy Hà hốc hác hẳn đi. Nàng cố tránh không gặp mặt tôi. Tôi thấy thương nàng quá. Tôi nhớ rõ một ngày chủ nhật sau đó, cha mẹ Hà trả lời bằng lòng. Chắc ông bạn cũng thừa biết là tôi sung sướng đến thế nào. Nhưng Hà của tôi sao mà tiều tụy quá. Tôi cảm thấy bất nhẫn nhưng tự khỏa lấp niềm ân hận bằng hy vọng rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

Hà theo tôi về Mỹ. Nàng khóc như mưa trong những ngày đầu xa quê hương. Thứ mưa rả rích dai dẳng ngày nọ qua ngày kia. Tình gia đình của người Việt Nam như một thứ keo tốt. Nó làm cho từ ông bà, cha mẹ tới con cái, anh chị em, thậm chí cả những ông chú, ông cậu, bà thím, bà dì dính chặt vào với nhau. Khi Hà bị bứng ra khỏi khối keo sơn đó, nàng thấy hụt hẫng, chới với. Tình quê hương của Hà mặn nồng lạ lùng. Có lẽ nàng tha thiết với từng cọng cỏ ở Việt Nam không chừng. Tôi nghiệm ra là con người ở một xứ càng cằn cỗi đói nghèo thì hình như càng đậm đà nỗi nhớ quê hương hơn. Sự thiếu thốn như một chất men làm dậy lên lòng yêu đất nước. Còn như tôi, dân của một xứ sở giàu có thênh thang thì tình quê hương lại nhạt nhẽo vô vị. Tôi có lăn lóc khắp chân trời góc biển cũng chẳng có được một phần nhỏ nỗi nhớ của Hà. Tôi vỗ về an ủi thế nào Hà của tôi vẫn ủ rũ như tàu lá đu đủ co mình dưới cơn mưa bên vườn nhà bên cạnh trong đêm tân hôn của tôi. Tôi ra sức chiều chuộng Hà để bù đắp lại những mất mát của nàng.

Nhưng nỗi mất mát lớn lao nhất lại ụp xuống phũ phàng như một cơn lốc. Việt Nam rơi vào tay Cộng sản miền Bắc. Hà như người để quên tâm trí ở miền đất nước tội nghiệp đó. Nàng ngơ ngẩn mất hồn.

Tôi cũng nao nao trong dạ. Tôi đã vào sinh ra tử trong lửa đạn, bạn bè tôi có đứa đổ máu, có đứa thương tật, có đứa trở về ngây ngây dại dại, có đứa mất tích trong chiến tranh, có đứa gục ngã để gìn giữ vùng đất đó. Vậy mà lại có những giờ phút mất mát tận cùng này sao? Cái đầu tôi có suy nghĩ tới bể đôi ra cũng chẳng hiểu được sự thật thậm phi lý này. Đám người Việt nhanh chân chạy thoát khỏi tấm lưới Cộng sản lần lượt đặt chân tới khắp các tiểu bang. Thành phố nơi tôi ở cũng có bóng dáng người Việt. Hà lăng xăng tìm tới những người đồng hương giúp đỡ, chỉ dẫn cho họ trong bước đầu của cuộc sống mới. Sống có bè bạn cùng xứ sở, có tiếng nói quê hương, Hà trở thành một con người khác. Trẻ trung hơn, hoạt bát hơn, yêu đời hơn. Rồi những đợt thuyền nhân liên tiếp tới định cư ở thành phố làm cho cộng đồng người Việt càng ngày càng đông đảo. Những tiệm ăn Việt Nam bắt đầu xuất hiện. Hà kéo tôi đi ăn những món ăn quê hương với niềm thích thú lạ thường. Ông bạn có biết tôi khoái nhất món gì không? Phở. Ngày trước ở Việt Nam tôi đã từng mê món này, nay gặp lại như gặp cố tri. Vợ chồng tôi tìm lại được những tháng ngày Sài Gòn.

Một thời gian sau Hà dề nghị mở một tiệm bán thực phẩm Việt Nam. Lúc đó tôi đang làm nghề chào hàng máy hút bụi và máy nghe cho người điếc. Công việc của tôi khá phát đạt. Ông bạn nói sao? Hai thứ đó có liên quan tới nhau hả? Ông bạn nói rởn phải không? Đâu có phải hút bụi bằng máy của tôi thì thể nào cũng điếc tai. Để tôi kể tiếp cho ông bạn nghe. Tôi thực sự không muốn bỏ nghề và cũng không muốn Hà phải vất vả bán buôn. Nhưng Hà nhất quyết đòi mở tiệm để ngày ngày gần gũi người đồng hương. Tôi dành phải chiều ý nàng.

Tiệm khá đắt hàng. Khách ra vào tấp nập. Hà tươi tỉnh và thoải mái với những khách hàng nói tiếng mẹ đẻ. Tôi cũng tập tành nói được ít câu tiếng Việt xã giao. Cuộc sống thật êm đềm thú vị. Nhưng chỉ được ít năm. Tới khi Hà có những lúc tư lự ít nói ít cười lại hay lơ đãng quên trước quên sau. Nàng như có chuyện gì suy nghĩ cực khổ lắm. Tính tôi ít để ý tới những chuyện lặt vặt mà cũng thấy nét lao lung trên mặt Hà. Tôi có gạn hỏi thì nàng gạt đi bảo không có chuyện gì cả. Tôi tế nhị tôn trọng sự yên lặng của nàng. Tới một ngày tôi sững sờ đọc được mảnh giấy nàng viết cho tôi kẹp trong

một cuốn sách trên giường ngủ. Nàng đã bỏ đi. Hà bảo tôi đừng mất công tìm kiếm nàng.

Tôi vẫn mở cửa tiệm để ngày nàng trở lại vẫn có nơi ngày ngày gặp gỡ đồng hương. Nhưng biết bao giờ mới có cái ngày quí giá đó. Ông bạn nghĩ sao? Hà có trở về lại với tôi không?

2.

Khi John hỏi cưới tôi, tôi không ngạc nhiên nhưng vô cùng hốt hoảng. John như một con nhện giăng tơ chằng chịt chung quanh con mồi là tôi không để hở một lối thoát nào cả. Khởi đầu là lỗi của tôi. Nếu bữa John đề nghị mua giùm chiếc ti vi tôi gạt phắt đi là xong. Chẳng còn dây mơ rễ má gì nữa. Chẳng phải là vì tôi tiếc một món đồ giá rẻ mà là vì tôi nghĩ tới niềm vui của cha mẹ tôi có trong tay chiếc máy mà ông bà hằng ao ước, nghĩ thương bày em tối tối rủ nhau đi coi ti vi ké bên nhà hàng xóm bị mắng lên đuổi xuống mà vẫn phải lì lợm chen chúc ngồi coi cho bằng được. Quả thực chiếc ti vi đã nâng gia đình tôi lên một nấc "danh vọng" với hàng xóm láng giềng. Trong con đường hẻm quanh co túi tít giữa một xóm lao động nghèo hèn người ta nhìn vào nhau, kèn cựa nhau từng chút một. Nhà này có cái gì thì nhà kia cũng phải có cho bằng được. Không ai muốn mình bị thua sút cả. Cha mẹ tôi cũng không ra khỏi cái vòng quẩn quanh đó.

Gia đình tôi không phải dân Sài Gòn chính gốc. Khi tôi được mười hai tuổi gia đình mới dọn tới con hẻm này. Chiến tranh đã đẩy chúng tôi từ bỏ vườn tược ruộng đồng lếch thếch kéo nhau lên thành phố. Cha mẹ tôi phải chật vật vất vả mới nuôi được bày con năm đứa mà tôi là lớn nhất. Nhiều khi tôi muốn bỏ học ngang ở nhà giúp đỡ cha mẹ nhưng ông bà ngăn cản bắt tôi phải học tới nơi tới chốn cho các em bắt chước theo. Tôi chẳng hiểu tới nơi tới chốn là tới đâu nhưng tôi nghĩ trong tưởng tượng của cha mẹ tôi cái bằng tú tài đã là một cái đích rực rỡ lắm rồi. Tôi bỏ nhiều thời giờ chăm chỉ học hành nhưng vẫn vô duyên với không tới tấm bằng mơ ước của cha mẹ tôi. Bù lại một bà chị họ thấy tôi thi rớt bèn cay cực xin cho tôi một chỗ làm trong cơ quan Mỹ nơi bà đang tùng sự. Việc làm nhàn nhã, lương bổng hậu hĩnh, tôi cảm thấy mình may mắn. Cũng yên một đời. Nhưng Hiển lại nhấp nhổm không yên.

Anh hỏi Hiển là ai hả? Để từ từ tôi kể cho anh nghe. Mà chẳng kể chắc anh cũng đoán ra rồi. Hiển là... người của tôi. Sao anh cười? Thì tôi không biết gọi là người gì nên gọi đại là người của tôi cho rồi. Tôi biết Hiển thương tôi nhưng hồi đó tôi đã nhát mà Hiển còn nhát hơn nữa. Có cảm tình với nhau mà cứ lụi đụi ầu ơ hoài. Hiển thường lui tới nhà trò chuyện với cha mẹ tôi, chơi rơu với các em tôi, chỉ vẽ bài vở cho tôi, chăm sóc tôi từng chút. Ai cũng nghĩ chúng tôi trước sau gì cũng xáp vào nhau. Vậy mà không hiểu sao Hiển cứ loanh quanh xoay vòng chứ không xáp vào tôi. Riết rồi tôi cứ tưởng tôi có một người anh trai hiền lành chu đáo với đàn em. Tôi cũng có cảm tình với Hiển chứ. Hiển chỉ cần tiến một bước là xong. Nhưng anh như bị cột chân cột tay không nhích lên được. Phải đợi tới ngày lên đường nhập ngũ anh mới run run nắm tay tôi tạm biệt. Chỉ có cầm tay mà cả hai đứa như đánh mất hồn. Ngơ ngơ ngáo ngáo chẳng ra làm sao cả. Học xong Thủ Đức, Hiển phải đổi ra Đà Nẵng. Thư qua thư lại tình yêu mới được dịp tỏ lộ. Tỏ tình ở cách xa nhau cả ngàn cây số quả có dễ dàng hơn tỏ tình trong vòng nửa thước. Tình yêu nằm trên những trang giấy xanh cũng có đời sống như tình yêu thốt ra từ cửa miệng. Nó lớn lên cùng với thời gian. Khi tôi báo tin vui được nhận vào làm sở Mỹ, Hiển có vẻ e ngại. Những cánh thư tôi nhận được như có pha chút đắng cay. Tôi hiểu không ai vui gì khi có người yêu làm cho người Mỹ. Chắc anh còn nhớ tai tiếng của những người làm sở Mỹ bị gán cho hồi đó chứ? Không phải ai cũng tham tiền, không phải ai cũng bán rẻ thân xác, không phải ai cũng cặp kè với Mỹ. Nhưng xã hội nhìn bọn chúng tôi với con mắt e dè khắc nghiệt rõ ràng. Nhiều gia đình đã tan rã, nhiều cuộc tình đã gẫy đổ, nhiều lời đàm tiếu khá chua cay. Tôi hiểu tâm trạng của Hiển. Anh không nghĩ khác hơn được những người chung quanh và khoảng cách của ngàn cây số làm anh sốt ruột sốt gan. Không biết bằng cách nào mà Hiển nghe được tin có người Mỹ lai vãng tới nhà tôi. Anh viết cho tôi một lá thư ngắn giọng điệu vừa chán chường vừa trách móc như chỉ cốt cho tôi hay là anh biết tất cả mọi chuyện. Rồi thôi. Tôi viết nhiều thư giải thích tự sự mà không nhận được một lá thư hồi âm nào. Tôi buồn nẫu ruột. Cũng đành.

Trong khi đó cái bóng cao lớn của John càng ngày càng đè nặng lên cuộc sống của gia đình tôi. Trong nhà tôi chẳng thiếu một thứ tiện nghi nào mà PX có thể cung cấp được. Khỏi nói chắc anh cũng

biết, cha mẹ và các em tôi hãnh diện đến thế nào. Nhà tôi được coi như sang trọng nhất xóm. Sự khốn khó không còn lẩn khuất ở trong nhà nhưng nó đã xếp nếp trong con người hai bậc sanh thành ra tôi. Hơi hướng của những ngày thiếu thốn xưa đã xui khiến cha mẹ tôi lợi dụng lòng tốt của John một cách thái quá. Ông bà nhờ John mua đủ thứ đồ vặt vãnh có thể mang ra chợ bán để lấy lời. Với tiền lời đó căn nhà của gia đình tôi được cơi thêm lầu khang trang đẹp đẽ, giỏ chợ hàng ngày tươi mát và đầy đủ hơn, họ hàng bè bạn lui tới càng ngày càng đông đảo, và những ông cố bà cố ngày xưa chẳng bao giờ được nhắc nhở tới bây giờ cũng được thỉnh về kỵ giỗ dễnh dàng.

Nụ cười rạng rỡ của mẹ cha là cái khóa cột chặt đời tôi. Tôi không thể nhẫn tâm làm héo úa hai khuôn mặt thân yêu đã quá nửa đời chìm đắm trong nghèo khó nhưng tôi cũng chẳng thể làm tươi tắn đời mình bằng cuộc hôn nhân với John. Tôi hốt hoảng bối rối. Như một tử tội biết chắc trước sau gì cũng có ngày chịu hành hình nhưng khi phút giây oan nghiệt đó xộc tới vẫn không tránh được sự kinh hoàng. Tôi vẫn biết chẳng phải John gia ơn cho gia đình tôi một cách khơi khơi không có hậu ý nhưng lời hỏi cưới của John vẫn làm tôi nao núng bàng hoàng. Tôi biết cha mẹ tôi ngấm ngầm đồng ý trong bụng nhưng ông bà vẫn làm như để cho tôi quyền quyết định. Ông bà chỉ nhắc khéo tới ơn nghĩa phải đền đáp cho tôi suy nghĩ. Phải chi tôi còn tình yêu của Hiển cho cán cân nghiêng hẳn về một phía. Lúc đó nghĩ tới Hiển tôi tức anh ách. Lính tráng gì đâu mà yếu quá. Chưa gì đã bỏ chạy. Tôi yêu Hiển nhưng tình yêu đã bị chối từ. Tôi còn gì đâu nữa mà lựa chọn. Sự im lặng không trả lời những lá thư của tôi như một cái tát phũ phàng. Hiển khinh tôi. Đã khinh tôi cho khinh luôn. Tôi vênh mặt bằng lòng lấy John. Ai cũng vui mừng. Chỉ riêng tôi tê tái. Tôi phó thác cuộc đời mình cho một người mà tôi không mảy may thương yêu. John như một người bạn thì được. Một người chồng thì quá dáng. Tôi moi móc ra những điểm dễ thương của John để vỗ về an ủi phận mình. John tốt. John mê mệt thương yêu tôi. John bảnh bao. John tài hoa. John tình tứ vẽ tặng tôi bức tranh lãng mạn lá vàng rơi.

Tất cả những John đẹp đẽ đó đã biến mất khi tôi dụng đầu với một John trơ trọi trong đêm tân hôn. Những dám lông xoắn xuýt

chạy dài suốt cái thân thể ô dề to lớn làm tôi rùng mình sợ hãi. Cả thân hình tôi co quắp lại trong một cơn chấn động dữ dội. Đầu óc tôi tê dại. Người tôi cong như một con tôm luộc, hai tay kẹp giữa đùi trong một thế phòng thủ kiên cố. Nước mắt tôi chảy dài. Hiển ơi! Tôi nấc lên trong tiếng gọi người tôi thương. Tôi vùi đầu xuống gối khóc suốt đêm.

Chưa đầy một năm sau tôi theo nó về Mỹ. Tôi khóc như mưa. Khóc từ những ngày sửa soạn ra đi, khóc ở phi trường, khóc trên máy bay và khóc ngon lành hơn trong những ngày đầu trên đất lạ. Tôi quay quắt nhớ cha mẹ và các em tôi. Hình ảnh những năm tháng sống trên quê hương trở lại với tôi từng chập từng lúc. Những lúc tôi ngồi sững sờ, những khi tôi thả hồn nghĩ ngợi miên man, những chiêm bao kín đầy giấc ngủ. Cả cái quá khứ thân yêu bao vây lấy tôi. Tôi thẫn thờ coi đi coi lại những tấm hình kỷ niệm mang theo. Những lúc truyền hình chiếu tin tức hình ảnh về Việt Nam tôi ngồi coi mà chập chờn nước mắt trên mi.

John tôn trọng tâm trạng riêng tư của tôi. Nó lặng thinh vỗ về tôi những lúc tôi buồn bã. Nhiều khi nó ngạc nhiên không hiểu sao mà con người tôi lại cột chặt với dất nước gia đình như vậy. Tôi biết nó chẳng bao giờ hiểu được tình cảm của một người đàn bà Việt Nam bất hạnh phải rời xa những người thân yêu. Cuộc sống hằng ngày chẳng thiếu một thứ gì. Cái gì cũng đẹp, cũng nhiều và cũng tiện nghi. Nhưng sao tôi vẫn cứ hững hờ. Tôi nghĩ tới những món đồ PX John mang tới nhà tôi. Có dáng gì đâu nơi xứ sở giàu có sang trọng này. Vậy mà tôi đã trả cả đời tôi cho những cái vụn vặt tầm thường đó. Tôi nghĩ tới ánh mắt hân hoan của cha mẹ tôi trước những món đồ thơm phức mùi văn minh. Thật tội nghiệp!

Cha mẹ tôi vẫn nghĩ rằng tôi đang sung sướng ở đất nước giàu có này. Đối với ông bà, những tấm hình tôi chụp trước căn nhà xinh xắn đẹp đẽ và những bài trí sang trọng bên trong đã nói lên sự sung sướng đó. Cái nghèo đã ăn sâu vào tiềm thức ông bà và nằm đó như một thứ dị ứng. Tránh được cái nghèo là sung sướng. Thật giản dị. Trong khi đó tôi chới với giữa những người xa lạ. Anh biết không, thuở đó dễ gì mà tìm được một người đồng hương. Đi ngoài phố thấy bóng dáng một người Á châu là ngóng cổ nhìn mong chờ nghe được

một câu tiếng Việt. Gặp được một người Việt là mừng hết lớn. Chứ đâu có nhiều như bây giờ, chỗ nào cũng có bóng dáng người mình.

Bạn bè của John có những người nhìn tôi như nhìn một người từ Hỏa tinh xuống. Họ làm như mình là một thứ mọi rợ gì đâu đó. Chẳng là họ coi ti vi ngày nào cũng thấy những cảnh chiến tranh ở Việt Nam nên cứ tưởng là người Việt Nam là một thứ dã man chỉ biết chém giết nhau. Rồi cái anh chồng ngốc nghếch hay ba hoa của tôi cũng góp phần tạo một hình ảnh méo mó về nước mình. Đi ăn ở đâu nó cũng kể một cách thích thú về những bữa nhậu ở Việt Nam. Nào ăn rùa, rắn, mễn, nào nhậu đuông, trăn, dế. Vui miệng nó còn huênh hoang khai là đã ăn thịt chó. Mấy bà há hốc miệng rồi ôm ngực ậm oẹ. Mấy ông nhăn mặt nhờm tởm. Vậy mà nó còn thích thú đốc thêm là thịt chó thơm và ngon lắm để trêu chọc cho bõ ghét. Họ xúm vào hỏi tôi ở Việt Nam ai cũng ăn thịt chó cả sao làm tôi ngậm câm không biết trả lời thế nào cho trôi chảy.

Biến cố năm 1975 như một nhát búa sinh tử đập xuống đầu tôi. Tôi mê man trong khổ đau. Người tôi như nhuốm bệnh. Miệng mồm đắng nghét. Tôi ngây ngây dại dại vật vờ như một người giả. Nào mẹ cha, nào các em, nào bè bạn, nào mái nhà xưa, nào con phố cũ... Phút chốc tất cả những vết tích dấu yêu bỏ xa tôi hun hút thăm thẳm. Tôi khóc vùi ngày này qua ngày khác.

Những đợt người Việt tới định cư tại thành phố tôi ở đã kéo tôi ra khỏi cơn phiền muộn héo hắt. Những ánh mắt quê hương chưa hết bàng hoàng vây quanh tôi làm tôi cảm thấy ấm lòng. Tôi hăm hở giúp đỡ những đồng hương mới tới đất lạ. Tôi không còn lạc lõng giữa biển người bản xứ. Chúng tôi làm thành một xã hội riêng. Gặp gỡ, trò chuyện, nấu nướng, hát hò. Rồi những người nhanh tay bắt đầu mở tiệm ăn Việt Nam. Tôi thú vị đắt John đi ăn tiệm ngày một. John bắt lại được hương vị phở ngày xưa. Nó mê mệt với phở sáng, phở chiều, phở cuối tuần, phở ngày lễ.

Cái gì? Anh muốn chọc quê tôi hả? Tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi lại gọi chồng bằng nó. Anh bảo anh thấy những người đàn bà Việt Nam lấy chồng ngoại quốc hầu như người nào cũng kêu như vậy thiệt hả? Ờ há! Tôi thì tôi thấy như có cái gì làm cho mình cảm thấy một người chồng ngoại nhân như không hẳn là một người chồng. Có một chút gượng gạo. Có một chút hụt hẫng. Như lấn cấn

một chút xa lạ. Như thiếu sự cảm thông. Tôi không biết diễn tả làm sao cho hết ý. Nhưng có lẽ tại người mình nhìn những người lấy chồng ngoại quốc bằng cặp mắt khinh để làm cho mình thấy khó chịu cũng muốn gạt anh chồng ngoại nhân qua phía đối nghịch bằng tiếng "nó" vừa xa cách vừa hợm hĩnh. Mà thôi, dẹp chuyện đó đi. Anh có muốn nghe tôi kể tiếp không?

Tôi như sống lại giữa những người đồng chủng. Cuộc sống tưởng đã một đời quạnh quẽ ai ngờ lại có lúc bừng nở rộn ràng như vậy. Tôi bám lấy người Việt bằng cách dòi John mở tiệm bán thực phẩm Á châu. Gì chứ cái nết chiều vợ thì nó có thừa. Chỉ vài tháng sau cửa tiệm khai trương. Người Việt tấp nập vào ra làm tôi tưởng đang sống giữa quê hương. Khách hàng mách bảo nhau tìm đến càng ngày càng đông. Và một ngày kia tôi sững sờ trước một khách hàng bất ngờ. Hiển. Anh có thể ngờ được trái đất bây giờ nó tròn dữ như vậy không? Khi không cả cái nước Mỹ mênh mông là thế mà tôi và Hiển lại hội ngộ nơi cái cửa hàng nhỏ xíu của tôi tại một thành phố chẳng lấy gì làm lớn lắm. Anh bảo chắc tôi mừng lắm hả? Tôi đứng như trời trồng, mặt mũi tái mét, mồm miệng á khẩu vì ngạc nhiên chứ có mừng gì được. Chẳng biết mất bao nhiêu phút tôi mới hoàn hồn. Rồi cũng đâu có nói gì nhiều được. Sợ nó biết rồi sanh chuyện ra. Tôi cho tên một tiệm ăn nhỏ và hẹn ngày giờ gặp rồi bảo Hiển về đi. Dáng Hiển lù khù chậm rãi thế mà cũng nhanh trí. Anh mua đại một chai nước mắm, ra quầy trả tiền cho John, rồi cố giữ vẻ thản nhiên ra về.

Ngày hôm sau gặp Hiển tôi mới bình tĩnh quan sát. Chỉ còn sót lại ánh mắt và nụ cười là của Hiển ngày xưa. Tám năm chịu đày đọa trong ngục tù Cộng sản, sáu năm mòn mỏi nơi vùng kinh tế mới, một cuộc vượt biển gian nan mà vợ con vĩnh viễn nằm lại trong lòng đại dương, những ngày căng thẳng chờ thanh lọc trong trại tỵ nạn. Từng ấy tai ương đổ xuống đầu một con người thì thân xác nào chẳng hao mòn. Giờ đây trước mặt tôi là một Hiển cằn cỗi tuyệt vọng sống mà như đã nằm sẵn dưới mồ. Chỉ có tôi mới vực anh dậy được. Cuộc tình non dại hai chục năm trước vẫn còn đủ rạo rực cho tôi trở về với Hiển. Da thịt của nửa quãng đời son trẻ tôi đã dành cho người, giờ đây chỉ còn chút xương xẩu tôi thu vén cho cuộc tình của tôi. Tôi có dành phần quá đáng dâu, phải không anh?

3.

Tiệm của John có mặt tiền tương tự như bất cứ tiệm thực phẩm Á châu nào khác. Tên tiệm và những dòng chữ bằng ba thứ tiếng Anh Việt Hoa nằm trên khung kiếng rộng lớn. Màu đỏ. Cửa ra vào hai cánh nằm chếch về bên trái. Nhìn qua khung kiếng, phía bên phải là một hàng nồi cơm điện cùng nồi niêu soong chảo bằng nhôm trắng toát lấn át những chiếc siêu sắc thuốc bằng đất. Phía bên trái, nhỏ hơn, gạo trong những bao trắng từng chồng xếp thứ tự theo từng nhãn hiệu. Mở cửa bước vào bên trong là những chiếc kệ sắt nằm dọc theo những khoảng cách đều nhau. Trên kệ chen chúc nhau những hũ những chai, những bao những gói, những hộp những bình. Nước mắm sát cánh với tàu vị yểu. Cà muối, mắm, chao, dưa xúm xít lại với nhau. Đồ hộp đầy màu sắc thảnh thơi nằm ôm đủ thứ trong bụng. Trà, sâm, bánh kênh kiệu nằm trên cao. Thịt bò khô, ô mai, kẹo đánh đu trên lối đi. Phía sát tường là tủ kính lạnh tươi mát đủ thứ rau trái, giò chả, nem chua, tàu hũ. Nằm khuất nẻo trong một góc là họ hàng đao thớt, chày cối, chén dĩa, nhang đèn, vàng mã... Thêm một quầy gà vịt, thịt cá, tôm mực và các thứ hải sản đông lạnh.

Khách hàng lui tới đẩy những chiếc xe nhỏ bé chen chúc trong lối đi hẹp. Mùi ngai ngái chua chua phảng phất kín cửa tiệm. John ngồi ở quầy thu tiền bận rộn với máy tính tiền và đủ thứ hàng hóa chậm chạp lăn qua trước mắt. Nét mệt mỏi bơ phờ hiện rõ trên khuôn mặt có hàm râu làm biếng cạo lởm chởm xiêu vẹo. Anh khó khăn nặn từng nụ cười gượng gạo chào hỏi khách. Khách lạ thú vị kín đáo quan sát một anh Mỹ đặc ngồi bán tương cà mắm muối. Khách quen rụt rè chào hỏi như sợ đụng tới nỗi thương tâm của chủ nhân. Nhưng cũng có vài bà khách nghịch ngợm vẫn thân mật đùa cợt với John. Một bà khách chớt nhả:

– Này ông chủ, có lấy vợ Việt nữa tôi làm mai cho.

John ngước mặt cười buồn chậm rãi trả lời:

– Tôi có vợ rồi!

Câu tiếng Việt không bỏ dấu nghe chênh vênh như một nét nhạc dong đưa lạc lõng.

Song Thao

TRẦN HỒNG CHÂU

florida

Ôi cái nóng quê hương
Nóng vỡ tung mặt đất
Nóng nung mủ
Trái bơ xù xì
Nóng vọt máu
Trái tim lựu đỏ
Nóng căng đứt thần kinh
Chùa Đàn sợi dây huyền thoại
Ta muốn hôn
Muốn hút từng giọt
Cái nóng quê hương
Trên bờ Đại Tây Dương!

Ta muốn hôn
Từng cánh bèo Nhật
Tím hoa cà
Bình thủy tương phùng
Từng sợi cói biếc
Bờ kênh Florida
Bên trời lận đận
Lau lách đìu hiu
Ta muốn hôn
Cánh vạc lẻ
Ngoài đầm vắng
Đất bùn xa lạ
Sình lầy quê hương
Mỗi giọt bèo tấm
Mỗi giọt tâm tư!

Cây si tùng bách
Linh hồn xứ lạ
Có những tổ chim
Nhìn về phương Đông
Sợi sợi tầm gửi
Ngàn sợi lệ rơi
Chân ngâm nước lá cành xơ xác

Ngàn năm tê buốt khóc trời xanh
Người lữ khách cô độc
Bốn bề trùng vây
Thương cây hay thương mình?
Ta mắc võng thời gian
Chùng lại
Đong đưa mặt hồ
Nấu sôi nỗi nhớ
Cúi nhìn bàn chân tùng bách
Sưng phù
Nứt nở
Chân bàn cuốc
Sông Hồng người nông dân
Vạn kiếp đỏ phù sa
Muối mồ hôi
Chát mặn đồng chiêm
Có biến nước hồ thành biển đắng?

Người gái Florida
Con mắt có đuôi
Nối dài biển nhiệt đới
Ta tắm lại
Hết thời kiêng cữ
Phiên bản đắm say
Bãi Dâu bãi Dừa
Sao mà giống thế
Nụ cười rực rỡ
Nửa vòng lưng trái đất!

Ta nhắm mắt lại
Thấy mình sống hơn một cuộc đời
Hoa ngày xưa
Lá hôm nay
Bánh xe lăn mãi
Trên sóng biếc đổi đời
Điểm bất động Florida!

Ghi chú: *Cây "si tùng bách", cypress, cây điển hình của Florida, thường thấy trên các bích chương du lịch. Có loài tầm gửi (spanish moss), có loài mọc trên mặt hồ, gốc ngập nước, to lớn khác thường như những hàng cây dị kỳ trong tranh siêu thực.*

NGUYỄN MINH ĐỨC

đi đêm

Tuyết rơi lất phất, những hạt nhỏ phất phơ quanh vùng ánh sáng cột đèn đường phản chiếu lóng lánh như bầy thiêu thân li ti bay lượn. Lãng thẫn thờ nhìn ra ngoài khung cửa. Cảnh tuyết rơi nhè nhẹ đều đều thật an bình. Màu sắc trong sáng đẹp đẽ như một cảnh phim hoạt họa. Và thơ mộng nữa. Đúng là khung cảnh Lãng đã từng ao ước khi anh còn ở bên nhà, thuở anh còn nhỏ lắm kia, lần anh được mẹ anh đưa đi xem phim "Bạch Tuyết và bảy chú lùn" của Walt Disney. Lúc đó anh đã có biết tuyết là gì đâu, chỉ thấy nó đẹp đẽ vậy thôi, vậy mà anh đã thích mê. Nhất là cô Bạch Tuyết tuyệt đẹp lại tử tế với mấy chú lùn nhỏ thó chẳng có gì đẹp trai cả. Anh còn nhớ lúc đó anh mới lên bảy chớ mấy, anh đã tưởng tượng mình được ở trong nhóm mấy chú lùn đó. Thân thể anh tuổi ấy chắc cũng có cùng chạc mấy chú chứ gì! Và cả khi khôn lớn, hồi trước lúc vượt biên, anh chẳng ao ước là gì? Ao ước được sống trong cảnh tuyết rơi, có lò sưởi than hồng cháy tí tách... Bây giờ, trước mắt đã có mùa đông tuyết trắng rơi rắc, nhưng lòng anh sao quá dửng dưng, anh chẳng thấy có chút cảm tình nào với tuyết giá, anh chỉ thấy nó làm lòng anh thấm lạnh, và càng lúc càng lạnh hơn thêm.

Ở đây anh đã gặp lại được Bạch Tuyết, người đẹp của giấc mộng thời ấu thơ... nhưng sao khó khăn quá đi mất, thật gian lao khổ ải. Nàng bây giờ có còn tử tế thương yêu mấy chú lùn nữa không? Hay nàng đã đổi thay mất rồi. Nàng - Bạch Tuyết thời nay chắc chỉ hay thích những chàng hoàng tử đẹp trai, to con tốt mã chứ nào ý gì đến các chú lùn...

Nhưng mình có phải thuộc loại các chú đó đâu. Mình cũng chẳng phải được như Phan An Tống Ngọc, tuy nhiên cũng đâu đến nỗi nào. Lãng đưa tay xoa cằm, anh thật không hiểu phụ nữ xứ này nghĩ ra sao về người Á Đông mình. Các nàng có cảm tình với trai xứ lạ hay là có tinh thần kỳ thị? Anh nghe thoang thoáng một mặc cảm. So với dân Tây phương bình thường, quả thật anh phải nhìn nhận mình nhỏ con.

Lãng vẫn ngó sững cột đèn đường ngoài trời, tâm trí lởn vởn bay

tận nơi đâu. Tay anh cầm đôi đũa một cách hững hờ. Tô phở to trước mặt đã nguội lạnh từ lâu. Anh bỏ đũa xuống, với tay nhấc bình trà rót ra chiếc tách nhỏ. Mùi hương trà thoang thoảng dễ chịu. Nãy giờ anh ngồi ở bàn ăn chắc đã lâu. Lãng đưa tay nhìn đồng hồ. Đã hơn mười một giờ. Quán ăn về khuya thưa thớt khách hàng. Cặp nhân tình bàn bên cạnh đã đứng lên mặc áo choàng. Anh kép lịch sự giúp cô nàng xỏ tay vào chiếc áo lông chồn trắng cắt chẽn chỉ ngắn tới thắt lưng. Anh chị có vẻ tình tứ ghê quá, mắt trong mắt, tay trong tay dưới gầm bàn suốt cả buổi ăn. Đôi bàn tay còn lại trên mặt bàn sử dụng hai đôi đũa một cách thành thạo. Chắc anh chị này đã rảo thử hết các quán ăn Á Đông trong vùng nên mới có vẻ rành rọt như vậy. Họ hôn nhau phớt nhẹ bên khóe môi rồi cặp tay đẩy cửa bước ra ngoài. Trước khi ăn họ đã hôn, bây giờ sau khi ăn xong lại hôn nhau nữa. Họ chắc đói về tình yêu chứ đói gì các món ăn. Cô nàng đi sát, dựa hẳn vào cánh tay người tình, người nghiêng đi như không còn sống lưng. Chắc họ mới yêu nhau nên còn mùi mẫn quá. Tình yêu quả thật đẹp đẽ. Họ như muốn khoe với mọi người chung quanh hạnh phúc còn nóng hổi. Đôi mắt cô nàng long lanh sáng rực lên từng hồi đáp lại ánh mắt của người yêu. Họ còn trẻ quá mà, chỉ trạc trên dưới tuổi đôi mươi. Nhìn họ âu yếm nhau, Lãng nghe lòng mình nao nao khó tả. Nó gợi nhớ lại nhiều kỷ niệm của một thời xa lắm. Ở mà xa xôi thật, xa xôi cả không gian lẫn thời gian. Một thời anh còn rất trẻ, thời anh còn ở tuổi đôi mươi kia. Gần hai mươi năm trời rồi còn gì. Hai mươi năm mà sao anh nghe như gần cả thế kỷ. Anh nghe mình già hẳn đi. Cằn cỗi. Tuổi trẻ đã bỏ anh. Tuổi trẻ đã đi xa lắm rồi. Anh nghe lạnh giá tận tâm can. Và lạc lõng... Lãng chớp chớp mắt. Quả thật anh lạc lõng. Chẳng lạc lõng là gì khi chỉ một thân một mình ở giữa đất nước xa lạ này. Lại thêm một tâm sự canh cánh, một tâm tình bị chối bỏ. Anh đã cố ý vào một quán ăn Việt Nam để tìm lại cái hơi hướng quen thuộc cho ấm lòng mà cũng không xong. Đâu đâu cũng gặp những cảnh tượng làm anh chạnh nhớ, làm anh mủi lòng. Lãng đưa chiếc khăn giấy lên lau mũi. Anh chép miệng thở ra một hơi dài. Anh nghĩ thầm, mọi chuyện chẳng qua cái số mạng. Hơi nào thắc mắc mãi cho thiệt thân, đời còn dài, còn biết bao thú vui đang chờ đợi. Tuổi đời qua mau lắm, phải biết dễ tánh dễ nết chút như mọi người bình thường, chớ có ở đó mà ngồi thương thân trách phận mãi chỉ mang khổ...

Quán ăn giờ chỉ còn mình anh là khách hàng duy nhất. Người hầu bàn ngồi uể oải co ro trong góc nhà đưa tay vuốt miệng, kín đáo che một cái ngáp dài. Chắc đã quá giờ mở cửa. Trái với các quán ăn Tàu, mấy quán Việt hay đóng sớm hơn. Người hầu bàn chắc chỉ chờ cho anh ăn xong là khép cửa hàng thôi.

Lãng ngước nhìn ra cửa kiếng lần nữa. Ngoài kia đường phố đã bắt đầu nhộn nhịp. Anh nghe hết đói, giơ tay đẩy tô phở còn lưng nửa qua bên, cầm tách nước trà đã nguội nốc cạn. Anh kéo ghế đứng dậy đến bên quầy hàng trả tiền, chào người hầu bàn quen rồi mặc áo choàng đẩy cửa bước ra.

Hơi lạnh ngoài trời làm anh nghe dễ chịu. Tuyết vẫn còn rơi lất phất những hạt nhỏ li ti. Anh bước những bước dài trên mặt vỉa hè nhớp nhúa. Lãng vuốt lại mái tóc lấm tấm những hạt tuyết rồi kín đáo xoay mình lại đưa mắt nhìn xung quanh. Đường xá tấp nập khách bộ hành: những chiếc áo choàng nỉ sậm màu dài chấm đất rộng thùng thình, những chiếc áo da ngắn màu đen có đính những đầu đinh và chuỗi xích sắt mạ kền sáng chói chen lẫn những chiếc áo lông thú màu lợt điêm dúa kiểu cọ đắt tiền. Con phố Sainte Catherine như vừa mới thức giấc.

Giờ này mới đúng là giờ hành sự. Toàn là giới trẻ thuộc loại choi choi đang thả rảo lên xuống hai bên vỉa hè nườm nượp như trẩy hội. Một vài kiều nữ đứng lấp ló thập thò ở các hiên nhà níu kéo mời chào khách qua đường. Thỉnh thoảng một chiếc xe cảnh sát sơn hai màu xanh trắng chạy rà rà chở hai nhân viên mặc đồng phục có cái nhìn như cú vọ soi mói vào mọi người. Lúc ấy tất cả sinh hoạt trên con đường như khựng lại. Ai nấy đều ra vẻ như khách nhàn du vô sự đi ngắm cảnh trời đêm một cách thoải mái vô tội vạ...

Chiếc xe đi khuất, mọi sinh vật cựa mình thở phào nhẹ nhõm.

Lãng đi qua lượn lại góc phố này đã hai lượt. Mấy cô kiều nữ đóng đô bên đường chắc đã để ý. Một cô bé mắt xanh, tóc có chất lân tinh đỏ rực, miệng nhai kẹo cao su nhóc nhách vừa nháy mắt vừa đưa tay ra ngoắc. Lãng lắc đầu mỉm cười. Cô bé tuổi chừng mười bốn, thân mình còn chanh cốm chưa kịp nẩy nở nhưng điệu bộ đã có vẻ thập thành. Chắc cô bé trốn cha mẹ ham vui đi bụi đời hay là bị đám ma cô dụ dỗ chơi bời chích choác nên mới ra nông nỗi, trôi nổi đến tận góc vỉa hè này. Lãng chép miệng tiếp tục rảo bước.

"Vô đây đi anh", cô bé nói với theo. Tiếng nói đưa cao nhưng cố hạ thấp xuống như một tiếng gọi kín đáo thầm thì. Âm thanh như cố nén, như giấu giếm, thấp xuống, rơi vào khoảng không, không một tiếng dội, nghe đến lạnh lẽo hững hờ. Đã thân dứng dường mà còn ế ẩm gọi mời giữa trời đông buốt giá nghe thảm thương quá.

Lãng chạnh ghĩ đến con gái mình còn kẹt ở quê nhà. Anh lại chép miệng. Không biết con nhỏ ở lại với mẹ có ra làm sao không.

Con nhỏ tuổi cũng bằng cô bé này thôi chứ mấy. Tuổi trẻ bao giờ cũng dễ bị thua thiệt. Bẫy dời dầy dẫy, tuổi trẻ đã có sửa soạn gì đâu, làm sao đối đầu nổi. Cuộc đời ở đâu cũng hung dữ lừa đảo, có biết xót thương gì đến ai. Nơi nào cũng vậy thôi. Ở nơi xứ văn minh dư giả này hay ở xứ nghèo khổ kia cũng thế, mỗi chỗ có mỗi vấn đề, không biết vấn đề nào nặng hơn vấn đề nào nữa đây.

Lãng lắc đầu xua đuổi những ý nghĩ vẩn vơ. Bao nhiêu chuyện đó đâu phải do anh trách nhiệm. Lẩn thẩn như vậy mãi chỉ tổ làm cụt hứng mất vui đi. Hôm nay tối thứ sáu không bị trực gác ở bệnh viện là quý rồi, anh muốn đi vui chơi tí ti. Còn có cả hai ngày nghỉ cuối tuần mà lo gì. Học hành thì ở tuổi anh cũng đại khái thôi, làm sao bằng sức trai tráng hồi còn thanh niên được. Mà không cứ gì chuyện học hành, chuyện trai gái phòng the cũng vậy nữa. Vụ này mới quan trọng chết người chứ.

Lãng lại lắc đầu xua đuổi những ý nghĩ u ám, nói một mình:

"Gì thì gì chứ không thể tấp vô đây được, bệnh hoạn dầy ra đó, chớ có tưởng bở. Lại nữa, mình không phải tay mạnh mẽ..."

Anh chắt lưỡi. Cô bé chanh cốm thân mình suông đuột, chân cẳng dài ngoẵng vậy mà hấp dẫn thiệt, hết biết luôn. Hay bây giờ mình sanh tật đâm ra thích con nít? Diệu này có ngày ở tù sớm. Mấy năm ở xứ người một thân một mình không dàu bà... Coi bộ sống không tự nhiên dễ sanh tẩm bậy tẩm bạ hồi nào không hay...

Đang suy nghĩ anh đã bước qua khỏi mấy cửa hàng, bước nhanh qua tấm cửa kiếng lớn chiếm trọn mặt tiền nhà hàng Harvey.

Anh tự nhiên nghe khó chịu như bị đám người vô công rồi nghề lố nhố ngồi bên trong nhìn ngắm.

Khách qua đường ngang qua khu vực này kỵ nhất là gặp phải người quen, nếu xui xẻo gặp ai nhìn lầm bà con thì còn quê dữ. Kín đáo, không ai biết mình, không lý lịch vẫn hơn.

Qua một cửa hàng nữa, Lãng ngước nhìn vào cửa kiếng, ô hô, toàn là những thứ độc địa ác ôn nẩy lửa đang chưng bày dưới những ánh đèn một trăm nến. Quả thật không hổ danh một "cửa hàng tình dục". Nào là những bộ đồ lót nhỏ tí tẹo màu đỏ chói của cả hai phái nam nữ. Nào là những món phụ tùng đồ nghề đủ loại, đủ kiểu, đủ kích thước làm bằng cao su hay kim khí... Quả thật xứ văn minh có khác. Chỉ nhìn không thôi Lãng cũng đã nghe ngượng, vậy mà khách hàng cả hai phái nam nữ vô ra nườm nượp tay lủng lẳng những gói hàng. Sát bên hông tiệm "sex shop" có cánh cửa kiếng treo tấm biển bằng đèn màu chấp chóa. Lãng quay đầu đưa mắt nhìn xung quanh lần nữa. Không có gương mặt quen thuộc nào hết. Anh hấp tấp đẩy cửa bước vào. Bên trong, không khí ấm hẳn. Hai bên vách treo đầy những ảnh màu hấp dẫn. Lãng bước lên cầu thang dẫn lên tầng lầu trên.

Cánh cửa đầy bọc da màu đỏ cặn rượu chát vừa hé mở, tiếng nhạc chát chúa thùm thụp ào ra. Lãng lách mình bước vào. Bên trong đầy đặc khói thuốc lá. Ánh sáng chỉ lờ mờ, loáng thoáng nhiều dáng người ngồi quanh những chiếc bàn nhỏ thấp. Mọi cặp mắt đều chăm chú về hướng bục sân khấu đèn màu chấp chóa ở giữa phòng. Một nàng kiều nữ nước da trắng mát đang biểu diễn điệu vũ gợi tình dưới tia đèn chiếu cực mạnh. Nàng đang vừa múa vừa cởi xong mảnh vải che cuối cùng trên người. Thân thể trắng ngần ngộn. Một vài tiếng huýt gió thưởng ngoạn, tiếng vỗ tay lác dác. Lãng đứng sững tại chỗ, anh nuốt vội nước bọt, mắt không rời vũng ánh sáng trên sân khấu. Nàng vũ nữ liếc mắt cười duyên, khẽ gật đầu chào cám ơn khách ái mộ, vừa tiếp tục uốn mình theo điệu nhạc dồn dập.

"Xin lỗi ông đi mấy người?" Người hầu bàn tiến sát đến bên Lãng lịch sự hỏi. Lãng quay lại, người hầu bàn đứng sát vậy mà anh không nhìn thấy, chỉ phân biệt được màu chiếc áo trắng. Ngoại trừ ánh đèn chói chang trên sân khấu, xung quanh tối om om. Anh giúi tờ giấy bạc cho người hầu bàn rồi giơ một ngón tay:

"Một mình tôi, ông lựa giùm cho một bàn nhỏ chỗ khuất tí".

Lúc Lãng ngồi vào bàn, cặp mắt anh đã quen dần với bóng tối. Bây giờ anh mới nhận ra các cô hầu bàn tíu tít tới lui đều để ngực trần lồ lộ, trên mình chỉ có mảnh quần tắm che thân.

Một cô trẻ măng cầm chiếc khay tiến tới cười duyên hỏi Lãng

dùng thức uống chi. Lãng chỉ dám ngước lên nhìn xéo nghiêng nghiêng. Anh có cảm giác lạc vào một thế giới nào khác. Anh lấy tay giụi mắt xem mình có đang nằm mơ không? Rõ ràng người thật đây mà, đâu phải giấc chiêm bao. Tiếng nhạc vẫn dồn dập ồn ào, cô vũ nữ lúc nãy đã bước xuống, một cô khác lên thay bắt đầu một kiểu múa lạ mắt. Cô gái cầm khay vẫn đứng bên cạnh. Chắc tưởng Lãng nghe không rõ, cô ngồi thụp xuống đưa mặt sát bên tai anh lập lại câu hỏi. Mái tóc cô lòa xòa thoang thoảng mùi nước hoa bông lài. Lãng định gọi ly nước chanh đường, nhưng cảm thấy ngượng, ở đây có ai uống nước ngọt, họ cười cho.

"Bugweizer hay Labatt Blue?" giọng cô gái thầm thì ngọt ngào. Lãng ngập ngừng bảo cô lấy cho hiệu gì cũng được.

Lãng giơ tay ngoắc cô hầu bàn gọi thêm chai bia nữa, chai thứ ba từ lúc anh ngồi vào bàn. Anh nghe trong bụng mình ấm hẳn lại, hết còn cảm giác nôn nao ngượng ngùng như lúc đầu. Anh ngồi uống tì tì nhìn cảnh tượng hấp dẫn. Bây giờ mắt anh đã quen với bóng tối. Anh vẫn nhìn các cô thay phiên nhau lên biểu diễn trên sân khấu. Mỗi cô mỗi vẻ, mỗi cô mỗi nét, cô nào cũng tươi mát, cũng có tài nghệ đáng đấp riêng biệt. Cảnh múa thoát y trên sân khấu đã hấp dẫn, nhưng không phải cảnh lôi cuốn hết chú ý của Lãng. Cảnh tượng những bàn xung quanh, sát ngay bên cạnh mới hấp dẫn đặc biệt.

Hầu như mỗi bàn đều có một cô đến múa thoát y tại chỗ, ở đây mới sát ngay cạnh mắt, có cái không khí riêng biệt, thân mật kiểu phòng the. Những bàn xung quanh ở trong góc kẹt này chỉ có loại khách đi một mình như Lãng. Hình như họ quen nhau trước, chắc là những khách hàng quen thuộc. Mấy cô vừa múa theo điệu nhạc, thỉnh thoảng lại vừa nói chuyện cười giỡn với ông khách hàng coi có vẻ tương đắc lắm. Tuy kế cận, nhưng Lãng chỉ dám thỉnh thoảng liếc nhìn kín đáo thôi. Không khí riêng tư của mỗi người mình ngó hoài sao tiện. Lại nữa, chính thức ra anh chỉ nên nhìn trên sân khấu, cảnh tượng kế bên tuy hấp dẫn thật, nhưng những khách đó họ đã chịu tốn hao để được hưởng thụ riêng. Ở đây tinh thần tư hữu nặng lắm, rõ ràng là riêng tư hết. Bạn bè đi chơi chung còn chia nhau nữa là, người nào trả tiền người nấy, dâu có vụ ai bao ai. Anh có trả hùn với họ đâu mà nhìn. Anh chỉ thỉnh thoảng liếc liếc. Như kẻ trộm không bằng. Anh nghe bực mình. Nếu thích, anh cũng dám chơi dẹp

chứ có kém chi ai. Lãng quyết định. Anh vẫy cô hầu bàn đến, bảo gọi cho một người đẹp.

Bây giờ anh mới thấy mình bạo thật, đời sống sinh viên nào có giàu có gì. Nhưng lỡ rồi, đâm lao phải theo lao thôi. Đầu óc anh có chút bia vào đã nóng bừng bừng.

Cô gái tóc vàng còn trẻ măng, cười duyên chìa tay ra thân mật. Lãng nắm lấy bàn tay, cố ý giữ lại một lúc. Cô chỉ mỉm cười rụt tay lại, bàn tay ấm, nhưng không chút cảm xúc. Cô nàng chẳng nói chẳng rằng cúi xuống kê chiếc bục tròn nhỏ sát vào chân Lãng rồi đứng lên loại bàn dã chiến đó bắt đầu uốn éo theo điệu nhạc. vẫn tiếng nhạc dồn dập từng cơn như thác đổ. Cô gái bắt đầu tháo gỡ lần lượt từng mảnh vải mỏng manh trên mình. Bây giờ cô đã trần truồng nhồng nhộng ra đó. Da thịt trắng ngần trước mắt Lãng. Anh đưa tay cầm lấy ly bia lạnh đưa lên miệng làm một ngụm lớn. Hơi bia mát xuống đến cổ, xuống đến dạ dày nghe dễ chịu. Anh nghe trong mình lâng lâng, hai mắt bỗng như mỏi nhừ. Người đẹp đang múa may gợi cảm ngay trước mặt mà sao hai mí mắt anh muốn làm reo nhưởng lên hết nổi. Cặp mắt sao mà quê thiệt, nhằm lúc như vầy mình cần nó sáng tỏ thì nó lại mờ mịt chẳng thấy gì rõ ràng cả. Lúc cần kíp thì chẳng ra làm sao hết. Điệu này phải biết trước mình sắm kính lão đem theo cho chắc ăn. Lãng cố nhướng mắt lên, màu da của cô nàng trắng quá, trắng mịn như sữa tươi, ngồn ngộn những sinh lực. Cô còn trẻ, chỉ độ mười tám là cùng, tuổi vừa mới lớn, mới trưởng thành. Da thịt căng tròn lẳn, đang sức nẩy nở như trái cây chỉ mới hườm hườm măng tơ hứa hẹn. Màu trắng bây giờ trở thành chói chang làm anh hoa cả mắt. Từng tảng, từng tảng ánh sáng nhún nhẩy, chồng chất lên nhau chói lòa như hào quang.

Cô gái bỗng quỳ thấp xuống, hai đầu gối kê trên mặt bục gỗ tròn, thân mình và đôi tay vẫn tiếp tục những động tác lắc lư theo tiếng nhạc. Mái tóc vàng phất phơ chạm vào mặt, vào mũi Lãng. Những sợi tóc huyền nhỏ, mỗi sợi như có một luồng sinh khí lôi cuốn, một cõi sống riêng biệt gọi mời. Hương thơm từ mái tóc ngạt ngào làm Lãng ngất ngây. Cô lại cúi xuống thấp nữa, lắc lư. Chợt Lãng nghe một va chạm êm ái ở đùi trái. Không hiểu từ bao giờ có động lực nào thúc đẩy, anh vẫn không chồm tới trước, nhưng sao hai chân anh như kẹp lấy chiếc bàn nhảy tròn nhỏ đó. Đầu gối cô tì sát vào chân anh, anh vẫn để nguyên không rụt về, chịu sự đụng chạm ngất ngây

thân cận. Anh nghe mạch máu nhảy rần rần trong thân thể, mơ hồ và lãng dãng. Anh nghe hơi thở mình dồn dập. Cô gái vẫn để gối sát vào, cô còn như mỉm cười khuyến khích nữa. Đôi mắt cô mơ màng, cô hát nho nhỏ theo bài nhạc. Nụ cười cô quyến dụ mê hồn, đầu chót lưỡi hồng cắn nhẹ giữ mấy chiếc răng trắng ngời. Cô càng lúc càng múa sát vào người Lãng, nhiều lúc có những động tác dồn dập, nhưng không hiểu phép lạ gì đã ngăn cản không có đụng chạm nào, ngoại trừ gối cô đã dựa hẳn vào chân Lãng nãy giờ. Gương mặt cô bây giờ sát vào mặt Lãng, anh nghe hơi thở thơm mùi bạc hà, chắc cô đã nhai kẹo cao su. Lãng nghe choáng váng, thân thể cô sát quá, anh có còn nhìn thấy gì nữa đâu. Thật tình tứ quá, thân mật kề cận như một người tình. Lãng nghe cảm xúc thương yêu dâng trào. Anh cùng mỉm cười với cô, mắt trong mắt... Anh không còn nhớ anh đang ở đâu nữa, giấc mơ hay hiện thực. Mờ ảo. Huyền hoặc. Nửa vời. Có phải nàng của giấc mơ thời thơ ấu? Nàng Bạch Tuyết đã trở về, đã lại tử tế với chú lùn? Anh đưa tay vuốt nhẹ lên mái tóc nàng, trên tấm lưng thon. Bỗng anh nghe đánh chát một tiếng to bên má trái, đầu anh bị sức dội bật ngửa ra phía sau.

Phải mấy giây đồng hồ sau Lãng mới hiểu mình bị cô nàng cho một tát tay nẩy lửa. Anh không nghe đau đớn, chỉ nghe nóng hực bên má và nước mắt bên trái tuôn trào vì chấn thương. Anh còn đang hoang mang chưa có phản ứng thì cô nàng đã kêu lên mấy lời gì đó anh nghe không rõ, rồi ngoe nguẩy bỏ đi một nước. Mọi người xung quanh quay đầu lại nhìn anh. Lãng bỡ ngỡ đứng lên, luống cuống đẩy chiếc bàn tròn nhỏ qua bên để lấy khoảng trống bước ra. Anh chưa kịp đi, cô gái đã trở lại đắt theo một anh chàng tướng tinh vạm vỡ như khỉ đột, cao hơn Lãng cả cái đầu. Cô gái vẫn còn trần truồng, nhưng nét mặt đã đổi hẳn. Gương mặt quyến rũ tình tứ khi nãy đã biến mất, nhường chỗ cho nét danh đá thù hằn. Cô giơ tay chỉ về hướng Lãng nói xì xào với anh chàng to con. Anh ta gật đầu rồi tiến đến trước. Nét mặt anh ta bình thản nhưng ngầm vẻ hăm dọa.

"Mời ông đi theo chúng tôi vào văn phòng". Giọng anh ta lạnh lùng, mắt nhìn thẳng vào mắt Lãng, đôi tay to gân guốc như cẳng ngựa khuỳnh ra hai bên. Lãng không nói lời nào, anh chỉ tìu ngỉu lững thững bước theo anh chàng "khỉ đột".

Nguyễn Minh Đức

TRÚC CHI

phú xuân thành hoài cảm

Bao lần hưng phế
Công hầu đế bá là ai
Dòng Hương đỉnh Ngự
Xanh xanh sông núi còn dài.

Mây côi vòng cổ lũy
Nhạn lẻ vút kỳ đài
Hương Bình phong cảnh cũ
Tân chủ mấy lần thay.

Nào ai ai tỉnh ai say
Được thua thua được vần xoay thế cờ.
Nắng mưa núi nọ còn trơ
Đìu hiu lau lách lững lờ dòng kia
Lơ thơ mấy lá đi về
Một câu mái đẩy trăm bề cảm thương.

Chinh chiến thiêu tàn cây đỉnh Ngự
Phong ba nhồi dục nước dòng Hương
Thành lở bồi hồi niềm cảm cựu
Sen tàn ngao ngán nỗi tang thương.

Kỳ đài cờ đổi bao nhiêu lá
Ngũ Phụng lầu trơ nét đế vương
Vàng phai son nhạt thôi thôi vậy
Lăng tẩm rêu phong dáng vẫn Rồng
Một thời Chiêm quốc hai triều Nguyễn
Công hầu đế bá chuyện thành không.

Núi Ngự không cây người trước khóc
Sông Hương nhuốm máu lớp mình thương
Một lần tiêu thổ tàn cung điện
Bia miệng nghìn năm rủa lũ cuồng
Ai thiêu? Ai phá? Ai làm sử?
Riêng Huế thầm đau giữa dấu trường.

Tràng Tiền đứt đoạn cầu ba nhịp
Hai bờ duyên nối chuyến đò ngang
E ấp bao tình mùa phượng đỏ
Mà cũng ngậm ngùi bao dở dang
Cồn xinh bến cũ dâu người cũ
Lỗi hẹn đò xưa không thấy sang.

Dâu rồi Vỹ Dạ đài trang trước
Thơ Hàn Mặc Tử mấy vần buông
Chuyện kể hàng cau cùng nắng mới
Lá trúc... người xưa ôi vấn vương
Hoa bắp có lay hồn trẻ dại
Gọi giùm cái tuổi chớm yêu đương.

Đông Ba Gia Hội thuyền chi chít
Bát cạy lừng vang cả khúc sông
Quà ngon đủ vị bày xinh xắn
Chén dĩa con con sắc trộn hương
Một chiếc tròng con chè đủ thứ
Đêm hè ngọt miệng khách thừa lương.

Nước non nghìn dặm câu ly biệt
Đời sau nhỏ lệ khóc công nương
Tàu chạy kéo neo từ buổi ấy
Ai người ngùi cảm thân phế vương
Non nước chạnh lòng thương thiếu đế
Há đem thành bại luận anh hùng

Chèo văn lơ lớ kêu ma dậy
Tưởng hồn Chiêm quốc múa trong sương
Đêm tàn Bến Ngự tân hòa cổ
Thần tình điêu luyện giọng Minh Trang
Chan chứa bao tình phong cảnh Huế
Êm đềm nét nhạc Nguyễn Văn Thương.

Cố đô thi xã bao vần điệu
Dìu dặt còn vương trên dòng Hương
Kính Chỉ, Thảo Am, Thúc Giạ Thị
Khóc cười dâu bể mấy triều vương
Tùng, Tuy hai phủ dù hoang phế
Thơ giá còn treo thất thịnh Đường.

Tao nhân mặc khách đâu đâu tá
Nào đâu hào kiệt đâu anh hùng
Hưng phế tồn vong vô hạn cảm
Thị phi thành bại ai người thương
Có chăng Linh Mụ chuông chiều sớm
Nhắc chuyện vô thường trên bến sương.

Sớm chiều Linh Mụ hồi chuông
Nhịp đưa kim cổ lớp tuồng đổi thay
Buồn vui trời đất còn dài
Tấc riêng gửi Huế chút này còn lưu.

HUỲNH LIỄU NGẠN

phải chi em là mộng

Thôi mây đừng bay nữa
có chi để đỗi hờn
cũng đành mây xuống thấp
cho mãi hoài cô đơn

Có trở về cũng được
lối xưa đã khác rồi
cơn mưa năm ngoái đó
đã bay về viễn khơi

Rồi năm nay thị trấn
chẳng đâu còn đông vui
hoài mấy lần trông ngóng
con đường mù mù khơi

Thôi thì đời dâu bể
để lòng người bể dâu
phải chi em là mộng
chôn hoài em đêm thâu

Phải chi em là bão
cho tan vỡ địa cầu
phải chi em là thác
cho bạt ngàn sông sâu

Thì đời anh đâu dễ
làm ghềnh đá cheo leo
làm thân đời ảo vọng
một mối tình gieo neo

Thôi mây đừng bay nữa
có chi một nỗi sầu
thôi mây đừng bay nữa
cho trong trắng tinh cầu

Phải chi em là mộng
chôn hoài anh đêm thâu
phải chi em là bão
cho tan vỡ địa cầu.

TRƯƠNG ANH THỤY

bên trong thơ du tử lê

Một trong những khám phá lớn của thơ Việt Nam thế kỷ thứ 20 là bệnh tật vẫn có thể thành một đề tài làm thơ được. Nếu như Phật đã dạy, bốn vấn đề lớn của cuộc đời là "Sinh, Lão, Bệnh, Tử", thơ cổ điển của Việt Nam thường chỉ nhắc đến "Sinh", Lão", "Tử" mà không nói gì đến "Bệnh". Có lẽ tại vì các cụ quan niệm rằng bệnh tật, máu me dơ bẩn nên không thể cho vào thơ là một cái gì tao nhã chăng? Nếu như ni cô Diệu Nhân ở thế kỷ 11 (đời nhà Lý) cũng có một bài về "Sinh, lão, bệnh, tử" và sau ni cô, sang đến thế kỷ 18, 19, Nguyễn Du, Cao Bá Nhạ cũng nói đến đề tài này, thì "bệnh" ở đây cũng chỉ được nhắc qua như một ý tưởng trừu tượng, mà không nhằm nói lên một bệnh tình nào đặc biệt, hay nói riêng về vấn đề "bệnh" trong cuộc sống. Còn ca dao thì dường như không nói gì đến "bệnh". Phải đợi đến khoảng những năm ba mươi trở đi, sau khi ảnh hưởng thơ Pháp đã tràn vào Việt Nam, được một số năm rồi, người ta mới dám mở, ngày thêm rộng các đề tài của thi ca Việt Nam. Như Xuân Diệu chẳng hạn, với tình yêu nồng nàn, táo bạo "hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi", hay thơ Nguyên Sa có "... mười ngón tay bấn loạn..."

Bên cạnh đó, máu me, lục phủ ngũ tạng, vi trùng... được phơi bày trong thơ một cách cụ thể, trần trụi. Thí dụ, Hàn Mặc Tử với những câu thơ tả bệnh của ông:

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man chết điếng cả làn da...

Hoặc những câu trong bài Ave Maria, có dượm màu tôn giáo, cho ta thấy niềm tin mãnh liệt nơi ông:

Maria linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trừu mến

Đến Huy Cận thì lại còn dám thách thức cả thượng đế. Trong bài "Thân thể", sau khi ông dùng nhiều câu thơ để tả "con người" do

Chúa dầy công nặn ra, như một bức tượng hoàn hảo, với đôi bàn tay như hoa nở, cặp chân mày chồi măng, mắt sáng ngời ánh sao, cổ vững chãi như cây, vai ngang như mặt nước... bỗng dưng ông nhìn thấy bên trong cái thân thể đẹp đẽ ấy, lúc nhúc những vi trùng, đang gia công đục khoét, ông mỉa mai:

Hỡi thượng đế! Người công phu biết mấy
– Nhưng mọt sâu nương núp giữa lâu đài...

để cuối cùng ông kết luận:

Nếu Chúa biết bao nhiêu hồn ly tán
Vì đã nâng bình lửa ấp lên môi
Thì hẳn Chúa cũng thẹn thùng hối hận
Đã sinh ra thân thể của con người

Và ngày hôm nay, cuối thế kỷ 20, tại hải ngoại, giữa chúng ta, một Du Tử Lê, cũng làm thơ về "bệnh". Bệnh của anh, bệnh Thyroid, đã ăn đậu nằm nhờ thân thể anh năm năm trời. Căn bệnh đến với anh như một người khách bất đắc dĩ, đến như một "cái duyên", một định mệnh:

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid
cuối cùng rồi chúng ta cũng gặp nhau
như những con hải âu chọn biển xanh
để hả hê khoe tấm lòng trinh trắng
...
ô kê cũng tốt thôi Thyroid
cảm ơn bạn đã chọn tôi
như đất chọn trời
như đại bàng chọn đỉnh núi
như cọp rắn
chọn rừng sâu

Có lẽ, vì coi bệnh là định mệnh nên anh chấp nhận nó như ta chấp nhận cái tai, cái mắt, cái mũi của mình, và anh khá bình thản khi chuyện trò với bệnh. Anh không tìm đến tôn giáo để tự an ủi như Hàn Mặc Tử, anh trực diện và lý sự với bệnh:

Thyroid, chính bạn
(chứ còn ai vào đấy)
đã xơi tôi miếng trong mắt
chính bạn chủ mưu đẩy con ngươi tôi ra khỏi hốc mắt
bạn chơi khăm quá đi
chơi đểu quá đi

chơi sát ván
chơi tôi ná thở...

Rồi có thể vì anh đã tách được mình ra khỏi căn bệnh để đặt thành một quan hệ "chủ khách" nên anh khách quan được, đôi khi còn giễu cợt nữa là đằng khác:

ờ cũng được
cũng tốt thôi
giữa chúng ta thật ra
chẳng hề có một problem gì
Ở một đoạn khác, anh nói:
đã năm sáu năm qua rồi
tôi với bạn vẫn trịnh trọng
thi hành cam kết bất thành văn:
tuần trăng mật nào chẳng có ngày chấm dứt

Anh cũng biết thách thức, nhưng khác với Huy Cận, anh không đem thượng đế ra mà xài xể, mà quay ra thách thức ngay căn bệnh của anh, xem như một thứ đua tài, thử sức chơi:

tựa cuộc thi nước rút có giải thưởng
bạn thả những cái hạch lớn nhỏ
chạy vòng quanh cổ tôi
ôi cái cổ ngẳng ra
giúp cuộc đua thêm hấp dẫn!

Trước lạ, sau quen. Riết rồi "người khách" ở chơi lâu cũng trở thành "bạn", dù chỉ là bạn bất đắc dĩ. Vì thế, cũng có những lần anh thủ thỉ tâm sự với bệnh, nhưng không hề nản nỉ:

bạn nhất định xơi con mắt của tôi
cũng được đi
nhưng chẳng việc gì phải chơi nhau tận tình đến thế
dù sao tôi cũng chỉ cần con ngươi mình lúc này thôi
(ngay khi chúng còn có cơ phạm tội)
để nhìn những người tình ra đi
như nhìn dòng nước chảy
...
dù sao tôi cũng chỉ cần
con ngươi mình lúc này
để thấy các con tôi
những đứa nhỏ như chim
lớn giữa mùa bão rớt

những đứa nhỏ như tre
mọc giữa rừng cháy nám
những đứa nhỏ không dám
nghĩ có ngày gặp cha
Để rồi hạ bằng một câu trữ tình:
ô kê cũng tốt thôi Thyroid
cảm ơn bạn đã cho tôi
những ngón tay gân lên từng đường gân luống tuổi
những buổi chiều gió quẩn hút trong cây

Đọc bài "Cuối năm chuyện vãn với bệnh Thyroid", tôi không có ý đi tìm chất thơ tiêu biểu cho thơ Du Tử Lê, vì các bài khác của anh chứa đựng chất thơ hơn nhiều. Ở đây tôi chỉ tìm thấy những ngôn ngữ giản dị. Nó không "hóc búa" như các bài thơ viết về các bạn anh, nói đến những bí mật, những "mã số" mà có lẽ chỉ anh với bạn anh hiểu mà thôi. Trong bài này những chữ láy đi láy lại nhiều lần "cũng tốt thôi, cũng tốt thôi" cho người đọc ấn tượng bình thản, thân tình, hài hước, thách thức. Hơn nữa, bài thơ đã nói lên được quan niệm "vô thường" của nhà Phật: ở đời không có gì vĩnh cửu, kể cả niềm vui, nỗi buồn, núi, sông, con người, bệnh tật rồi cũng chỉ ở cõi tạm. Song anh vẫn không khỏi sót sa:

vì sự hư hỏng túng thiếu
của cả tôi lẫn bạn cộng lại
cuộc đời sẽ ném chúng ta
vào xó góc lãng quên
thua một con chó chết

Và cuối cùng, trong đoạn chót bài thơ, anh viết:

cũng tốt thôi cũng tốt thôi
Thyroid
tôi muốn triết lý vụn
với bạn
rằng
có gặp gỡ nào
chẳng đem tới chia ly?
chỉ khác nhau điều:
sớm, muộn

Đến đây, cảm giác đau đớn do bệnh của anh đã được thăng hoa. Anh đã chào vĩnh biệt bệnh của anh một cách rất nhẹ nhàng, rất bình thản, rất... thiền.

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

QUYẾT ĐỊNH

32. Tháng ngày trôi qua, thấm thoát cô đã đi làm được non tháng. Tang tóc nguôi ngoai, cô dần dà chấp nhận chuyện sống chết như không tránh được của kiếp người. Nhưng thời gian cũng không hàn gắn được sự rạn nứt giữa cô với mẹ. Hình ảnh cứng cỏi tàn nhẫn của bà những ngày xung quanh cái chết của ba cô vẫn ám ảnh cô.

Bận rộn công việc đem lại ít nhiều khuây khỏa. Nhưng hễ gần giờ tan sở là cô lại bắt đầu bực dọc nghĩ đến chuyện phải trở về căn nhà u tịch, nơi hai mẹ con sống với nhau như hai chiếc bóng, giới hạn những trao đổi đến mức tối thiểu.

Bác Lan hễ có dịp là tìm cách khuyên giải. Mới đầu bác khuyên giải một cách kín đáo, và cô vờ đi như không hiểu. Một hôm bác vào thẳng đề:

"Cháu ạ, tình thế này nặng nề cho mẹ cháu quá. Bác biết ba mẹ cháu từ hồi mọi người còn học tiểu học tại Vĩnh Bình. Mẹ cháu xinh đẹp nhất trường, con nhà, lại thông minh. Uổng là thời ấy con gái không được học cao, nếu không bác chắc bà sẽ tiến xa lắm, chắc còn xa hơn nhiều bạn trai về sau thành đạt...

Hơn nữa, mẹ cháu là một người đàn bà đức hạnh, bao giờ cũng lo cho đời sống người thân được chu đáo. Chỉ có điều là mỗi người một số phận, sự săn sóc của bà chỉ đem lại bực tức hay thất vọng cho bà... Có thể nào cháu thay đổi được không? Có thể nào cháu khoan nhượng một chút cho mẹ an vui hơn không?"

Cô có sẵn câu trả lời:

"Mẹ cháu không dễ an vui dâu bác ạ. Ai chẳng muốn cho bà an vui, từ ba cháu ngày xưa, cho đến bác, đến các em, đến chính cháu, đến cả chị Quỳ nữa... Nhưng mẹ cháu cần nhiều quá để được an vui. Cháu bỏ cuộc rồi..."

Bác tiu nghỉu. Cô xót xa cho bác hơn là cho mẹ. Nghĩ đến bà, cô chỉ thấy oán giận.

*

Cô mừng còn có chị Quỳ ở bên. Thứ bẩy chủ nhật cô lấy xe buýt đến chị ở chơi suốt buổi. Hôm nào chị bận việc riêng, cô ra công viên thẩn thơ đến tối mới về. Khi tuyết xuống, chuyện ra công viên không còn thuận tiện, cô tìm vào thư viện đọc sách.

Vậy mà đời sống thủ đô đã bắt đầu rộn rã với mùa lễ lạt cuối năm. Hôm Halloween, chị Quỳ rủ cô:

"Em xin phép mẹ tối chị chơi tối nay đi. Mình xem phong tục trẻ con Mỹ giả làm ma đi xin kẹo hàng xóm. Vui lắm em ạ. Khu chung cư đằng em toàn các cụ ở, không có trẻ con dâu..."

Cô sung sướng nhận lời. Cơm nước xong trời vừa xẩm tối là chuông cửa đã reo. Mở hàng là một con ma đàn bà đầu đội bộ tóc giả bù xù, mình trùm tấm ra giường trắng, bị gậy tới xin kẹo... Tiếp theo là đủ thứ ma khác, đứa đội mũ mấn, đứa mặc quần áo đen vẽ bộ xương lân tinh, lẫn lộn với dăm ba phù thủy hay tướng cướp. Cái vui của trẻ con được kẹo lây sang cô, và cô thấy cái phong tục tưởng như ma quỷ dị đoan của nước này thật ra chỉ là một trò chơi tinh nghịch của tuổi thơ, không ăn nhằm gì đến tang tóc hay chết chóc. Khoảng mười một giờ, trẻ con thưa dần rồi sau cùng không tới nữa. Chị Quỳ bảo cô:

"Khuya rồi, chị đưa em về nhé."

Cô ngại ngùng. Cô biết mẹ cô ở nhà cũng đang bận rộn với chuyện ma, nhưng một chuyện ma khác, nặng nề và thê thảm. Cô biết như thường lệ, tối nay bà cũng vẫn dặt bàn cho ba cô, và giờ này cơm nước xong, tách trà và đĩa bánh nhỏ sẽ được bầy ra cho đến bữa điểm tâm sáng mai.

Giờ này chắc bà đã vào giường nhưng chưa ngủ, và đang nằm nói chuyện với bình tro của ông. Một ý nghĩ đen tối làm cô nhăn mặt. Biết đâu bà chẳng đang kỳ kèo ông về những chuyện không

ưng ý cũ vừa chợt nhớ lại, từ chuyện ông bỗng dưng bỏ đi quá sớm cho đến những lôi thôi lếch thếch không tránh được suốt nửa kiếp người chung sống với nhau... Cũng có thể bà đang dằn vặt ông về chị Quỳ, cho hả nỗi bực tức vừa bị khơi dậy vì cô không ở nhà mà tới chị ăn cơm tối nay.

Hình ảnh bình tro hiện ra rõ ràng trước mắt cô. Chiếc bình có lẽ công dụng nguyên thủy là để cắm hoa. Chính cô đã đi mua với bác Lan tại tiệm đồ gốm Tàu, vì bình tro thông thường của nhà đòn không đủ rộng để chứa tro của hai người như mẹ cô muốn. Bình đẹp hình tám cạnh, cổ cao, nước men hai mầu xanh trắng. Mặt bình có vẽ ông lão đang ngẩng mặt ngắm trăng, với hai câu thơ. Bác Lan bảo là thơ Lý Bạch, kể nỗi nhớ nhà của người lữ thứ. Cô không biết chữ Hán, chỉ nhận ra hai chữ "minh nguyệt". Tuy không phải đồ cổ, chiếc bình thật đẹp và gần như toàn hảo, ngoại trừ chữ "nguyệt" có nét ngang bị mờ nước men. Cô đã tính mang lại tiệm đổi, nhưng tang lễ gấp rút nên lại thôi.

Hôm hỏa táng, lúc khói đen cuồn cuộn bốc lên từ ống khói lò thiêu xác, bà đã ngất đi bất tỉnh. Trong lúc bác Lan và chị em cô vội vã theo xe hồng thập tự lên bệnh viện săn sóc cho bà, chị Quỳ một mình ở lại chứng kiến cuộc hỏa táng cho đến lúc cuối, và lãnh bình tro mang về. Hôm sau chị trao bình lại cho cô để đặt trên bàn thờ ông. Xuất viện, bà mang bình vào phòng ngủ, đặt đầu giường cho đến hôm nay.

Nghĩ mai kia chiếc bình này sẽ đựng chung tro của cả hai ông bà và được thả xuống sông Hậu, cô rùng mình với sự gần gũi cưỡng bách và vĩnh viễn, nặng nề như muôn kiếp tù tũng. Cô thấy cấn cái toàn thân, như chính cô đang ngột ngạt trong căn xà-lim chật hẹp. May mà chỉ là mở tro.

"Em làm sao xanh thế?" chị Quỳ lo lắng hỏi cô.

"Chị cho em ngủ lại, chị nhé?"

Chị ngạc nhiên nhưng không hỏi thêm. Nhẹ nhàng chị nhắc cô gọi điện thoại cho bà hay. Tối hôm đó hai chị em nằm nói chuyện suốt sáng. Cô kể cho chị những ấm ức dồn chứa từ lâu. Cô chia sẻ với chị những kỷ niệm cũ về ba cô và Lương. Có lúc xúc động, cô ôm chị khóc làm chị khóc theo.

Sáng hôm sau, cô thức giấc thấy tâm hồn thanh thản. Từ hôm ấy

cô có thói quen mới là thỉnh thoảng tới chị ngủ lại, và cái liên hệ giữa cô với mẹ đã giá lạnh lại càng giá lạnh hơn.

*

Thấm thoát đến lễ Tạ Ơn.

Mẹ cô làm lành:

"Hôm nay con đi chợ mua con gà tây nho nhỏ sửa soạn làm tiệc nhé. Hồi còn sống năm nào ba cũng nhắc mẹ. Tất nhiên là mình mời bác Lan. Con có bạn bè muốn mời về nữa thì mời luôn."

"Mẹ ạ, nhà mình năm nay có may mắn gì đâu mà ăn lễ Tạ Ơn."

Cô ngạc nhiên cô có thể trả lời mẹ cộc lốc như vậy. Lại không công bằng. Cô còn có chị Quỳ trên đời để cảm ơn Trời Phật. Tối nay cô sẽ tới ăn gà tây với chị, sẽ ngủ lại nhà chị như mới đây cô vẫn thường làm. Còn bà, bà chẳng có ai. Vậy mà cô không ân hận. Cô chỉ thoáng thấy hả dạ...

Như cô dự đoán, chị Quỳ mừng rỡ đón tiếp cô. Nhưng chị vẫn áy náy:

"Em ít ở nhà với mẹ quá..."

"Chị khỏi lo, mẹ em bao giờ cũng tự túc tự cường được."

Suốt buổi tối ngồi bàn tiệc ăn uống cười nói với mọi người, cô có lúc thoáng nghĩ đến mẹ ở nhà một mình. Cô biết bác Lan sẽ trách cô không kiên nhẫn và không gượng nhẹ với bà. Nhưng mặc, "Mẹ cháu muốn như vậy..." cô nhủ thầm như để giải thích cho bác cũng như cho chính cô, để rồi vui tiếp với các bạn.

Về sau cô mới biết là mẹ cô không ở nhà một mình đêm lễ Tạ Ơn. Bác Lan đã mời bà và mấy người bạn già khác về đằng bác ăn tiệc. Cô nghe nói bữa tiệc ấy khá lụp chụp vì tới lúc biết cô nhất định tới chị Quỳ thì bác mới vội vã tổ chức. Mặc dầu công lao vất vả, các cụ trong hội tăng già không thích món ăn Mỹ, và nhiều cụ đã tỏ ra bất mãn với tài gia chánh dàn ông của bác. Khi bác kể lại sự việc, cô thản nhiên nói:

"Sao bác không mời mẹ cháu đi tiệm, mọi thứ sẵn sàng đỡ phải tốn công?"

"Đâu có được cháu, còn miệng tiếng người đời."

Rồi bác tâm sự với cô là bác ái ngại cho mẹ cô, nhất là sau khi ba cô mất đi, mà hai mẹ con lại xa cách với nhau. Khổ nhất cho bác

là ái ngại mà không biết phải làm gì. Có những giới hạn trong sự săn sóc của bạn với bạn mà lề lối xã hội không cho phép bác vượt qua. Thậm chí khi tưởng niệm ba cô, trong số đặc san hội ái hữu, bác muốn cho đăng một bài lục bát khóc ông mà cũng có vấn đề...

"Vì sao?" cô hỏi.

Bác không cắt nghĩa mà mở ví đưa cô một miếng giấy nhỏ gấp tư. Cô dở ra thấy một bài thơ lục bát:

KHÓC BẠN

Làm sao? Trời sụp trên đầu
Không gian tang tóc u sầu tái tê
Bơ vơ tôi đứng bên lề
Thương anh xót bạn trăm bề đớn đau
Cõi tiên thăm thẳm nơi đâu
Anh đi tiếc nuối giọt dào khôn nguôi
Nhân sinh nghiệp dĩ luân hồi
Trùng phùng xin hẹn có ngày kiếp sau
Tưởng đâu bằng hữu dài lâu
Giờ đây dương thế gánh sầu lê thê
Lấy câu sống gửi thác về
Bơ vơ tôi đứng bên lề khóc anh.

Cô nói:

"Bài thơ bác khóc ba cháu, có gì mà họ phải thắc mắc..."

"Vậy mà họ vẫn thắc mắc. Cũng như cháu, họ tưởng là bài thơ của bác. Và họ trách bác tại sao lại than thở chuyện phải đóng vai người ngoài. Đám tang ba cháu, việc gì chẳng có tay bác lo liệu, tại sao còn chuyện đứng bên lề. Còn thế nào mới là đứng bên trong? Tất nhiên là họ lầm, vì bài thơ là của chị Quỳ. Nhưng cách họ đặt vấn đề, dù đặt sai, cũng nhắc nhở cho bác là cần phải ý tứ trong mọi chuyện để không phiền đến người thân..."

Cô thấy xa vời với những ưu tư của bác. Bài thơ chung chung, vô thưởng vô phạt. Chị Quỳ làm hay bác làm thì đã làm sao. Cô buột miệng:

"Vẽ, tuổi bác và mẹ cháu, hơi đâu mà bác để ý."

Nói xong, cô thấy mình chai sạn. Và cô phát hiện là cô đã chai sạn đi nhiều lắm từ khi ba cô mất. Nhưng cô lại nghĩ cũng phải vậy

thôi, nếu cô không muốn bà tiếp tục thương tổn cô như bà đã thương tổn mọi người xung quanh suốt cả cuộc sống.

*

San lễ Tạ Ơn, thủ đô lại tiếp tục nhộn nhịp với lễ Giáng Sinh và Tết dương lịch sắp tới. Tối tối ngồi trên xe buýt về nhà, cô ngắm đường phố chăng đèn kết hoa, với những cây nến giả không lồ, những cặp chuông sơn đỏ ối, những cây kẹo hình chiếc gậy ba-toong hai mầu. Nhìn qua cửa sổ nhà người ta, thấy những cây tùng trang trí bằng đèn ngũ sắc lộng lẫy với ru-băng và những quả cầu thủy tinh lóng lánh, cô nghĩ đến buổi tối ở nhà mình. Phòng khách lạnh lẽo không lên đèn, hai mẹ con mỗi người một phòng, giam mình vào một thế giới riêng. Cô mỉm cười với hình ảnh căn nhà giá lạnh. Bà suốt ngày phải ở trong căn nhà đó. Cuộc sống chung nếu ngột ngạt với cô một phần, tất ngột ngạt với mẹ cô mười phần.

Cô biết cách cô đối xử với mẹ một ngày một căng hơn. Và cái căng này còn gia tăng hơn nữa, vì cô chưa mệt mỏi. Cô còn tám tiếng ở sở để thư giãn và phục hồi cân bằng tâm trí. Cô không muốn tự ý dọn tới chị Quỳ. Không, cô vẫn lễ phép, vẫn mềm mỏng cung cách, nhưng vẫn giá lạnh. Và cô sẽ giữ cái căng này, cái giá lạnh này cho đến lúc chính bà phải đề nghị cô dọn đi, để bà chỉ còn mình bà để trách nỗi đơn độc trong căn phố này...

*

Hôm 24 tháng chạp, sở chỉ làm buổi sáng. Cô sắp sửa ra về thì bác Lan tới rủ cô đi ăn trưa. Ngồi vào bàn, bác nhìn quanh tiệm rồi nói với cô:

"Không khí Giáng Sinh đầm ấm vui vẻ quá, người không có đạo Thiên Chúa cũng thấy niềm vui hồi sinh trong lòng."

Cô nói theo đà:

"Bác nói đúng, nhìn đâu cũng thấy cảnh gia đình đoàn tụ, mở Ti-vi ra là thấy nhạc Giáng Sinh, chuyện Giáng Sinh..."

Bác vào đề:

"Chỉ tội nghiệp những người không có bạn bè thân thích. Cái cô độc trong lễ Giáng Sinh là cái bất hạnh lớn lắm ở đất nước này. Cháu ạ, người Mỹ có lý khi họ gọi mùa Giáng Sinh là mùa của tha thứ."

Cô vờ đi như không hiểu. Nhưng lần này bác không chịu thua.

Ăn xong bác rủ cô đi sắm sửa bữa ăn Reveillon ở nhà cô tối nay. Cô dứt khoát cho bác hay là cô đã nhận lời dự lễ Giáng Sinh với chị Quỳ. Bác nói:

"Vậy thì cháu phải xin lỗi chị ấy. Mai mẹ cháu đi Pháp rồi."

Cô thoáng ngạc nhiên, không ngờ mẹ cô lại là người bỏ đi trước. Không ngờ bà chịu thua dễ dàng như vậy. Cô thầm nghĩ bà sang Pháp chơi với Hải rồi có thể ở luôn bên ấy. Nhưng cô không nghe xúc động mà lại còn thoải mái.

Bác nhắc lại:

"Cháu phải về nhà tối nay thôi. Bác nghĩ hôm nay là hôm cuối cùng mẹ cháu còn ở Mỹ."

Biết không thể nào làm khác, cô mượn điện thoại nhà hàng xin lỗi chị Quỳ rồi theo bác ra xe.

*

Bác Lan đưa cô tới tiệm thực phẩm mua con ngỗng quay, bánh mì, bánh ngọt, rượu và tất cả những thứ cần thiết cho bữa tiệc Giáng Sinh. Cô bảo bác:

"Năm nay nhà cháu ăn Noel chỉ thiếu cây thông."

"Cháu lầm, cây thông mình cũng có rồi."

Cây thông ấy bác đã ra vựa mua từ hôm qua, đầy đủ với giấy chăng kim và bóng dây để trưng bầy phòng khách nhà cô. Rồi bác lại bảo:

"Nhà mình tuy nhà Phật, nhưng từ hồi Pháp thuộc cho đến giờ vẫn ăn lễ Giáng Sinh. Bác không muốn năm nay ba cháu mất đi mà mẹ cháu phải thay đổi cái thói quen ấy..."

Cô không nói gì.

Bác đổi sang chuyện khác:

"Hai hôm nay cháu không về nhà phải không?"

"Cháu ở đằng chị Quỳ."

Cô đợi bác trách cô, nhưng bác chỉ ôn tồn:

"Bác cũng đoán vậy. Cháu ạ, cháu về nhà ăn Reveillon không những để tiễn mẹ mà còn đúng với tinh thần Giáng Sinh cháu ạ. Chuyện cháu với mẹ cháu rồi cũng có ngày phải nguôi ngoai. Ruột thịt làm sao bỏ nhau được. Bác mong mẹ cháu đi Pháp mà lòng được nhẹ nhàng thư thái. Mẹ cháu khổ quá."

Lòng lạnh tanh, cô nói:

"Vấn đề của mẹ cháu ở ngay trong nội tâm. Giải pháp không phải ở cháu, là Phật tử mẹ cháu phải biết điều ấy hơn ai hết. Ở Pháp cũng như ở đây, mẹ cháu quen thì nhiều mà thân thì chẳng có ai. Mẹ cháu có sang bên ấy thì cũng thế thôi. Biết đâu mọi chuyện còn tệ hơn nữa..."

Cô chỉ lo cho vợ chồng Hải. Hôn nhân của chúng không phải là không bền vững, nhưng tình trạng kinh tế khó khăn hiện tại không ít thì nhiều sẽ tạo ra vấn đề. Cái căng thẳng mẹ cô đem tới sẽ làm mọi việc còn khó khăn hơn nữa cho hai đứa...

"Cháu nói đúng. Sang bên ấy nếu có chuyện gì, không biết rồi bà sẽ xử trí ra sao?"

Cô nhìn bác. Rõ ràng hai bác cháu mỗi người lo một chuyện.

33. Về đến nhà, cô thấy mẹ cô đang xếp đồ vào va-li. Cô nói:

"Con về ăn Reveillon với mẹ và bác."

Bà ngẩng lên mỉm cười. Làm như không có chuyện gì bất thường, bà nói:

"Hai bác cháu sắm sửa gì mà nhiều thế? Nhà có hai mẹ con, tôi đã định không bầy vẽ gì."

Cô lại thấy cái kiêu hãnh thường lệ nơi mẹ. Bà vui vẻ hồn nhiên chẳng qua là vì có mặt bác. Tuy vấn đề giữa hai mẹ con vẫn nguyên đấy, tuy bác vẫn biết chuyện ấy, nhưng bà vẫn không chịu chính thức chấp nhận nó. Bà cũng không muốn ghi nhận lòng thương hại của bác khi bác cố gắng kéo cô về nhà tối nay. Bà đề nghị ăn tiệc Giáng Sinh sớm, để còn sửa soạn hành lý mai đi. Bà bảo cô:

"Hoàng giúp mẹ đặt bàn nhé."

Trong khi cô hâm nóng đồ ăn, bà lấy bộ khăn bàn thêu cùng với đồ xứ hảo hạng ra bày.

Nhìn hai chiếc va-li và đống áo quần xếp trên sofa, bác hỏi:

"Chị đi bao lâu mà mang nhiều hành lý thế?"

Đang bầy ly rượu, bà ngưng tay trả lời:

"Quà cho các cháu bên ấy. Nguyên một va-li đồ khô để sang nấu cỗ cho chúng nó ăn. Nghe nói chợ bên Paris không sẵn đồ Việt Nam như ở đây."

Hai người đàn bà trong một cái bếp thì chật lắm, cô chợt nghĩ đến lời mẹ cô nói đã lâu. Bây giờ cái bếp là bếp của Hải, hay đúng ra của Marie vợ Hải, và người đàn bà làm bận chân người khác sẽ là mẹ cô. Không biết bà sẽ xử lý làm sao với hoàn cảnh này. Nhưng mà mẹ gieo nhân nào thì hái được quả ấy.

Bác Lan mở ti-vi, và căn phòng vang lên khúc nhạc Giáng Sinh từ đài 5 phát ra. Phim hoạt họa trên đài đang chiếu cảnh tuyết rơi lất phất xuống một xóm nhỏ ven rừng, và một người đàn ông lội tuyết vác cây thông mới đốn về căn nhà gỗ. Cảnh đêm đông giá lạnh làm tăng cái ấm cúng của ngọn khói lò sưởi tỏa lên không trung và khung cửa sổ sáng ánh đèn.

Cái vui vay mượn từ đài truyền hình vẫn không đủ đem lại an bình cho cảnh nhà tang tóc. Bữa tiệc đã bầy xong, mẹ cô mời bác Lan vào bàn. Ghế đầu bàn vẫn bỏ trống để dành cho ba cô. Nhìn bà thắp hương khấn ông, cô bỗng thấy bàn thờ trơ trọi, tấm thường như một kỷ vật để tưởng niệm người quá cố chớ không còn linh thiêng nữa. Chắc tại bà đã lấy bình tro mang vào buồng ngủ, cô thầm nghĩ.

Bà trở lại bàn dọn chiếc đùi ngỗng quay vào đĩa dành sẵn cho ông, và rót rượu ra ly cho người quá cố. Cô không còn sợ cái nghi lễ cúng cơm của mẹ, mà chỉ thấy nó dễ dàng, gần như không thật, đối chiếu với cái dằn vặt day nghiến của bà khi ông còn sống. Không, hồn ông không còn ở đây nữa. Với cuộc sống đôn hậu và tốt lành của ông, chắc ông đã siêu thoát từ hôm 49 ngày, không còn phải chứng kiến cái cảnh cúng cơm kỳ dị và những tưởng nhớ bất thường này.

Bác Lan nói:

"Chị, chị phải tập dần đi thôi... Chuyện thương chuyện nhớ, phải tự kiềm chế thôi. Để nó vận vào người không tốt đâu. Anh nhà có nói được với chúng mình, chắc anh cũng không muốn chị làm thế."

"Quen rồi anh ạ. Mà từ nay về sau cũng chỉ thế thôi. Thay đổi làm gì nữa, mà còn gì nữa đâu mà kiêng với khem."

Câu nói của mẹ, nghe đã nhiều lần, không làm cô xúc động nữa. Cô chỉ xúc động với nét ái ngại trong mắt bác. Bao giờ cũng vậy, bác thấy nơi mẹ cô những điều tốt lành mà chỉ một mình bác thấy. Cô nghĩ sang chuyện khác. Cô mừng thầm ngày mai bà đi rồi, cô không còn phải đối đầu với cảnh sống bất ổn này nữa. Cái không

khí không lành mạnh đến mức bệnh hoạn. Hai mẹ con xa nhau bây giờ là phải. Nếu bà không đi Pháp, chắc chính cô phải dọn ra khỏi nhà này.

Rồi cô ngạc nhiên với lối nghĩ dứt khoát của mình. Tại sao, cô giật mình tự hỏi. Phải chăng đây là một dấu hiệu mới của sự cứng cỏi đang xâm chiếm tâm hồn cô, đang thay đổi tâm tính cô. Cô nhìn vào mặt ti-vi như trốn chạy trong cái ảo ảnh Giáng Sinh đầm ấm của người khác trên đài.

*

Cơm nước xong, mẹ cô xin lỗi ra làm tiếp hành lý. Bác hỏi:

"Trăm ngày anh, chắc chị về lại chứ."

"Không anh ạ, tôi tính làm bên Pháp."

Bà đã xếp hết quần áo từ sofa vào va-li. Nhìn khoảng trống nhỏ còn lại, bà nói một mình:

"Sợ không đủ chỗ."

Rồi bà vào buồng, lát sau trở ra với chiếc bình tro của ba cô.

"Chị tính mang đi đâu? Tôi sợ vỡ mất."

Bà cắt nghĩa cho bác:

"Tôi đưa nhà tôi đi Pháp. Nhân dịp cho nhà tôi đi du lịch luôn."

"Anh nhà lạ lùng gì xứ Pháp."

"Tôi muốn nói nhà tôi chưa bao giờ được đi Pháp du lịch với vợ."

Cô nghĩ mẹ cô có cách nói cho mọi chuyện nhẹ đi. Thật ra chưa bao giờ ông đi du lịch với bà, dù đi Pháp hay đi đâu khác. Chưa bao giờ ông đưa bà đi chơi xa, ngay cả trong những năm gia đình khá giả. Thậm chí, đi công du hay đi tu nghiệp, ông cũng đi một mình. Ông làm cho bà tất cả những điều người chồng trách nhiệm làm cho vợ, nhưng chuyện đi du lịch chung thì chưa bao giờ xảy ra...

Bà loay hoay đặt bình tro vào chỗ trống còn lại giữa ngăn, nhưng va-li đã quá đầy không đóng nắp được. Bà đứng dậy:

"Để tôi kiếm cái sắc tay thứ to vậy."

Bà đi rồi, cô loay hoay thử xếp lại quần áo trong va-li, rồi ướm chiếc bình. Mẹ cô nói đúng, va-li đã quá chặt.

Cô ngắm chiếc bình. Hai câu thơ cổ trông như có gì khang khác làm cô ngỡ ngàng. Cô phát hiện ra chữ "nguyệt" nét ngang trước

kia bị mờ, hôm nay sao bỗng toàn hảo. Có lẽ mình nhớ lầm, có lẽ hôm ấy mình hoa mắt, cô thầm nhủ rồi đặt chiếc bình xuống...

Mẹ cô đã trở ra với chiếc sắc tay lớn quai bằng dây da đan thành hình sợi chão. Lót tấm mút xung quanh, bà bỏ chiếc bình vào trong sắc vừa in. Bà nhắc sắc lên. Nụ cười vừa ý nở trên môi, bà nói với bác:

"Không nặng lắm. Mà gọn gàng, sang bên ấy có đi nơi này nơi khác cũng tiện mang theo. Chắc thế nào tôi cũng đi Provence chơi. Anh ấy thích miền ấy lắm, nhắc đến hoài."

Thế là hành lý thu xếp xong. Bà xin phép bác về phòng nghỉ:

"Anh ở chơi với cháu nhé. Tôi xin kiếu đi ngủ trước."

*

Phòng khách chỉ còn hai bác cháu. Cô buồn bã nghĩ thế là xong lễ Giáng Sinh, cái lễ Giáng Sinh ở nhà mà bác Lan và cô đã sửa soạn với bao nhiêu trăn trở giằng co.

Với bà, mọi chuyện sao quá dễ. Cô biết mẹ cô sẽ ngủ ngon. Bà có tài ngủ ngon khi nào cần, như trước những chuyến đi xa hay mỗi khi phải dưỡng sức để đối phó với những khó khăn sắp tới.

Thấy bác Lan chần chừ không muốn về, cô nghĩ bác cũng ngại ngùng trở lại căn nhà vắng vẻ của bác. Cô mời bác:

"Bác ngồi chơi với cháu lát nữa. Bác có phải làm hành lý đâu mà phải về sớm."

Bác sung sướng nhận lời. Cô châm lò sưởi, rót trà mời bác. Lát sau ngắm khúc củi thông cháy bừng bừng tỏa mùi thơm nhè nhẹ, bác bảo:

"Lửa đẹp quá. Lẽ ra cháu phải đốt lò sưởi khi mẹ còn thức cho bà ấy ngắm."

"Bác dậy đúng. Vậy mà cháu quên mất..."

Bác nhắc lại:

"Mai mẹ cháu đi rồi."

"Dạ."

Bác mơ màng nhìn ngọn lửa:

"Cuộc đời đổi thay nhiều quá... Hồi còn đi làm, bác và ba cháu cứ đinh ninh hưu trí sẽ về Vĩnh Bình an hưởng tuổi già giữa bè bạn và người thân. Vậy mà phải bỏ nước chạy đi. Rồi mấy năm gần đây,

đời sống an bình làm cho bác ảo tưởng là mọi chuyện cứ như thế mãi. Bây giờ, không phải chạy loạn như hồi 75, mà bác lại tay trắng lần nữa... Vậy mà đã có hồi bác nghĩ Hoa Thịnh Đốn đã thay thế được Vĩnh Bình..."

"Mẹ cháu đi chắc độ một tháng rồi về."

Cô biết cô nói cho có nói. Cô không muốn bà về sớm như vậy. Nhưng đến bao giờ cô mới muốn bà về, cô không tìm ra được câu trả lời. Không, cô chưa sẵn sàng để nghĩ đến ngày tái ngộ với mẹ. Cuộc sống với mẹ như thế này không thể tiếp tục được nữa, trừ khi có sự thay đổi. Ai thay đổi. Cô không còn thay đổi được nữa, mà bà cũng quá nhiều tự ái để thích nghi.

Bác nói:

"Có thể mẹ cháu sang Pháp ở luôn bên ấy."

"Như vậy sẽ cô độc lắm."

"Bác biết, nhưng bác sẽ tìm cách... Bác sẽ kiếm việc làm làm thêm ở hội người già... Ban quản trị đang cần người tình nguyện..."

"Cháu muốn nói mẹ cháu sẽ cô độc lắm. Hải bận rộn suốt ngày, nó làm hai việc, bác biết không. Còn Marie tương đối nhàn hơn, nhưng cháu nghĩ nó không hợp với mẹ cháu..."

Bác Lan lúng túng như thẹn thùng vì đã vô tình thú nhận sự bơ vơ của bác. Mà bác bơ vơ thật. Ở Hoa Thịnh Đốn này, bác không có ai là bạn thân ngoài ba mẹ cô. Ba cô đã mất, và mẹ cô sẽ đi xa không biết bao giờ mới về.

Bác nói chữa sang chuyện khác:

"Mẹ cháu là một người đàn bà thật tốt mà không có may mắn. Chuyện gì cũng để hết tâm mà làm, vậy mà chuyện gì cũng hỏng... Ngay cả liên hệ với cháu..."

"Cháu chịu thua rồi."

"Nếu mẹ cháu ở luôn bên ấy, cháu định ở đây một mình sao?"

"Cháu sẽ thu xếp dọn tới ở với chị Quỳ."

Bác nằn nì:

"Cháu, cháu có thể vì mẹ mà cố gắng một chút cho bà có thể vui vẻ mà trở về?"

"Bác không nghĩ là mọi chuyện quá trễ rồi không?"

Lát sau bác ngậm ngùi bảo cô:

"Cháu không thương mẹ cháu sao. Lúc nãy thấy bà loay hoay với bình tro, bác muốn ứa nước mắt. Bác vẫn nghĩ là mẹ cháu xứng đáng được hạnh phúc với ba cháu. Vậy mà, không bao giờ bà được ba cháu thương lại. Bác không muốn trách ai... Bác chỉ xót hai người bạn thân của bác... Nhất là mẹ cháu... Người con gái vui tươi yêu đời mà bác biết ngày xưa, suốt đời sống cho chồng con mà bị cả chồng lẫn con không oán hận thì lạnh lùng..."

Cô tính phân trần, nhưng bác đã dơ tay cản cô lại:

"Cháu để bác nói hết nhé... Bác biết mẹ thèm đi du lịch với ba cháu, mà vì cớ này hay cớ khác, ba cháu không bao giờ chiều bà chuyện này. Bị khước từ nhiều lần, tự ái, bà không dễ nghị nữa... Nhưng bà vẫn chưa quên... Bây giờ ba cháu mất rồi, bà mới được thi hành ước mơ của mình bằng cách đi du lịch với nắm tro của chồng..."

Cô chóng mặt với những tình ý trái ngược. Cô bỗng thấy cái thê thảm của tình yêu chiếm hữu, của người đàn bà nghĩ mình yêu mà không được yêu lại, một mình trên chuyến bay liên lục địa, lách cách bên mình nắm tro của người chồng vô tình... Và vẫn lúng túng với chiếc túi đựng bình tro ấy, bà lủi thủi trên những ngã đường thiết lộ bên Pháp, tay xách nách mang chuyển hành lý lên xuống toa mỗi khi đổi tầu... Như vậy để làm gì...

"Cháu ạ, bác biết tính mẹ cháu..."

Bác tâm sự với cô, mắt lim dim nhìn lò sưởi. Bác chia sẻ với cô những lo âu của bác. Bác nghĩ thế nào bà cũng tìm thăm lại những thắng cảnh ông đã nói tới thuở sinh thời. Cô ngồi bó gối nghe bác kể, tưởng tượng mẹ cô sẽ đi xe hỏa như ba cô ngày xưa, và bà sẽ đặt túi tro lên mặt bàn gần cửa sổ toa tầu để cùng ông ngắm những nội cỏ bát ngát, những cánh rừng hoa quỳ màu vàng chói chang cho đến tận chân trời, những ngọn núi hoa cương quanh năm phủ băng mà ông hay đi trượt tuyết thời sinh viên du học... Mặc cho đoàn tầu tốc hành ầm ầm lao trên đường rầy, bà vẫn nghe thấy tiếng leng keng phát từ lục lạc đeo trên cổ mấy con bò núi, bà vẫn ngửi thấy mùi cỏ lavande trên đồi xa tít, chỉ vì ông đã tả những âm thanh những mùi hương ấy trong những bài thơ của ông, những bài thơ không có bà ở trong mà vì tự ái bà làm bộ không để ý tới nhưng vẫn đọc giấu mọi người...

Và tối tối nằm trong phòng khách sạn xa lạ giữa đồng đất xứ người, bà sẽ mơi trong ký ức những mẩu chuyện thuở chồng còn sống, rán nhớ lại những địa danh chồng đã nhắc đến để hôm sau đi thăm viếng với nắm tro của chồng... Bà sẽ thấm thía hai câu thơ cổ trên bình. Ngửng đầu thấy trăng sáng, cúi đầu nhớ cố hương. Cố hương của người đàn bà bất hạnh là Vĩnh Bình, nơi nẩy sinh mối tình độc nhất trên đời của bà khi bà còn trẻ lắm và khi mối tình ấy chưa bị soi mòn bởi cuộc sống vợ chồng không tâm đầu ý hiệp...

*

Bác nhắc đến thơ Lý Bạch làm cô giật mình. Chữ 'nguyệt' trên mặt bình tro hiện ra rõ rệt trong đầu cô. Đột nhiên, những thắc mắc loay hoay trong vô thức từ nãy đến giờ đã tự tìm ra lời giải. Cũng chữ 'nguyệt' này hôm trước nước men bị mờ nay bỗng thành ra rõ nét, không phải tại cô hoa mắt hay nhớ lầm... Bình tro nằm trong túi xách kia nhất định không phải bình tro của ba cô... Phải có hai cái bình khác nhau, và chị Quỳ đã tráo bình tro của ba cô khi nhà đòu trao cho chị mang về nhà.

Trong một giây cô nhớ lại tất cả. Cô nhớ lại một chi tiết nhỏ trong bản di chúc. Ba cô chỉ định một địa điểm chính xác để trải tro của ông xuống sông Hậu. Địa điểm đó là chiếc cầu ông xây lại với bạn học cũ - đại tá công binh Durant - để thay thế cho cây cầu Levecque ông đã đánh xập hồi kháng chiến. Gần cái cầu ấy là tòa khách sạn mà ông và phái đoàn đã ngủ lại trong thời gian công tác...

Cô nhớ câu chuyện tâm sự chị kể về một ngày sinh nhật của ông bị người thân quên mất... chuyện chiếc bánh sinh nhật chị tự tay nướng cho ông... Chuyện buổi tiệc trà giữa ông và chị trong căn phòng khách sạn lục tỉnh một đêm mưa gió...

Cô lại nhớ lại cái cảnh lãng mạn chị kể lại cho cô về đêm sinh nhật ấy... Một khoảng thời gian rất quý... Một khoảng không gian huyền diệu lung linh ánh nến, cắt ra từ căn phòng khách sạn sô bồ, che chở cho mối liên hệ trong sáng giữa người đàn ông trung niên tài hoa lịch lãm và cô gái trẻ có trái tim nhậy cảm giạt dào yêu thương. Mặc cho giông bão gào thét ngoài, mối liên hệ đó vẫn thanh thoát xinh đẹp...

"Em ạ, chắc ba em phải đau lắm... Cứ trông cái sẹo như vậy thì vết thương có thể mạng vong..." lời chị nói đã lâu bỗng văng vẳng

bên tai cô. Lời nói hôm ấy, cô nghe mà không ghi nhận, cho đến tối nay. Cái sẹo tàn bạo ấy, cho đến khi làm hô hấp nhân tạo cho ông cô mới trông thấy. Hơn nữa cái sẹo chạy từ xương sườn cụt bên trái xuống tới bụng dưới, cái sẹo ấy chị thấy nó khi nào?

Cô nhắm mắt lắc đầu mà không xua duổi nổi sự thật hiển nhiên... Không, cuộc tình không hẳn giang dở mà cũng không hẳn hoàn toàn trong sáng và lãng mạn như chị kể... Đêm sinh nhật ấy, đam mê bên trong chắc gì đã thua kém giông bão bên ngoài... Và đam mê ấy, cuộc tình ấy, đã để lại dấu vết trên chị cho đến mãn kiếp...

Nước mắt cô ứa ra làm nhạt nhòa hình ảnh những ngọn lửa đang nhẩy múa trong lò sưởi... Cô không biết cô đang thương hay đang giận. Rồi cô xót xa cho số phận oái oăm của tất cả mọi người xung quanh cô, cho những trăn trở dằn vặt họ đã trải qua, vì trong cuộc sống của họ, cái hoan lạc bao giờ cũng lẫn với cái đớn đau, cái tốt với cái xấu, cái vui mừng với cái ân hận, và mọi chuyện không bao giờ toàn vẹn xinh xắn hay trong sáng như lòng họ mơ ước... Cô thấy thương tất cả mọi người, từ ba cô, bác Lan, cho đến chị Quỳ, đến mẹ cô...

Nhất là mẹ cô... Bà sắp mang bình tro giả lang thang đi khắp ngả đường, với ảo tưởng đang chia sẻ với ba cô những chuyến du lịch thơ mộng mà thuở ông còn sống bà đã ước mơ mà không được toại nguyện... Lang thang như vậy, vất vả như vậy, mà không hề biết là bình tro giả...

*

Cô không muốn mềm lòng. Cô không muốn để ấm lại cái lạnh giá cô đã gầy dựng bấy lâu với mẹ. Cô rán nghĩ cái đau khổ là tự bà tạo ra cho bản thân cũng như cho người khác. Cô muốn gọi về lại trong tim cái oán giận cũ cô đã tạo dựng được bấy lâu nay, cái lạnh giá cô vẫn dùng như tấm mộc để che chở bản thân khỏi những thương tổn do mẹ gây ra. Cô tự thuyết phục là những rắc rối này sẽ qua đi và cô sẽ thoải mái khi bà không còn ở đây nữa. Khi ấy, cô sẽ dọn tới ở với chị Quỳ, và mọi việc nhẹ nhàng và hạnh phúc biết bao.

Nhưng cô biết cô tự dối mình. Không ai xây dựng an vui trên lạnh giá. Cô nhìn lại phòng khách. Ngày mai, ở đây chỉ còn trống vắng. Như thường lệ, cô nghĩ tới chị Quỳ dịu dàng với tất cả những đức tính của chị...

Cô bỗng sợ hãi. Cô không còn tìm được nơi chị cái hình ảnh thân thương êm ả cho tâm hồn... Chị Quỳ không còn là chị Quỳ của hôm qua. Không, cô không trách chị dã là tình nhân của ba cô... Cô không trách chị đã lấy trộm bình tro... Cô cũng không trách chị là không toàn hảo... Cô còn mừng cho chị dã được sống với mối tình lớn của chị, dù mối tình ấy đầy nghịch cảnh éo le... Nhưng mà chị dã thay đổi, và chị không còn là chị Quỳ cô vẫn dựa vào như một người bạn, như một người chị, nhưng một cột trụ cho đời sống.

Rồi cô phát hiện ra cái lạnh giá bấy lâu cô tạo ra với mẹ là cái lạnh giá giả tạo. Nó chẳng qua là cái oán giận trá hình. Thật ra oán giận với yêu thương là hai trạng thái đối lập mà không xa cách nhau, là hai mặt của cùng một chuyện, của tình mẹ con giữa cô với bà... Trong oán giận còn hy vọng yêu thương, một khi những khác biệt được lý giải hay chấp nhận.

Nhưng cái trống vắng ngày mai mới đáng sợ vì nó vô phương cứu chữa... Nó sẽ tạo ra cái lạnh giá tuyệt đối, cái lạnh giá làm đông đặc sự sống trong mọi chuyện, trong mọi người, trong chính cô. Không, không thể như thế được. Sống như vậy thì kể như chết rồi. Cô nói:

"Bác, cháu muốn lắm... Cháu muốn cho mẹ cháu vui lắm... Nhưng bác phải giúp cháu... Bác hiểu mẹ cháu, bác thấy được tất cả những tính tốt nơi mẹ cháu... Bác phải thay cháu mà lo cho mẹ cháu thôi..."

Cô chợt ghi nhận cái vô lý của mệnh đề vừa nói. Nhưng bác nắm lấy cơ hội:

"Bác muốn lắm cháu ạ. Và bác nghĩ bác có thể đem lại an vui cho mẹ cháu, nếu bác tự do hành động, nếu cái xã hội đồng hương quanh bác cháu mình không độc ác, không nanh nọc như hiện tại..."

Bác lại kể những chuyện lời ong tiếng ve của xã hội di tản xung quanh về chuyện bác đảm đương mọi việc trong tang lễ của ba cô, về những săn sóc bác dành cho bà. Cô bực mình với bác. Những chuyện ấy nào có đáng gì. Đáng trách họa chăng là bác vẫn còn bận tâm với những dấn đo lắt nhất không đáng bận tâm. Tiếng bác đều đều bên tai cô:

"Nhưng dù sao bác cũng rất lo lắng về chuyến đi này của mẹ cháu."

Cô nghĩ cái lo lắng trong câu nệ trong xét nét thì kể gì. Cái lo lắng thụ động thì ăn nhằm gì... Sự lo lắng của bác nhạt nhẽo như chuyện đãi bôi.

Nhưng cô lầm, bác đã nói tiếp:

"Tuần sau, bác cũng có việc phải đi Pháp để thu xếp."

Giọng bác dứt khoát.

Cô ngẩng lên nhìn bác. Bây giờ bác mới nói đúng chuyện cô muốn nghe. Chuyến đi bác vừa bất ngờ cho hay không đáng bất ngờ cũng không đáng ngạc nhiên. Nó ăn khớp với những ý nghĩ trong đầu cô. Bác phải sang Pháp để lo cho bà.

"Bác sẽ ghé lại Hải xem sự thể ra sao," bác lại nói. "Không nên để cho mẹ cháu một mình, nếu bà thất vọng với con dâu. Như vậy khác nào đẩy bà vào đường cùng. Bác có cảm tưởng Marie không có nhiều cảm tình với mẹ chồng... Mẹ cháu mà thất vọng với vợ chồng Hải thì tội nghiệp cho bà lắm. Bà xứng đáng được cuộc sống đãi ngộ nhiều hơn."

Bây giờ thì bác hoàn toàn cùng tần số với cô. Đúng, những chuyện dị nghị những chuyện thị phi thì ăn nhằm gì, so với cái ân cần của người cho người, của bạn cho bạn, những người bạn thân đã thân nhau cả nửa thế kỷ. Cô lại nghĩ trong chuyến đi này, mẹ cô cần bác, từ những tiện nghi nhỏ như gọi chiêu đãi viên hàng không kiếm cho bà ly nước ngọt hay cái mền cái gối trên chuyến bay dài, cho đến những buồn tủi có thể xảy ra nếu bà bị vợ Hải hất hủi, cho đến những gian truân có thể xảy ra cho bà trên những ngả đường đi tìm ảo ảnh của những mẩu hạnh phúc đã lỡ mất thuở trẻ trung.

Nhưng mà bác vẫn chưa hoàn toàn hết e dè với miệng tiếng. Tuần sau bác mới dám sang bên ấy. Cô lại thấy bực dọc với cái áp lực của xã hội xung quanh. Nó ép bác phải cung cách phải ý tứ, mặc dù cung cách lẫn ý tứ có là cái gì trước cái thân ái giữa bác Lan và mẹ cô ở tuổi này, cái thân ái không còn nét dung tục nam nữ, mà là một cái gì quý lắm lớn lắm của đời sống. Cô bỗng thấy mất kiên nhẫn với cái thiếu can đảm của bác...

Rồi cô nghĩ đến Lương, để thấy cô cũng không can đảm gì hơn bác Lan. Trước sau, cô chỉ yêu một mình anh với tất cả cái xấu cái tốt của anh, vậy mà cho đến bây giờ cô vẫn để những cái như là cung cách hay ý tứ, hay thậm chí những cái còn trừu tượng hơn, như kiêu

hãnh hay nhường nhịn hay vị tha, để không dành lấy một cuốc sống bên anh. Cô cũng không hơn gì bác. Nếu có việc gì phải đi Cali, dù không quan trọng, dù nhỏ nhoi hay mất thì giờ, cô sẽ nhận đi liền, và nhân dịp cô sẽ tìm tới thăm Lương, và sẽ sung sướng gặp lại anh.

Tại sao cô lại phải thụ động như vậy, phải chờ dợi những cái cớ nhỏ nhoi mới luôn tiện dám sống? Hạnh phúc lại chỉ là chuyện nhân tiện thôi ư? Tại sao cô không thể tự động đi gặp Lương. Ừ, tại sao nhỉ. Chuyện con cái Lương, chuyện vợ cũ Lương, cùng lắm chỉ là những mối nhức đầu. Người ta không hy sinh hạnh phúc một đời chỉ để tránh một cơn nhức đầu.

Cô hỏi bác:

"Sao bác không đi cùng chuyến ngày mai với mẹ cháu?"

"Cháu không thấy bất tiện?"

"Bất tiện với ai? Bất tiện chuyện gì?"

"Chuyện chung chung, cháu biết bác muốn nói gì rồi."

Cô nhìn thẳng bác:

"Tuổi bác với mẹ cháu, dù có muốn cũng không thể có chuyện thô bạo hay xấu xí. Tình bác với ba mẹ cháu trong quá khứ, với mẹ cháu hôm nay, hay ngày mai, ở riêng hay ở chung, hay đi du lịch với nhau, cũng vẫn thế thôi..."

Ân cần, cô nói tiếp:

"Hơn nữa, nếu bác đi thì cháu yên tâm hơn. Cháu biết mẹ cháu thế nào cũng thất vọng với vợ chồng Hải."

Nét mặt sung sướng, bác bảo cô:

"Vậy thì bác đi."

Rồi bác đứng dậy cáo từ để về nhà sửa soạn hành lý.

Cô tiễn bác ra cửa. Nhìn dàn đèn đỏ đuôi xe bác biến trong đêm, cô mỉm cười. Cô đã thuyết phục bác. Hơn nữa cô đã thuyết phục cô.

Cô sẽ làm lành với mẹ trước khi bà lên đường. Và ngày mai tiễn mẹ đi rồi, cô sẽ thu xếp sang Cali với Lương.

(còn tiếp)

tòa soạn và bạn đọc

Bài vở nhận được trong tháng 12-1993: *Lơ lửng, Chính trị, Kiếp sau, Tiễn em, Một người bạn tuyệt vời...* gửi từ Richmond CA; *Nhân đọc ẩn dòng* gửi từ Houston TX; *Tuổi 15, Sợi nắng buộc ngày xưa* gửi từ San Jose CA; *Tháng Giêng, Vô tình, Quê tôi* gửi từ San Jose; *Người về, Phố xưa* nhạc gửi từ Worcester MA; *Đừng ngạc nhiên mà hỏi vì sao, Hoa tháng 12* gửi từ Garden Grove CA; *Bên nam, Bộ đầu* gửi từ San Francisco; *Bước ra* gửi từ Australia, *Muông thú, Thở lạ, Tình nghi, Bình minh* gửi từ Westminster CA, *Xuôi ngược miền quê* gửi từ Bolingbrook IL; *Ngày con đi học xa* gửi từ Somerset NJ; *Chiều cuối ở Sài Gòn, Chiều mưa ở quận Cam* gửi từ Midway City.

Xin cảm tạ sự cộng tác quý giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quý bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

Không Khí Thời Chưa Chiến của nhà văn *Đỗ Kh.* Sách do nhà xuất bản Hồng Lĩnh ấn hành. Sách dầy 162 trang, tựa do chính tác giả viết lấy, bạt của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và bìa là nét vẽ của Khánh Trường. Sách đề giá 10$.

Dây là tập truyện ngắn gồm những truyện ngắn đã đăng rải rác trong Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21... Sách in tuyệt đẹp, thật hiếm lỗi chính tả. Đối với những người lưu tâm đến văn học, Đỗ Kh. quả là một hiện tượng. Tác phẩm đầu tay của ông là tập truyện *Cây Gậy Làm Mưa* do nhà xuất bản Tân Thư thực hiện vào năm 1988. Ngay lập tức khi mới xuất hiện, ông đã gây được sự chú ý đặc biệt. Ông làm thơ, viết văn bằng một hơi thơ, một văn phong riêng biệt. Ông làm thơ, viết văn tưởng như đùa, nhưng đọc xong mới thấy ông không hề đùa. Ông không kiêng kỵ một điều gì, một chữ nào, kể cả những chữ mà những nhà văn khác khi phải dụng tới thì chỉ viết tắt, nhưng ai thì cũng đọc bằng chính cái chữ đó. Nguyễn Xuân Hoàng viết lời bạt cho ông như sau: *Mới mẻ trong chữ nghĩa, tân kỳ trong suy nghĩ, giầu có trong "đi và sống", dễ dàng như chơi trong những tình huống khó diễn tả nhất, Đỗ Kh. với tập truyện 'Không Khí Thời Chưa Chiến' là một vụ bom nổ trong văn chương của chúng ta.*

Đường Phía Bắc của nhà văn *Lê Đại Lãng* nhà xuất bản Đồng Dao Úc châu ấn hành. Sách dầy 240 trang, bìa là một tranh sơn dầu của họa sĩ Vũ Quốc. Bìa sách hơi tối, có lẽ tác giả muốn như vậy cho phù hợp với cuộc đời của các thuyền nhân ra đi từ mạn Bắc con sông Bến Hải. Sách trình bầy trang nhã, dễ đọc, không đề giá bán.

Trước khi đọc Lê Đại Lãng tưởng chúng ta cũng nên biết qua: Ông là một trong thật ít các nhà văn đã tình nguyện đến làm việc cho các trại tị nạn. Việc đó nghe thì thoáng qua, nhưng thực hiện cũng không phải là một điều dễ dàng gì. Đang sinh sống yên lành ở Melbourne, đột nhiên tấm lòng nhà văn nổi dậy, ông tình nguyện đến làm việc ở nơi các đồng bào tị nạn đang cần đến ông. Chính nơi đây đã làm động lực cho ông viết một quyển hồi ký, và bây giờ là một truyện dài. Ông có một văn phong giản dị, trong sáng. Ông không dùng chữ bí hiểm cầu kỳ. Nhưng không vì thế mà truyện của ông không lôi cuốn. Đây là một quyển sách hay.

Lê Đại Lãng là một nhà văn khiêm tốn, ông tự giới thiệu *Đường Phía Bắc* bằng những dòng chữ sau đây: *Tôi đã nghe, thấy và sống với nhiều người xa tổ quốc. Nhưng lạ nhất vẫn là cuộc đời của những người đi theo hướng Bắc để ra chốn ngoài. Con đường ngược Bắc của những cá nhân ấy lại được kể thầm thì như tội đồ xưng tội, tội tổ tông, tội bỏ nước, tội đi tìm chỗ sống, chỉ dành riêng cho kẻ muốn nghe, không có tiếng mõ nhịp, chỉ có những bàn chân xếp thành dấu chấm... Tôi viết lại những mẩu chuyện nho nhỏ mà các bạn đã kể cho tôi nghe như một người nghèo thiếu áo, chắp lại những mẩu áo đủ mầu, đủ cỡ, lành có, rách có, đậm có, nhạt có để ráp thành một cái áo vụng về xấu xí mặc cho qua rét mướt mùa đông...* Những dòng chữ in nghiêng này tự nó đã đủ giới thiệu về Lê Đại Lãng và quyển truyện của ông.

Nhật Ký 1988 của *Nguyễn Ngọc Lạn*. Sách do nhà xuất bản Tin ở Paris ấn hành, dầy 280 trang, in trên giấy trắng, trình bầy trang nhã, đề giá 100FF hay 15$US. Đối với những ai để ý đến tình trạng chính trị ở Việt Nam thì chắc chắn đã một lần nghe tới danh tự Nguyễn Ngọc Lan. Ông xuất thân là một linh mục, là một trong vài nhân vật chính của nhóm Đối Diện. Trước 75, ông là một người có thái độ chống chính quyền miền Nam. Sự chống đối này làm nhiều người ngộ nhận ông thiên tả. Sau 75, ông ở lại trong nước, mười

tám năm sống dưới chế độ Cộng sản đã làm cho ông trở thành một người mình gầy vóc hạc, như hình ông in nơi trang bìa cuối. Trước 75 ông viết khá nhiều tác phẩm mà trong đó quyển sách tạo ra nhiều dư luận là quyển *Đường Hay Pháo Đài*. Sau mười lăm năm im hơi lặng tiếng ông viết một loạt ba quyển *Nhật Ký 1989-1990, 1990-1991*, và bây giờ là *1988*. Cứ theo thứ tự thời gian thì quyển sách chúng tôi đang có trong tay là quyển mở màn cho những trang nhật ký đời của ông. Cả ba quyển *Nhật Ký* này được viết trong tôn chỉ: *Sống thẳng Nói thật*. Chỉ nội bốn chữ này, trong xã hội ở Việt Nam cũng đã đủ viết lên hàng vạn quyển sách của hàng triệu con người. Để độc giả tiện liên lạc mua, trong trường hợp ở những nơi không có tiệm sách, đây là địa chỉ nhà xuất bản Tin: 54 Avenue Léon Blum - 92160 Antony-France.

Khu Vườn Mùa Mưa truyện dài của nhà văn *Thế Uyên*. Sách do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành, dầy 375 trang, in trên giấy trắng, trình bầy trang nhã với tranh bìa của Nguyên Khai, giá bán 15$US.

Đây là quyển truyện mới nhất của nhà văn Thế Uyên. Truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày tiền "đảo chính" 63. Ông đề tặng quyển truyện này cho một người nữ như sau: *Tặng người nữ mà tôi đã mượn đường nét và cá tính để tạo ra nhân vật nữ chính trong truyện*. Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước, trước hay sau 75. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn tiên phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục, một lãnh vực dại kỵ trong sinh hoạt văn học của chúng ta (Chỉ tối kỵ khi còn ở Việt Nam mà thôi, bây giờ thì khác, những sách Porno nguỵ trang dưới dạng truyện với dầy đủ phụ bản hiện đang là loại sách dẫn đầu về tiêu thụ). Tác phẩm mới nhất của Thế Uyên được chia làm 11 chương không đều nhau, tuy đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chánh nhưng không phải vì thế mà tình dục không có chỗ chen chân vào. Mười một chương sách, chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó. Tất nhiên với lời đề tặng nêu trên đây phải là một quyển truyện mà Thế Uyên để nhiều tâm huyết.

Người Hoa Tại Việt Nam sách biên khảo của *Nguyễn Đình Huy*

tác giả tự xuất bản tại Paris, địa chỉ tác giả là số 9 Allée Bougainville #165, 93270 Servan, France. Ở Mỹ có thể mua ở các nhà sách hoặc gửi về ông Bang Nguyen, PO Box 3492, Costa Mesa, CA 92628-3492. USA. Sách để giá 12$US.

Sách dầy hơn bốn trăm trang, là một công trình biên khảo có lẽ là đầy đủ và kỹ lưỡng nhất về cộng đồng người Hoa từ trước tới nay. Nói tới người Hoa là nói tới bang phái, nói tới kinh tế, lúa, gạo, đường, sắt, cá, tôm... Nói tới người Hoa là phải nói tới hệ thống chuyên chở đường bộ, đường thủy, các vựa thực phẩm, thậm chí tới những vựa than, củi, tới dầu đốt, xăng chạy xe... Nói tới người Hoa là phải nói tới những triệu phú, và bây giờ là tỷ phú, phải nói tới những người từ tay trắng làm nên cơ đồ. Cơ đồ lớn chứ không phải là cơ đồ nhỏ. Thế mà Nguyễn Đình Huy ngoài những điều không thể thiếu vừa nêu trên, ông còn cho chúng ta thấy cả những đóng góp văn học của những người Hoa sinh trưởng trên đất nước chúng ta như Hồ Dzếnh, La Hối, cũng như những Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích mở rộng đất đai cho đất nước của chúng ta, chứ không phải cho đất nước Trung Hoa. Đây là một quyển sách mà những ai định làm kinh tế ở Việt Nam nên đọc. Bởi vì với con số hơn triệu người Hoa ở đất nước chúng ta, họ có thể giúp chúng ta xây dựng đất nước, họ cũng có thể làm cản trở cho cuộc xây dựng, tái thiết lại đất nước chúng ta trong thế kỷ tới. Thư mục nơi cuối sách cho ta thấy Nguyễn Đình Huy khi hoàn tất quyển sách này, đã làm việc trong một tinh thần nghiêm túc của nhà biên khảo.

Bí Mật Cuộc Đời Kỳ Nữ Giang Thanh biên dịch của *Ngộ Thiện*. Sách do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành, dầy 325 trang, in trên giấy trắng. Sách để giá bán 14$US.

Thắc mắc đầu tiên của quyển sách đối với những ai tò mò là không thấy đề tên tác giả, có lẽ đây là sơ sót của nhà xuất bản. Quyển sách có lẽ chưa hết, bởi vì đã tận dụng đến trang cuối cùng và dòng cuối cùng cũng ở vào vị trí cuối trang, và mạch truyện thì cũng chưa thể chấm dứt ở câu cuối cùng này. Lịch sử Trung Hoa, quốc gia đông người nhất hoàn vũ thời nào cũng có những chuyện thâm cung bí sử. Cho dù đó là thời phong kiến hàng ngàn năm trước, hay là thời Cộng sản Mao Trạch Đông, cũng như Đặng Tiểu Bình. Đây không phải là tác phẩm văn chương, nhưng sẽ rất hợp với những

độc giả nào thích để ý tới chính trị, tới người Cộng sản Á châu, thích chuyện thâm cung bí sử. Hy vọng phần hai sẽ được biên, dịch giả Ngộ Thiện và nhà xuất bản Xuân Thu cho ra mắt một ngày gần đây, và nếu có thể xin bổ túc đôi điều về tác giả.

Chân Trời Lam Ngọc ký sự của nhà văn *Hồ Trường An*. Sách do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành dầy 220 trang, in trên giấy trắng, tranh bìa của Đinh Cường. Sách in đẹp, chỉ tiếc là phần cắt xén để lại nhiều vết răng cưa, nếu không sách sẽ là tuyệt đẹp. Sách đề giá 11$US tại Hoa Kỳ và 13$US nếu mua ở ngoài Hoa Kỳ.

Đối với văn học Việt Nam ở hải ngoại Hồ Trường An là một người viết khỏe. Trước 75 ông viết cho khá nhiều báo ở trong nước, sau khi ra khỏi nước số báo mà ông cộng tác còn nhiều hơn nữa. Ông cho in tác phẩm đầu tiên: *Lớp Sóng Phế Hưng* vào năm 85, cho tới nay cuối 93 ông đã cho ra đời 18 tác phẩm. Chín năm trời 18 quyển sách thì phải kể Hồ Trường An là một người viết khỏe nhất. Tác phẩm của ông gồm bốn thể loại: Truyện dài, truyện ngắn, ký sự và tùy bút.

Chân Trời Lam Ngọc viết về 12 nhà văn, nhà thơ hiện đang sinh sống ở hải ngoại, mà trong đó nhân vật đầu tiên là nhà văn Bình Nguyên Lộc đã mất cách đây vài năm. Những nhân vật còn lại theo thứ tự gồm: Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Vi Khuê, Võ Đình, Kiệt Tấn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hàn Song Tường, Võ Kỳ Điền, Hoàng Dụ Thụy, Trần Long Hồ, Trần Thị Diệu Tâm. Phụ họa cho cách mô tả, chụp bắt các nhà văn, nhà thơ trên qua ngòi bút của Hồ Trường An là mười một tấm ảnh những nhân vật hiện còn đang viết, riêng Bình Nguyên Lộc người đọc sẽ được thấy chân dung ông qua cái nhìn của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp. Trong lời nhà xuất bản chúng ta đọc được: *...Nhà văn Hồ Trường An ghi lại từ mười hai tác giả mà anh gắn bó qua sự gặp gỡ và giao tiếp trong quãng đời nhiều hệ lụy vừa qua. Có người anh quen biết từ mấy mươi năm, có người mới quen khi ra hải ngoại.* Những dòng chữ này cho biết Hồ Trường An trong quyển *Chân Trời Lam Ngọc* này chỉ viết về các nhà văn, nhà thơ ông quen thân, giao thiệp gắn bó. Trước dây Hồ Trường An đã cho ra đời quyển *Giai Thoại Hồng*, viết về các nhà văn, nhà thơ nữ đang sinh sống ở hải ngoại. Cũng trong lời nhà xuất bản Hồ Trường An sẽ cho ra đời *Chân Trời Lam Ngọc* quyển hai. Mong rằng nhà văn

của chúng ta quen thật nhiều để độc giả có thể bắt gặp được nhiều khuôn mặt văn học khác.

Cửa Địa Ngục của nhà văn *Trần Long Hồ* Sách do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành, dầy 560 trang, in trên giấy trắng với bìa của Đinh Cường. Sách trình bầy đẹp. Sách dề giá 22$US tại Hoa Kỳ và 25$US ngoài Hoa Kỳ.

Cửa Địa Ngục là quyển thứ hai, tiếp theo *Cõi Sa Mù* là quyển một trong trường thiên tiểu thuyết *Dung Thân* của Trần Long Hồ. Ông cho biết: *"...Bối cảnh của câu chuyện được xây dựng tại một huyện rất nhỏ, nghèo nàn và dìu hiu ở miền Nam là quận Gò Quao, thuộc tỉnh Rạch Giá. Thời gian của câu chuyện là từ năm 1978 đến năm 1980... Trong giới hạn đó* Cửa Địa Ngục *chỉ muốn vang lên lời than oán của người dân khốn khổ, nói chung, hay những nạn nhân bị lưu đầy, nói riêng, trên mảnh đất thân yêu của mình."*

Trần Long Hổ tên thật là Trần Trúc Quang, ông xuất thân là một y sĩ, đã viết từ năm 72, ngưng viết từ 75 và viết lại từ 89. Ông là Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ nhiệm kỳ 91-92. Kể từ khi viết lại ông đã cho ra đời ba tập truyện gồm theo thứ tự *Ngày Quanh Quẩn, Niềm Vui Ung Thư, Kẻ Đào Mồ*, và hai quyển truyện dài *Cõi Sa Mù* và *Cửa Địa Ngục*, hai quyển trong bộ trường thiên chưa chấm dứt vì còn quyển ba *Bóng Thiên Đường* sẽ ra mắt một ngày gần đây. Văn Học mượn lời nhà văn Trần Vũ viết về *Cõi Sa Mù* để giới thiệu tác phẩm dài hơi mới nhất của văn học hải ngoại: *"...Về trường thiên tiểu thuyết Cõi Sa Mù*, trước nhất anh đã thành công trong việc lôi cuốn độc giả đi suốt 23 chương sách. Tôi đã đọc một hơi bởi bị lôi cuốn không rời ra được...

* Văn Học trong nước hay hay dở thì chưa biết thế nào, nhưng về khoản cả tiếng dài hơi thì chắc chắn là những năm gần đây hải ngoại ăn bứt. Nói về trường thiên tiểu thuyết thì đã hoàn tất xong tới hai bộ là Nguyễn Mộng Giác với *Mùa Biển Động* và *Sông Côn Mùa Lũ*, kế đó những người viết trường thiên mới xong gần hết hay xong một phần thì nhiều lắm. Nguyễn Đức Lập với *Kiếm Đạo*, Nguyễn Xuân Hoàng với *Người Đi Trên Mây*, Nguyên Sa với *Giấc Mơ*, Trần Long Hổ với *Dung Thân*, Hoàng Khởi Phong với *Người Trăm Năm Cũ*... Trường thiên không phải chỉ dành riêng cho những cây bút phái nam, phái nữ cũng góp mặt và đặc biệt hơn nữa là chị

Trương Anh Thụy, ban đầu chỉ định viết một truyện ngắn, chung cuộc sẽ thành ra một trường thiên. Có lẽ còn nhiều nữa, mới tạm liệt kê đã đủ thấy hình như ở hải ngoại này chúng ta có nhiều điều kiện để viết tới nơi tới chốn hơn. Tuy vậy điều quan trọng vẫn là phải viết cho hay.

Trạm Nghỉ Chân, tập 1 của bộ trường thiên *Chuyển Mùa* của Trương Anh Thụy, Cành Nam xuất bản, bìa và phụ bản Võ Đình.

Tác giả giới thiệu tác phẩm của mình như sau: Một khung cảnh rất tự nhiên, rất dễ dẫn đến sự trao đổi chân tình: một người là sinh viên du học từ trong nước ra, và một người Mỹ gốc Việt, gốc tỵ nạn. Vì không ai là đại diện chính thức của bên nào, nên vấn đề không thể đặt ra là biểu tình, xuống đường, hoan hô, đả đảo. Vấn đề trước tiên là hai con người, một nam một nữ, rồi lại của hai con người Việt Nam mà không nhất thiết lúc nào cũng phô ra ngoài màu cờ hay khẩu hiệu. Vấn đề được rút xuống đến hai mẫu số căn bản nhất: hai tâm hồn Việt Nam gặp nhau rồi tương tác lẫn nhau, trong một không khí và một khung cảnh hoàn toàn tự do.

Vì đây là tập đầu của một bộ trường thiên có tham vọng giải quyết những vấn đề lớn của thời đại (như vấn đề quốc cộng), nên mọi nhận xét phê bình đưa ra bây giờ hãy còn quá sớm. Tuy nhiên trong vài lần tiếp xúc riêng tư giữa chị Trương Anh Thụy và bạn hữu cầm bút Nam California, một số người lo ngại tác giả sẽ không được hoàn toàn tự do như hai nhân vật chính. Vì dù muốn dù không, bộ truyện "Chuyển Mùa" sẽ là một bộ tiểu thuyết luận đề chính trị. Tác giả sẽ phải lèo lái cho hai nhân vật chính đi qua một thời nhiễu nhương phức tạp là thời Việt Nam sắp trải qua. Có lẽ đây là một thử thách lớn mà nhà văn Trương Anh Thụy muốn xắn tay áo lên làm người mở đầu. Văn Học chúc chị thành công.

Sách dày 204 trang, hiện có bán tại các hiệu sách. Giá 10 Mỹ kim. Tổng phát hành: Cành Nam, 2607 Military Rd., Arlington VA 22207 USA. Phone (703) 525-4538.

Huế Buồn Chi, tập thơ của Hoàng Xuân Sơn. Bìa Võ Đình, Phụ bản Đinh Cường, Võ Đình, Nhạc Lê Văn Thành, Bạt và trình bày bìa Hồ Đình Nghiêm. Đây là tập thơ "viết về Huế, cho Huế và tất cả những gì dính dáng tới Huế". Bạn đọc, hoặc sinh trưởng ở Huế

hoặc đã từng học ở Huế, sẽ tìm thấy trong *Huế Buồn Chi* vô số kỷ niệm bồi hồi, thân yêu. Hãy nghe Hoàng Xuân Sơn tâm sự với Huế:

Huế buồn chi Huế không vui
Huế o ở lại Huế tui đoạn đành
O đau sương khói một mình
Tui đi ray rứt Nội thành tái tê
Huế buồn chi, tội rứa thê
Tình xưa nghĩa cũ ngó về tựa nương
Huế ơi mộng tới đường trường
Kim Luông Vỹ Dạ dòng Hương có còn.

Các bạn yêu thơ Hoàng Xuân Sơn và yêu Huế muốn có tập thơ xin liên lạc: Hoàng Xuân Sơn 38, 14è rue; Roxboro, PQ H8Y-1M6 Canada. Ấn phí 12 Mỹ kim.

Trôi Đi Cùng Tháng Chạp, tập thơ của Phạm Việt Cường, Trình Bày xuất bản, gồm 35 bài thơ đa số là thơ tự do. Có thể lấy bốn câu thơ Phạm Việt Cường tự họa chân dung để tóm tắt chất trí tuệ mờ ảo bàng bạc suốt 72 trang giấy:

Một chút cao nhã của thần linh
Một chút hoang đàng của nga quỷ
Trận chiến buồn giữa cuộc tử sinh
Vinh quang tôi đắm chìm mộng mị.

Trăng Ngàn Dặm Lữ, tập thơ của Phù Du, lời giới thiệu của Vĩnh Hảo. Tác giả hiện còn ở Việt Nam, nhưng đã có nhiều thơ đăng ở Văn Học, Văn Uyển, Làng Văn, Thế Kỷ 21, Phật Giáo Việt Nam, Chân Nguyên, Giao Điểm, Hoa Sen, Hải Triều Âm... do Vĩnh Hảo chép bản thảo gửi tới các tòa báo trên để phổ biến giùm tác phẩm của người bạn xa. Thơ Phù Du cổ điển ở thể điệu, nhưng mới mẻ độc đáo trong cách tạo thi ảnh, lập ý. Xin đọc bài *Hội Nhập*:

ngàn mây bỗng vỡ thành mưa
ngàn em bỗng vỡ thành thơ tạ tình
ngàn sương bỗng vỡ thành đêm
và ngàn tôi bỗng trở nên
một dòng
nửa dòng có, nửa dòng không
lấn xô hỗn độn vào trong vô cùng.

Tập thơ tặng không để giá bán, và người chịu trách nhiệm xuất bản thơ Phù Du cũng "thơ" đến nỗi quên ghi địa chỉ để bạn yêu thơ Phù Du liên lạc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận sôi nổi** trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn.

Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jacket và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, VA 22042
(703) 560-0388/ 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG, TAI NẠN XE CỘ
NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN: Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN

P.O. BOX 647, Oakton, VA 22124 - USA
Điện thoại: (703) 560-0390 FAX: (703) 204-9239

Nhà Xuất Bản **Minh Văn** trân trọng giới thiệu:

1. **NGÀY QUANH QUẨN** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập tám truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 207 trang.
2. **NIỀM VUI UNG THƯ** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 196 trang.
3. **CÕI SA MÙ** (truyện dài) $18.00
Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 452 trang. Bối cảnh của truyện được xây dựng tại Chương Thiện (Vị Thanh), một thị xã nghèo nàn và heo hút ở miền Nam, thời gian sau năm 1975. Tác phẩm nói lên tình huống hỗn mang trong xã hội và cảnh đời lầm than của người dân trong một giai đoạn đau thương của đất nước.
4. **KẺ ĐÀO MỒ** (tập truyện) $11.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 220 trang.
5. **CỬA ĐỊA NGỤC** (truyện dài) $22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 560 trang. Bối cảnh của truyện xây dựng tại Gò Quao, một huyện nhỏ, nghèo nàn và hiu hiu ở miền Nam, thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang). Tác phẩm nói lên lời than oán của người dân khốn khổ, nói chung, hay những nạn nhân bị lưu đày nói riêng, trên mảnh đất thân yêu của chính mình.
6. **CHÂN TRỜI LAM NGỌC** (ký sự) $11.00
Ký sự của **Hồ Trường An**, nói về mười hai tác giả, dày 220 trang.
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn.

TÌM ĐỌC:

Tập truyện

đôi bờ

Lê Thị Thấm Vân

... M. có hai điều kiện cốt yếu: thành thật và tâm hồn. (Khi mình thành thật, mình có lập dị nó vẫn duyên dáng. Khi mình có tâm hồn, mình có vụng về nó vẫn xúc động người khác). Ngoài ra M. có khả năng, cứ thế mà tiến...

Như Hạnh. Virginia, HoaKỳ.

... Lê Thị Thấm Vân là nhà văn mới và trẻ. Tập truyện phản ảnh đời sống người Việt trẻ tuổi tại Hoa Kỳ. Lời văn trong sáng, giản dị, giàu cảm xúc. Tác giả viết tự nhiên và chân thành, không theo thời thượng, nhưng có phong cách và nghệ thuật.

Cần đọc để tiếp cận với nghệ thuật và ngôn ngữ trẻ ở hải ngoại ...

Đặng Tiến. Báo Diễn Đàn, Pháp.

Sách có bày bán tại các nhà sách. Hoặc liên lạc:

Trần Mạnh
P. O. Box 360923
Milpitas, CA 95035

Giá 8 Mỹ kim, tính luôn cước phí.

SÁCH MỚI TÁI BẢN

• HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG

Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng**, từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang**, từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

ĐẠI NAM

551 W. Arden Avenue, Glendale, CA 91203, USA

Tel: (818) 244-0135, Fax: (818) 247-8459

CƠ SỞ XUẤT BẢN & PHÁT HÀNH ĐẦU TIÊN TẠI HẢI NGOẠI

Hân hạnh giới thiệu các loại tự điển đã xuất bản:

Đại Anh Việt Tân Tự Điển, Nguyễn Văn Khôn $32.00
Đại Tự Điển Anh Việt, Nguyễn văn Khôn $28.00
Đại Tự Điển Việt Anh, Nguyễn Văn Khôn $25.00
Đại Tự Điển Anh Việt/Việt Anh, Nguyễn Văn Khôn $28.00
Tự Điển Tiêu Chuẩn Thông Dụng Anh Việt, Nguyễn Văn Khôn $19.00
Đại Tự Điển Hán Việt, Nguyễn Văn Khôn, ... $28.00
Đại Tự Điển Hán Việt, Đào Duy Anh $28.00
Tự Điển Hán Việt, Thiều Trửu $25.00
Việt Hán Tự Điển Tối Tân, Huỳnh Minh Xuân $25.00
Tự Điển Việt Nam, Lê Văn Đức, bộ 2 cuốn Thượng và Hạ $66.00
Tự Điển Thành Ngữ Điển Tích Và Danh Nhân VN, Trịnh Văn Thanh . . $40.00
Hoa Việt Tân Tự Điển Thông Dụng, cỡ trung $24.00
Tự Điển Tiêu Chuẩn Anh Việt/Việt Anh, Lê Bá Kông $27.00
Tự Điển Anh Việt Pháp, Thanh Nghị $20.00
Việt Nam Tân Tự Điển, Thanh Nghị $38.00
Đại Tự Điển Pháp Việt, Đào Đăng Vỹ $28.00
Đại Tự Điển Việt Pháp, Đào Đăng Vỹ $28.00
Tự Điển Y Học Hay Y Khoa Gia Đình, BS Nguyễn Hoàng Mai $30.00
Đại Tự Điển Anh Việt/Việt Anh (chính trị, kinh tế) Quỳnh Lâm $28.00
Tự Điển Tam Ngữ (Việt - Anh - Pháp), Trịnh Chuyết $20.00
Tự Điển Toán Học Anh Việt $12.00
Tự Điển Hóa Học Và Công Nghệ Hóa Học Anh Việt $18.00
Anh Việt Tân Tự Điển, Nguyễn Văn Tạo, cỡ trung $24.00
Việt Anh Tân Tự Điển, Nguyễn Văn Tạo, cỡ trung $27.00
Tự Điển Khoa Học Anh Việt, Lê Văn Thương $34.00
Tự Điển Danh Nhân Thế Giới,Trịnh Chuyết $18.00
Bách Khoa Danh Ngôn Tự Điển, Hoàng Xuân Việt $18.00
Tự Điển Thành Ngữ Điển Tích, Diên Hương $18.00
Tự Điển Danh Nhân Việt Nam, Nguyễn Huyền Anh $20.00
Tự Điển Văn Phạm Anh Văn, Trần Văn Điền $28.00
Tự Điển Pháp Việt, Đào Văn Tạo $25.00
Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị, Lê Ngọc Trụ $22.00
Tự Điển Kỹ Thuật Vô Tuyến Điện Tử, Phạm Văn Bảy $10.00

Quí vị đại lý cần mua tự điển để bán lẻ, nên mua trực tiếp tại nhà xuất bản ĐẠI NAM để được hưởng hoa hồng cao. Chỉ có nhà xuất bản ĐẠI NAM là nơi độc quyền tái bản tất cả các loại tự điển của Nguyễn Văn Khôn và một số tác giả khác.

Giá 7MK